VẤN ĐỀ NÔNG DÂN VÀ VẤN ĐỀ TẬP THỂ HÓA NÔNG NGHIỆP Ở LIÊN-XÔ

J. STA-LIN

VẤN ĐỀ NÔNG DÂN VÀ VẤN ĐỀ TẬP THỂ HÓA NÔNG NGHIỆP Ở LIÊN-XÔ

NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT
HÀ-NỘI — 1958

VẤN ĐỀ NÔNG DÂN

Về đề mục này, tôi sẽ chú trọng bốn vấn đề:

a) Cách đặt vấn đề;

b) Nông dân trong cuộc cách mạng dân chủ tư sản;

c) Nông dân trong cách mạng vô sản;

d) Nông dân sau khi chính quyền xô-viết đã được củng cố.

1. *Cách đặt vấn đề.* — Có người nghĩ rằng vấn đề căn bản của chủ nghĩa Lê-nin là vấn đề nông dân; rằng xuất phát điểm của chủ nghĩa Lê-nin là vấn đề nông dân, vấn đề vai trò và tầm quan trọng của nông dân. Như thế là hoàn toàn sai. Vấn đề cơ bản của chủ nghĩa Lê-nin, xuất phát điểm của chủ nghĩa Lê-nin không phải là vấn đề nông dân, mà là vấn đề chuyên chính vô sản, vấn đề điều kiện giành lấy chuyên chính vô sản, điều kiện củng cố chuyên chính vô sản. Vấn đề nông dân, tức là vấn đề bạn đồng minh của giai cấp vô sản trong cuộc đấu tranh giành chính quyền, là một vấn đề do vấn đề chuyên chính vô sản mà ra.

Tuy nhiên, tình hình đó vẫn không làm cho vấn đề nông dân mất ý nghĩa trọng đại và bức thiết mà nó nhất định có đối với cách mạng vô sản. Người ta biết rằng những nhà mác-xít Nga đã bắt đầu thực sự nghiên

cứu vấn đề nông dân ngay từ lúc Cách mạng Nga lần thứ nhất (1905) sắp bùng nổ, khi mà vấn đề lật đổ chế độ Nga hoàng và sự thực hiện quyền lãnh đạo của giai cấp vô sản đã được đặt ra trước Đảng, với tất cả ý nghĩa trọng đại của nó, và khi mà vấn đề bạn đồng minh của giai cấp vô sản trong cách mạng tư sản sắp bùng nổ đã có một tính chất hết sức bức thiết. Người ta cũng biết rằng trong thời kỳ cách mạng vô sản, khi mà vấn đề chuyên chính vô sản, vấn đề giành lấy và duy trì chuyên chính vô sản đã dẫn đến vấn đề những bạn đồng minh của giai cấp vô sản trong cuộc cách mạng vô sản sắp bùng nổ, thì vấn đề nông dân ở Nga càng có tính chất còn bức thiết hơn nữa. Và điều đó thật là dễ hiểu: kẻ nào tiến tới và chuẩn bị cướp chính quyền, tất phải quan tâm đến vấn đề tìm xem những ai là đồng minh chân chính của mình.

Trong ý nghĩa ấy, vấn đề nông dân là một bộ phận của vấn đề chung về chuyên chính vô sản, và do đó, nó là một trong những vấn đề bức thiết nhất của chủ nghĩa Lê-nin.

Thái độ của các đảng trong Đệ nhị quốc tế tỏ ra lãnh đạm hoặc thậm chí rõ rệt phủ nhận vấn đề nông dân, không phải chỉ giản đơn do những điều kiện đặc biệt của sự phát triển ở phương Tây gây ra. Trước hết, đó là do các đảng ấy không tin tưởng ở chuyên chính vô sản, sợ cách mạng và không nghĩ đến việc đưa giai cấp vô sản lên nắm chính quyền. Hơn nữa, kẻ nào sợ cách mạng, kẻ nào không muốn đưa giai cấp vô sản lên nắm chính quyền, thì không thể thiết tha đến vấn đề bạn đồng minh của giai cấp vô sản trong cách mạng được, — đối với kẻ ấy, vấn đề bạn đồng minh là một vấn đề dửng dưng, không có tính chất bức thiết gì cả. Thái độ mỉa mai của bọn anh hùng Đệ nhị quốc tế đối với vấn đề nông dân, đã được các đảng ấy coi là biểu

hiện của một thái độ đúng đắn, biểu hiện của chủ nghĩa Mác «chân chính». Thật ra, ở đấy không có một chút gì là chủ nghĩa Mác cả, vì sự lãnh đạm đối với một vấn đề quan trọng như vấn đề nông dân, giữa lúc cách mạng vô sản sắp bùng nổ, là một mặt khác của sự phủ nhận chuyên chính vô sản, một biểu hiện chắc chắn của sự phản bội trực tiếp đối với chủ nghĩa Mác.

Vấn đề đặt ra như thế này: những khả năng cách mạng tiềm tàng trong nông dân do những điều kiện đặc biệt trong sinh hoạt của họ, *đã được dùng hết* hay chưa, và nếu những khả năng ấy chưa được dùng hết thì liệu có *hy vọng*, có *lý do* sử dụng những khả năng ấy *cho* cách mạng vô sản, để biến nông dân, biến đa số những người bị bóc lột trong nông dân, từ chỗ trước kia, trong các cuộc cách mạng tư sản ở phương Tây, vốn là lực lượng hậu bị của giai cấp tư sản, và ngày nay cũng vẫn còn là lực lượng hậu bị của giai cấp tư sản, — thành một lực lượng hậu bị, một bạn đồng minh của giai cấp vô sản, không?

Đối với vấn đề ấy, chủ nghĩa Lê-nin trả lời là có; nghĩa là nó thừa nhận rằng đa số nông dân có những khả năng cách mạng và thừa nhận rằng có thể sử dụng những khả năng ấy cho lợi ích của chuyên chính vô sản.

Lịch sử ba cuộc cách mạng Nga hoàn toàn xác nhận những kết luận của chủ nghĩa Lê-nin về điểm ấy.

Do đó, kết luận thực tế là cần phải ủng hộ quần chúng nông dân lao động trong cuộc đấu tranh của họ chống ách nô dịch và bóc lột, trong cuộc đấu tranh của họ để tự giải thoát khỏi áp bức và khốn cùng. Điều đó nhất định không có nghĩa là giai cấp vô sản phải ủng hộ *bất cứ* phong trào nào của nông dân. Nói ủng hộ ở đây là ủng hộ một phong trào và một cuộc đấu tranh nào của nông dân mà trực tiếp hoặc gián tiếp làm cho

phong trào giải phóng giai cấp vô sản được dễ dàng, làm lợi cho cách mạng vô sản bằng cách này hay bằng cách khác, và góp phần vào việc biến nông dân thành lực lượng hậu bị và bạn đồng minh của giai cấp công nhân.

2. *Nông dân trong cuộc cách mạng dân chủ tư sản.* Thời kỳ này gồm khoảng thời gian từ cách mạng Nga lần thứ nhất (1905) đến hết cách mạng Nga lần thứ hai (tháng Hai 1917). Đặc điểm của thời kỳ này là nông dân thoát khỏi ảnh hưởng của giai cấp tư sản tự do, *tách khỏi* bọn lập hiến - dân chủ mà hướng về giai cấp vô sản, về Đảng bôn-sê-vích. Lịch sử thời kỳ này là lịch sử đấu tranh giữa bọn lập hiến - dân chủ (phái tư sản tự do) với những người bôn-sê-vích (giai cấp vô sản) để tranh thủ nông dân. Thời kỳ viện Đu-ma quyết định vận mệnh của cuộc đấu tranh ấy, vì thời kỳ bốn khóa Đu-ma là một bài học thiết thực cho nông dân, và bài học ấy đã chỉ cho nông dân thấy rằng họ sẽ không đời nào nhận được ruộng đất và tự do từ tay bọn lập hiến -dân chủ cả; rằng Nga hoàng hoàn toàn đứng về phía đại địa chủ và bọn lập hiến - dân chủ thì ủng hộ Nga hoàng; rằng lực lượng độc nhất mà họ có thể trông cậy được là công nhân thành thị, là giai cấp vô sản. Chiến tranh đế quốc chủ nghĩa chỉ xác nhận thêm những bài học của thời kỳ viện Đu-ma; chiến tranh đế quốc chủ nghĩa đã làm cho nông dân tách hẳn khỏi giai cấp tư sản và cô lập hẳn phái tư sản tự do, vì những năm chiến tranh đã chứng tỏ rằng ai mà hy vọng Nga hoàng và bọn đồng minh tư sản của Nga hoàng sẽ đem lại hòa bình thì thật là hoài công, thật là ảo tưởng biết bao. Không có những bài học thực tế của thời kỳ viện Đu-ma, thì giai cấp vô sản không thể nắm quyền lãnh đạo được.

Liên minh công nông trong cách mạng dân chủ tư sản đã hình thành như thế. Bá quyền (quyền lãnh đạo) của giai cấp vô sản trong cuộc đấu tranh chung để lật đổ chế độ Nga hoàng, bá quyền đưa đến cách mạng tháng Hai 1917, đã được thiết lập như thế.

Ai nấy đều biết rằng các cuộc cách mạng tư sản ở phương Tây (Anh, Pháp, Đức, Áo) đã đi theo một con đường khác. Ở đấy, giai cấp vô sản còn yếu ớt, không đại diện và không thể đại diện cho một lực lượng chính trị độc lập, nên quyền lãnh đạo trong cách mạng không thuộc về giai cấp vô sản, mà lại thuộc về phái tư sản tự do. Ở đấy, nông dân đã được giải thoát khỏi chế độ phong kiến, nhưng không phải do giai cấp vô sản, — vì giai cấp này, lúc đó, còn ít và chưa có tổ chức, — mà lại do giai cấp tư sản. Ở đấy, nông dân đã đi với phái tư sản tự do để chống chế độ cũ. Ở đấy, nông dân là lực lượng hậu bị của giai cấp tư sản. Vì thế cho nên, ở đấy, kết quả là cách mạng đã tăng cường thêm khá nhiều cho thế lực chính trị của giai cấp tư sản.

Ở Nga, trái lại, cách mạng tư sản đã đem lại những kết quả trái ngược hẳn. Cách mạng Nga đã không tăng thêm sức mạnh cho giai cấp tư sản, mà còn làm cho nó suy yếu về phương diện là lực lượng chính trị; đã không tăng thêm lực lượng hậu bị chính trị cho giai cấp tư sản, mà còn làm cho nó mất lực lượng hậu bị cơ bản, làm cho nó mất nông dân. Cách mạng tư sản ở Nga đã đưa giai cấp vô sản cách mạng, chứ không phải phái tư sản tự do, lên hàng đầu và đã tập hợp xung quanh giai cấp vô sản, đông đảo quần chúng nông dân.

Ngoài những điều khác ra thì điều đó làm cho chúng ta hiểu tại sao cách mạng tư sản ở Nga, trong một thời gian tương đối ngắn, đã chuyển biến thành cách mạng

vô sản. Quyền lãnh đạo của giai cấp vô sản là mầm mống của chuyên chính vô sản, là bậc thang để bước lên chuyên chính vô sản.

Phải giải thích hiện tượng độc đáo ấy của cách mạng Nga, hiện tượng chưa từng có trong lịch sử các cuộc cách mạng tư sản phương Tây, như thế nào? Do đâu mà có tính chất độc đáo ấy?

Sở dĩ có hiện tượng độc đáo ấy là do cách mạng tư sản ở Nga đã diễn ra trong lúc những điều kiện đấu tranh giai cấp ở đấy đã phát triển hơn ở phương Tây; là do giai cấp vô sản Nga lúc đó đã có đủ thì giờ để trở thành một lực lượng chính trị độc lập, còn phái tư sản tự do, thì hoảng sợ trước tinh thần cách mạng của giai cấp vô sản, nên đã mất hết cả tính chất cách mạng (nhất là sau những bài học năm 1905), và đã quay sang liên minh với Nga hoàng và bọn đại địa chủ, chống lại cách mạng, chống lại công nông.

Cần chú ý đến những trường hợp sau đây, những trường hợp đã quyết định tính chất độc đáo của cách mạng tư sản Nga:

a) Sự tập trung phi thường của công nghiệp Nga, ngay trước ngày cách mạng bùng nổ. Ví dụ, như ai nấy đều biết, ở Nga, 54% tổng số công nhân làm việc trong các xí nghiệp dùng trên 500 công nhân, còn ở một nước phát triển như Mỹ, trong lúc ấy, thì chỉ có 33% tổng số công nhân làm việc trong những xí nghiệp tương tự. Chẳng cần phải chứng minh cũng thấy rằng, trong lúc đã có một đảng cách mạng như Đảng bôn-sê-vích, thì chỉ riêng trường hợp nói trên cũng đủ làm cho giai cấp công nhân ở Nga trở thành lực lượng to lớn nhất trong đời sống chính trị của đất nước.

b) Những hình thức bóc lột bỉ ổi trong các xí nghiệp, lại thêm chế độ cảnh sát tàn ác của bọn sát nhân của

Nga hoàng, — tình trạng đó đã làm cho mỗi cuộc bãi công lớn của công nhân biến thành một hành động chính trị có ý nghĩa trọng đại, và đã tôi luyện giai cấp công nhân, lực lượng cách mạng triệt để.

c) Sự nhu nhược chính trị của giai cấp tư sản Nga, sự nhu nhược mà sau Cách mạng 1905, đã trở thành sự nô lệ đối với chế độ Nga hoàng và thái độ phản cách mạng rõ rệt; thái độ này phát sinh chẳng những là do tinh thần cách mạng của giai cấp vô sản Nga đã đẩy giai cấp tư sản Nga vào tay chế độ Nga hoàng, mà cũng là do sự lệ thuộc trực tiếp của giai cấp tư sản ấy đối với Nhà nước, là khách đặt hàng của nó.

d) Những tàn dư bỉ ổi nhất và khó chịu nhất của chế độ phong kiến ở nông thôn, lại thêm quyền lực vô hạn của bọn đại địa chủ, — tình trạng đó đã đưa đến kết quả là đẩy nông dân vào tay cách mạng.

đ) Chế độ Nga hoàng tức là chế độ đã áp chế tất cả những cái gì sinh động và do sự chuyên chế của nó đã làm cho ách áp bức của tư bản và địa chủ nặng nề thêm, — tình trạng đó đã đưa đến kết quả là kết hợp cuộc đấu tranh của công nhân với cuộc đấu tranh của nông dân thành một ngọn trào cách mạng duy nhất.

e) Cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa, tức là cuộc chiến tranh đã chung đúc hết thảy những mâu thuẫn ấy trong đời sống chính trị Nga thành một cuộc khủng hoảng cách mạng sâu sắc, và đã đem lại cho cách mạng một sức tấn công phi thường.

Trong những điều kiện như thế, thì nông dân phải làm thế nào? Hướng về ai để có được sự ủng hộ cho mình chống lại quyền lực tối cao của bọn đại địa chủ, chống lại ách chuyên chế của Nga hoàng, chống lại cuộc chiến tranh tai hại đã làm cho mình phá sản? Hướng về phái tư sản tự do chăng? Nhưng phái này đã là kẻ thù

của họ rồi; kinh nghiệm lâu dài của bốn khóa Đu-ma đã xác nhận điều đó. Hướng về bọn xã hội chủ nghĩa-cách mạng chăng? Bọn xã hội chủ nghĩa-cách mạng chắc chắn là « khá hơn » bọn lập hiến-dân chủ, và cương lĩnh của chúng « nghe cũng xuôi », gần như một cương lĩnh nông dân vậy, nhưng thử hỏi bọn xã hội chủ nghĩa-cách mạng có thể đem lại được gì, nếu chúng chỉ dựa vào riêng có nông dân thôi, và nếu ở thành thị, là nơi mà kẻ thù có nhiều lực lượng hơn cả, thì chúng lại yếu thế? Đâu là lực lượng mới ấy, lực lượng sẽ không lùi bước trước bất cứ cái gì, dầu ở nông thôn hay ở thành thị, và sẽ dũng cảm đi đầu trong cuộc đấu tranh chống Nga hoàng và đại địa chủ; lực lượng sẽ giúp nông dân thoát vòng nô dịch mà có được ruộng đất, và thoát khỏi cảnh áp bức và chiến tranh? Ở nước Nga, đã từng có một lực lượng như thế không? Có. Ở Nga, đã có lực lượng như thế. Đó là giai cấp vô sản Nga, giai cấp đã từng tỏ rõ sức mạnh của nó, tỏ rõ khả năng đấu tranh đến cùng của nó, tỏ rõ lòng dũng cảm và tinh thần cách mạng của nó, ngay từ 1905.

Dù sao cũng không thể có lực lượng nào khác nữa, và cũng không thể tìm đâu ra một lực lượng nào khác.

Bởi vậy, nông dân, sau khi đã rời bỏ phía bọn lập hiến-dân chủ để sang phía bọn xã hội chủ nghĩa-cách mạng, thì lại thấy ngay là cần phải chịu sự lãnh đạo của nhà lãnh tụ anh dũng của cách mạng là giai cấp vô sản Nga.

Đấy là những nhân tố đã tạo nên tính chất độc đáo của cách mạng tư sản Nga.

3. *Nông dân trong cách mạng vô sản.* Thời kỳ này gồm khoảng thời gian từ Cách mạng tháng Hai (1917) đến Cách mạng tháng Mười (1917). Thời kỳ ấy tương đối ngắn, vẻn vẹn chỉ có tám tháng; nhưng, về phương

điện rèn luyện chính trị và giáo dục cách mạng cho quần chúng, thì tám tháng ấy quyết có thể coi bằng mấy chục năm phát triển dưới chế độ lập hiến bình thường; vì tám tháng đó là tám tháng *cách mạng*. Đặc điểm của thời kỳ ấy là nông dân thấm nhuần cách mạng sâu sắc hơn, họ thất vọng về bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng, họ *rời bỏ* bọn này, mà *chuyển sang trực tiếp đoàn kết* xung quanh giai cấp vô sản là lực lượng cách mạng triệt để độc nhất có đủ sức đưa nước nhà đến hòa bình. Lịch sử thời kỳ ấy là lịch sử đấu tranh giữa bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng (phái dân chủ tiểu tư sản) và những người bôn-sê-vích (phái dân chủ vô sản) để tranh thủ nông dân, để giành lấy đa số nông dân. Thời kỳ chính phủ liên hiệp, thời kỳ Kê-ren-ski, việc bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng và bọn men-sê-vích từ chối không chịu tịch thu ruộng đất của đại địa chủ, cuộc đấu tranh của bọn xã hội chủ nghĩa-cách mạng và men-sê-vích nhằm tiếp tục chiến tranh, cuộc tấn công tháng Sáu ở tiền tuyến, án tử hình đối với binh sĩ, cuộc nổi loạn của Co-rơ-ni-lốp, tất cả những cái đó đã quyết định vận mệnh của cuộc đấu tranh ấy.

Nếu trong thời kỳ trước, vấn đề cơ bản của cách mạng là lật đổ Nga hoàng và chính quyền đại địa chủ, thì hiện nay, trong thời kỳ sau cách mạng tháng Hai, lúc mà không còn Nga hoàng nữa, và lúc mà chiến tranh kéo dài làm tan rã hẳn nền kinh tế nước nhà, sau khi đã làm cho nông dân hoàn toàn phá sản, thì việc chấm dứt chiến tranh trở thành vấn đề cơ bản của cách mạng. Trọng tâm đã rõ rệt chuyển từ các vấn đề thuần túy nội bộ sang vấn đề cơ bản, vấn đề chiến tranh. «Chấm dứt chiến tranh», «thoát ra khỏi chiến tranh», đó là tiếng hô chung của nhân dân cả nước bị đọa đầy, và trước hết là của nông dân.

Nhưng, muốn thoát khỏi chiến tranh, thì cần phải lật đổ Chính phủ lâm thời, cần phải lật đổ chính quyền của giai cấp tư sản, cần phải lật đổ chính quyền của bọn xã hội chủ nghĩa-cách mạng và men-sê-vích, vì chỉ có chúng là muốn kéo dài chiến tranh cho đến «thắng lợi cuối cùng». Thực tế, muốn ra khỏi chiến tranh, thì chỉ có một cách duy nhất là: lật đổ giai cấp tư sản.

Đó là một cuộc cách mạng mới, một cuộc cách mạng vô sản, vì nó đuổi ra khỏi chính quyền bộ phận cuối cùng, bộ phận cực tả của giai cấp tư sản đế quốc chủ nghĩa, tức là những đảng xã hội chủ nghĩa-cách mạng và men-sê-vích, để thành lập một chính quyền mới, vô sản, chính quyền xô-viết, để đưa đảng của giai cấp vô sản cách mạng, Đảng bôn-sê-vích, đảng đấu tranh cách mạng chống chiến tranh đế quốc chủ nghĩa và giành lấy hòa bình dân chủ, lên nắm chính quyền. Đa số nông dân đã ủng hộ cuộc đấu tranh của công nhân giành hòa bình, giành chính quyền xô-viết.

Nông dân không còn lối thoát nào khác nữa. Và cũng không thể có lối thoát nào khác.

Như vậy, thời kỳ Kê-ren-ski là một bài học lớn lao cho quần chúng lao động trong nông dân, vì thời kỳ ấy đã chứng rõ rằng bọn xã hội chủ nghĩa-cách mạng và bọn men-sê-vích mà còn nắm chính quyền, thì nước nhà không thể nào thoát ra khỏi chiến tranh, nông dân không thể nào có ruộng đất và tự do; rằng bọn men-sê-vích và bọn xã hội chủ nghĩa-cách mạng chỉ khác bọn lập hiến-dân chủ ở những bài diễn văn ngon ngọt và những lời hứa hẹn hão huyền; rằng thật ra thì chúng cũng theo đuổi một chính sách đế quốc chủ nghĩa như nhau, chính sách của bọn lập hiến - dân chủ; rằng chính quyền độc nhất có đủ sức đưa nước nhà ra khỏi con

đường bế tắc chỉ có thể là chính quyền xô-viết. Chiến tranh kéo dài chỉ xác nhận thêm sự chính xác của bài học ấy; chiến tranh kích thích cách mạng và thúc đẩy đông đảo quần chúng nông dân và binh lính *trực tiếp đoàn kết* xung quanh cách mạng vô sản. Bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng và bọn men-sê-vích đã bị cô lập, việc đó trở thành một sự thật không chối cãi được. Không có những bài học thực tiễn của thời kỳ liên hiệp, thì có lẽ không thể có chuyên chính vô sản được.

Đấy là những nhân tố làm cho quá trình chuyển biến của cách mạng tư sản thành cách mạng vô sản, được dễ dàng.

Chuyên chính vô sản ở Nga đã được thiết lập như thế đấy.

4. *Nông dân sau khi chính quyền xô-viết đã được củng cố.* Nếu trước kia, trong thời kỳ đầu của cách mạng, vấn đề chủ yếu là lật đổ chế độ Nga hoàng, và kế đó, sau Cách mạng tháng Hai, vấn đề chủ yếu là trước hết phải thoát ra khỏi chiến tranh đế quốc chủ nghĩa bằng cách lật đổ giai cấp tư sản, — thì hiện nay, một khi nội chiến đã chấm dứt và chính quyền xô-viết đã được củng cố, thì các vấn đề xây dựng kinh tế phải được đặt lên hàng đầu. Phải tăng cường và phát triển công nghiệp đã quốc hữu hóa; muốn thế, phải gắn liền công nghiệp với kinh tế nông dân bằng thương mại do Nhà nước điều tiết; thay chế độ trưng mua lương thực thừa bằng thuế lương thực, để sau đó, đi đến chỗ giảm dần dần thứ thuế này đi, mà tiến tới đổi các sản phẩm công nghiệp lấy các sản phẩm của nền kinh tế nông dân; chấn hưng thương mại và phát triển hợp tác xã bằng cách làm cho hàng triệu nông dân tham gia hợp

tác xã: đấy là những nhiệm vụ trước mắt của việc xây dựng kinh tế mà Lê-nin đã đề ra để xây dựng nền móng của kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Người ta nói rằng nhiệm vụ ấy có thể là quá sức đối với một nước nông dân như nước Nga. Một số người hoài nghi còn đi đến chỗ nói rằng đó chỉ là điều không tưởng và không thể thực hiện được, vì nông dân vẫn là nông dân, — nông dân gồm những người tiểu sản xuất và vì thế, không thể dùng họ vào việc tổ chức nền móng của nền sản xuất xã hội chủ nghĩa được.

Nhưng bọn hoài nghi nghĩ lầm, vì họ không đếm xỉa đến một số nhân tố có tính chất quan trọng quyết định ở đây. Chúng ta hãy xem những nhân tố chính trong các nhân tố ấy.

Một là: không nên lẫn lộn nông dân Liên-xô với nông dân phương Tây. Những nông dân đã trải qua kinh nghiệm của ba cuộc cách mạng; đã từng cùng với giai cấp vô sản và dưới sự lãnh đạo của giai cấp vô sản, đấu tranh chống Nga hoàng và chính quyền của giai cấp tư sản; những nông dân đã nhận được ruộng đất và hòa bình do cách mạng vô sản đưa lại và do đó đã trở thành lực lượng hậu bị của giai cấp vô sản, những nông dân đó nhất định khác với những nông dân đã đấu tranh trong cuộc cách mạng tư sản dưới sự lãnh đạo của phái tư sản tự do, đã nhận được ruộng đất từ tay giai cấp tư sản ấy, và do đó, đã trở thành lực lượng hậu bị của giai cấp tư sản. Chẳng cần phải chứng minh cũng thấy rằng nông dân xô-viết, vốn đã biết thế nào là tình hữu nghị chính trị và sự hợp tác chính trị với giai cấp vô sản, và đã nhờ tình hữu nghị và sự hợp tác ấy mà được tự do, thì không thể nào họ lại không đặc biệt sẵn sàng hợp tác kinh tế với giai cấp vô sản.

Ăng-ghen đã nói: « Việc Đảng Xã hội chủ nghĩa cướp chính quyền đã trở thành một vấn đề tương lai gần đây ». Và « muốn cướp chính quyền, Đảng phải bắt đầu từ thành thị tiến về làng mạc, và trở thành một lực lượng ở nông thôn ». (Xem Ăng-ghen: *Vấn đề nông dân*, xuất bản năm 1922). Ăng-ghen viết những dòng này vào khoảng cuối thế kỷ trước, khi nói về nông dân phương Tây. Những người cộng sản Nga, trải qua ba cuộc cách mạng mà đã làm tròn được một công tác lớn lao về mặt đó, — thì đã gây được ở nông thôn một ảnh hưởng và một chỗ dựa mà các đồng chí chúng ta ở phương Tây thậm chí cũng không dám nghĩ là có thể đến như thế được, — điều đó liệu có cần phải chứng minh không? Nhân tố ấy đã khiến việc tổ chức hợp tác kinh tế giữa giai cấp công nhân và nông dân ở Nga, được căn bản dễ dàng; điều đó có thể nào mà phủ nhận được chăng?

Khi nói đến những người tiểu nông, bọn hoài nghi luôn luôn nhắc lại rằng những người đó là một nhân tố không thích hợp với công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa. Nhưng, các đồng chí hãy nghe Ăng-ghen nói về những người tiểu nông ở phương Tây:

« Chúng ta kiên quyết đứng về phía người tiểu nông; chúng ta sẽ làm đủ mọi cách để giúp cho đời sống của họ được dễ chịu hơn, làm cho họ dễ dàng chuyển sang làm ăn hợp tác nếu họ quyết định chuyển như thế; nhưng, trong trường hợp họ còn chưa quyết định, thì chúng ta sẽ cố gắng để cho họ thật nhiều thì giờ suy nghĩ vấn đề đó trên mảnh đất nhỏ của họ. Chúng ta sẽ xử sự như thế, không những vì chúng ta cho rằng có thể làm cho người tiểu nông đang làm việc cho bản thân họ, đứng về phía chúng ta, mà cũng vì đó là lợi ích trực tiếp của Đảng nữa. Số nông dân mà chúng ta không để cho rơi xuống mức sống của người vô sản và chúng ta tranh thủ được trong khi họ còn là nông dân, mà càng đông bao nhiêu, thì việc cải tạo xã hội càng mau chóng và dễ dàng bấy nhiêu. Muốn tiến hành việc cải tạo ấy, chúng ta không cần phải đợi đến lúc nền sản

xuất tư bản chủ nghĩa đâu đâu cũng phát triển cho đến mức đưa đến những hậu quả cùng cực của nó; không cần phải đợi đến lúc người tiểu thủ công cuối cùng, người tiểu nông cuối cùng, trở thành nạn nhân của nền đại sản xuất tư bản chủ nghĩa. Xét về phương diện kinh tế tư bản chủ nghĩa, thì những sự hy sinh về vật chất lúc đó đành phải bất công quỹ chịu để làm lợi cho nông dân, có thể coi như là một sự phung phí tiền bạc; nhưng, đấy chính là sử dụng tiền một cách tốt nhất, vì như thế sẽ tiết kiệm được những số tiền có lẽ còn lớn gấp mười lần trong việc chi tiêu để cải tạo toàn bộ xã hội. Vậy, theo hướng đó, chúng ta có thể rất rộng rãi đối với nông dân». (*Như trên*)

Đấy là những điều Ăng-ghen nói về nông dân phương Tây. Nhưng há chẳng phải rõ ràng là những điều Ăng-ghen nói đó ở đâu cũng không thể thực hiện được dễ dàng và đầy đủ bằng ở nước của chuyên chính vô sản, hay sao? Há chẳng phải rõ ràng là, chỉ ở nước Nga xô-viết mới có thể thực hiện được đầy đủ và ngay tức khắc, việc «làm cho người tiểu nông đang làm việc cho bản thân họ đứng về phía chúng ta», cũng như những «hy sinh về vật chất» cần thiết và «sự rộng rãi đối với nông dân», sự rộng rãi cần thiết để thực hiện mục đích trên, hay sao? Há chẳng phải rõ ràng là những biện pháp đó và những biện pháp khác tương tự có lợi cho nông dân đều đã được thi hành ở Nga rồi hay sao? Làm thế nào mà phủ nhận được rằng hoàn cảnh ấy nhất định phải làm cho công cuộc xây dựng kinh tế của nước xô-viết được dễ dàng và tiến tới?

Hai là: Người ta không nên lẫn lộn kinh tế nông nghiệp ở Nga với kinh tế nông nghiệp ở phương Tây được. Ở phương Tây, thì kinh tế nông nghiệp phát triển theo con đường bình thường của chủ nghĩa tư bản, nông dân bị phân hóa sâu sắc, ở phía này là những điền địa rộng lớn và những trang trại mênh mông của tư bản tư nhân và ở phía kia lại là cảnh nghèo khó, khốn cùng và nô lệ làm thuê. Cho nên ở

những nước đó, sự tan rã và mục nát là những hiện tượng hoàn toàn tự nhiên. Ở Nga, thì không như thế. Ở nước ta, sự phát triển của kinh tế nông nghiệp không thể đi theo con đường đó, vì sự tồn tại của chính quyền xô-viết và việc quốc hữu hóa các công cụ và tư liệu sản xuất chủ yếu không cho phép phát triển như thế. Ở Nga, sự phát triển của kinh tế nông nghiệp phải đi theo con đường khác, con đường hợp tác bao gồm hàng triệu tiểu nông và trung nông, con đường phát triển của sự hợp tác có tính chất quần chúng ở nông thôn, được Nhà nước giúp đỡ bằng cách cho vay vốn với những điều kiện dễ dãi. Trong những bài bàn về chế độ hợp tác, Lê-nin đã chứng minh một cách có lý rằng, ở nước ta, sự phát triển của kinh tế nông nghiệp phải theo một con đường mới, con đường khiến có thể dùng sự hợp tác mà lôi cuốn đa số nông dân vào công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa, con đường làm cho những nguyên tắc của chế độ tập thể dần dần thâm nhập vào kinh tế nông nghiệp, trước hết là vào lĩnh vực tiêu thụ, rồi sau đó, vào lĩnh vực sản xuất nông phẩm.

Về phương diện này, tác dụng của công tác hợp tác xã nông nghiệp khiến chúng ta thấy xuất hiện, ở nông thôn, những hiện tượng mới rất đáng chú ý. Ai nấy đều biết rằng trong Liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp, đã được thành lập những tổ chức mới, lớn, theo ngành nông nghiệp: lanh, khoai, dầu v.v.., những tổ chức này có một tương lai vĩ đại. Hợp tác xã lanh trung ương, chẳng hạn, gồm có cả một hệ thống các hợp tác xã nông dân sản xuất lanh. Nó cung cấp cho nông dân những hạt giống và những công cụ sản xuất; rồi nó mua tất cả số lanh nông dân sản xuất ra, sau nó đem bán buôn ở thị trường; nó bảo đảm cho nông dân được chia lãi, do đó, thông qua Liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp, nó gắn chặt kinh tế nông dân với công nghiệp

quốc doanh. Một hình thức tổ chức sản xuất như thế, gọi là gì? Theo ý tôi, đó là chế độ gia công của nền đại sản xuất xã hội chủ nghĩa quốc doanh, trong lĩnh vực nông nghiệp. Ở đây, tôi nói chế độ gia công của nền sản xuất xã hội chủ nghĩa quốc doanh, là ví nó với chế độ gia công của chủ nghĩa tư bản, như ngành sợi chẳng hạn, trong đó những người tiểu thủ công nhận dụng cụ và nguyên liệu của tư bản về làm, rồi nộp cho bọn này tất cả số sản xuất của mình, như thế thực ra, những người này là những công nhân nửa làm thuê làm việc ở nhà mình. Đấy là một trong nhiều dấu hiệu chỉ rõ con đường phát triển kinh tế nông nghiệp mà nước ta phải theo. Đấy là chưa nói đến những dấu hiệu khác cùng một loại như thế, trong các ngành khác của nông nghiệp.

Chẳng cần phải chứng minh cũng thấy rằng tối đại đa số nông dân sẽ vui lòng đi theo con đường phát triển mới ấy, mà rời bỏ con đường các trang trại mênh mông của tư bản tư nhân và cảnh nô lệ làm thuê, con đường khốn cùng và phá sản.

Lê-nin nói về những con đường phát triển của kinh tế nông nghiệp nước ta như sau:

« Việc chính quyền Nhà nước chi phối hết thảy mọi tư liệu sản xuất chủ yếu, việc giai cấp vô sản nắm giữ chính quyền Nhà nước, việc giai cấp vô sản liên minh với hàng triệu tiểu nông và tiểu tiểu nông, việc giai cấp vô sản nắm vững quyền lãnh đạo nông dân v.v .., — phải chăng những việc đó không phải là tất cả những thứ cần thiết để có thể xây dựng, với việc hợp tác hóa, và chỉ riêng với việc hợp tác hóa mà trước đây chúng ta coi là có tính chất con buôn, và bây giờ đây dưới Chính sách kinh tế mới, về một vài mặt nào đó, chúng ta vẫn có quyền coi như thế, — phải chăng những việc đó không phải là tất cả những thứ cần thiết để xây dựng một xã hội xã hội chủ nghĩa

---

*Xem Lê-nin: *Bàn về chế độ hợp tác*, Nhà xuất bản Sự Thật, Hà-nội, 1958, tr. 4. (*B.T.*)

toàn vẹn hay sao? Đó chưa phải là xây dựng toàn vẹn xã hội xã hội chủ nghĩa, nhưng đó là tất cả những cái cần thiết và đầy đủ để làm việc xây dựng đó.» (Xem t. XXVII, tr. 392.)*

Sau đó, khi nói đến sự cần thiết phải giúp đỡ về mặt tài chính và về các mặt khác cho chế độ hợp tác tức là «nguyên tắc mới trong việc tổ chức nhân dân» và «chế độ xã hội» mới, dưới chuyên chính vô sản, Lê-nin nói tiếp:

«Bất cứ chế độ xã hội nào cũng chỉ nảy sinh với điều kiện là được một giai cấp nhất định nào đó giúp đỡ về tài chính. Chẳng cần phải nói cũng thấy rằng phải tốn cả hàng trăm, hàng trăm triệu rúp, chủ nghĩa tư bản «tự do» mới nảy nở ra được. Hiện nay chúng ta phải thấy rõ và thực hành cụ thể chân lý này tức là: trong lúc này, chế độ xã hội mà chúng ta cần phải đặc biệt giúp đỡ, chính là chế độ hợp tác xã. Nhưng phải giúp đỡ chế độ đó theo đúng nghĩa tiếng giúp đỡ; nghĩa là nếu hiểu sự giúp đỡ đó là giúp đỡ bất cứ một chế độ hợp tác xã nào thì chưa đủ, mà phải hiểu sự giúp đỡ đó là giúp đỡ chế độ hợp tác xã được *quần chúng nhân dân chân chính thực sự tham gia*»**.

Tất cả những điều đó chứng tỏ gì?

Chứng tỏ rằng bọn hoài nghi đã lầm.

Chứng tỏ rằng chủ nghĩa Lê-nin coi quần chúng nông dân lao động là lực lượng hậu bị của giai cấp vô sản, như thế là đúng.

Chứng tỏ rằng giai cấp vô sản nắm chính quyền có thể và phải sử dụng lực lượng hậu bị ấy để gắn liền công nghiệp với nông nghiệp, đẩy mạnh công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa tiến lên, và bảo đảm cho chuyên chính vô sản một cơ sở thiết yếu, không có cơ sở này thì không thể tiến lên kinh tế xã hội chủ nghĩa được.

(Trích bài giảng tại trường Đại học Sve-rơ-lốp)
Sta-lin: *Những vấn đề chủ nghĩa Lê-nin,*
Pháp văn, Mạc tư khoa, 1949, tr. 52—64.

---

* và ** Xem Lê-nin «*Bàn về chế độ hợp tác*», Nhà xuất bản Sự thật Hà-nội, 1958, tr 4 và 6. *(B.T.)*

CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI VÀ VẤN ĐỀ CÁC TẦNG LỚP TRUNG GIAN

Vấn đề các tầng lớp trung gian chắc chắn là một trong những vấn đề căn bản của cách mạng công nhân. Tầng lớp trung gian, tức là nông dân và dân nghèo thành thị. Còn phải thêm vào đó những dân tộc bị áp bức* mà chín phần mười là những tầng lớp trung gian. Như các đồng chí thấy, đó là những tầng lớp mà do địa vị kinh tế của họ, họ đứng vào khoảng giữa giai cấp vô sản và giai cấp bọn tư bản. Vai trò của các tầng lớp ấy là do hai hoàn cảnh dưới đây quyết định : một là những tầng lớp ấy tiêu biểu cho đa số, hay dù sao thì cũng tiêu biểu cho một thiểu số quan trọng trong dân số các quốc gia hiện đương tồn tại ; hai là, họ họp thành những lực lượng dự trữ quan trọng trong đó giai cấp tư sản tuyển mộ đạo quân của nó hầu chống lại giai cấp vô sản. Giai cấp vô sản không thể giữ được chính quyền, nếu không được sự đồng tình và ủng hộ của các tầng lớp trung gian, trước hết là của nông dân, nhất là trong một nước như Liên bang các Cộng hòa chúng ta. Giai cấp vô sản thậm chí không thể thực sự nghĩ đến cướp chính quyền được, nếu, ít ra nó vẫn chưa trung lập được những tầng lớp đó, nếu những tầng lớp đó chưa

---

* Bản Pháp văn: *nationalités opprimées*, (N.D.)

có thì giờ để tách ra khỏi giai cấp bọn tư bản và nếu những tầng lớp đó, trong đại thể, vẫn còn họp thành đạo quân của Tư bản. Do đó mà có cuộc đấu tranh để tranh thủ những tầng lớp trung gian, cuộc đấu tranh để tranh thủ nông dân, cuộc đấu tranh đã đánh dấu toàn bộ cuộc cách mạng của chúng ta, tựa hồ như bằng một vệt đỏ, từ 1905 cho đến 1917, — cuộc đấu tranh ấy, cho đến ngày nay, cũng vẫn còn lâu mới chấm dứt và sẽ còn tiếp tục trong tương lai.

Một trong những lý do làm cho cuộc cách mạng 1848 ở Pháp thất bại là : cuộc cách mạng ấy không gây được sự đồng tình hưởng ứng nào của nông dân Pháp cả. Một trong những lý do làm cho Công xã Pa-ri thất bại là : Công xã đã vấp phải sự đề kháng của các tầng lớp trung gian mà trước hết là của nông dân. Cuộc cách mạng Nga 1905 thất bại, cũng chính vì thế.

Có một số người mác-xít tầm thường, đứng đầu là Cau-sky, căn cứ vào kinh nghiệm các cuộc cách mạng châu Âu đã đi đến kết luận rằng các tầng lớp trung gian và trước hết là nông dân, đều gần như là những kẻ thù bẩm sinh của cách mạng công nhân ; rằng như thế, thì phải có một thời kỳ phát triển lâu dài hơn nữa, mới làm cho giai cấp vô sản trở thành đa số trong các dân tộc, và do đó mới tạo ra được những điều kiện thực tế cho cách mạng của công nhân thành công. Căn cứ vào kết luận đó, những người mác-xít tầm thường ấy đã khuyên giai cấp vô sản đừng làm cách mạng « quá sớm ». Căn cứ vào kết luận ấy và lấy « lý do về nguyên tắc », họ đã bỏ mặc những tầng lớp trung gian cho tư bản hoàn toàn nắm lấy. Căn cứ vào kết luận ấy, họ đã tiên đoán cho chúng ta rằng Cách mạng tháng Mười ở Nga sẽ thất bại, viện lẽ rằng giai cấp vô sản ở Nga là

thiểu số, rằng nước Nga là một nước nông dân, và do đó, cách mạng công nhân ở Nga không thể nào thành công được.

Điều nên chú ý là chính Mác đã có một nhận định khác hẳn về những tầng lớp trung gian, và trước hết là về nông dân. Trong khi những người mác-xít tầm thường khinh miệt nông dân và bỏ mặc họ cho Tư bản hoàn toàn ảnh hưởng về mặt chính trị, mà còn khoe khoang ầm ỹ lên rằng mình « cương quyết về nguyên tắc », thì Mác, nhà mác-xít cương quyết nhất ấy, lại thiết tha khuyên nhủ đảng cộng sản không nên quên nông dân, nên lôi kéo họ về phía giai cấp vô sản và tranh thủ sự ủng hộ của họ trong cuộc cách mạng vô sản sắp tới. Chúng ta biết rằng trong những năm 1850-1860, sau khi cách mạng tháng Hai ở Pháp và ở Đức thất bại, thì Mác đã viết cho Ăng-ghen, và, thông qua Ăng-ghen mà viết cho Đảng cộng sản Đức rằng :

« Toàn bộ vấn đề ở Đức sẽ quyết định ở chỗ có thể tái diễn được hay không cuộc Chiến tranh của nông dân*, để ủng hộ cách mạng vô sản. »

Câu đó viết về nước Đức trong những năm 1850-1860, là một nước nông dân, trong đó giai cấp vô sản là thiểu số không đáng kể, và ít được tổ chức hơn giai cấp vô sản ở Nga năm 1917, còn nông dân, do địa vị của họ, lại không sẵn sàng ủng hộ cách mạng vô sản bằng nông dân ở Nga năm 1917.

Cách mạng tháng Mười chắc chắn là đã tiêu biểu cho sự phối hợp tài tình ấy giữa « chiến tranh của nông dân » với « cách mạng vô sản », sự phối hợp mà Mác đã nói trong khi phản đối tất cả những bọn ba hoa « về

* Trích dẫn trong bức thư của Mác gửi Ăng-ghen đề ngày 16 tháng Tư 1856.

nguyên tắc ». Cách mạng tháng Mười đã chứng minh rằng một sự phối hợp như thế có thể có và vẫn có thể thực hiện được. Cách mạng tháng Mười đã chứng minh rằng giai cấp vô sản có thể cướp chính quyền và giữ chính quyền, nếu nó biết tách những tầng lớp trung gian, và trước hết là nông dân, ra khỏi giai cấp bọn tư bản, nếu nó biết biến những tầng lớp ấy, vốn là những lực lượng dự trữ của tư bản, thành những lực lượng dự trữ của giai cấp vô sản.

Tóm lại : Cách mạng tháng Mười là cuộc cách mạng đầu tiên trong tất cả các cuộc cách mạng trên thế giới đã đặt lên hàng đầu vấn đề các tầng lớp trung gian, và trước hết là vấn đề nông dân, và đã giải quyết vấn đề ấy một cách thắng lợi, bất chấp tất cả những « lý thuyết » và lời kêu rên của các tay hảo hán của Đệ nhị Quốc tế.

Đấy là ưu điểm đầu tiên của Cách mạng tháng Mười, giả như, nói chung, trong trường hợp này, người ta có thể nói đến ưu điểm.

Nhưng, vấn đề không phải chỉ có thế thôi. Cách mạng tháng Mười còn đi xa hơn nữa, nó đã ra sức tập hợp được những dân tộc bị áp bức chung quanh giai cấp vô sản. Như trên kia đã nói, thì chín phần mười dân số của những dân tộc ấy là nông dân và dân nghèo thành thị. Nhưng cái ý niệm « dân tộc bị áp bức » không phải chỉ đóng khung trong đó. Những dân tộc mà bị áp bức thì thường thường là bị áp bức không phải chỉ với tư cách họ là nông dân và dân nghèo thành thị, mà cũng với tư cách họ là những dân tộc, tức là với tư cách họ là những người lao động thuộc một dân tộc nhất định nào đó, có ngữ ngôn, văn hóa, lề lối sinh hoạt, phong tục và tập quán của họ. Hai tầng áp bức ấy không thể nào không cách mạng hóa quần chúng lao động trong các dân tộc bị áp bức được, không thể nào

không đẩy họ đến chỗ đấu tranh chống lại lực lượng áp bức chính là: Tư bản. Chính hoàn cảnh ấy đã cho phép giai cấp vô sản thực hiện được sự phối hợp giữa «cách mạng vô sản» không những với «chiến tranh của nông dân» mà cả với «chiến tranh dân tộc» nữa. Tất cả những cái đó nhất định đã làm cho phạm vi tác động của cách mạng vô sản mở rộng ra khỏi biên giới nước Nga rất xa, và đang đe dọa những lực lượng dự trữ chắc chắn nhất của Tư bản. Nếu cuộc đấu tranh giành lấy những tầng lớp trung gian trong một «dân tộc» thống trị nhất định nào đó là một cuộc đấu tranh giành lấy những lực lượng dự trữ gần gũi nhất của Tư bản, thì cuộc đấu tranh giải phóng các dân tộc bị áp bức nhất định phải trở thành một cuộc đấu tranh giành lấy những lực lượng dự trữ này hay những lực lượng dự trữ khác chắc chắn nhất của Tư bản, thành một cuộc đấu tranh giải phóng các dân tộc thuộc địa và không được hưởng đầy đủ quyền lợi, khỏi ách tư bản chủ nghĩa. Cuộc đấu tranh nói sau đó còn lâu mới chấm dứt; hơn nữa, nó vẫn chưa có đủ thì giờ đạt được ngay cả những thắng lợi quyết định đầu tiên. Nhưng nhờ có Cách mạng tháng Mười, cuộc đấu tranh để giành những lực lượng dự trữ chắc chắn ấy đã bắt đầu và chắc hẳn là nó sẽ tiếp tục phát triển, từng bước một, cùng với sự phát triển của chủ nghĩa đế quốc, cùng với thế lực ngày càng thêm lớn mạnh của Liên bang các Cộng hòa của chúng ta và cùng với sự phát triển của cách mạng vô sản phương Tây.

Tóm lại: Cách mạng tháng Mười đã thực sự đánh dấu bước đầu cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản để giành lấy những lực lượng dự trữ chắc chắn ấy của Tư bản, tức là những quần chúng nhân dân các xứ bị áp bức và không được hưởng đầy đủ quyền lợi; nó là cuộc cách mạng đầu tiên đã giương cao ngọn cờ đấu

tranh để giành lấy những lực lượng dự trữ ấy: đó là ưu điểm thứ hai của Cách mạng tháng Mười.

Việc tranh thủ nông dân trong nước chúng ta đã được tiến hành dưới ngọn cờ chủ nghĩa xã hội. Khi mà nông dân đã nhận được ruộng đất do giai cấp vô sản đưa lại, đã nhờ sự giúp đỡ của giai cấp vô sản mà đánh bại được bọn đại địa chủ và đã vươn lên nắm chính quyền dưới sự lãnh đạo của giai cấp vô sản, thì họ nhất định phải cảm thấy, nhất định phải hiểu rằng sự giải phóng của họ đã được tiến hành và còn tiếp tục tiến hành, dưới ngọn cờ của giai cấp vô sản, dưới ngọn cờ đỏ. Tình hình đó nhất định phải làm cho ngọn cờ của chủ nghĩa xã hội, ngọn cờ trước kia đã từng làm cho nông dân sợ hãi, biến thành ngọn cờ được họ tha thiết chú ý, ngọn cờ giúp đỡ họ dễ dàng thực hiện được công cuộc giải phóng của bản thân họ khỏi cảnh ngu dốt, cùng khổ, áp bức.

Đối với các dân tộc bị áp bức, cũng phải nói như thế, nhưng còn phải nhấn mạnh hơn nữa. Lời kêu gọi đấu tranh để giải phóng các dân tộc đó đã được xác nhận bằng những sự việc như giải phóng Phần-lan, rút quân đội khỏi Ba-tư và Trung-quốc, thành lập Liên bang các nước Cộng hòa, công khai ủng hộ về mặt tinh thần nhân dân Thổ-nhĩ-kỳ, Trung-quốc, Ấn-độ và Ai-cập, — lời kêu gọi đó lần đầu tiên đã được những người chiến thắng trong cuộc Cách mạng tháng Mười đưa ra. Nước Nga mà xưa kia các dân tộc bị áp bức coi như tượng trưng của sự áp bức, thì ngày nay sau khi trở thành nước xã hội chủ nghĩa rồi, nó là ngọn cờ tiêu biểu cho sự giải phóng, việc đó không thể nào lại coi là ngẫu nhiên mà có. Cũng không phải là ngẫu nhiên mà tên tuổi của đồng chí Lê-nin, vị lãnh tụ của Cách mạng tháng Mười, hiện nay là tên tuổi được trìu mến nhất trên cửa miệng của những nông dân vô học và bị đọa

đầy, và của những phần tử trí thức cách mạng trong các xứ thuộc địa và không được hưởng đầy đủ quyền lợi. Nếu đạo Thiên chúa, xưa kia, được những người nô lệ bị áp bức và bị giày xéo trong Đế quốc La-mã bao la coi như vị cứu tinh của mình, thì ngày nay chúng ta đang tiến tới một tình huống mà chủ nghĩa xã hội có thể dùng (và hiện nay đã bắt đầu được dùng) làm ngọn cờ giải phóng cho hàng triệu người trong các nước thuộc địa mênh mông của chủ nghĩa đế quốc. Không thể nào nghi ngờ gì được rằng chính tình huống ấy đã giúp cho công việc chiến đấu chống những thiên kiến đối với chủ nghĩa xã hội được dễ dàng hơn và đã mở đường cho tư tưởng xã hội chủ nghĩa tiến vào những hang cùng ngõ hẻm trong các nước bị áp bức. Nếu trước kia, một người xã hội chủ nghĩa khó mà công nhiên ra mắt trong các tầng lớp trung gian, phi vô sản trong các xứ bị áp bức hay đi áp bức, thì ngày nay, người ấy có thể công khai đứng ra tuyên truyền tư tưởng xã hội chủ nghĩa của mình trong các tầng lớp ấy, với hy vọng được họ để tai và nghe theo nữa là khác, vì người đó đã có được một lý lẽ mạnh mẽ để dựa, ấy là Cách mạng tháng Mười. Đó cũng là một kết quả nữa của Cách mạng tháng Mười.

Tóm lại : Cách mạng tháng Mười đã dọn đường cho tư tưởng xã hội chủ nghĩa có thể tiến vào c c tầng lớp nông dân trung gian, phi vô sản, trong tất cả các dân tộc và tất cả các chủng tộc ; nó đã làm cho ngọn cờ của chủ nghĩa xã hội được họ hoan nghênh tín phục. Đó là ưu điểm thứ ba của Cách mạng tháng Mười.

Báo *Sự thật*, số 253
Ngày 7 tháng Một 1923
Ký : Sta-lin

Nhà xuất bản Ngoại văn, Mạc-tư-khoa, 1952.

NHIỆM VỤ TRƯỚC MẮT CỦA ĐẢNG TA Ở NÔNG THÔN

(Diễn văn đọc tại hội nghị các bí thư chi bộ nông thôn do Trung ương Đảng cộng sản (b) Nga triệu lập, ngày 22 tháng Mười 1924.) *

NHỮNG KHUYẾT ĐIỂM TRONG BÁO CÁO CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG

Các đồng chí, trước hết, tôi muốn nói một chút về khuyết điểm của những báo cáo mà chúng ta nghe ở đây. Tôi thấy có hai khuyết điểm chủ yếu này :

Một là, các đại biểu chỉ toàn nói đến thành tích công tác, còn các khuyết điểm trong công tác nông thôn của chúng ta thì hầu như không nói đến, mà những khuyết điểm thì lại nhiều vô kể. Họ chỉ kể lể ra nào là tuổi đảng, nào là ai sinh vào năm nào, chi bộ có bao nhiêu đảng viên, v.v..., còn đối với những khuyết điểm trong

---

* Hội nghị bí thư các chi bộ nông thôn, do Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga triệu tập, đã họp từ 21 đến 24 tháng Mười 1924. Dự hội nghị này, có 62 cán bộ địa phương, trong đó có 4 đại biểu trung ương, các khu, thành và tỉnh ủy, 15 đại biểu ở chuyên khu và khu ủy, 17 đại biểu xã ủy và 11 đại biểu chi ủy thôn, 11 đại biểu chi bộ thanh niên cộng sản, 4 đại biểu tổ chức phụ nữ xã. Đồng chí Sta-lin đã tham dự Hội nghị này và ngày 22 tháng Mười 1924, đã đọc bài diễn văn về « Nhiệm vụ trước mắt của Đảng ở nông thôn ». *(B.T.)*

công tác của chúng ta thì hầu như không đả động đến chút nào cả. Mà vấn đề khuyết điểm trong công tác nông thôn của chúng ta thì lại là vấn đề căn bản trong công tác thực tiễn của chúng ta. Vì thế, những bản báo cáo ấy có dính đôi chút mùi vị của thứ văn chương quan cách, — tôi nói thế xin các đồng chí thứ lỗi cho. Bất cứ một kẻ bàng quan nào mà đã nghe rồi, thì cũng sẽ cho rằng, người ta đến đây là cốt để báo cáo với Trung ương rằng « công tác tiến hành khả quan lắm », hay « mọi việc đều rất trôi chảy ». Các đồng chí, như thế thì không được, vì tất cả chúng ta, bất luận là chúng tôi hay các đồng chí, chẳng cứ là ở các địa phương như các đồng chí, hay ở Trung ương như chúng tôi, ai cũng đều biết rằng công tác không phải là hoàn toàn trôi chảy cả đâu.

Hai là, trong các báo cáo, thấy chủ yếu chỉ nói đến bản thân chi bộ, đến tình hình trong chi bộ, còn tình hình hàng triệu nông dân ngoài Đảng thì không biết vì sao người ta lại bỏ qua không nói đến. Té ra là vì các đảng viên cộng sản chỉ quan tâm nhất đến mình thôi : sinh hoạt trong nội bộ của họ ra sao, họ đã diễn thuyết bao nhiêu lần, đã tiến hành việc tuyên truyền như thế nào v.v... Nguyên do là vì các đảng viên cộng sản càng ngày càng chú ý đến bản thân mình hơn, đã quên rằng mình đang ở giữa cái biển cả mênh mông những người ngoài Đảng, và nếu không có sự ủng hộ của những người ngoài Đảng ấy, thì toàn bộ công tác của chúng ta sẽ là cả một mớ hỗn độn vậy. Mối quan hệ giữa tổ chức Đảng với quần chúng ngoài Đảng như thế nào, — điều đó hoàn toàn không nói đến hoặc gần như là hoàn toàn không nói đến. Quyết không thể chỉ chú ý đến bản thân mình được. Mà trước hết là phải chú ý đến hàng triệu nông dân ngoài Đảng, phải nghiên cứu nguyện

vọng và nhu cầu của họ, phải chú trọng đến tâm tình và yêu cầu của họ. Vì thế mà có những bản báo cáo khô khan vô vị và có đôi chút mùi vị quan liêu chủ nghĩa.

Đó là hai khuyết điểm chủ yếu mà tôi nêu lên để mong các đồng chí chú ý.

Thưa các đồng chí, một lần nữa, tôi mong các đồng chí thứ lỗi cho những lời nói thẳng không nể nang của tôi. Nhưng tôi cũng lại thành thật mong mỏi các đồng chí cũng thẳng thắn không nể nang phê bình những sai lầm và khuyết điểm trong công tác của Trung ương.

Bây giờ xin vào đề.

KHUYẾT ĐIỂM CHÍNH CỦA ĐẢNG LÀ CÔNG TÁC NÔNG THÔN CỦA ĐẢNG CÒN NON KÉM

Hiện nay, do những điều kiện của chính sách kinh tế mới, trong lúc mà tính tích cực về chính trị của nông dân đã được đề cao, và yêu cầu của họ đối với Đảng, chẳng hạn, so với hai năm về trước, đã tăng thêm rất nhiều, vậy thì khuyết điểm chủ yếu của Đảng là ở chỗ nào?

Khuyết điểm chính của Đảng ta là ở chỗ công tác nông thôn của Đảng ta còn non yếu, công tác nông thôn của Đảng chưa được chạy, công tác nông thôn của Đảng rất kém. Sao lại non kém như thế? Vì sao công tác thành thị của Đảng đang tiến vọt lên, còn công tác nông thôn của Đảng thì lại không nhúc nhích được tí nào cả? Hỏi rằng nông nghiệp không phát triển ư? Có phải là trong hai năm sau khi đã bãi bỏ chế độ trưng thu lương thực thừa, đời sống của nông dân chưa được cải thiện chăng? Có phải sự phát triển của công nghiệp

và việc lưu chuyển hàng công nghiệp không cải thiện được đời sống của nông dân hay sao? Phải chăng việc lưu thông tiền tệ được ổn định lại không cải thiện được đời sống của nông dân ư? Thế thì rốt cuộc, vì sao công tác nông thôn của Đảng ta lại non kém như thế? Để trả lời câu hỏi đó, trước hết cần phải giải quyết một vấn đề khác: lực lượng của Đảng ở thành thị do đâu mà có?

LỰC LƯỢNG CỦA ĐẢNG TA Ở THÀNH THỊ LÀ Ở CHỖ NÀO?

Vậy thì, lực lượng của Đảng ta ở thành thị là ở chỗ nào? Lực lượng cơ bản của Đảng ta là ở chỗ: ở thành thị của chúng ta, xung quanh Đảng có hàng chục vạn phần tử công nhân đông đảo, tích cực ngoài Đảng. Những phần tử tích cực đó là cái cầu nối liền Đảng với hàng triệu quần chúng công nhân. Lực lượng của Đảng ta ở thành thị là ở chỗ: giữa Đảng với hàng triệu quần chúng công nhân này không còn có một bức tường ngăn cách nữa, mà là có một cái cầu nối liền, đó là hàng chục vạn phần tử tích cực ngoài Đảng trong quần chúng công nhân. Đảng thu hút lực lượng trong những phần tử tích cực đó. Thông qua những phần tử tích cực đó, Đảng tranh thủ được sự tín nhiệm của quần chúng. Các đồng chí chắc đã nghe nói, nửa năm về trước đã có tới hơn hai mươi vạn công nhân gia nhập Đảng ta. Họ ở đâu đến? Chính là từ trong số những phần tử tích cực ngoài Đảng mà ra, những phần tử tích cực đó hoàn toàn tin tưởng ở Đảng ta, làm cho Đảng liên hệ với quần chúng ngoài Đảng. Vì thế, những phần tử tích cực ngoài Đảng không những chỉ là một cái cầu nối liền,

mà còn là một cái nguồn vô tận cho Đảng thu hút được những lực lượng mới. Không có những phần tử tích cực đó, Đảng ta không thể phát triển được. *Nếu* đông đảo những phần tử tích cực ngoài Đảng vây xung quanh Đảng mà được phát triển và vững mạnh, thì Đảng cũng sẽ phát triển và vững mạnh. *Nếu* không có những phần tử tích cực đó, thì Đảng sẽ suy yếu và héo hon đi.

HIỆN NAY CÔNG TÁC NÔNG THÔN CỦA CHÚNG TA NON KÉM BIỂU HIỆN Ở CHỖ NÀO?

Thế thì, công tác nông thôn của Đảng ta non kém biểu hiện ở chỗ nào?

Ở chỗ, các đảng bộ nông thôn của ta chưa có đông đảo những phần tử *nông dân* tích cực ngoài Đảng khả dĩ làm cho Đảng liên hệ được với hàng triệu nông dân lao động của nước ta.

Tình hình nông thôn như thế nào? Ở nông thôn có một hệ thống rất nhỏ những chi bộ Đảng. Ngoài ra, còn có một hệ thống cũng rất nhỏ nữa gồm những nông dân cảm tình ngoài Đảng. Nhưng sau hệ thống ấy, lại là một biển cả mênh mông gồm hàng triệu nông dân không phải là đảng viên, và hệ thống rất nhỏ những phần tử tích cực ngoài Đảng ấy thì chưa — vả lại cũng không thể — làm cho Đảng liên hệ được với hàng triệu nông dân. Điều đó tự nhiên cũng nói rõ vì sao cái hệ thống ấy lại không giữ vững được và thường thường bị đứt khúc, cho nên ở nông thôn, giữa Đảng với quần chúng ngoài Đảng, thường không hình thành một cái cầu nối liền, mà lại hình thành một bức tường kín mít.

NHIỆM VỤ CƠ BẢN CỦA ĐẢNG LÀ BỒI DƯỠNG NHỮNG PHẦN TỬ TÍCH CỰC XUNG QUANH ĐẢNG

Do đó, nhiệm vụ cơ bản của Đảng ở nông thôn là: bồi dưỡng những loạt hàng chục vạn phần tử nông dân đông đảo, tích cực ngoài Đảng có thể làm cho Đảng liên hệ được với hàng triệu nông dân lao động. Các đồng chí! *Hoặc là*, chúng ta bồi dưỡng được những phần tử tích cực ấy, do đó mà làm cho tình hình Đảng ta ở nông thôn đuổi kịp được tình hình ở thành thị, như thế thì bất cứ một vấn đề gì và bất cứ một khó khăn nào cũng đều không đáng sợ; *hoặc là*, chúng ta không bồi dưỡng được những phần tử tích cực ấy, thế thì toàn bộ công tác nông thôn của chúng ta cũng không thể nhích lên một chút nào được. Hiện nay, trọng tâm toàn bộ công tác của chúng ta là ở đấy. Không có những phần tử tích cực đó (nhất định cần phải có nhiều người, nhất định cần phải gồm những nông dân thật sự), thì ở nông thôn, Đảng ta tất nhiên sẽ mắc bệnh ốm yếu kinh niên. Dĩ nhiên là công tác ấy khó khăn, mà trong một vài năm thì không thể nào bồi dưỡng được những phần tử tích cực như thế. Nhưng cần phải bồi dưỡng cho bằng được những phần tử tích cực ấy, và công việc bồi dưỡng bắt đầu càng sớm càng hay.

CẦN PHẢI LÀM CHO CÁC XÔ VIẾT HOẠT ĐỘNG MẠNH LÊN

Nhưng bồi dưỡng những phần tử tích cực ấy như thế nào? Làm thế nào mới có thể giải quyết được nhiệm vụ ấy? Nếu cho rằng cứ tay cầm sách rồi miệng tuyên truyền là có thể giải quyết được nhiệm vụ ấy thì thật quá ư sai lầm. Chỉ có trong quá trình xoay quanh

những nhu cầu thực tế của nông thôn mà tiến hành công tác quần chúng, chỉ có trong quá trình xây dựng các Xô-viết rộng rãi ở nông thôn, qua việc thu hút nông dân tham gia quản lý thôn xã, huyện, tỉnh, mới có thể bồi dưỡng được đông đảo những phần tử nông dân tích cực ngoài Đảng. Làm cho các Xô-viết hoạt động lên, làm cho các Xô-viết đứng vững, thu hút những phần tử ưu tú trong nông dân vào các Xô-viết, — đó là những phương pháp có thể dùng để bồi dưỡng được đông đảo những phần tử nông dân tích cực ngoài Đảng.

Lê-nin đã nói Xô-viết là cơ quan kết hợp giữa công nhân và nông dân, là cơ quan của công nhân lãnh đạo nông dân. Cho nên, nếu chúng ta muốn làm cho tính tích cực về chính trị của nông dân lao động không đi đến chỗ thoát khỏi sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, thì chúng ta cần phải dùng tất cả mọi biện pháp để thu hút nông dân vào các Xô-viết, làm cho các Xô-viết hoạt động mạnh lên, làm cho nó đứng vững được, làm cho tính tích cực về chính trị của nông dân có thể tìm được con đường hướng vào việc thiết thực tham gia quản lý nhà nước. Chỉ có trong quá trình công tác ấy, mới có thể lựa chọn, cất nhắc được đông đảo những cán bộ tích cực ngoài Đảng trong nông dân. Chỉ có trong những phần tử tích cực ấy, Đảng mới có thể lựa chọn được hàng vạn những đảng viên nông thôn.

CẦN PHẢI SỬA ĐỔI THÁI ĐỘ ĐỐI VỚI NÔNG DÂN

Nhưng muốn làm cho các Xô-viết hoạt động mạnh lên, thì trừ tất cả những điều kiện khác ra, còn cần phải có một điều kiện nữa. Đó là cần phải hoàn toàn sửa đổi thái độ đối với nông dân. Và then chốt của việc

sửa đổi đó là ở chỗ nào? Là ở chỗ người đảng viên cộng sản cần phải học cách đối xử bình đẳng với những người ngoài Đảng. Là ở chỗ không được chỉ tay năm ngón, mà cần phải lắng nghe ý kiến của người ngoài Đảng. Là ở chỗ không những cần phải giáo dục người ngoài Đảng, mà cũng còn phải học tập họ nữa. Người ngoài Đảng có những điều đáng cho chúng ta học tập. Vấn đề quan hệ giữa đảng viên với người ngoài Đảng là một vấn đề cực kỳ trọng yếu trong công tác thực tế của Đảng ta. Khi Lê-nin định nghĩa mối quan hệ lẫn nhau đó, Người đã dùng danh từ tín nhiệm lẫn nhau. Nhưng ở những nơi nào mà không lấy thái độ đối xử bình đẳng với người ngoài Đảng thì sẽ không được họ tín nhiệm. Trong tình trạng đó, thì sẽ không phải là được tín nhiệm mà lại là mất tín nhiệm, hơn nữa kết quả thường thường lại tạo ra một bức tường kín mít ngăn cách Đảng với người ngoài Đảng, khiến cho Đảng thoát ly quần chúng, biến đoàn kết công nông thành ra phá hoại sự đoàn kết đó.

BÀI HỌC CỦA VỤ BẠO ĐỘNG Ở GIÊ-OÓC-GI

Cuộc bạo động ở Giê-oóc-gi* cách đây không lâu là một ví dụ thực tế sinh động. Báo chí của ta nói rằng vụ bạo động ở Giê-oóc-gi xẩy ra là một vụ bạo động giả tạo. Đúng thế, vì vụ bạo động ở Giê-oóc-gi là do người ta giả tạo ra chứ không phải là do nhân dân gây nên. Nhưng ở một vài địa phương, do quan hệ giữa Đảng Cộng sản với quần chúng rất kém, nên bọn men-sê-vích

---

* Gây nên vụ bạo động ở Giê-oóc-gi, xẩy ra hồi cuối tháng Tám năm 1924, là bọn men-sê-vích và bọn dân tộc chủ nghĩa tư sản ở Giê-oóc-gi, được sự ủng hộ của bọn lãnh tụ Đệ nhị quốc tế và bọn tay sai ngoại quốc. *(B.T.)*

có thể lừa gạt được một bộ phận quần chúng nông dân làm cho họ tham gia cuộc bạo động đó. Đáng chú ý là những địa phương đó lại là những địa phương mà lực lượng Đảng Cộng sản hùng hậu nhất. Đảng viên cộng sản ở những địa phương đó đông hơn các nơi khác rất nhiều. Thế mà ở những địa phương đó, người ta đã không lưu tâm, người ta đã sơ hở, không cảm thấy được trong nông dân có động tĩnh, nông dân sắp hành động, trong nông dân có tâm trạng bất mãn, sự bất mãn đó ngày càng tích lũy lại, nhưng Đảng thì không biết một chút gì hết. Nguyên do là vì những địa phương có nhiều đảng viên lại là những địa phương rất xa cách với tâm tình, tư tưởng và nguyện vọng của nông dân ngoài Đảng. Đó là mấu chốt của vấn đề.

Làm sao lại xảy ra cái hiện tượng không đáng có đó? là vì những người đảng viên cộng sản không biết lấy thái độ kiểu Lê-nin để đối xử với nông dân, họ không tạo ra không khí tín nhiệm, mà tạo ra không khí mất tín nhiệm với nhau, do đó làm cho Đảng thoát ly nông dân ngoài Đảng. Chúng ta cần phải chú ý đến câu nói của một cán bộ rất tích cực ở Giê-oóc-gi cho rằng hiện tượng không đáng có đó phát sinh là vì các Xô-viết địa phương rất non yếu, và vì Đảng đã thoát ly những người ngoài Đảng. Đồng chí ấy nói : « Không còn nghi ngờ gì nữa, nguyên nhân trọng yếu nhất làm cho chúng ta sơ hở, không lưu ý đến cuộc bạo động ngày càng lớn lên ấy, thì chỉ cần tìm trong tình trạng non yếu của các Xô-viết địa phương là đủ thấy được ». Lê-nin nói, Xô-viết là cái phong vũ biểu đáng tin cậy nhất, là cái thước đo đáng tin cậy nhất để biết tâm trạng nông dân. Và ở một số huyện nào đó thuộc Giê-oóc-gi, thì chính là Đảng Cộng sản đã không nắm chắc cái phong vũ biểu ấy trong tay.

Các đồng chí, cần phải lấy vụ bạo động ở Giê-oóc-gi làm gương. Nếu chúng ta không hoàn toàn sửa đổi thái độ đối xử với nông dân, nếu chúng ta không tạo ra bầu không khí hoàn toàn tín nhiệm giữa Đảng với người ngoài Đảng, nếu chúng ta không lắng nghe tiếng nói của người ngoài Đảng, cuối cùng, nếu chúng ta không làm cho các Xô-viết hoạt động lên, để mở đường cho tính tích cực về chính trị của quần chúng nông dân lao động, thì ở các địa phương nước Nga đều sẽ tái diễn những vụ như đã xảy ra ở Giê-oóc-gi.

Trong hai điều này tất phải chọn lấy một : *hoặc là*, chúng ta có thể xác định được thái độ đúng đắn kiểu Lê-nin đối với nông dân ngoài Đảng, hướng tính tích cực về chính trị ngày càng tăng của nông dân vào việc xây dựng các Xô-viết, do đó mà đảm bảo được sự lãnh đạo của công nhân đối với nông dân ; *hoặc là*, chúng ta không thể làm được điều đó, thì tính tích cực về chính trị của quần chúng sẽ không hướng vào các Xô-viết, mà sẽ vượt qua các Xô-viết, sẽ biến thành những cuộc nổi loạn kiểu thổ phỉ tựa như vụ bạo động ở Giê-oóc-gi vậy.

Thưa các đồng chí, vấn đề là như thế.

CẦN PHẢI CÓ THÁI ĐỘ SÁNG SUỐT ĐỐI VỚI NÔNG DÂN

Để thấy rõ là có lúc chúng ta đối xử với nông dân không sáng suốt đến mức độ nào, thì cần phải nói qua một chút về việc tuyên truyền chống tôn giáo. Một số đồng chí, có lúc, coi nông dân như những nhà triết học duy vật chủ nghĩa, cho rằng chỉ cần giảng giải một lần về khoa học tự nhiên là đủ làm cho người nông dân

tin được rằng Thượng đế là không có thật. Họ thường thường không hiểu rằng, người nông dân vốn đứng trên quan điểm kinh tế mà nhìn Thượng đế, nghĩa là, có khi người nông dân không hề phản đối việc bác bỏ Thượng đế, nhưng sự hoài nghi thường lại làm cho họ đâm ra băn khoăn nghĩ ngợi : « Biết đâu, Thượng đế có thật cũng nên ; âu là cứ vừa thờ kính những đảng viên cộng sản, vừa thờ kính Thượng đế, cốt sao cho mùa màng chắc chắn hơn, thì lại chả tốt hay sao. » Ai không tính đến đặc điểm tâm lý này của nông dân, thì kẻ đó hoàn toàn không hiểu gì vấn-đề quan hệ lẫn nhau giữa đảng viên và người ngoài Đảng, không hiểu được rằng, đối với vấn đề tuyên truyền chống tôn giáo và ngay đối với những thiên kiến của nông dân cũng cần phải rất thận trọng nữa.

NHIỆM VỤ CƠ BẢN CỦA ĐẢNG

Thế thì, chúng ta có thể kết luận như sau :

1. Khuyết điểm chủ yếu trong công tác nông thôn của Đảng là : giữa Đảng với hàng triệu nông dân ngoài Đảng, không có đông đảo những phần tử nông dân tích cực ngoài Đảng.

2. Nhiệm vụ trước mắt của Đảng là : bồi dưỡng những phần tử tích cực xung quanh Đảng ở nông thôn, khiến cho Đảng có thể thu hút được những lực lượng mới trong đó.

3. Chỉ có làm cho các Xô-viết hoạt động mạnh lên và thu hút nông dân tham gia công tác quản lý nhà nước, mới có thể bồi dưỡng được những phần tử tích cực như vậy.

4. Để làm cho các Xô-viết hoạt động mạnh lên, thì cần phải hoàn toàn sửa đổi thái độ đối xử với nông dân ngoài Đảng, phải vứt bỏ cái tác phong chỉ tay năm ngón đi, phải tạo ra một không khí tín nhiệm lẫn nhau giữa đảng viên và người ngoài Đảng.

Nhiệm vụ của Đảng là như vậy.

ĐIỀU KIỆN CÔNG TÁC

Có những điều kiện thuận lợi để thực hiện những nhiệm vụ ấy không? Chắc chắn là có. Có ba điều kiện (tôi chỉ nêu những điều kiện chủ yếu) sau này:

Một là, tính tích cực về chính trị của bần nông ngày càng tăng lên. Cần phải chú ý đến một số đặc điểm nào đó của sự phát triển nông nghiệp. Sự phát triển của công nghiệp đoàn kết được công nhân, tiêu diệt được những hiện tượng mất giai cấp tính trong giai cấp công nhân, khiến cho giai cấp công nhân trở thành một khối thống nhất; trái lại, sự phát triển của nông nghiệp ở nông thôn lại đi đến phân hóa và làm tan rã nông dân, hình thành ra hai mặt trận: mặt trận cu-lắc ra sức tìm cách chiếm lấy địa vị lãnh đạo nông thôn còn mặt trận bần nông thì tìm bạn đồng minh để chống lại bọn cu-lắc. Chắc chắn rằng, việc làm cho các Xô-viết hoạt động mạnh lên sẽ mở đường cho tính tích cực ngày càng tăng của nông dân, sẽ lập được một mặt trận thống nhất do công nhân đứng đầu, để chống thế lực của bọn cu-lắc, bọn đầu cơ và bọn cho vay nặng lãi.

Hai là, việc lập ngân sách địa phương là cơ sở vật chất để làm cho các Xô-viết hoạt động mạnh lên. Không cần nói thì cũng biết, những vấn đề ngân sách, thu thuế,

và cách chi tiêu, đều có một ý nghĩa bậc nhất đối với nông dân. Do đó, việc nông dân hiện đang tham gia xây dựng các Xô-viết càng có một ý nghĩa hiện thực hơn lúc nào hết.

Ba là, chính quyền xô-viết đã kịp thời cứu tế cho những nơi nào bị thiên tai ở nước ta. Chắc chắn là sự cứu tế đó đã tạo ra một không khí nông dân tín nhiệm chính quyền xô-viết. Có lẽ chẳng phải chứng minh cũng thấy rằng không khí đó có thể giúp cho các Xô-viết hoạt động mạnh lên được.

CHỦ YẾU LÀ GIỮ VỮNG MỐI LIÊN HỆ VỚI HÀNG TRIỆU QUẦN CHÚNG NGOÀI ĐẢNG

Tóm lại, trước mắt chúng ta không những chỉ đề ra những nhiệm vụ cấp thiết nào đó của Đảng ta ở nông thôn, mà cũng còn có rất nhiều điều kiện thuận lợi để hoàn thành được những nhiệm vụ đó. Vấn đề hiện nay là phải đồng tâm hiệp lực hơn nữa để bắt tay thực hiện những nhiệm vụ ấy.

Ở đây, cần ghi nhớ câu nói bất hủ của Lê-nin: « Lực lượng của Đảng ta là ở chỗ giữ vững được mối liên hệ sống còn giữa Đảng với hàng triệu quần chúng ngoài Đảng, mối liên hệ đó càng thiết thực, thì thành tích của chúng ta càng có thể được bảo đảm chắc chắn ». Những lời đó, Lê-nin đã nói tại Đại hội lần thứ XI của Đảng ta. Các đồng chí hãy nghe:

« Trong quần chúng nhân dân, chúng ta (những người cộng sản. — *J. Sta-lin*), nhiều lắm thì cũng chỉ là *một giọt nước giữa biển khơi*, chỉ có khi nào chúng ta biểu hiện được một cách chính xác những điều mà nhân dân nghĩ đến, thì chúng ta mới có thể quản lý

được nhà nước. Nếu không, Đảng Cộng sản sẽ không lãnh đạo được giai cấp vô sản, và giai cấp vô sản sẽ không thể lãnh đạo được quần chúng, như vậy thì toàn thể bộ máy sẽ đổ vỡ* ».**

Đăng trong báo « *Sự thật* », số 242, ngày 23 tháng Mười 1924.

Sta-lin: *Toàn tập*, Nhà xuất bản Nhân dân, Bắc-kinh, 1956, bản Trung văn, t. 6, tr. 261 - 271.

---

* Những chữ viết ngả là do tôi. — *J. Sta-lin.*

** Lê-nin, *Toàn tập*, xuất bản lần thứ 4, bản tiếng Nga, t. 33, tr. 273. (*B.T.*)

NHIỆM VỤ CỦA ĐẢNG Ở NÔNG THÔN

(Diễn văn đọc tại hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga ngày 26 tháng Mười 1924)

Thưa các đồng chí, vì trước đây một số đồng chí đã nói tới công tác nông thôn rất kỹ rồi, nên tôi chỉ phát biểu một vài ý kiến về đặc điểm tình hình trước mắt.

Nhìn vào tình hình nông dân, ta thấy đặc điểm của tình hình trước mắt như thế nào?

Đặc điểm thứ nhất là : cái vốn cũ, tức là cái vốn tinh thần mà chúng ta đã thu được trong cuộc đấu tranh giải phóng nông dân khỏi ách áp bức của địa chủ, đã bắt đầu cạn mất rồi. Có một số đồng chí nói : « Vì sao mà phải hò hét đến công tác nông vận kia chứ ? Chúng ta đã luôn luôn nói tới nông dân, chúng ta từ trước đến nay không hề quên nông dân, — vậy thì việc gì mà phải hò hét công tác nông vận như thế ? » Xem ra thì các đồng chí ấy không hiểu rằng cái vốn tinh thần cũ của Đảng ta tích lũy được trong thời kỳ Cách mạng tháng Mười và thời kỳ phế bỏ chế độ trưng thu lương thực thừa, cái vốn đó đến nay đã cạn mất rồi. Họ không hiểu rằng hiện nay, chúng ta cần có cái vốn mới. Chúng ta cần phải tạo ra cho Đảng một cái vốn tinh thần mới trong điều kiện đấu tranh mới.

Chúng ta lại phải tranh thủ nông dân một lần nữa. Vấn đề là ở chỗ đó. Chúng ta đã giúp đỡ nông dân đánh đổ địa chủ và có được ruộng đất, chúng ta đã kết thúc chiến tranh, Nga hoàng không còn nữa, bọn tay chân của Nga hoàng cũng đã bị đánh đổ cùng một lượt với Nga hoàng, — tất cả những điều đó, nông dân đã quên mất cả. Hiện nay mà dựa vào cái vốn cũ ấy thì không thể duy trì được lâu đâu. Ai không hiểu điều đó tức là không hiểu được bất cứ một cái gì trong hoàn cảnh mới, trong điều kiện Chính sách kinh tế mới. Chúng ta cần phải tranh thủ nông dân một lần nữa, — đó là đặc điểm thứ nhất của tình hình trong nước chúng ta.

Do đó cần phải kết luận rằng, nói lại vấn đề nông dân không những không thừa, mà còn có phần chậm nữa.

Đặc điểm thứ hai là: trong thời kỳ này, những giai cấp chủ yếu trong nước ta — công nhân và nông dân — đã có những biến hóa, họ đã thay đổi khác đi rồi. Trước kia, giai cấp vô sản bị mất giai cấp tính, tản mát, và nông dân thì tha thiết mong muốn giữ vững ruộng đất đã giành được trong tay bọn địa chủ và thắng lợi đã thu được trong cuộc chiến tranh chống địa chủ. Tình hình trước kia thì như thế, tình hình hiện nay khác hẳn rồi. Chiến tranh lại cũng không còn nữa. Công nghiệp đang lớn mạnh. Nông nghiệp đang phát triển. Giai cấp vô sản hiện nay không còn là giai cấp công nhân bị mất giai cấp tính nữa, mà là giai cấp vô sản mạnh mẽ có trình độ văn hóa và những nhu cầu ngày càng được nâng cao. Còn nông dân, thì họ không còn là người nông dân cũ bị chà đạp, rất lo sợ mất ruộng đất và nguyện hy sinh tất cả để thoát khỏi sự áp bức của địa chủ như trước nữa. Họ đã là một giai cấp mới, giai cấp tích cực và tự do, họ đã quên mất địa chủ, điều họ quan

tâm hiện nay là làm sao mua hàng hóa được rẻ và bán lương thực của mình được giá đắt. Đặc trưng của họ là tính tích cực về chính trị ngày càng tăng lên. Hiện nay không thể nói được rằng: « Đảng sẽ định liệu cho ổn mọi việc », « Đảng sẽ sắp xếp cho mọi người ổn tất ». Những lời như thế, hiện nay nông dân không hiểu, mà công nhân lại càng không hiểu nữa. Hiện nay cần phải đi sâu vào quần chúng hơn nữa, cần phải tiến hành nói chuyện, giải thích, thuyết phục nhiều hơn trước. Hiện nay cần phải tranh thủ một lần nữa sự tín nhiệm của hàng triệu người ngoài Đảng, cần phải thông qua tổ chức, trước hết là thông qua các Xô-viết, mà củng cố sự tín nhiệm đó. Tính tích cực về chính trị ngày càng tăng lên của quần chúng yêu cầu phải làm như thế.

Nhưng không những các giai cấp đã có những biến đổi, mà trường đấu tranh cũng có những biến đổi, vì trường đấu tranh đã khác, hoàn toàn khác rồi. Trước kia, vấn đề gì dẫn tới đấu tranh? Có cần hay không cần chế độ trưng thu lương thực thừa? Về trước nữa thì là vấn đề: có cần hay không cần địa chủ? Hiện nay những vấn đề ấy đã giải quyết rồi, vì địa chủ và chế độ trưng thu lương thực thừa cũng không còn nữa. Vấn đề hiện nay không còn là vấn đề địa chủ và chế độ trưng thu lương thực thừa nữa, mà là vấn đề giá cả lương thực. Đó là một trường đấu tranh rất mới, rộng lớn và lại vô cùng phức tạp, cần phải nghiên cứu kỹ càng và đấu tranh gian khổ. Thậm chí vấn đề hiện nay cũng không phải là vấn đề thuế khóa, vì chỉ cần giá lương thực được « nâng cao đầy đủ », giá vải và các thứ hàng công nghiệp khác hạ xuống « đầy đủ », thì nông dân sẽ nộp thuế. Vấn đề cơ bản hiện nay là vấn đề thị trường và vấn đề giá cả nông sản và hàng công nghiệp.

Hãy xem bản báo cáo lên Trung ương của bí thư tỉnh ủy tỉnh Gô-men:

«Có ba xã xảy ra hiện tượng quần chúng từ chối không chịu nhận mức thuế. Tốc độ nạp thuế so với tốc độ cần có đã chậm mất 2/3. Các hội nghị đại biểu ngoài Đảng ở các xã đã được triệu tập, họp rất gay go, đến nỗi có những cuộc nửa chừng phải bỏ họp, có những cuộc họp đã đề ra đề án sửa đổi: yêu cầu Trung ương giảm thuế và nâng cao giá lương thực. Tôi không rõ tình hình các tỉnh khác như thế nào, nhưng tình hình tỉnh chúng tôi thì không phù hợp với những kết luận của đồng chí (tức là tôi) nói trong bức thư riêng gần đây. Tình hình tư tưởng của cán bộ địa phương chúng tôi không tốt lắm. Nông thôn thật giống hệt như cái cảnh ong vỡ tổ, đang xôn xao bàn tán về thuế khóa với lương thực».

Các nơi như Xi-bi-ri, khu Đông Nam, tỉnh Cuộc-scơ, tỉnh Tu-la, tỉnh Ni-ni Nốp-gô-rốt, tỉnh U-li-a-nốp và các tỉnh khác cũng gửi lên Trung ương những báo cáo giống như vậy.

Ý nghĩa của tất cả các báo cáo đó là: chính sách giá cả của chúng ta làm cho nông dân cảm thấy khó khăn, họ muốn giảm nhẹ đi, thậm thí muốn vứt bỏ cái đòn bẩy của việc thực hành chính sách giá cả ấy đi, nhưng không có cái đòn bẩy ấy thì công nghiệp nước ta sẽ một bước cũng không tiến lên được. Tựa hồ như nông dân đang nói với chúng ta rằng: «Các anh cứ ngại hạ giá hàng công nghiệp xuống mức thấp nhất, các anh sợ hàng hóa nước ngoài tràn vào nhiều, vì thế các anh mới dựng lên đủ thứ hàng rào thuế quan dày đặc để bảo vệ cho công nghiệp non trẻ của nước ta khỏi bị cạnh tranh đả kích vào, nhưng công nghiệp của các anh thì có can gì đến tôi kia chứ, tôi cần hàng hóa giá rẻ

kia, còn thì chẳng cần biết là những hàng hóa ấy từ đâu đến cả». Họ lại nói: «Các anh cứ ngại nâng giá lương thực lên, vì sợ phá hoại chế độ tiền lương, cho nên các anh mới phát minh ra đủ thứ cơ quan thu mua, lập ra chế độ độc quyền mậu dịch đối ngoại v.v..., nhưng hàng rào và đòn bẩy của các anh có liên can gì đến tôi đâu, cái mà tôi cần, là phải nâng cao giá lương thực lên kia».

Đó là ý nghĩa của cuộc đấu tranh về mặt chính sách giá cả.

Cuộc bạo động ở Giê-óoc-gi gần đây đã đặc biệt có thể chứng minh được điều đó. Dĩ nhiên cuộc bạo động ấy là giả tạo, nhưng ở một vài huyện, đặc biệt là huyện Gơ-ri, cuộc bạo động ấy rõ ràng là có tính chất quần chúng. Nông dân huyện Gơ-ri đòi cái gì? Đòi bán rẻ hàng hóa và nâng cao giá ngô. Huyện Gơ-ri giáp giới với các nước phương Tây, người ở đó thấy giá hàng nước ngoài rẻ hơn giá hàng xô-viết chúng ta, cho nên họ muốn rằng giá hàng hóa của chúng ta ít ra cũng giảm xuống ngang với giá hàng nước ngoài, hoặc là nâng cao giá ngô lên đến mức đảm bảo cho họ mua hàng hóa xô-viết không bị thiệt. Cơ sở kinh tế của cuộc bạo động ở huyện Gơ-ri là như vậy. Chính vì thế, cuộc bạo động ấy chứng minh rằng toàn bộ quốc gia xô-viết đang ở vào điều kiện đấu tranh mới. Chính vì thế, không thể đem cuộc bạo động ở Gơ-ri mà ví với cuộc bạo động ở Tam-bốp, vì cuộc bạo động sau không phải đụng đến vấn đề giá cả nông sản và hàng công nghiệp mà là vấn đề xóa bỏ chế độ trưng thu lương thực thừa.

Trên thị trường và ở nông thôn chính bọn cu-lắc, bọn đầu cơ và những bọn chống xô-viết khác đã tiến hành cuộc đấu tranh mới ấy chống chính sách giá cả xô-viết. Bọn chúng ra sức làm cho hàng triệu quần chúng

nông dân thoát ly giai cấp công nhân, dựa vào đó mà phá hoại cơ sở của chuyên chính vô sản. Do đó nhiệm vụ của chúng ta là phải cô lập bọn cu-lắc và những phần tử đầu cơ, làm cho nông dân lao động thoát ly bọn chúng và thu hút nông dân lao động vào việc xây dựng xô-viết, do đó, mở một lối thoát cho tính tích cực về chính trị của nông dân lao động. Chúng ta có thể làm được điều ấy, và chúng ta cũng đang làm như thế, vì quần chúng nông dân lao động, đặc biệt là bần nông, muốn xây dựng liên minh với công nhân, muốn bảo tồn nền chuyên chính vô sản, nghĩa là, muốn bảo tồn những đòn bẩy kinh tế đó để duy trì nền chuyên chính.

Muốn thế thì phải làm những gì? Trước hết cần phải quan tâm đến việc bồi dưỡng xung quanh Đảng ở nông thôn, một số lớn cán bộ nông thôn ngoài Đảng có thể nối liền Đảng chúng ta với hàng triệu nông dân. Nếu không thì đừng hòng nói đến làm cho nông dân thoát ly bọn cu-lắc và những phần tử đầu cơ, đừng hòng nói đến tranh thủ hàng triệu nông dân và củng cố họ lại xung quanh Đảng ta. Dĩ nhiên, đó là một việc khó. Nhưng khó khăn không thể trở thành một vật chướng ngại mà chúng ta không thể nào khắc phục được. Cần phải phái hàng trăm, có lẽ hàng nghìn (vấn đề ở đây không phải là số lượng) cán bộ có kinh nghiệm, am hiểu tình hình nông thôn, có thể phát động và bồi dưỡng được những phần tử nông dân tích cực ngoài Đảng, xuống nông thôn để giúp đỡ các chi bộ của chúng ta. Đồng thời phải nghiên cứu cái tâm lý tự nhiên của nông dân là không tín nhiệm người thành thị, tâm lý đó hiện còn tồn tại trong nông thôn, và có lẽ không phải là đã mất đi mau chóng được đâu. Các đồng chí đều biết đó, đối với những người ở thành thị về, đặc biệt là đối với những người còn trẻ tuổi thì nông dân

đều coi như thế này: « Lại một tên vô dụng* nữa ở thành thị mới về, hắn muốn bịp bọn mình đấy.» Đó là vì những người mà nông dân tin nhất phải là những người tự mình kinh doanh nông nghiệp, và ít nhiều có hiểu biết nông nghiệp. Chính vì thế, tôi cho rằng trung tâm công tác nông thôn của chúng ta là phải bồi dưỡng những phần tử nông dân tích cực mà do đó Đảng có thể thu hút được những lực lượng mới.

Nhưng tiến hành công tác đó như thế nào? Theo tôi thì muốn thế, trước hết phải làm cho các Xô-viết hoạt động lên. Cần phải thu hút tất cả những người có sáng kiến,—những người giác ngộ, thành thực, hăng hái, và có tinh thần đặc biệt như những chiến sĩ hồng quân trước kia (họ là những người giác ngộ nhất, có sáng kiến nhất trong nông dân),—tham gia vào công tác xô-viết. Vì sao lại là tham gia vào công tác xô-viết? Một là, vì Xô-viết là cơ quan chính quyền, và việc thu hút nông dân lao động tham gia vào công tác quản lý Nhà nước là nhiệm vụ trước mắt của Đảng. Hai là, vì Xô-viết là cơ quan nối liền giữa công và nông, là cơ quan của công nhân lãnh đạo nông dân, mà hiện nay thì việc công nhân lãnh đạo nông dân là cần thiết hơn bao giờ hết. Ba là, vì các ngân sách địa phương là do các Xô-viết định ra, mà ngân sách lại là vấn đề thiết thân của nông dân. Cuối cùng, vì Xô-viết là cái máy đo thời tiết đáng tin cậy nhất để đo tâm trạng của nông dân, mà việc lắng nghe tiếng nói của nông dân thì tuyệt đối cần thiết. Trong nông thôn cũng có những tổ chức

---

* Bản Trung văn dịch: *nhị lưu tử*; bản Anh văn dịch: good-fornothing. *(N.D.)*

ngoài Đảng khác rất quan trọng, ví dụ như các Hội tương trợ của nông dân, hợp tác xã, Đoàn Thanh niên cộng sản, v.v... Nhưng cái nguy hiểm là ở chỗ: trong điều kiện nhất định, những tổ chức đó sẽ biến thành những hội liên hợp thuần túy nông dân, có thể thoát ly công nhân. Để khỏi xảy ra tình trạng đó, cần phải thống nhất công tác của những tổ chức đó vào trong các Xô-viết, vì bản thân kết cấu của các Xô-viết đã đảm bảo được sự lãnh đạo của công nhân đối với nông dân rồi. Vì thế, hiện nay trong lúc mà các tổ chức nông dân đang phát triển như măng mọc mùa xuân sau những trận mưa, thì việc làm cho các Xô-viết hoạt động lên là một nhiệm vụ quan trọng bậc nhất.

Trước đây không lâu, trong cuộc hội nghị các chi bộ nông thôn, tôi đã kêu gọi các đồng chí hãy phê bình không nhân nhượng những khuyết điểm của Đảng ta trong công tác nông thôn. Việc đó đã gây nên một sự bất mãn nào đó. Nguyên nhân là vì có những đảng viên cộng sản như thế này: họ sợ phê bình, họ không muốn vạch những khuyết điểm trong công tác của chúng ta ra. Thưa các đồng chí, như thế là nguy hiểm. Phải nhấn mạnh thêm rằng: sợ tự phê bình và sợ người ngoài Đảng phê bình là một thói xấu tối nguy hiểm hiện nay. Vì trong hai điều này tất phải chọn lấy một: hoặc giả chúng ta tự phê bình mình, và để cho người ngoài Đảng phê bình công tác của chúng ta một cách nghiêm khắc, thế thì có thể hy vọng đẩy mạnh được công tác nông thôn của chúng ta tiến lên; hoặc giả chúng ta không đồng ý cho phê bình như thế, thì sẽ có những vụ như các cuộc bạo động ở Cơ-ron-stát, ở Tam-bốp, ở Giê-oóc-gi phê bình chúng ta. Tôi cho rằng

chúng ta thà chịu thứ phê bình thứ nhất, chứ không chịu thứ phê bình thứ hai. Do đó, chúng ta không nên sợ sự phê bình của đảng viên, càng không nên sợ sự phê bình của người ngoài Đảng.

In lần đầu tiên trong cuốn : J. Sta-lin :
Vấn đề nông dân, Nhà xuất bản Mạc-tư-khoa
Lê-nin-gơ-rát, 1925.

Sta-lin : *Toàn tập*, Nhà xuất bản Nhân dân,
Bắc-kinh, 1956, bản Trung văn, t.6, tr. 272 - 277.

NÔNG DÂN, BẠN ĐỒNG MINH CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN

(Trả lời ba đồng chí P. F. Bôn-tơ-nép, V. I. E-phơ-ri-mốp và V. I. Ip-lép)

Xin lỗi, tôi trả lời có chậm.

Trong bài diễn văn của tôi*, tôi không hề nói rằng chỉ hiện nay giai cấp công nhân mới cần đến nông dân làm người bạn đồng minh của mình.

Trong bài đó, tôi cũng không hề nói rằng, sau khi cách mạng đã thắng lợi trong một nước ở châu Âu, thì sự liên minh giữa giai cấp công nhân với nông dân sẽ trở nên thừa. Tôi nghĩ rằng các đồng chí có lẽ chưa đọc kỹ bài diễn văn của tôi ở hội nghị đại biểu Mạc-tư-khoa.

Trong bài đó, tôi chỉ nói: « Nông dân là bạn đồng minh duy nhất có thể *ngay tức khắc* giúp đỡ trực tiếp cho cuộc cách mạng của nước ta ». Thế thì hỏi có thể kết luận rằng, sau khi cách mạng đã thắng lợi ở châu Âu, nông dân sẽ trở thành thừa đối với giai cấp công nhân nước ta được không? Dĩ nhiên là không thể kết luận như thế được.

Các đồng chí có hỏi: « Khi cuộc cách mạng thế giới đã thành công rồi, khi không còn cần đến người bạn

---

* Đây là nói bài diễn văn « *Giai cấp vô sản và vấn đề nông dân* » mà Sta-lin đọc trong hội nghị đại biểu Đảng bộ tỉnh Mạc-tư-khoa Đảng Cộng sản (b) Nga, tháng Giêng 1925. *(B.T.)*

đồng minh thứ tư tức là nông dân nữa, thì tình hình sẽ như thế nào? Cách nhìn đối với nông dân sẽ như thế nào?».

Thứ nhất: nói «sau cuộc cách mạng thế giới» thì sẽ không cần đến nông dân nữa, điều đó không đúng. Sở dĩ không đúng là vì «sau cuộc cách mạng thế giới», công tác kiến thiết kinh tế của chúng ta tất nhiên sẽ phát triển vô cùng nhanh chóng, mà không có nông dân thì không thể xây dựng chủ nghĩa xã hội được; nông dân cũng vậy, muốn thoát khỏi nạn nghèo khổ mà không có giai cấp vô sản thì cũng không thể được. Cho nên, sau khi cuộc cách mạng các nước phương Tây đã thắng lợi, thì sự liên minh giữa công nhân với nông dân sẽ tuyệt nhiên không giảm sút đi, mà trái lại, nhất định sẽ còn tăng cường thêm nữa.

Thứ hai: «sau cuộc cách mạng thế giới», khi mà công tác kiến thiết của chúng ta tăng lên gấp trăm lần, thì hai tập đoàn kinh tế hoàn toàn khác nhau, tức là công nhân và nông dân ấy, ắt phải mất đi, biến thành những người lao động ở nhà máy và ở đồng ruộng, nghĩa là địa vị kinh tế của họ sẽ bình đẳng. Như thế nghĩa là thế nào? Như thế nghĩa là sự liên minh giữa công nhân và nông dân sẽ dần dần biến thành một hợp thể, biến thành một toàn thể thống nhất, biến thành một xã hội xã hội chủ nghĩa do những người trước kia là công nhân và nông dân, nay đều là những người lao động trong xã hội xã hội chủ nghĩa, họp lại mà thành.

Đó là cách nhìn của chúng ta đối với nông dân «sau khi cách mạng thế giới thắng lợi».

Điều tôi nói trong bài diễn văn của tôi, tuyệt nhiên không phải là vấn đề sau này Đảng ta sẽ đối xử với nông dân như thế nào, mà là nói đến vấn đề lúc này,

trước mắt, trong khi bọn tư bản phương Tây đã hơi phục hồi lại được đôi chút, thì một trong bốn bạn đồng minh ấy là người bạn đồng minh trực tiếp nhất và người trợ thủ trực tiếp nhất của giai cấp công nhân.

Vì sao trong bài diễn văn ấy, tôi lại phải nêu vấn đề như thế? Vì trong Đảng ta có một số người nhận định một cách ngu xuẩn, hồ đồ, cho rằng nông dân không phải là bạn đồng minh của chúng ta. Trong Đảng ta có những người như thế thì có tốt hay không tốt, đó lại là một vấn đề khác, nhưng mà hiện có những người như thế. Trong bài diễn văn của tôi, chính tôi đã phản đối những người đó, và vì thế mà chứng minh rằng: trước mắt, nông dân là người bạn đồng minh trực tiếp nhất của giai cấp công nhân; những kẻ gieo rắc tư tưởng không tin vào nông dân ấy, sẽ vô tình vứt bỏ hẳn sự nghiệp cách mạng của chúng ta, nghĩa là không những vứt bỏ sự nghiệp của công nhân, mà lại còn vứt bỏ sự nghiệp của nông dân nữa.

Đó là điều mà tôi đã nói đến.

Tôi cho rằng, khi tôi gọi nông dân là người bạn đồng minh ít vững chắc, và là người bạn đồng minh không tin cậy được bằng giai cấp vô sản ở các nước tư bản chủ nghĩa phát đạt, thì điều đó đã làm cho các đồng chí có phần ngạc nhiên một chút đấy. Tôi thấy rằng chính vì điểm đó mà các đồng chí lấy làm lạ. Nhưng, tôi nói thế không đúng ư? Có phải là tôi không nên nói thẳng tình hình thật sự ra như thế sao? Trong thời kỳ bọn Côn-tơ-sắc và Đê-ni-kin tấn công, nông dân cứ luôn luôn lúc thì ngả về công nhân, lúc thì lại nghiêng về bọn tướng lĩnh kia, thế thì nói như vậy há lại không đúng hay sao? Mà trong quân đội của Đê-ni-kin và Côn-tơ-sắc thì nông dân tình nguyện gia nhập, chỉ là số ít hay sao?

Tôi không hề trách nông dân, vì sự dao động của họ là do họ chưa được giác ngộ đầy đủ đó thôi. Nhưng đã là đảng viên cộng sản, thì tôi phải nói toạc cái tình hình thật đó ra. Lê-nin đã dạy chúng ta như thế. Đây là tình hình thật: Trong lúc khó khăn, trong lúc Côn-tơ-sắc và Đê-ni-kin tấn công giai cấp công nhân, thì nông dân, người bạn đồng minh của giai cấp công nhân, tuyệt nhiên không phải lúc nào cũng đều biểu hiện tinh thần hoàn toàn kiên định và cương quyết cả đâu.

Như thế có phải là nói có thể đem gạt nông dân ra một bên, như một số đồng chí mơ hồ, hoàn toàn không thừa nhận nông dân là bạn đồng minh của giai cấp vô sản, hiện nay đang làm như vậy được chăng? Không, không phải như thế, gạt nông dân ra một bên, đó là phạm tội với công nhân và nông dân. Chúng ta cần phải dùng mọi cách để nâng cao sự giác ngộ của nông dân, giáo dục họ, làm cho họ gần gũi với người lãnh tụ của cách mạng nước ta — tức là giai cấp công nhân, như thế chúng ta sẽ làm cho nông dân trở thành người bạn đồng minh tin cậy hơn, kiên định hơn của giai cấp vô sản nước ta.

Sau này, khi cách mạng nổ ra ở các nước phương Tây, thì nông dân đã trở nên hoàn toàn vững mạnh rồi, và trở thành một người bạn đồng minh trung thực nhất của giai cấp công nhân nước ta.

Cần phải hiểu rõ thái độ của người đảng viên cộng sản đối với nông dân, người bạn đồng minh của giai cấp công nhân, là như thế.

Kính chào đồng chí,

J. STA-LIN

Ngày 9 tháng Hai 1925

Sta-lin: *Toàn tập*, Nhà xuất bản Nhân dân, Bắc-kinh, 1954, bản Trung văn, t. 8, tr. 89-91.

TÌNH HÌNH KINH TẾ LIÊN-XÔ VÀ CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG

(Báo cáo công tác của toàn Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Liên-xô, tại Hội nghị những đảng viên tích cực thuộc Đảng bộ Lê-nin-gờ-rát, ngày 13 tháng Tư 1926).

TRÍCH

. . . .

VII. PHẢI CỦNG CỐ KHỐI LIÊN MINH CÔNG NÔNG

Nhưng khi nói tới việc đề cao tính tích cực của giai cấp công nhân, thì cũng không thể quên nông dân được. Lê-nin dạy chúng ta rằng sự liên minh giữa giai cấp công nhân với nông dân là nguyên tắc cơ bản của chuyên chính vô sản. Điều đó, chúng ta không thể quên được. Phát triển công nghiệp, thực hành tích lũy xã hội chủ nghĩa, thực hiện chế độ tiết kiệm, — tất cả những nhiệm vụ đó, nếu không được giải quyết, thì chúng ta không thể chiến thắng được tư bản tư nhân và xóa bỏ được những khó khăn trong đời sống kinh tế của nước ta. Nhưng, nếu không có sự tồn tại của chính quyền xô-viết, không có chuyên chính vô sản, thì dù là một trong những nhiệm vụ đó thôi, cũng chẳng có thể giải quyết được. Và chuyên chính vô sản là dựa vào sự liên minh của giai cấp công nhân với nông dân. Do đó, nếu chúng

ta phá hoại hoặc làm yếu khối liên minh giữa giai cấp công nhân với nông dân, thì tất cả những nhiệm vụ của chúng ta sẽ không thể giải quyết được.

Trong Đảng ta có một số người coi quần chúng nông dân lao động như người dưng nước lã, coi là đối tượng để bóc lột cho công nghiệp, coi là một cái gì giống như thuộc địa của công nghiệp nước ta. Thưa các đồng chí, những người như thế là những người nguy hiểm. Đối với giai cấp công nhân, nông dân đã không thể là đối tượng để bóc lột, mà cũng không thể là thuộc địa được. Kinh tế nông dân là thị trường của công nghiệp, cũng như công nghiệp là thị trường của kinh tế nông dân vậy. Nhưng đối với chúng ta, nông dân không những là thị trường, mà còn là những người đồng minh của giai cấp công nhân nữa. Chính vì vậy mà việc đề cao kinh tế nông dân, việc tổ chức nông dân vào hợp tác xã một cách phổ biến, việc cải thiện tình hình đời sống vật chất của nông dân, là những điều kiện tiên quyết, không có thì không thể đảm bảo cho nền công nghiệp của nước ta phát triển lớn mạnh được. Ngược trở lại, việc phát triển công nghiệp, việc sản xuất những máy móc nông nghiệp và máy kéo, việc cung cấp thật nhiều hàng công nghiệp cho nông dân, lại là những điều kiện tiên quyết, không có thì không đẩy mạnh được nông nghiệp. Đó là một trong những cơ sở cực kỳ trọng yếu của khối liên minh giữa giai cấp công nhân với nông dân. Do đó, chúng ta không thể đồng ý với ý kiến của một số đồng chí thường yêu cầu dùng những biện pháp tăng thuế lên quá nhiều, nâng cao giá hàng công nghiệp v.v..., để bóp nặn nông dân được nhiều hơn. Chúng ta không thể đồng ý với họ được, vì làm như vậy là phá hoại sự liên minh của giai cấp công nhân với nông dân mà không biết, làm rung động tới cơ sở

của chuyên chính vô sản. Điều chúng ta cần làm là củng cố sự liên minh giữa giai cấp công nhân với nông dân, chứ không phải là phá hoại sự liên minh đó.

Nhưng không phải là chúng ta bảo vệ bất cứ một sự liên minh nào của giai cấp vô sản với nông dân. Sự liên minh mà chúng ta chủ trương đây là sự liên minh mà giai cấp công nhân giữ vai trò lãnh đạo. Vì sao vậy? Vì nếu không có vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân trong khối liên minh công nông thì quần chúng lao động bị bóc lột sẽ không thể chiến thắng được bọn địa chủ và tư bản. Tôi biết rằng có một số đồng chí không đồng ý điểm ấy. Họ nói liên minh là việc tốt, nhưng làm sao lại còn cần có sự lãnh đạo của giai cấp công nhân? Những đồng chí đó đã quá ư sai lầm. Họ sai lầm vì họ không hiểu rằng chỉ có sự liên minh công nông do giai cấp được thử thách nhất và cách mạng nhất, tức là giai cấp công nhân, lãnh đạo, thì mới có thể giành được thắng lợi.

Vì sao cuộc khởi nghĩa nông dân do Pu-ga-sốp hay Stê-pan Ra-đin lãnh đạo lại bị thất bại? Vì sao lúc đó nông dân lại không thể đuổi địa chủ đi được? Vì họ không có, vả lại lúc bấy giờ cũng không thể có người lãnh đạo cách mạng như giai cấp công nhân được. Vì sao cuộc cách mạng Pháp lại kết thúc bằng sự thắng lợi của giai cấp tư sản và sự phục hồi của bọn địa chủ lúc đầu đã bị đánh đuổi đi? Vì lúc đó, nông dân Pháp không có, mà cũng không thể có người lãnh đạo cách mạng như giai cấp công nhân, — lúc đó người lãnh đạo nông dân là phái tư sản tự do. Trên thế giới, nước ta là một nước công nông liên minh duy nhất đã chiến thắng bọn địa chủ và tư bản. Vì sao? Vì trước kia đã đứng ra lãnh đạo và hiện nay đang tiếp tục lãnh đạo phong trào cách mạng nước ta, vẫn là giai cấp công

nhân, giai cấp đã được thử thách nhiều trong chiến đấu. Chỉ cần phá hoại cái tư tưởng về quyền lãnh đạo của giai cấp công nhân của chúng ta, cũng đủ làm cho khối liên minh công nông hoàn toàn bị tan vỡ, và bọn tư bản và địa chủ sẽ quay trở lại cái tổ cũ của chúng ngay.

Chính vì thế mà chúng ta cần phải giữ vững và củng cố sự liên minh giữa giai cấp công nhân với nông dân.

Chính vì thế mà chúng ta cần phải giữ vững và củng cố sự lãnh đạo của giai cấp công nhân trong khối liên minh đó.

. . . .

Báo *Sự thật Lê-nin-gơ-rát*, số 89
18 tháng Tư 1926

— Trích dịch theo bài *Tình hình kinh tế Liên-xô và chính sách của Đảng*, trong Sta-lin *Toàn tập*, bản Trung văn, t. 8, tr.8, tr. 109-134.

VỀ BA KHẨU HIỆU CƠ BẢN CỦA ĐẢNG TRONG VẤN ĐỀ NÔNG DÂN

Trả lời *I-an-ski*

Đương nhiên tôi đã nhận thư của đồng chí đúng lúc. Nhưng tôi trả lời hơi chậm, mong đồng chí thứ lỗi cho.

1. Lê-nin nói rằng *« vấn đề chủ yếu nhất của bất cứ cuộc cách mạng nào cũng là vấn đề chính quyền Nhà nước »*. (Xem t.XXI, tr.142.) Giai cấp nào hoặc những giai cấp nào tập trung chính quyền trong tay mình; giai cấp nào hoặc những giai cấp nào phải bị lật đổ; giai cấp nào hoặc những giai cấp nào phải giành lấy chính quyền, đó là « vấn đề chủ yếu nhất của mọi cuộc cách mạng ».

Các khẩu hiệu chiến lược cơ bản của Đảng vẫn có hiệu lực trong suốt giai đoạn này hay giai đoạn khác của cách mạng, mà không hoàn toàn và triệt để dựa trên luận điểm căn bản đó của Lê-nin, thì không thể gọi là những khẩu hiệu cơ bản được.

Các khẩu hiệu cơ bản chỉ có thể đúng nếu các khẩu hiệu đó dựa trên sự phân tích mác-xít các lực lượng giai cấp; nếu các khẩu hiệu đó vạch ra được một kế hoạch đúng đắn trong việc bố trí những lực lượng cách mạng trên mặt trận đấu tranh giai cấp; nếu các khẩu

hiệu đó giúp cho ta dễ dàng đưa quần chúng tiến tới mặt trận đấu tranh cho cách mạng thắng lợi, cho một giai cấp mới cướp được chính quyền; nếu các khẩu hiệu đó giúp cho Đảng dễ dàng thành lập một đạo quân chính trị to lớn, hùng mạnh, tuyển mộ trong quảng đại quần chúng nhân dân, và cần thiết để hoàn thành nhiệm vụ đó.

Trong giai đoạn này của cách mạng, có thể có những thất bại và những sự lùi bước, có thể có nhiều việc không thành công và một số sai lầm nào đó về sách lược; nhưng điều đó cũng không có nghĩa là khẩu hiệu chiến lược cơ bản là sai. Chẳng hạn, khẩu hiệu cơ bản trong giai đoạn *thứ nhất* của cuộc cách mạng chúng ta: «Liên minh với toàn thể nông dân chống Nga hoàng và bọn đại địa chủ, trung lập giai cấp tư sản, đấu tranh cho sự thắng lợi của cách mạng dân chủ tư sản», — lúc đó là hoàn toàn đúng, mặc dù cuộc cách mạng 1905 đã thất bại.

Vậy không nên lẫn lộn vấn đề khẩu hiệu cơ bản của Đảng với vấn đề thành công hay thất bại của cách mạng trong giai đoạn phát triển nào đó của cách mạng.

Có thể là trong quá trình cách mạng, khẩu hiệu cơ bản của Đảng đã dẫn đến chỗ lật đổ được chính quyền của những giai cấp cũ hoặc của một giai cấp cũ rồi, nhưng nhiều yêu cầu chủ yếu của cách mạng phát sinh từ khẩu hiệu đó, lại chưa thực hiện được, hoặc là việc thực hiện những yêu cầu ấy phải kéo dài trong suốt một thời gian, hoặc là việc thực hiện này đòi hỏi phải làm một cuộc cách mạng mới; nhưng điều đó cũng vẫn không có nghĩa là khẩu hiệu cơ bản là sai. Chẳng hạn như cuộc cách mạng tháng Hai 1917 đã lật đổ chế độ Nga hoàng và bọn lãnh chúa, nhưng không đạt tới chỗ tịch thu ruộng đất của bọn lãnh chúa, v.v..., song

điều đó vẫn không có nghĩa là khẩu hiệu cơ bản của chúng ta trong giai đoạn thứ nhất của cách mạng đã sai.

Hoặc lại như: cuộc Cách mạng tháng Mười đã lật đổ giai cấp tư sản và đã chuyển chính quyền vào tay giai cấp vô sản, nhưng nó không dẫn ngay đến a) việc hoàn thành triệt để cuộc cách mạng tư sản, nói chung, và b) việc cô lập bọn cu-lắc ở nông thôn, nói riêng; nó chia tiến trình đó thành nhiều đợt trong một thời gian nhất định. Nhưng điều đó cũng vẫn không có nghĩa là khẩu hiệu cơ bản của chúng ta trong giai đoạn *thứ hai* của cách mạng: «Liên minh với bần nông chống chủ nghĩa tư bản ở thành thị và nông thôn, trung lập trung nông, đấu tranh để thực hiện chính quyền của giai cấp vô sản», — là khẩu hiệu sai.

Vậy ta không nên lẫn lộn vấn đề khẩu hiệu cơ bản của Đảng với vấn đề thời hạn thực hiện và hình thức thực hiện những yêu cầu nào đó phát sinh từ khẩu hiệu cơ bản ấy.

Cho nên khi đánh giá những khẩu hiệu chiến lược của Đảng ta, quyết không thể căn cứ vào những thành công hoặc thất bại tạm thời của phong trào cách mạng trong thời kỳ nào đó, và càng không thể căn cứ vào thời hạn và hình thức thực hiện những yêu cầu nào đó phát sinh từ những khẩu hiệu chiến lược ấy. Chỉ có đứng trên quan điểm phân tích theo lối mác-xít các lực lượng giai cấp và trên quan điểm bố trí đúng đắn những lực lượng của cách mạng trên mặt trận đấu tranh cho cách mạng thắng lợi, cho việc tập trung chính quyền vào tay giai cấp mới, thì mới có thể đánh giá được những khẩu hiệu chiến lược của Đảng.

Sai lầm của đồng chí chính là ở chỗ đã tránh không nói đến vấn đề phương pháp luận rất quan trọng đó, hoặc không hiểu vấn đề đó.

2. Đồng chí viết trong bức thư rằng:

« Khẳng định rằng chúng ta *chỉ* liên minh với toàn thể nông dân cho tới Cách mạng tháng Mười thôi, như thế có đúng không? Không, không đúng. Khẩu hiệu: « Liên minh với toàn thể nông dân », có giá trị đối với thời kỳ trước Cách mạng tháng Mười, *thời kỳ trong Cách mạng tháng Mười cũng như thời kỳ đầu sau Cách mạng tháng Mười*, vì hồi đó toàn thể nông dân đều quan tâm đến việc hoàn thành cách mạng tư sản ».

Như thế là đoạn này nói lên rằng khẩu hiệu chiến lược của Đảng trong giai đoạn *thứ nhất* của cách mạng (1905 — tháng Hai 1917), — là lúc cần phải lật đổ chính quyền của Nga hoàng và bọn đại địa chủ, và phải thiết lập nền chuyên chính công nông *tuyệt nhiên không khác* với khẩu hiệu chiến lược trong giai đoạn *thứ hai* của cách mạng (tháng Hai — tháng Mười 1917), là lúc cần phải lật đổ chính quyền tư sản và thiết lập chuyên chính vô sản.

Như vậy là đồng chí phủ nhận sự khác nhau cơ bản giữa cách mạng dân chủ tư sản và cách mạng xã hội chủ nghĩa vô sản. Và sở dĩ đồng chí mắc sai lầm đó vì rõ ràng là đồng chí không muốn hiểu sự việc đơn giản này: chủ đề cơ bản của khẩu hiệu chiến lược là vấn đề chính quyền trong một giai giai đoạn nhất định của cách mạng, vấn đề xem xem phải lật đổ giai cấp *nào* và chuyển chính quyền vào tay giai cấp *nào*. Ở đây, không cần chứng minh cũng thấy là đồng chí hoàn toàn sai lầm.

Đồng chí nói rằng trong Cách mạng tháng Mười và thời kỳ đầu sau Cách mạng tháng Mười, chúng ta đã áp dụng khẩu hiệu: « Liên minh với *toàn thể* nông dân », vì toàn thể nông dân quan tâm đến việc hoàn

thành cách mạng tư sản. Nhưng ai bảo đồng chí rằng cuộc khởi nghĩa tháng Mười và cuộc Cách mạng tháng Mười chỉ hoàn thành cách mạng tư sản rồi thôi, hoặc là cuộc khởi nghĩa tháng Mười và cuộc Cách mạng tháng Mười coi việc hoàn thành cách mạng tư sản là một nhiệm vụ cơ bản? Đồng chí lấy điều ấy ở đâu ra thế? Người ta có thể chủ trương lật đổ chính quyền tư sản và thiết lập chuyên chính vô sản trong khuôn khổ cách mạng tư sản được không? Giành được chuyên chính vô sản không phải là vượt ra ngoài khuôn khổ cách mạng tư sản hay sao?

Làm sao lại có thể quả quyết được rằng bọn cu-lắc (tuy họ cũng là nông dân đấy) có thể ủng hộ việc lật đổ giai cấp tư sản và việc chuyển chính quyền vào tay giai cấp vô sản?

Làm sao lại có thể phủ nhận được rằng sắc lệnh quốc hữu hóa ruộng đất, thủ tiêu chế độ tư hữu ruộng đất và cấm mua bán ruộng đất, v.v... tuy không thể xem như một sắc lệnh xã hội chủ nghĩa được, đã được chúng ta thi hành trong cuộc *đấu tranh* chống bọn cu-lắc, chứ không phải trong sự liên hiệp với bọn chúng?

Làm sao lại có thể khẳng định được rằng bọn cu-lắc (chúng cũng là nông dân) có thể ủng hộ những sắc lệnh của chính quyền xô-viết về việc tịch thu công xưởng, nhà máy, đường sắt, ngân hàng v.v..., hoặc có thể ủng hộ khẩu hiệu của giai cấp vô sản về việc biến chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thành nội chiến?

Làm sao lại có thể quả quyết được rằng *nội dung cơ bản* của Cách mạng tháng Mười, tuyệt nhiên không phải là những biện pháp đó và những biện pháp tương tự khác, cũng không phải là lật đổ giai cấp tư sản và thiết lập nền chuyên chính vô sản, mà là hoàn thành cuộc cách mạng tư sản?

Chẳng cần tranh luận cũng thấy rằng một trong những nhiệm vụ chính của Cách mạng tháng Mười là hoàn thành cuộc cách mạng tư sản; rằng không có Cách mạng tháng Mười, thì cuộc cách mạng tư sản không thể tiến hành đến cùng được, cũng như bản thân Cách mạng tháng Mười cũng không thể củng cố được, nếu cuộc cách mạng tư sản không hoàn thành; và chừng nào mà Cách mạng tháng Mười hoàn thành được cuộc cách mạng tư sản, thì nó nhất định được sự đồng tình của toàn thể nông dân. Tất cả điều đó, không còn phải tranh cãi gì nữa. Nhưng đó có phải là một lý do để quả quyết được rằng việc hoàn thành cuộc cách mạng tư sản không phải là một hiện tượng phụ đới* của Cách mạng tháng Mười, mà là *bản chất* hay *mục đích căn bản* của cuộc cách mạng đó không? Thế thì mục đích căn bản của Cách mạng tháng Mười là: lật đổ chính quyền của giai cấp tư sản, thiết lập chuyên chính vô sản, biến chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thành nội chiến, tước đoạt tài sản của bọn tư bản, và vân vân, đồng chí vất đi đâu?

Và nếu nội dung chủ yếu của khẩu hiệu chiến lược là vấn đề cơ bản của mọi cuộc cách mạng, nghĩa là vấn đề chuyển chính quyền trong tay một giai cấp này vào một giai cấp khác, thì do đó mà ta không được lẫn lộn vấn đề chính quyền vô sản hoàn thành cuộc cách mạng tư sản với vấn đề lật đổ giai cấp tư sản và vấn đề giai cấp vô sản giành được chính quyền đó, nghĩa là với vấn đề nội dung chủ yếu của khẩu hiệu chiến lược trong giai đoạn thứ hai của cuộc cách mạng, — điều đó há không rõ ràng hay sao?

---

* Bản Anh văn dịch đúng nguyên bản Nga: *derivative phenomenon*, (Trung văn là: *phụ đới hiện tượng*), bản Pháp văn lại dịch là *conséquence*. (*N.D.*)

Một trong những thành tựu lớn nhất của chuyên chính vô sản là đã hoàn thành cuộc cách mạng tư sản và quét sạch lớp bùn nhơ thời Trung cổ. Đối với nông thôn, sự kiện đó có một ý nghĩa quan trọng bậc nhất và thực sự quyết định. Không có sự kiện đó, thì sự phối hợp những cuộc chiến tranh nông dân với cuộc cách mạng vô sản, mà Mác đã nói hồi nửa cuối thế kỷ vừa qua, sẽ không thể thực hiện được. Không có sự kiện đó, thì chính cuộc cách mạng vô sản cũng sẽ không thể củng cố được.

Đồng thời không nên quên cái trường hợp trọng yếu dưới đây: hoàn thành cuộc cách mạng tư sản tuyệt nhiên không phải là một việc làm một lần mà xong ngay được. Thực ra, nó phải trải qua nhiều giai đoạn trong suốt cả một thời kỳ, không những chỉ bao gồm những khoảng thời gian trong năm 1918, như đồng chí quả quyết trong thư, mà còn gồm cả những khoảng thời gian trong năm 1919 (miền Von-ga, U-ran) và những khoảng thời gian trong năm 1919 - 1920 (U-cơ-ren). Ý tôi muốn nói đến cuộc tấn công của Côn-tơ-sắc và Đê-ni-kin, lúc đó toàn thể nông dân nhìn thấy trước mặt mình cái nguy cơ phục hồi chính quyền của bọn đại địa chủ nên chính họ phải tập hợp xung quanh chính quyền xô-viết thành *một khối* để đảm bảo việc hoàn thành cuộc cách mạng tư sản và bảo vệ những thành quả của cuộc cách mạng đó. Muốn hiểu đúng những đoạn văn của Lê-nin mà đồng chí đã trích dẫn, cũng như hiểu đúng cái bí quyết trong việc thực hiện những khẩu hiệu của Đảng, thì phải luôn luôn nhìn thấy tính chất phức tạp và muôn màu muôn vẻ của các quá trình sinh hoạt thực tế, tức là sự kết hợp «lắt léo» giữa những nhiệm vụ trực tiếp xã hội chủ nghĩa của chuyên chính với nhiệm vụ cần phải tiến hành để hoàn thành cuộc cách mạng tư sản.

Liệu có thể nói rằng sự kết hợp đó chứng tỏ khẩu hiệu của Đảng trong giai đoạn *thứ hai* của cách mạng là sai được không? Rằng khẩu hiệu này không khác với khẩu hiệu trong giai đoạn *thứ nhất* của cách mạng được không? Không, không thể nói như vậy được. Ngược lại, sự kết hợp đó chỉ xác nhận thêm sự đúng đắn của khẩu hiệu của Đảng trong giai đoạn thứ hai của cách mạng là: liên minh với nông dân *nghèo* chống giai cấp tư sản tư bản chủ nghĩa ở thành thị và nông thôn, đấu tranh để thực hiện chính quyền vô sản, v.v... Vì sao? Vì, muốn hoàn thành cuộc cách mạng tư sản, thì *trước hết* là trong Cách mạng tháng Mười phải lật đổ chính quyền tư sản và thiết lập chính quyền vô sản, vì chỉ có chính quyền này mới có thể hoàn thành cuộc cách mạng tư sản được. Nhưng, hồi tháng Mười mà muốn thiết lập chính quyền vô sản, thì cần phải chuẩn bị và tổ chức cho Cách mạng tháng Mười một đạo quân chính trị *thích đáng*, có thể lật đổ được giai cấp tư sản, thiết lập được chính quyền vô sản. Bất tất phải chứng minh cũng hiểu rằng *chỉ* dưới khẩu hiệu: liên minh giai cấp vô sản với nông dân nghèo chống giai cấp tư sản, đấu tranh để thực hiện chuyên chính vô sản, thì lúc đó chúng ta mới có thể chuẩn bị và tổ chức nên *một* đạo quân chính trị *như thế* được.

Rõ ràng là không có một khẩu hiệu chiến lược *như thế*, được áp dụng từ tháng Tư đến tháng Mười 1917, thì chúng ta đã không thể có một đạo quân chính trị *như thế* được, và do đó chúng ta đã không thể thắng được hồi tháng Mười, chúng ta đã không lật đổ được chính quyền của giai cấp tư sản, và do đó chúng ta đã không có khả năng hoàn thành được cuộc cách mạng tư sản.

Bởi vậy ta không nên đối lập việc hoàn thành cuộc cách mạng tư sản với khẩu hiệu chiến lược trong giai

đoạn thứ hai của cách mạng, khẩu hiệu mà nhiệm vụ là đảm bảo cho giai cấp vô sản cướp được chính quyền.

Chỉ có một cách để tránh tất cả những « mâu thuẫn » đó, là thừa nhận sự khác nhau căn bản giữa khẩu hiệu chiến lược trong giai đoạn thứ nhất của cách mạng (cách mạng dân chủ tư sản) và khẩu hiệu chiến lược trong giai đoạn thứ hai của cách mạng (cách mạng vô sản); là thừa nhận rằng trong giai đoạn thứ nhất của cách mạng, chúng ta đã cùng với *toàn thể* nông dân làm cách mạng dân chủ tư sản, và trong giai đoạn thứ hai của cách mạng, chúng ta đã cùng với *nông dân nghèo* chống chính quyền của Tư bản, để làm cách mạng vô sản.

Chúng ta cần phải thừa nhận điều đó, vì việc phân tích các lực lượng giai cấp trong giai đoạn thứ nhất và trong giai đoạn thứ hai của cách mạng bắt buộc chúng ta phải làm như thế. Bằng không, thì không thể giải thích được vì sao cho đến tháng Hai 1917, chúng ta đã hoạt động dưới khẩu hiệu chuyên chính *dân chủ* cách mạng của giai cấp vô sản và *nông dân*, và sau tháng Hai 1917, chúng ta lại thay khẩu hiệu đó bằng khẩu hiệu chuyên chính *xã hội chủ nghĩa* của giai cấp vô sản và nông dân *nghèo*.

Chắc đồng chí đồng ý rằng hồi tháng Ba — tháng Tư 1917, việc thay một khẩu hiệu này bằng một khẩu hiệu khác không thể giải thích theo công thức của đồng chí được.

Sự khác nhau căn bản giữa hai khẩu hiệu chiến lược của Đảng đã được Lê-nin nêu lên trong quyền *Hai sách lược của Đảng xã hội - dân chủ trong cuộc cách mạng dân chủ*. Lê-nin đã nêu ra khẩu hiệu của Đảng khi chuẩn bị cuộc cách mạng dân chủ tư sản như thế này :

«Giai cấp vô sản phải làm cách mạng dân chủ tới cùng, bằng cách liên minh với quần chúng nông dân, để dùng sức mạnh đập tan sự phản kháng của chế độ chuyên chế và làm tê liệt tính không «ổn định của giai cấp tư sản.» (t. 8, tr. 96.)

Nói một cách khác là: liên minh với toàn thể nông dân chống chế độ chuyên chế, trung lập giai cấp tư sản, đấu tranh để thực hiện cuộc cách mạng dân chủ.

Còn về khẩu hiệu của Đảng trong thời kỳ chuẩn bị cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, thì Lê-nin đã đề ra như thế này:

«Giai cấp vô sản phải làm cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa bằng cách liên minh với những phần tử nửa vô sản trong dân cư, để dùng sức mạnh mà đập tan sự phản kháng của giai cấp tư sản và làm tê liệt tính không ổn định của nông dân và giai cấp tiểu tư sản.» (*như trên*).

Nói một cách khác là: liên minh với nông dân nghèo và nói chung với những tầng lớp nửa vô sản trong dân cư chống với giai cấp tư sản, trung lập giai cấp tiểu tư sản ở thành thị và nông thôn, đấu tranh để thực hiện cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Đó là tình hình năm 1905.

Tháng Tư 1917, khi nhận định tình hình chính trị lúc bấy giờ là một sự kết hợp chằng chịt giữa chuyên chính dân chủ cách mạng của giai cấp vô sản và nông dân với chính quyền thực tế của giai cấp tư sản, Lê-nin đã nói:

«Đặc điểm của tình hình hiện nay ở Nga là *bước chuyển* từ giai đoạn *thứ nhất** của cách mạng, giai đoạn đã đem lại chính quyền cho giai cấp tư sản, vì trình độ giác ngộ và tổ chức của giai cấp vô sản còn thấp kém, *sang* giai đoạn *thứ hai* của cách mạng, giai đoạn phải đem lại chính quyền cho giai cấp vô sản và cho những *tầng lớp nghèo trong nông dân.**» (Xem Lê-nin. «*Luận cương tháng Tư*», t. 20, tr. 88.)

---

* Do tôi gạch dưới. — J. *Sta-lin*.

Cuối tháng Tám 1917, khi Cách mạng tháng Mười đang được chuẩn bị ráo riết, Lê-nin đã viết trong một bài báo đặc biệt đầu đề là «Nông dân và công nhân»:

«Chỉ có giai cấp vô sản và *nông dân** mới có thể lật đổ được chế độ quân chủ: đối với thời kỳ ấy (tức là năm 1905. *J. Sta-lin*) thì đó là định nghĩa cơ bản về chính sách giai cấp của chúng ta. Và khi ấy thì định nghĩa như thế là đúng. Tháng Hai và tháng Ba 1917 lại đã xác nhận định nghĩa đó một lần nữa. Chỉ có giai cấp vô sản lãnh đạo *nông dân nghèo** (những người nửa vô sản, như đã nói trong cương lĩnh của chúng ta) mới có thể chấm dứt được chiến tranh bằng một nền hòa bình dân chủ, mới có thể hàn gắn được những vết thương của nó và tiến những bước đầu tới chủ nghĩa xã hội, những bước mà từ nay về sau đã trở thành tuyệt đối cần thiết và *bức thiết*, đó là định nghĩa chính sách giai cấp của chúng ta hiện nay. (Xem t.21, tr. 111.)

Như thế không có nghĩa là tựa hồ như *hiện nay* nước ta là chuyên chính của giai cấp vô sản *và* nông dân nghèo. Điều đó dĩ nhiên là sai. Chúng ta đã hướng tới Cách mạng tháng Mười dưới khẩu hiệu chuyên chính của giai cấp vô sản và nông dân nghèo, và chúng ta đã thực hiện khẩu hiệu đó trong Cách mạng tháng Mười, về mặt hình thức, vì chúng ta đã liên minh với những người xã hội chủ nghĩa-cách mạng cánh tả và chia quyền lãnh đạo với họ, mặc dầu thực tế lúc đó chúng ta đã có chuyên chính vô sản rồi, vì chúng ta, những người bôn-sê-vích, chúng ta là đa số. Song nền chuyên chính của giai cấp vô sản *và* nông dân nghèo không còn tồn tại về mặt hình thức nữa sau cuộc «manh động» của những người xã hội chủ nghĩa-cách mạng cánh tả, sau khi đã cắt đứt sự liên minh với họ, khi mà quyền lãnh đạo chuyển *hoàn toàn* và *triệt để* vào tay *một* đảng *duy nhất*, vào tay Đảng ta, là đảng

---

* Do tôi gạch dưới. — *J. Sta-lin.*

không chia và không thể chia quyền lãnh đạo Nhà nước với một đảng nào khác. Ở nước ta như thế gọi là chuyên chính vô sản.

Sau cùng, vào tháng Một 1918, nhìn lại bước đường cách mạng đã qua, Lê-nin đã viết:

«Phải, *chừng nào mà* chúng ta còn cùng đi *với toàn thể* nông dân, thì cuộc cách mạng của chúng ta vẫn có tính chất tư sản. Điều đó, chúng ta đã nhận thức rất rõ, chúng ta đã nói đi nói lại hàng trăm, hàng nghìn lần điều đó từ năm 1905; chẳng bao giờ chúng ta có ý định đốt cháy giai đoạn tất yếu đó trong quá trình lịch sử, cũng không có ý định dùng pháp lệnh để xóa bỏ giai đoạn đó... Nhưng năm 1917, ngay từ *tháng Tư*, tức là rất lâu *trước Cách mạng tháng Mười và trước khi chúng ta nắm chính quyền**, chúng ta đã công khai nói và giải thích với nhân dân rằng: Bây giờ thì cách mạng không thể dừng lại ở đó được, vì nước ta đã đi khá xa, chủ nghĩa tư bản đã phát triển, hiện tượng phá sản đã tới mức ghê gớm chưa từng thấy *sẽ đòi hỏi* (dù người ta muốn hay không muốn) phải tiến lên, *theo hướng chủ nghĩa xã hội*. Nếu không thế, thì *không thể* tiến lên được, không thể cứu vãn được đất nước bị kiệt quệ vì chiến tranh, không thể *giảm bớt* được những nỗi thống khổ của những người lao động và những người bị bóc lột. Kết quả đúng hệt như chúng tôi đã từng nói. Tiến trình của cách mạng đã xác nhận lý lẽ của chúng ta là đúng. *Trước hết là*, cùng với «toàn thể» nông dân chống chế độ quân chủ, chống bọn đại địa chủ, chống chế độ phong kiến (vì thế cách mạng vẫn còn là cách mạng tư sản, dân chủ tư sản). *Sau đó*, cùng với nông dân nghèo, với tầng lớp nửa vô sản, với tất cả những người bị bóc lột, *chống chủ nghĩa tư bản*, kể cả *bọn nhà giàu ở nông thôn, bọn cu-lắc, bọn đầu cơ**; vì thế cách mạng trở thành *cách mạng xã hội chủ nghĩa*.» (Xem t.23, tr. 390-391.)

Đồng chí thấy đấy, Lê-nin đã nhiều lần nhấn mạnh sự khác nhau sâu xa giữa khẩu hiệu chiến lược thứ nhất, trong thời kỳ chuẩn bị cách mạng dân chủ tư sản, và khẩu hiệu chiến lược thứ hai, trong thời kỳ chuẩn bị Cách mạng tháng Mười. Một đằng là khẩu

---

* Do tôi gạch dưới. — *J. Sta-lin.*

hiệu: liên minh với *toàn thể nông dân* chống chế độ chuyên chế; còn một đằng là khẩu hiệu: liên minh với *nông dân nghèo* chống giai cấp tư sản.

Việc hoàn thành cách mạng tư sản trải qua nhiều giai đoạn trong suốt cả một thời kỳ sau Cách mạng tháng Mười, và ngay khi chúng ta đưa cuộc cách mạng tư sản đến cùng thì «toàn thể» nông dân không thể không đồng tình với chúng ta, — sự việc đó, như tôi đã nói ở trên, không hề làm lung lay chút nào cái nguyên lý cơ bản nói rằng chúng ta đã cùng với *nông dân nghèo* đi tới Cách mạng tháng Mười và đã cùng họ thắng lợi hồi tháng Mười; rằng chúng ta đã cùng với *nông dân nghèo* lật đổ chính quyền tư sản và thiết lập nền chuyên chính vô sản (mà một trong những mục tiêu là hoàn thành cuộc cách mạng tư sản), chống lại sự kháng cự của bọn cu-lắc (chúng cũng là nông dân) và những sự do dự của trung nông.

Tôi nghĩ rằng như thế thật đã rõ ràng.

3) Tiếp sau đó, đồng chí viết trong thư:

«Quả quyết rằng «*chúng ta đã đi tới Cách mạng tháng Mười với khẩu hiệu liên minh với nông dân nghèo, và trung lập trung nông*», thì quả quyết như thế có đúng không? Không, không đúng. Qua việc trình bày ở trên, cũng như qua những đoạn đã trích của Lê-nin, ta thấy rõ khẩu hiệu đó chỉ có thể xuất hiện khi «sự phân hóa giai cấp đã chín muồi trong nội bộ giai cấp nông dân» (Lê-nin), tức là «vào mùa hạ và mùa thu 1918».

Theo đoạn này, thì Đảng đã đi vào con đường trung lập trung nông, không phải trong thời kỳ chuẩn bị cũng không phải trong thời gian Cách mạng tháng Mười, mà là sau Cách mạng tháng Mười và nhất là sau 1918, tức là sau khi đã bỏ các ủy ban bần nông*. Điều đó *hoàn toàn sai*.

---

* Do tôi gạch dưới. — *J. Sta-lin*

Trái lại, chính sách trung lập trung nông không phải là đã bắt đầu, mà là *đã chấm dứt* sau khi xóa bỏ các ủy ban bần nông, tức là sau 1918. Chính là sau năm 1918, chính sách trung lập trung nông *đã bị xóa bỏ* (chứ không phải là đã được đặt ra) trong thực tiễn của chúng ta. Chính là sau năm 1918, vào tháng Ba 1918, khi khai mạc Đại hội Đảng ta lần thứ VIII, Lê-nin đã tuyên bố :

Những đại biểu ưu tú của chủ nghĩa xã hội trước đây, — trong thời kỳ mà họ còn tin vào cách mạng, và còn phục vụ cách mạng trong lý luận và trong tư tưởng của họ, — đã nói tới việc *trung lập nông dân*, tức là sự cần thiết phải biến tầng lớp trung nông, nếu không thành một tầng lớp xã hội giúp đỡ tích cực cách mạng vô sản, thì ít ra cũng thành một tầng lớp xã hội trung lập, không làm trở ngại cách mạng đó, không đứng về phía kẻ thù của chúng ta. Đối với cách đặt vấn đề trừu tượng và có tính cách lý luận như thế, chúng ta thấy rất là rõ. *Nhưng cách đặt vấn đề như thế chưa đủ**. Chúng ta đã bước vào *giai đoạn xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa,** mà trong giai đoạn này thì cần phải đề ra một cách cụ thể, chi tiết, những quy tắc và chỉ thị cơ bản, đã được kinh nghiệm công tác ở nông thôn kiểm nghiệm lại, những quy tắc và chỉ thị mà chúng ta phải căn cứ vào để có một *lập trường liên minh chặt chẽ* với trung nông (xem t. XXIV, tr. 114).

Đồng chí xem đó thì thấy nó trái hẳn với những điều đồng chí nói trong thư ; hơn nữa, ở đây, đồng chí đã làm đảo lộn công tác thực tiễn *chân thực* của Đảng ta, lẫn lộn lúc *bắt đầu* với lúc *chấm dứt* chính sách trung lập trung nông.

Trước kia, chừng nào mà chúng ta còn đang phải đánh đổ giai cấp tư sản, chừng nào chính quyền xô-viết còn chưa được củng cố, thì người trung nông còn kêu than và nghiêng ngả giữa cách mạng và phản cách mạng ; và vì thế lúc đó cần phải trung lập trung nông. Người

---

* Do tôi gạch dưới. *J. Sta-lin*

trung nông quay về phía chúng ta, khi họ đã bắt đầu tin chắc rằng giai cấp tư sản đã bị lật đổ « thực sự », rằng chính quyền xô-viết đã được củng cố, bọn cu-lắc đã bị đánh bại, và Hồng quân đã bắt đầu thắng trên các mặt trận nội chiến. Chính là sau một sự chuyển biến như thế nên mới có thể đưa ra được khẩu hiệu chiến lược thứ ba của Đảng, do Lê-nin đề ra tại đại hội Đảng lần thứ VIII: *Dựa vào* nông dân nghèo và kiến lập một sự *liên minh vững chắc* với trung nông, tiến lên xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa.

Làm thế nào mà đồng chí lại có thể quên được sự thực mà mọi người đều biết đó?

Sau nữa, cứ theo bức thư của đồng chí thì *khi chuyển sang* cách mạng vô sản và trong những *ngày đầu* tiếp sau sự thắng lợi của cuộc cách mạng đó, chính sách trung lập trung nông là sai, là không thích hợp và, bởi vậy, không thể thừa nhận được. Như thế là *hoàn toàn sai*. Chính là ngược lại mới đúng. Chính khi lật đổ chính quyền tư sản và cho đến khi chính quyền vô sản được củng cố, thì người trung nông tỏ ra dao động nhất và phản ứng mạnh nhất. Chính trong thời kỳ đó, liên minh với nông dân nghèo và trung lập trung nông đều là cần thiết.

Vì bám mãi vào sai lầm, nên đồng chí đã quả quyết rằng vấn đề nông dân có một ý nghĩa trọng đại không những chỉ đối với nước ta, mà còn đối với những nước khác nữa, có một nền kinh tế « ít nhiều giống như nền kinh tế của nước Nga trước Cách mạng tháng Mười ». Dĩ nhiên, nhận xét đó là đúng. Nhưng đây là những điều mà Lê-nin đã nói trong luận điểm của Người về vấn đề ruộng đất tại Đại hội Quốc tế cộng sản lần thứ II, khi nói đến chính sách của các đảng vô sản đối với trung nông trong thời kỳ giai cấp vô sản giành lấy chính

quyền. Sau khi định nghĩa rằng nông dân nghèo, hay nói đúng hơn, « quần chúng lao động và bị bóc lột ở nông thôn », là một nhóm riêng biệt gồm những cố nông, những người nửa vô sản hoặc những tiểu tiểu nông và tiểu nông, và sau khi nói sang trung nông, mà định nghĩa cho họ là một nhóm đặc biệt ở nông thôn, Lê-nin nói :

« Đứng về mặt kinh tế mà nói thì trung nông là những dân cày hạng nhỏ 1° do của riêng hay do lĩnh canh mà chính họ cũng có những khoảnh đất nhỏ, những mảnh đất tuy nhỏ thật nhưng dưới chế độ tư bản chủ nghĩa thì thường cũng đủ cung cấp cho họ, ngoài phần tối thiểu để nuôi sống gia đình và đảm bảo cho họ kinh doanh được, còn làm cho họ có được một số thừa, số thừa này có thể, — ít ra trong những năm được mùa, — biến thành tư bản, và 2° nhiều khi trung nông (trong hai hay ba nông hộ thì có một nông hộ, chẳng hạn) phải thuê nhân công... Giai cấp vô sản cách mạng không thể tự đề ra cho mình — ít ra *trong một tương lai gần đây và trong thời kỳ đầu của chuyên chính vô sản*, — nhiệm vụ tranh thủ tầng lớp xã hội đó; *mà chỉ nên trung lập hóa trung nông thôi*, nghĩa là làm cho họ đứng trung lập trong cuộc đấu tranh giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản *. » (Xem t. XXV, tr. 271 — 272.)

Như vậy, làm thế nào lại có thể quả quyết được rằng chính sách trung lập trung nông « *chỉ* » có thể « xuất hiện » ở nước ta « vào mùa hạ và mùa thu 1918 », tức là *sau* những thắng lợi quyết định trong việc củng cố chính quyền xô-viết, chính quyền của giai cấp vô sản?

Như đồng chí đã thấy rõ, vấn đề về khẩu hiệu chiến lược của các đảng vô sản khi chuyển sang cách mạng xã hội chủ nghĩa và sang giai đoạn củng cố chính quyền vô sản, cũng như vấn đề trung lập trung nông, không phải đơn giản như đồng chí tưởng đâu.

---

* Do tôi gạch dưới. *J. Sta-lin*.

4) Do tất cả những điều đã nói trên, ta thấy rõ rằng những đoạn mà đồng chí trích dẫn trong các tác phẩm của Lê-nin không thể đem đối lập một chút nào với khẩu hiệu cơ bản của Đảng trong giai đoạn thứ hai của cách mạng, vì những đoạn đó : a) không bàn đến khẩu hiệu cơ bản của Đảng *trước* Cách mạng tháng Mười, mà bàn đến việc hoàn thành cuộc cách mạng tư sản *sau* Cách mạng tháng Mười ; b) không bác bỏ, mà còn xác nhận sự đúng đắn của khẩu hiệu đó.

Trên kia, tôi đã nói rồi và bây giờ tôi thấy không thể không nhắc lại một lần nữa rằng không thể đem đối lập việc hoàn thành cuộc cách mạng tư sản, tức là nhiệm vụ phải làm xong vào thời kỳ *sau khi* giai cấp vô sản đã giành được chính quyền, với khẩu hiệu chiến lược của Đảng trong giai đoạn thứ hai của cách mạng, trong thời kỳ *trước khi* giai cấp vô sản nắm chính quyền, khẩu hiệu mà chủ đề là vấn đề chính quyền.

5). Đồng chí nói tới bài báo mà ai nấy đều biết của đồng chí Mô-lô-tốp đăng trên báo *Sự thật* (ngày 12 tháng Ba 1927) : « Về cuộc cách mạng tư sản ở nước ta », bài báo mà đồng chí nói là đã « khiến » đồng chí phải yêu cầu tôi giải thích. Tôi không hiểu đồng chí đọc các bài báo như thế nào. Chính tôi cũng đã đọc bài báo của đồng chí Mô-lô-tốp, và tôi nghĩ rằng bài đó không mâu thuẫn chút nào với những điều đã nói trong bản báo cáo của tôi tại Đại hội lần thứ XIV của Đảng ta về vấn đề các khẩu hiệu của Đảng đối với nông dân.

Trong bài báo đó, đồng chí Mô-lô-tốp không bàn đến khẩu hiệu cơ bản của Đảng trong thời kỳ Cách mạng tháng Mười, mà bàn đến cái sự thật là Đảng đã tranh thủ được sự đồng tình của toàn thể nông dân, vì sau Cách mạng tháng Mười, Đảng đã hoàn thành cuộc cách mạng tư sản. Nhưng tôi đã nói ở trên rằng

việc xác nhận sự thật đó đã không phủ nhận mà ngược lại còn chứng thực sự đúng đắn của nguyên lý cơ bản, nói rằng chúng ta đã cùng đi với nông dân nghèo, trung lập trung nông, chống giai cấp tư sản thành thị và nông thôn mà lật đổ chính quyền tư sản và thiết lập chuyên chính vô sản; nếu không thì chúng ta đã không thể hoàn thành được cuộc cách mạng tư sản.

Bôn-sê-vích, số 7, 8, ngày 15 tháng Tư 1927

Sta-lin: *Những vấn đề chủ nghĩa Lê-nin*, Pháp văn, tr. 208—220, Nhà xuất bản ngoại văn, Mạc-tư-khoa, 1949.

VỀ KHẨU HIỆU CHUYÊN CHÍNH CỦA GIAI CẤP VÔ SẢN VÀ NÔNG DÂN NGHÈO TRONG THỜI KỲ CHUẨN BỊ CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI

TRẢ LỜI A. S. PÔ-CƠ-RỐP-SKI

Tôi nhận thấy rằng bức thư của đồng chí gửi đến ngày 2 tháng Năm năm nay không phải là một cớ hay lý do để buộc tôi phải trả lời một cách tỉ mỉ, nghĩa là trả lời tất cả các điểm.

Nói đúng ra thì, so với bức thư của I-an-ski, bức thư của đồng chí không hề có một cái gì là đặc biệt mới mẻ cả.

Nhưng sở dĩ tôi trả lời bức thư của đồng chí, là vì trong bức thư đó có một số yếu tố có tính chất trực tiếp làm sống lại những quan điểm của Ca-mê-nép trong thời kỳ tháng Tư — tháng Năm 1917. Chính chỉ vì muốn bóc trần những yếu tố làm sống lại những quan điểm của Ca-mê-nép, nên tôi thấy cần phải trả lời vắn tắt bức thư của đồng chí.

1. Trong thư, đồng chí có nói rằng, « trên thực tế trong thời kỳ từ tháng Hai đến tháng Mười, chúng ta đã có khẩu hiệu liên minh *với toàn thể* nông dân », rằng trong « thời kỳ từ tháng Hai đến tháng Mười, Đảng đã ủng hộ và đã bảo vệ khẩu hiệu *cũ* của mình đối với nông dân là : liện minh *với toàn thể* nông dân ».

Thứ nhất : như thế có nghĩa là, trong thời kỳ chuẩn bị cách mạng tháng Mười (tháng Tư — tháng Mười 1917), những người bôn-sê-vích đã không tự đề ra cho mình nhiệm vụ phải vạch rõ ranh giới giữa nông dân nghèo và nông dân khá giả, mà đã coi nông dân như một khối.

Thứ hai : như thế có nghĩa là, trong thời kỳ chuẩn bị Cách mạng tháng Mười, những người bôn-sê-vích đã không thay khẩu hiệu cũ : « Chuyên chính của giai cấp vô sản và nông dân » bằng khẩu hiệu mới : « Chuyên chính của giai cấp vô sản và nông dân nghèo », mà vẫn cứ giữ chủ trương cũ đã đề ra trong cuốn « *Hai sách lược* » của Lê-nin, năm 1905.

Thứ ba : như thế có nghĩa là, chính sách bôn-sê-vích về đấu tranh chống những sự dao động và tinh thần thỏa hiệp của các Xô-viết, trong thời kỳ chuẩn bị Cách mạng tháng Mười (tháng Ba — tháng Mười 1917), chống những sự dao động của tầng lớp trung nông trong các Xô-viết và ngoài mặt trận, chống những sự ngả nghiêng giữa cách mạng và phản cách mạng, chống những sự dao động và chính sách thỏa hiệp đã trở thành đặc biệt sâu sắc trong những ngày tháng Bẩy, khi mà các Xô-viết do bọn thỏa hiệp xã hội chủ nghĩa - cách mạng và bọn men-sê-vích cầm đầu, đã đi theo con đường của bọn tướng tá phản cách mạng để cô lập những người bôn-sê-vích, — như thế có nghĩa là, cuộc đấu tranh có tính chất bôn-sê-vích chống những sự dao động và chống chính sách thỏa hiệp đó của một số tầng lớp nông dân đã không có mục tiêu và tuyệt đối vô ích.

Cuối cùng, như thế có nghĩa là, vào tháng Tư — tháng Năm 1917, Ca-mê-nép đã có lý khi hắn ta bảo vệ khẩu hiệu cũ về chuyên chính của giai cấp vô sản và nông dân, còn Lê-nin thì trái lại đã sai lầm mà coi cái

khẩu hiệu ấy là đã cũ đi rồi và đã đề ra khẩu hiệu mới: chuyên chính của giai cấp vô sản và nông dân nghèo.

Chỉ cần nêu ra những vấn đề đó cũng đủ hiểu rõ sự bất nhất trong toàn bộ bức thư của đồng chí.

Nhưng vì đồng chí sính trích dẫn các tác phẩm của Lê-nin, nên chúng ta thử cùng nhau dùng trích dẫn.

Bất tất phải cố sức lắm mới có thể chứng minh được rằng cái mà Lê-nin coi là một hiện tượng *mới mẻ* trong quan hệ ruộng đất của nước Nga sau cách mạng tháng Hai, về phương diện phát triển sau này của cách mạng, cái đó không phải là lợi ích nhất trí giữa giai cấp vô sản và toàn thể nông dân, mà là sự *phân liệt* giữa nông dân nghèo và nông dân khá giả, mà tầng lớp thứ nhất, tức là tầng lớp nông dân nghèo thì đi theo giai cấp vô sản, còn tầng lớp thứ hai, tức là tầng lớp nông dân khá giả, thì lại đi theo Chính phủ lâm thời.

Sau đây là điều mà Lê-nin đã nói về vấn đề đó hồi *tháng Tư* 1917, trong cuộc luận chiến của Người chống Ca-mê-nép và những quan điểm của hắn ta.

*Hiện nay**, một đảng vô sản không được phép hy vọng vào sự nhất trí về lợi ích với giai cấp nông dân. (Xem Diễn văn tại hội nghị tháng Tư 1917, t. XX, tr. 245.)

Sau đó, Người nói:

Ngay từ bây giờ, chúng ta thấy trong các nghị quyết của các đại hội nông dân đều có tư tưởng đợi chờ Quốc hội lập hiến để giải quyết vấn đề ruộng đất; đó là một thắng lợi của tầng lớp *nông dân khá giả** ngả theo bọn lập hiến - dân chủ. (Xem Diễn văn tại hội nghị Pê-tơ-rô-gơ-rát, t. XX, tr. 176.)

Sau nữa, Người lại nói:

Có thể rằng nông dân sẽ đoạt lấy toàn bộ ruộng đất và toàn bộ chính quyền. Không hề quên cái khả năng đó và không giới hạn tầm mắt của tôi vào thời gian hiện nay, nên tôi đề ra cương lĩnh ruộng đất một cách rõ ràng và minh bạch mà vừa chú ý

---

* Do tôi gạch dưới, — *J. Sta-lin*

đến một hiện tượng *mới* là: sự *phân liệt* ngày càng sâu sắc giữa công nhân nông nghiệp và nông dân nghèo với những nông dân khá giả. (Xem « Những bức thư tháng Tư bàn về sách lược », t. XX, tr. 103.)

Đó là điều mà Lê-nin coi là một hiện tượng *mới* và *quan trọng* trong hoàn cảnh mới ở nông thôn, sau Cách mạng tháng Hai.

Lê-nin đã xuất phát từ điều đó mà xây dựng chính sách của Đảng trong thời kỳ sau tháng Hai 1917.

Lê-nin đã xuất phát từ nguyên lý đó khi Người nói tại hội nghị Pê-tơ-rô-gơ-rát hồi tháng Tư 1917, rằng:

Chỉ ở đây, ngay tại hội nghị này, chúng ta mới biết rằng Xô-viết các đại biểu công nhân và binh lính đã dâng chính quyền cho Chính phủ lâm thời. Xô-viết các đại biểu công nhân và binh lính, đó tức là thực hiện chuyên chính của giai cấp vô sản và binh lính; mà đa số những binh sĩ này đều là nông dân. Vậy chính đó là chuyên chính của giai cấp vô sản và nông dân. Nhưng « chuyên chính » đó đã có thỏa hiệp với giai cấp tư sản. Cho nên về điểm đó ta cần phải *xét lại chủ nghĩa bôn-sê vích « cũ »**. (Báo cáo về « tình hình hiện nay » và về thái độ đối với Chính phủ lâm thời, trình bầy tại hội nghị thị ủy Pê-tơ-rô-gơ-rát của Đảng Công nhân Xã hội - dân chủ Nga, t. XX, tr. 176.)

Chính xuất phát từ nguyên lý đó mà vào tháng Tư 1917, Lê-nin đã viết như sau:

Kẻ nào, *hiện nay* chỉ nói đến « chuyên chính dân chủ cách mạng của giai cấp vô sản và nông dân » là lạc hậu đối với cuộc sống, như thế là đã thực tế *chạy theo* giai cấp tiểu tư sản chống lại cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản, và đáng xếp vào phòng tàng trữ những loại đồ cổ « bôn-sê-vích » hồi trước cách mạng (có thể nói là phòng tàng trữ « những người bôn-sê-vích » cũ). (« Những bức thư về sách lược », t. XX, tr. 101.)

Chính trên cơ sở đó mà phát sinh ra khẩu hiệu chuyên chính của giai cấp vô sản và nông dân *nghèo*, *thay cho* khẩu hiệu cũ — chuyên chính của giai cấp vô sản và nông dân.

---

* Do tôi gạch dưới. *J. Sta-lin*

Đồng chí có thể nói, — vả lại đồng chí cũng đã nói như thế trong bức thư của đồng chí —, rằng như thế là đã làm theo lối Tơ-rốt-ski mà vượt qua cuộc cách mạng nông dân còn chưa hoàn thành, nhưng nói như thế thì thật cũng vững như lối Ca-mê-nép phản đối Lê-nin hồi tháng Tư 1917 vậy.

Lê-nin đã hoàn toàn chú ý đến lời phản đối đó khi Người nói rằng :

> Chủ nghĩa Tờ-rốt-ski nói : « Truất bỏ Nga hoàng và lập chính phủ công nhân ». Như thế là sai. Giai cấp tiểu tư sản đang tồn tại, quyết không thể vứt bỏ giai cấp đó đi được. Nhưng giai cấp đó gồm có hai bộ phận ; bộ phận *nghèo** của nó đi theo giai cấp công nhân. (Diễn văn kết thúc về bản báo cáo nói về « tình hình hiện nay » tại hội nghị thị ủy Pê-tơ-rô-gơ-rát của Đảng Công nhân Xã hội - dân chủ Nga, t. XX, tr. 182.)

Sai lầm của Ca-mê-nép, mà cũng là sai lầm hiện nay của đồng chí, chính là không biết nêu ra và nhấn mạnh sự khác nhau hiện có giữa hai bộ phận của giai cấp tiểu tư sản, ở đây tức là nông dân ; không biết *phân biệt* trong toàn bộ quần chúng nông dân, bộ phận nghèo của nó, và dựa vào đó mà *xây dựng* chính sách của Đảng trong thời kỳ chuyển từ giai đoạn thứ nhất của cuộc cách mạng 1917 qua giai đoạn thứ hai của cách mạng đó, không biết từ đó mà *rút ra* một khẩu hiệu mới, khẩu hiệu chiến lược thứ hai của Đảng : chuyên chính của giai cấp vô sản và của nông dân nghèo.

Chúng ta hãy tuần tự theo dõi lịch sử thực tiễn của khẩu hiệu « chuyên chính của giai cấp vô sản và của nông dân nghèo », từ tháng Tư đến tháng Mười 1917, trong các tác phẩm của Lê-nin :

---

* Do tôi gạch dưới. *J. Sta-lin.*

Tháng Tư 1917:

Đặc điểm của tình hình hiện nay ở Nga là *bước chuyển* từ giai đoạn cách mạng *thứ nhất**, giai đoạn đã đem lại chính quyền cho giai cấp tư sản, vì trình độ giác ngộ và tổ chức của giai cấp vô sản còn thấp kém, sang giai đoạn *thứ hai* của cách mạng, giai đoạn phải đem lại chính quyền cho giai cấp vô sản và cho những *tầng lớp nghèo trong nông dân**. («Luận cương tháng Tư», t. XX, tr. 88.)

Tháng Bảy 1917:

Chỉ có những công nhân cách mạng, nếu được *nông dân nghèo* ủng hộ, mới đập tan được sự phản kháng của bọn tư bản, mới đưa nhân dân đến chỗ giành được ruộng đất mà không phải bồi thường, đến chỗ giành được tự do hoàn toàn, thắng được nạn đói, thắng được chiến tranh, giành được một nền hòa bình công bằng và lâu dài. («Những bài học của cách mạng», t. XXI, tr. 77.)

Tháng Tám 1917:

Chỉ có giai cấp vô sản lãnh đạo *nông dân nghèo** (những người nửa vô sản, như đã nói trong cương lĩnh của chúng ta) mới có thể chấm dứt được chiến tranh bằng một nền hòa bình dân chủ, mới có thể hàn gắn được những vết thương của nó và tiến những bước đầu tới chủ nghĩa xã hội, những bước mà từ nay về sau đã trở thành tuyệt đối cần thiết và *bức thiết*. Đó là định nghĩa chính sách giai cấp của chúng ta hiện nay. («Nông dân và công nhân», t. XXI, tr. 111.)

Tháng Chín 1917:

Chỉ có chuyên chính của những người vô sản và *nông dân nghèo** mới có khả năng đập tan được sự phản kháng của bọn tư bản, mới có thể tỏ rõ một tinh thần dũng cảm và một sự quyết tâm thật sự to lớn trong khi nắm chính quyền, mới có thể bảo đảm cho mình được quần chúng trong quân đội cũng như trong nông dân ủng hộ một cách nhiệt liệt, một cách hoàn toàn và thật sự anh dũng. («Một trong những vấn đề cơ bản của cách mạng», t. XXI. tr. 147.)

---

* Do tôi gạch dưới. *J. Sta-lin.*

Hồi tháng Chín — tháng Mười 1917, trong cuốn sách *Những người bôn-sê-vích có giữ được chính quyền không?* Lê-nin đã tranh luận với báo *Đời sống mới* như sau :

*Hoặc là** toàn bộ chính quyền về tay giai cấp tư sản, nhưng đã từ lâu các anh không tán thành điều đó nữa rồi ; và chính ngay giai cấp tư sản cũng không dám hé răng nói một lời nào về điều đó cả, vì nó biết rằng trong những ngày 20 và 21 tháng Tư, nhân dân mới khẽ hất vai một cái mà đã lật đổ được một chính quyền như thế, thì bây giờ cũng sẽ lật đổ được một cách kiên quyết và thẳng tay gấp ba lần trước kia. *Hoặc là** chính quyền về tay giai cấp tiểu tư sản, tức là sự đồng minh (sự liên minh, thỏa hiệp) giữa giai cấp đó với giai cấp tư sản, vì giai cấp tiểu tư sản không muốn và cũng *không thể* đoạt lấy chính quyền một cách đơn độc và độc lập được, kinh nghiệm của tất cả các cuộc cách mạng đã chứng thực như thế, khoa học kinh tế cũng đã chứng thực như thế, — khoa học này dạy rằng trong một nước tư bản chủ nghĩa người ta có thể hoặc đứng về phía Tư bản, hoặc đứng về phía Lao động, chứ không thể đứng giữa hai phe đó được. Ở Nga khối đồng minh đó, trong vòng sáu tháng, đã thử dùng đến hàng chục biện pháp và đã thất bại. Cuối cùng, *hoặc là** toàn bộ chính quyền phải về tay những người vô sản và *nông dân nghèo**, để chống lại giai cấp tư sản, để đập tan sự phản kháng của giai cấp ấy. Đó là điều mà người ta chưa làm thử, và đó là điều mà các ngài, các quý ngài của báo *Đời sống mới* đã *khuyên* nhân dân *đừng làm*, bằng cách dùng tâm lý sợ hãi của các ngài trước giai cấp tư sản để dọa nạt họ. Không thể nghĩ ra một biện pháp thứ tư nào nữa cả. (t. XXI, tr. 125.)

Sự thật là như thế đó.

Tất cả những sự thật và biến cố đó của lịch sử chuẩn bị Cách mạng tháng Mười, đồng chí đã « điềm nhiên » *lẩn tránh* tất ; đồng chí đã « điềm nhiên » *gạch bỏ* khỏi lịch sử của chủ nghĩa bôn-sê-vích, cuộc *đấu tranh* của những người bôn-sê-vích trong thời kỳ chuẩn bị Cách mạng tháng Mười chống lại những sự *dao động*

---

* Do tôi gạch dưới. *J. Sta-lin.*

và *chính sách thỏa hiệp* của những « nông dân khá giả » hồi đó còn có chân trong các Xô-viết; đồng chí đã « điềm nhiên » *chôn vùi* khẩu hiệu chuyên chính của giai cấp vô sản và nông dân nghèo của Lê-nin và đồng thời đồng chí lại nghĩ rằng như thế không phải là *xuyên tạc* lịch sử và chủ nghĩa Lê-nin.

Với những lời trích dẫn đó, mà người ta có thể nêu ra bao nhiêu cũng được, thì đồng chí phải thấy rằng, sau tháng Hai 1917, những người bôn-sê-vích không phải là xuất phát từ liên minh với toàn thể giai cấp nông dân, mà là liên minh với bộ phận nghèo của giai cấp đó, rằng những người bôn-sê-vích đã tiến tới Cách mạng tháng Mười, không phải với khẩu hiệu *cũ:* chuyên chính của giai cấp vô sản và nông dân, mà với khẩu hiệu *mới:* chuyên chính của giai cấp vô sản và nông dân nghèo.

Điều đó chứng tỏ rằng những người bôn-sê-vích đã ứng dụng khẩu hiệu đó trong cuộc đấu tranh chống những sự dao động và chính sách thỏa hiệp của các Xô-viết, chống những sự dao động và chính sách thỏa hiệp của một bộ phận nông dân nào đó trong các Xô-viết, chống những sự dao động và chính sách thỏa hiệp của một số chính đảng nào đó trong phái dân chủ tiểu tư sản, được gọi là xã hội chủ nghĩa - cách mạng và men-sê-vích.

Điều đó chứng tỏ rằng nếu không có khẩu hiệu mới: chuyên chính của giai cấp vô sản và nông dân nghèo, thì chúng ta sẽ không thể tập hợp được một đội quân chính trị khá mạnh, có khả năng khắc phục được chính sách thỏa hiệp của bọn xã hội chủ nghĩa-cách mạng và bọn men-sê-vích, gạt bỏ những sự do dự

của một bộ phận nông dân nào đó, lật đổ chính quyền tư sản và do đó có thể hoàn thành được cách mạng tư sản.

Điều đó chứng tỏ rằng « chúng ta đã cùng với nông dân nghèo tiến tới Cách mạng tháng Mười và đã thắng lợi trong Cách mạng tháng Mười, chống lại sự phản kháng của bọn cu-lắc (họ cũng là nông dân) và những sự dao động của tầng lớp trung nông ». (Xem thư tôi trả lời I-an-ski.)

Như thế là tháng Tư 1917, cũng như trong suốt thời kỳ chuẩn bị Cách mạng tháng Mười, chính Lê-nin đã nói đúng, chứ không phải Ca-mê-nép ; còn đồng chí, là người hiện nay đang làm sống lại những quan điểm của Ca-mê-nép, thì, theo tôi, đồng chí đã đánh bạn với người xấu.

2) Trái với tất cả những điều đã nói ở trên, đồng chí đã trích dẫn những lời của Lê-nin nói rằng hồi tháng Mười 1917, chúng ta đã giành được chính quyền, nhờ có sự ủng hộ của *toàn thể* nông dân. Chúng ta đã giành được chính quyền với một sự ủng hộ *nào đó* của toàn thể nông dân, điều đó hoàn toàn đúng. Nhưng đồng chí đã quên thêm « chi tiết » này : trong và sau Cách mạng tháng Mười, *toàn thể* nông dân chỉ ủng hộ chúng ta *trong chừng mực* khi chúng ta tiến hành cuộc Cách mạng tư sản thôi. Đó là một « chi tiết » rất quan trọng, mà ở đây chi tiết đó có thể giải quyết được vấn đề. Một người bôn-sê-vích không thể « quên » một « chi tiết » quan trọng như thế và không thể lẩn tránh một vấn đề hết sức quan trọng như thế.

Bức thư của đồng chí chứng tỏ rằng đồng chí đã đem những lời nói của Lê-nin về sự ủng hộ của *toàn thể* nông dân *đối lập* với khẩu hiệu của Đảng về « chuyên chính của giai cấp vô sản và nông dân *nghèo* », cũng do

Lê-nin nêu lên. Nhưng muốn đem những lời nói ấy của Lê-nin đối lập với những đoạn văn trên, trích trong các tác phẩm của Người, muốn có một lý lẽ để bác những câu nói trên đây của Lê-nin về khẩu hiệu chuyên chính của giai cấp vô sản và nông dân nghèo bằng những lời mà đồng chí thường mượn của Lê-nin nói về toàn khối nông dân,—thì ít nhất cần phải chứng minh hai điểm.

Thứ nhất là, phải chứng minh rằng việc hoàn thành cách mạng tư sản là *điểm chủ yếu* của Cách mạng tháng Mười. Lê-nin cho rằng việc hoàn thành cách mạng tư sản chỉ là một kết quả « *phụ* » của Cách mạng tháng Mười mà thôi, cuộc cách mạng này « *nhân tiện* » đã giải quyết nhiệm vụ đó. Trước hết cần phải hoàn toàn bác được luận điểm đó của Lê-nin và chứng minh rằng điểm *chủ yếu* trong Cách mạng tháng Mười không phải là lật đổ chính quyền của giai cấp tư sản và chuyển chính quyền đó vào tay giai cấp vô sản, mà là hoàn thành cách mạng tư sản. Đồng chí mà chứng minh được điều đó thì tôi sẽ sẵn sàng thừa nhận rằng ở nước ta, khẩu hiệu của Đảng từ hồi tháng Tư đến tháng Mười 1917 không phải là chuyên chính của giai cấp vô sản và nông dân nghèo, mà là chuyên chính của giai cấp vô sản và nông dân.

Bức thư của đồng chí chứng minh rằng, đồng chí tự xét thấy không thể đảm nhiệm được nhiệm vụ hết sức nguy hiểm đó nên đồng chí mới định « nhân tiện đó » mà chứng minh rằng một trong những vấn đề quan trọng nhất của Cách mạng tháng Mười, tức vấn đề hòa bình, thì *toàn bộ* nông dân có thể nói là đều ủng hộ chúng ta. Dĩ nhiên, thế là sai. Thế là hoàn toàn sai. Đối với vấn đề hòa bình, thì quan điểm của đồng chí là quan điểm của một người tầm thường. Thật ra, lúc đó ở nước ta vấn đề hòa bình là vấn đề chính quyền,

vì chỉ khi nào chính quyền có chuyển vào tay giai cấp vô sản, thì mới có hy vọng ra khỏi chiến tranh đế quốc chủ nghĩa được.

Chắc chắn là đồng chí đã quên những lời của Lê-nin nói rằng « người ta chỉ có thể chấm dứt được chiến tranh khi nào chính quyền chuyển vào tay một giai cấp khác » ; rằng : « Đả đảo chiến tranh ! không có nghĩa là vứt lưỡi lê đi. Điều đó có nghĩa là : chuyển chính quyền vào tay một giai cấp khác ». (« Diễn văn tại hội nghị Pê-tơ-rô-gơ-rát » tháng Tư 1917, t. XX tr. 181 và 178.)

Như vậy, chỉ có một trong hai điều là : hoặc đồng chí phải chứng minh được rằng điểm *chủ yếu* trong Cách mạng tháng Mười là hoàn thành cách mạng tư sản, hoặc đồng chí sẽ không thể chứng minh được điều đó, thế thì tự nhiên phải đi tới kết luận là trong thời kỳ Cách mạng tháng Mười, *toàn thể* nông dân chỉ có thể ủng hộ chúng ta trong *chừng mực* là chúng ta tiến hành đến triệt để cách mạng tư sản mà thủ tiêu chế độ quân chủ, chế độ sở hữu phong kiến về ruộng đất và chế độ phong kiến đi.

Thứ hai, đồng chí phải chứng minh được rằng trong Cách mạng tháng Mười và sau Cách mạng tháng Mười, những người bôn-sê-vích đã có thể được sự ủng hộ của toàn thể nông dân, khi họ hoàn thành cách mạng tư sản, mà lại *không* phải thực hành một cách có hệ thống khẩu hiệu chuyên chính của giai cấp vô sản và nông dân *nghèo* trong suốt thời kỳ chuẩn bị Cách mạng tháng Mười, mà lại *không* căn cứ vào khẩu hiệu đó để đấu tranh một cách có hệ thống chống lại chính sách thỏa hiệp của các đảng tiểu tư sản, mà lại *không* căn cứ vào cùng một khẩu hiệu đó để vạch trần một cách có hệ thống những sự dao động của một số tầng lớp nông dân và các đại biểu của họ trong các Xô-viết.

Đồng chí hãy thử chứng minh như thế xem. Thật ra, tại sao trong và sau Cách mạng tháng Mười, chúng ta lại có thể được toàn thể nông dân ủng hộ? Vì rằng chúng ta đã có khả năng tiến hành cách mạng tư sản đến cùng. Tại sao chúng ta lại có được khả năng đó? Tại chúng ta đã lật đổ được chính quyền của giai cấp tư sản và thay nó bằng chính quyền của giai cấp vô sản, là giai cấp duy nhất có thể tiến hành cách mạng tư sản đến cùng.

Tại sao chúng ta lại đã có thể lật đổ được chính quyền của giai cấp tư sản và kiến lập nên chính quyền của giai cấp vô sản? Tại chúng ta đã tiến hành Cách mạng tháng Mười dưới khẩu hiệu chuyên chính của giai cấp vô sản và nông dân *nghèo*; tại chúng ta đã dựa trên khẩu hiệu đó mà tiến hành cuộc đấu tranh có hệ thống chống chính sách thỏa hiệp của các đảng tiểu tư sản; tại chúng ta đã dựa trên khẩu hiệu đó mà tiến hành cuộc đấu tranh có hệ thống chống những dao động của tầng lớp trung nông trong các Xô-viết; tại vì *chỉ có dựa trên khẩu hiệu đó* chúng ta mới có thể thắng được những sự dao động của trung nông, đập tan được chính sách thỏa hiệp của các đảng tiểu tư sản và tập hợp được một đội quân chính trị có khả năng tiến hành cuộc đấu tranh chuyển chính quyền vào tay giai cấp vô sản.

Không cần phải chứng minh cũng hiểu rằng nếu không có những điều kiện tiên quyết ấy, điều kiện quyết định vận mệnh của cuộc Cách mạng tháng Mười, thì trước Cách mạng tháng Mười cũng như sau Cách mạng tháng Mười, chúng ta có lẽ cũng đã không tranh thủ được sự ủng hộ của *toàn thể* nông dân, nhằm tiến hành đến cùng cuộc cách mạng tư sản.

Phải hiểu vấn đề phối hợp chiến tranh nông dân với cách mạng vô sản như vậy mới đúng.

Bởi vậy, trong và sau Cách mạng tháng Mười mà đem *đối lập* sự ủng hộ của toàn thể nông dân, nhằm tiến hành cách mạng tư sản đến cùng — với việc chuẩn bị Cách mạng tháng Mười dưới khẩu hiệu chuyên chính của giai cấp vô sản và nông dân *nghèo*, thì như thế là *không hiểu một tý gì về chủ nghĩa Lê-nin cả.*

Sai lầm căn bản của đồng chí là đồng chí không hiểu được sự xen kẽ giữa những nhiệm vụ *xã hội chủ nghĩa* với nhiệm vụ hoàn thành cách mạng *tư sản* trong tiến trình Cách mạng tháng Mười, cũng như không hiểu được bí thuật trong việc thực hiện những yêu cầu khác nhau của Cách mạng tháng Mười, nẩy sinh ra từ khẩu hiệu chiến lược thứ hai của Đảng: chuyên chính của giai cấp vô sản và nông dân nghèo.

Đọc thư của đồng chí, người ta có thể tưởng rằng không phải chúng ta làm cho nông dân phải phục vụ cách mạng vô sản, mà trái lại chính «toàn thể nông dân», kể cả bọn cu-lắc, đã làm cho những người bôn-sê-vích phải phục vụ họ. Giả sử những người bôn-sê-vích «tự mình đi» phục vụ cho những giai cấp phi vô sản một cách dễ dàng như thế, thì công việc của họ sẽ hỏng bét.

Nhưng quan điểm của Ca-mê-nép trong thời kỳ tháng Tư 1917 đã lôi chân đồng chí lại.

3) Đồng chí quả quyết rằng Sta-lin đã không thấy sự khác nhau giữa hoàn cảnh năm 1905 với hoàn cảnh hồi tháng Hai 1917. Dĩ nhiên, nói như thế là không nghiêm túc. Tôi không nói như thế, mà cũng không thể nói như thế được. Trong bức thư của tôi, tôi chỉ nói rằng khẩu hiệu của Đảng về chuyên chính của giai cấp

vô sản và của nông dân nghèo, đề ra hồi 1905, đã được Cách mạng tháng Hai 1917 xác nhận. Và, đương nhiên, nói như thế là đúng. Chính vì vậy mà trong một bài báo nhan đề là « Nông dân và công nhân », Lê-nin đã trình bày tình hình hồi tháng Tám 1917 như sau :

Chỉ có giai cấp vô sản và nông dân mới có thể lật đổ được chế độ quân chủ : đối với thời kỳ ấy (tức là năm 1905. *J. Sta-lin*) thì đó là định nghĩa cơ bản về chính sách giai cấp của chúng ta. Và khi ấy thì định nghĩa như thế là đúng. *Tháng Hai và tháng Ba 1917 lại đã xác nhận định nghĩa đó một lần nữa.** (t.XXI, tr. 111.)

Đồng chí chỉ thích cãi bướng thôi.

4) Rồi đồng chí còn định chứng minh chỗ tự mâu thuẫn của Sta-lin, bằng cách đem luận điểm của Sta-lin về tinh thần thỏa hiệp của người trung nông *trước tháng Mười*, mà đối lập với một đoạn trong cuốn sách của Sta-lin, *Những vấn đề chủ nghĩa Lê-nin*, trong đó có nói là *sau khi đã củng cố chuyên chính của giai cấp vô sản* thì có khả năng cùng với trung nông xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Chẳng cần phải cố gắng gì cho lắm cũng có thể chứng minh được rằng coi hai hiện tượng khác nhau đó là một, thì thật là hoàn toàn phản khoa học. Trung nông hồi trước Cách mạng tháng Mười, khi mà giai cấp tư sản còn nắm chính quyền, khác với trung nông sau lúc chuyên chính của giai cấp vô sản đã được củng cố, khi mà giai cấp tư sản đã bị lật đổ và bị tước quyền sở hữu rồi, khi mà chế độ hợp tác đã được phát triển và những tư liệu sản xuất chủ yếu đã tập trung trong tay giai cấp vô sản. Xem hai hạng trung nông đó là một và coi họ ngang hàng nhau như thế là không liên hệ với hoàn cảnh lịch sử để nhận xét sự vật, và không hề

---

* Do tôi gạch dưới. *J. Sta-lin.*

nhìn thấy triển vọng gì về sau cả. Điều đó tựa hồ như cái lối của Di-nô-vi-ép trích dẫn những đoạn văn của người khác mà lẫn lộn lung tung tất cả những ngày, tháng, thời kỳ.

Nếu cái đó mà gọi được là « biện chứng cách mạng » thì phải thừa nhận rằng Pơ-rốp-ski đã phá tất cả những kỷ lục về lý sự cùn « biện chứng ».

5) Tôi không nói đến các vấn đề khác, vì, thiết tưởng tôi đã nói hết những vấn đề đó trong bức thư tôi gửi cho I-an-ski rồi.

20 tháng Năm 1927.

Sta-lin. *Những vấn đề chủ nghĩa Lê-nin*, Pháp văn, Nhà xuất bản ngoại văn, Mạc-tư-khoa 1949, tr. 221 — 231.

ĐẢNG VÀ PHÁI ĐỐI LẬP

(Diễn văn đọc tại Hội nghị đại biểu lần thứ XIV của Đảng bộ Đảng Cộng sản (b) Liên-xô tỉnh Mạc-tư khoa ngày 23 tháng Một năm 1927).

(TRÍCH)

. . . .

II. GIAI CẤP CÔNG NHÂN VÀ NÔNG DÂN

Vấn đề quan hệ giữa giai cấp công nhân với nông dân.

Lê-nin đã nói vấn đề quan hệ lẫn nhau giữa giai cấp công nhân nước ta với nông dân là một vấn đề cơ bản của chuyên chính vô sản, vấn đề cơ bản của cách mạng ở nước ta. Người nói :

> Chỉ cần giữ quan hệ đúng đắn với nông dân trong vòng từ 10 năm đến 20 năm là có thể đảm bảo được thắng lợi trên phạm vi toàn thế giới (ngay cả trong tình hình mà cách mạng vô sản đang phát triển ở các nước, có bị chậm đi nữa).*

Giữ gìn quan hệ đúng đắn với nông dân, nghĩa là thế nào? Lê-nin cho việc giữ mối quan hệ đúng đắn với nông dân là dựa vào bần nông và «liên minh vững chắc» với trung nông.

---

* V. Lê-nin : Cương yếu cuốn «*Bàn về thuế lương thực*» Lê-nin *Toàn tập*, Nga văn, xuất bản lần thứ 4, t.32, tr.302-303.*(B.T.)*

Nhưng, phải đối lập thì nhìn nhận vấn đề ấy như thế nào? Họ không những không coi trọng sự liên minh giữa giai cấp công nhân với nông dân, không những không hiểu toàn bộ tính chất quan trọng của sự liên minh đó đối với sự phát triển của cách mạng nước ta, mà họ còn đi « quá xa », còn đề ra những chính sách không thể không làm tan vỡ sự liên minh giữa giai cấp công nhân với nông dân, không thể không phá vỡ sự đoàn kết giữa giai cấp công nhân với nông dân.

Để khỏi đi quá xa, tôi có thể dẫn ra đây cách nhìn của Pơ-rê-ô-bơ-ra-gien-ski, một nhà kinh tế học chủ chốt của phái đối lập. Ông ta coi nông dân như « thuộc địa » của công nghiệp nước ta, như một đối tượng cần phải ra sức mà bóc lột.

Thứ nữa, tôi còn có thể dẫn chứng ra đây rất nhiều văn kiện của phái đối lập chủ trương nâng cao giá hàng công nghiệp, mà nâng cao giá hàng công nghiệp thì nhất định sẽ làm cho công nghiệp nước ta suy yếu đi, làm cho bọn cu-lắc mạnh thêm lên, làm cho trung nông phá sản, và làm cho nông dân nghèo phải chịu ách nô dịch của bọn cu-lắc.

Tất cả những thứ văn kiện kiểu ấy của phái đối lập, đều là bộ phận cấu thành của chính sách của chúng nhằm chia rẽ với nông dân, chia rẽ với quần chúng trung nông.

Điều đó, trong bản « chính cương » hoặc phản đề cương* của phái đối lập có trực tiếp và công khai nói đến một chút nào không? Không. Trong bản « chính cương » và phản đề cương của phái đối lập, tất cả những điều đó đều bị lấp liếm và che giấu một cách kín đáo. Ngược lại, trong bản chính cương và phản đề

* Bản Anh văn dịch: *counter-theses*. (N.D.)

cương của phái đối lập, các bạn còn có thể tìm ra đến mười chỗ mà họ tán tụng trung nông, tán tụng nông dân nghèo nữa kia. Ngoài ra, ở đó, họ lại còn công kích Đảng, nói Đảng là có khuynh hướng cu-lắc. Nhưng ở đó không nói đến và không hề nói một tí nào trực tiếp và công khai đến cái đường lối của phái đối lập, đường lối có hại vô ngần, sẽ dẫn đến và không thể không dẫn đến sự chia rẽ kịch liệt giữa giai cấp công nhân với nông dân.

Nhưng, bây giờ tôi phải cố hết sức đem tất cả những thứ mà bọn thủ lĩnh của phái đối lập giấu giếm công nông một cách kín đáo đó, ra phơi trần trước ánh sáng, đặt nó lên trên mặt bàn, để bọn đối lập từ nay về sau không còn dám lừa dối Đảng nữa. Tôi muốn nói đến bài diễn văn của I-van Ni-ki-tit-sơ Smi-rơ-nốp cách đây không lâu, đã đọc trong hội nghị đại biểu Đảng bộ khu Rô-gô-scô Xi-mô-nốp-ski. Smi-rơ-nốp, một trong những người lãnh đạo của phái đối lập, là một trong những phần tử thành thực ít có của phái đối lập, đã có gan nói rõ sự thật về đường lối của phái đối lập. Các đồng chí muốn biết cái « chính cương » thật của phái đối lập về vấn đề quan hệ lẫn nhau giữa giai cấp vô sản với nông dân, như thế nào không ? Vậy xin các đồng chí hãy đọc qua bài diễn văn của Smi-rơ-nốp, hãy nghiên cứu một chút bài diễn văn đó, vì nó là một trong những văn kiện ít có của phái đối lập đã nói hết sự thật về lập trường thật của phái đối lập ở nước ta.

Hãy xem Smi-rơ-nốp đã nói những gì trong bài diễn văn đó :

Chúng tôi nói rằng cần phải sửa đổi ngân sách Nhà nước của chúng ta, phải đem một phần lớn số tiền 5.000 triệu của ngân sách mà dùng vào công nghiệp, *bởi vì dù có chia rẽ với trung nông cũng vẫn còn hơn là đâm đầu vào sự diệt vong tất nhiên không tránh khỏi.*

Đó là một điểm chủ yếu trong tất cả những cái mà bọn thủ lĩnh của phái đối lập giấu giếm đi trong «chính cương» và phản đề cương của chúng và do Smi-rơ-nốp, một thủ lĩnh của phái đối lập, đã thật thà phơi ra ánh sáng.

Do đó có thể thấy cái phương thức để «cứu vãn» cách mạng lại không phải là *liên minh* vững chắc với trung nông, mà lại là *chia rẽ* với trung nông.

Lê-nin nói :

«Nguyên tắc tối cao của chuyên chính là duy trì sự liên minh giữa giai cấp vô sản với nông dân, làm cho giai cấp vô sản đó có thể giữ vững được vai trò lãnh đạo và chính quyền Nhà nước.*»

Nhưng phái đối lập không đồng ý điểm đó, họ cứ khăng khăng nói rằng, đối với chuyên chính vô sản thì điều quan trọng không phải là sự liên minh với nông dân, với quần chúng nông dân cơ bản, mà là chia rẽ với họ.

Lê-nin đã nói, không những đã nói, mà từ Đại hội Đảng lần thứ VIII đến nay Người còn nói đi nói lại rằng, nếu không «liên minh vững chắc với trung nông» thì không thể kiến thiết thành công chủ nghĩa xã hội ở nước ta được**.

Nhưng phái đối lập không đồng ý điểm đó, họ cứ khăng khăng cho là có thể đem chính sách chia rẽ với trung nông thay cho chính sách liên minh vững chắc với trung nông.

---

* Xem V. I. Lê-nin: *Báo cáo về sách lược của Đảng Cộng sản (b) Liên-xô tại Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ 3*. Lê-nin: *Toàn tập*, Nga văn, xb. lần thứ 4, t.32, tr. 466). *(B. T.)*

**V. Lê-nin: *Diễn văn khai mạc lần thứ 8 Đảng cộng sản (b) Liên-xô* (*Toàn tập*, Nga văn, xuất bản lần thứ 4, t.29, tr. 125). *(B.T.)*

Lê-nin nói, muốn kiến thiết chủ nghĩa xã hội chúng ta cần phải cùng với quần chúng nông dân cơ bản tiến lên.

Nhưng phái đối lập không đồng ý điểm đó, họ cứ khăng khăng nói rằng chúng ta không nên tiến lên cùng với nông dân, mà nên chia rẽ với họ.

Điểm khác nhau căn bản giữa Đảng với phái đối lập trong vấn đề cơ bản, vấn đề quan hệ lẫn nhau giữa giai cấp vô sản với nông dân, chính là ở đó.

Phái đối lập mưu che giấu bộ mặt thật của họ trong «chính cương» của họ, nên đã dùng những lời tán tụng nông dân để che mắt mọi người, làm bộ công kích Đảng, nói Đảng là có khuynh hướng cu-lắc. Nhưng Smi-rơ-nốp đã đề ra việc hoàn toàn sửa lại «chính cương» của phái đối lập, đã lột bộ mặt giả của bọn thủ lĩnh phái đối lập, để lộ rõ cho Đảng thấy cái chân tướng của phái đối lập, tức là cái chân tướng của chính cương *thật sự* của phái đối lập.

Do đó, có thể kết luận như thế nào? Do đó có thể kết luận rằng « chính cương » và phản đề cương của phái đối lập chỉ là văn bản sáo rỗng để lừa dối Đảng và giai cấp công nhân mà thôi.

Chính sách chia rẽ với trung nông là chính sách thế nào? Chính sách chia rẽ với trung nông là chính sách chia rẽ với đa số nông dân, vì trung nông ít ra cũng chiếm 60% trong toàn thể nông dân. Chính vì thế, mà chính sách chia rẽ với trung nông sẽ đẩy đa số nông dân lọt vào tay bọn cu-lắc. Mà chính sách đẩy đa số nông dân lọt vào tay cu-lắc, là làm cho bọn cu-lắc mạnh lên, là cô lập nông dân nghèo, là làm suy yếu chính quyền xô-viết ở nông thôn, làm cho bọn cu-lắc dễ bóp cổ nông dân nghèo.

Nhưng vấn đề không phải chỉ có thế. Thi hành chính sách chia rẽ với đa số nông dân cũng là gây ra nội chiến ở nông thôn, làm trở ngại cho việc chúng ta lấy những nguyên liệu do nông dân sản xuất (bông, củ cải đường, lanh, da thuộc, lông cừu v. v...) để cung cấp cho công nghiệp nước ta, làm rối loạn việc cung cấp nông sản cho giai cấp công nhân, phá hoại cơ sở công nghiệp nhẹ của nước ta, phá hoại toàn bộ công cuộc kiến thiết của nước ta, phá hoại toàn bộ kế hoạch công nghiệp hóa quốc gia của nước ta.

Thưa các đồng chí, nếu như đừng nhìn những luận điệu sáo rỗng ấy trong «chính cương» và phản đề cương của phái đối lập, mà cứ nhìn vào chính sách thật của phái đối lập do Smi-rơ-nốp đã lên giọng giải thích cho chúng ta, thì vấn đề là như vậy.

Tôi không hề trách phái đối lập là đã cố ý tạo ra tất cả mọi tai họa nói trên. Nhưng vấn đề ở đây không phải là tại ý muốn và nguyện vọng của phe đối lập, mà là ở những hậu quả mà chính sách chia rẽ với trung nông do phái đối lập chủ trương, nhất định sẽ gây ra.

Điều mà phái đối lập gặp phải về mặt này, thật giống hệt như tình trạng con gấu trong chuyện ngụ ngôn «Người ẩn sĩ và con gấu» đã gặp phải *(Có tiếng cười)*. Chẳng phải nói thì ai cũng thừa biết rằng con gấu cầm một hòn đá lớn ném bẹp sọ người bạn ẩn sĩ của nó, vốn chỉ là muốn đuổi con ruồi đáng ghét đậu trên mặt người ẩn sĩ thôi. Chẳng qua ý muốn của con gấu cũng chỉ là thiện ý thôi. Nhưng cái ý muốn tốt của con gấu lại không hề đưa đến hành động tốt một tí nào cả, vì kết quả là làm uổng mạng người ẩn sĩ. Đương nhiên là phe đối lập muốn cho cách mạng được thuận buồm xuôi gió. Nhưng những phương pháp do

phái đối lập vì muốn thế mà đề ra, thì tất nhiên lại chỉ làm cho cách mạng tiêu vong, làm cho giai cấp công nhân và nông dân bị tiêu diệt, làm cho toàn bộ công cuộc kiến thiết của nước ta bị phá hoại mà thôi.

«Chính cương» của phái đối lập là chính cương phá hoại sự liên minh giữa giai cấp công nhân và nông dân, là chính cương phá hoại toàn bộ công cuộc kiến thiết của chúng ta, là chính cương phá hoại sự nghiệp công nghiệp hóa.

Sta-lin: *Toàn tập*, Nhà xuất bản ngoại văn, Mạc-tư-khoa, 1954, Trung văn, t. 10, tr. 217—221

LÊ-NIN VÀ VẤN ĐỀ LIÊN MINH VỚI TRUNG NÔNG

(TRẢ LỜI ĐỒNG CHÍ S.)

Đồng chí S.

Thật là sai nếu ai cho rằng khẩu hiệu của Lê-nin: « Phải biết tiến tới liên minh với trung nông, mà không hề lơ là một phút nào cuộc đấu tranh chống cu-lắc và đồng thời chỉ dựa chắc vào nông dân nghèo », — khẩu hiệu đã được nêu lên trong một bài báo của Lê-nin mà mọi người đều biết, nói về Pi-ti-rim Xô-rô-kin, — là một khẩu hiệu thuộc về « thời kỳ các ủy ban nông dân nghèo », khẩu hiệu của « giai đoạn cuối của thời kỳ được gọi là thời kỳ trung lập hóa trung nông ». *Thật là hoàn toàn sai*.

Các ủy ban nông dân nghèo đã được thành lập hồi tháng Sáu 1918. Cuối tháng Mười 1918, lực lượng của chúng ta ở nông thôn đã thắng thế lực cu-lắc, và trung nông đã *ngả theo* chính quyền xô-viết. Chính vì sự chuyển hướng đó nên mới có nghị quyết của Ban Chấp hành trung ương nhằm thủ tiêu chế độ có hai quyền lực song hành là các Xô-viết và các ủy ban nông dân nghèo; nhằm tiến hành những cuộc bầu cử mới vào các Xô-viết tổng và Xô-viết xã; nhằm thu hút các ủy ban nông dân nghèo vào trong các Xô-viết mới

được bầu ra, và do đó mà bãi bỏ những ủy ban ấy đi. Như mọi người đều biết, nghị quyết đó đã được chính thức thừa nhận ngày 9 tháng Một 1918, tại Đại hội lần thứ VI của các Xô-viết. Tôi muốn nói đến nghị quyết của Đại hội lần thứ VI của các Xô-viết ngày 9 tháng Một 1918 về vấn đề những cuộc tuyển cử mới để bầu ra các Xô-viết xã và tổng và về việc thu hút các ủy ban nông dân nghèo vào trong các Xô-viết.

Nhưng, bài báo của Lê-nin: « Những lời thú nhận quý báu của Pi-ti-rim Xô-rô-kin », trong đó khẩu hiệu trung lập trung nông được Lê-nin thay bằng khẩu hiệu liên minh với trung nông, đã đăng vào lúc nào? Bài báo đó đã đăng ngày 21 tháng Một 1918, tức là gần hai tuần *sau khi* nghị quyết của Đại hội lần thứ VI của các Xô-viết được công bố. Trong bài báo đó, Lê-nin nêu rõ rằng chính sách liên minh với trung nông được đề ra là vì trung nông đã *lại ngả theo* chúng ta.

Lê-nin đã nói về vấn đề đó như sau:

Ở nông thôn, nhiệm vụ của chúng ta là xóa bỏ giai cấp đại địa chủ, đập tan sự phản kháng của bọn bóc lột và bọn cu-lắc đầu cơ. Muốn thế, chúng ta *chỉ* có thể dựa chắc vào những người nửa vô sản, vào « nông dân nghèo ». Nhưng trung nông không phải là kẻ thù của chúng ta. Họ đã dao động, đang dao động, và sẽ còn dao động: nhiệm vụ tranh thủ những người dao động *không giống như* nhiệm vụ nhằm lật đổ bọn bóc lột và nhằm chiến thắng kẻ thù tích cực. Phải biết tiến tới liên minh với trung nông, — mà không hề lơ là một phút nào cuộc đấu tranh chống cu-lắc và đồng thời *chỉ* dựa chắc vào nông dân nghèo, — đó là nhiệm vụ trước mắt, vì rằng chính hiện nay, do những nguyên nhân đã nêu ra ở trên, thì *trung nông ngả theo chúng ta là điều tất nhiên**. (Xem t. XXIII, tr. 294.)

Do đó phải đi đến kết luận như thế nào?

Do đó phải đi đến kết luận là khẩu hiệu Lê-nin đề ra không thuộc về thời kỳ *trước*, về thời kỳ những ủy

---

* Do tôi gạch dưới. *J. Sta-lin*

ban nông dân và về thời kỳ trung lập hóa trung nông, mà thuộc về thời kỳ *mới*, thời kỳ liên minh với trung nông. Như vậy, không phải nó đánh dấu *sự kết thúc* của thời kỳ trước, mà là đánh dấu *sự bắt đầu* của thời kỳ mới.

Nhưng về khẩu hiệu đó của Lê-nin mà đồng chí khẳng định như thế là sai, không những sai về hình thức, có thể nói là sai về thời gian; mà còn sai cả về nội dung nữa.

Chúng ta đều biết rằng khẩu hiệu của Lê-nin đối với trung nông đã được toàn Đảng tuyên bố là khẩu hiệu mới tại Đại hội lần thứ VIII của Đảng ta (tháng Ba 1919). Chúng ta đều biết rằng chính Đại hội Đảng lần thứ VIII đã định cơ sở cho chính sách liên minh vững chắc của chúng ta với trung nông. Chúng ta đều biết rằng cương lĩnh của chúng ta, cương lĩnh của Đảng cộng sản (b) Liên-xô cũng đã được Đại hội Đảng lần thứ VIII thông qua. Chúng ta đều biết rằng cương lĩnh đó có những điểm riêng biệt về thái độ của Đảng đối với các tầng lớp ở nông thôn: nông dân nghèo, trung nông, cu-lắc. Chúng ta đã đọc thấy gì trong những đoạn đó của cương lĩnh của Đảng cộng sản (b) Liên-xô nói về các tầng lớp xã hội ở nông thôn và về thái độ của Đảng đối với các tầng lớp đó. Đồng chí hãy nghe đây:

Hiện nay, cũng như trước kia, trong toàn bộ công tác của mình ở nông thôn, Đảng cộng sản Nga đều *dựa vào những tầng lớp vô sản và nửa vô sản ở nông thôn*; trước hết, Đảng tổ chức những tầng lớp đó thành một lực lượng độc lập bằng cách thành lập ở nông thôn những chi bộ Đảng, những tổ chức của nông dân nghèo, một kiểu công đoàn đặc biệt của những người vô sản và nửa vô sản ở nông thôn v.v..., bằng cách dùng mọi phương pháp làm cho họ gần gũi vô sản thành thị, bằng cách làm cho họ thoát khỏi ảnh hưởng của giai cấp tư sản nông thôn và của những lợi ích tiểu tư hữu.

Đối với bọn cu-lắc, là giai cấp tư sản nông thôn, thì chính sách của Đảng cộng sản Nga *là đấu tranh kiên quyết chống lại những manh tâm bóc lột của chúng, là đập tan sự phản kháng của chúng đối với chính sách xô-viết.*

Đối với trung nông, thì chính sách của Đảng cộng sản Nga là lôi kéo họ một cách tuần tự và có phương pháp vào sự nghiệp xây dựng xã hội chủ nghĩa. Đảng đã tự đặt cho mình nhiệm vụ là phải tách họ ra khỏi bọn cu-lắc, lôi kéo họ về phía giai cấp công nhân, bằng cách quan tâm đến những nhu cầu của họ, bằng cách dùng công tác tư tưởng, chứ không bao giờ được dùng những biện pháp trấn áp mà khắc phục tình trạng lạc hậu của họ, bằng cách cố gắng đi đến những *thỏa thuận thực tế với họ*, mỗi khi quyền lợi thiết thân của họ bị đụng chạm, bằng cách nhân nhượng họ mỗi khi cần quyết định các biện pháp để tiến hành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa*. (*Đại hội Đ.C.S. (b) Nga lần thứ VIII*, biên bản ghi bằng tốc ký, tr. 351).

Vậy đồng chí hãy thử tìm xem giữa những đoạn đó trong cương lĩnh với khẩu hiệu của Lê-nin, có sự khác nhau nào không dù chỉ là khác nhau rất nhỏ, dù chỉ khác nhau về chữ thôi cũng được! Đồng chí sẽ không tìm thấy đâu, vì thực ra thì làm gì có sự khác nhau đó. Hơn thế nữa, chắc chắn rằng khẩu hiệu của Lê-nin đã không hề đối lập với những nghị quyết của Đại hội lần thứ VIII về vấn đề trung nông, mà trái lại nó còn nêu lên một cách rõ ràng nhất và đạt nhất những nghị quyết đó. Mà thực ra thì cương lĩnh của Đảng cộng sản (b) Liên-xô đặc biệt bàn về vấn đề trung nông, đã được thông qua hồi tháng Ba 1919, tại Đại hội Đảng lần thứ VIII, còn bài báo của Lê-nin chống lại Pi-ti-rim Xô-rô-kin, đề xướng sự liên minh với trung nông, thì đã đăng hồi tháng Một 1918, bốn tháng trước Đại hội Đảng lần thứ VIII.

Há lại không phải rõ ràng là Đại hội Đảng đã *hoàn toàn và dứt khoát xác nhận* khẩu hiệu của Lê-nin, nêu

---

* Những chữ in ngả là do tôi. *J. Sta-lin.*

ra trong bài báo của Người chống lại Pi-ti-rim Xô-rô-kin, là khẩu hiệu mà Đảng có nhiệm vụ phải *làm theo* trong khi công tác ở nông thôn *suốt trong thời kỳ kiến thiết xã hội chủ nghĩa hiện nay* hay sao?

Giá trị của khẩu hiệu của Lê-nin là ở chỗ nào?

Giá trị của khẩu hiệu của Lê-nin là ở chỗ nó đã nắm rất đúng *ba mặt không thể tách rời nhau được* của nhiệm vụ của Đảng ở nông thôn, được thể hiện trong một công thức rõ ràng duy nhất: a) *hãy dựa vào* nông dân nghèo; b) hãy tổ chức *sự liên minh* với trung nông; c) không một phút nào được ngừng *đấu tranh* chống cu-lắc. Vậy đồng chí hãy thử lấy một trong những nhân tố gồm trong công thức đó để làm cơ sở cho công tác ở nông thôn hiện nay, mà bỏ quên những nhân tố khác, thì nhất định thế nào đồng chí cũng sẽ bị dồn vào chỗ bế tắc.

Trong giai đoạn kiến thiết xã hội chủ nghĩa hiện nay, có thể nào tổ chức sự liên minh thực sự và vững chắc với trung nông, mà không cần dựa vào nông dân nghèo và không cần tiến hành đấu tranh chống cu-lắc được không?

Không được.

Trong giai đoạn phát triển hiện nay, có thể nào tiến hành đấu tranh thắng lợi với cu-lắc mà không cần dựa vào nông dân nghèo và không cần liên minh với trung nông được không?

Không được.

Làm thế nào thể hiện ra được một cách đạt hơn hết, nhiệm vụ ba mặt không thể tách rời nhau đó của Đảng ở nông thôn bằng một khẩu hiệu khái quát? Tôi nghĩ rằng khẩu hiệu của Lê-nin đã thể hiện được đạt nhất nhiệm vụ đó. Cần phải thú nhận rằng không thể nào nói đúng hơn Lê-nin được...»

Tại sao lại cần phải nhấn mạnh vào tác dụng bổ ích của khẩu hiệu của Lê-nin *chính vào lúc này, chính trong những điều kiện hiện nay* của công tác ở nông thôn?

Vì rằng chính trong lúc này, người ta thấy một số đồng chí đang biểu lộ xu hướng muốn xé nhỏ nhiệm vụ *ba mặt không thể tách rời nhau được* của Đảng ở nông thôn và tách rời những phần nhỏ đó ra. Trong thực tế chiến dịch thu mua lúa mì của chúng ta hồi tháng Giêng — Hai vừa qua đã hoàn toàn chứng minh điều đó.

Cần phải kiến lập sự liên minh với trung nông điều đó mọi người bôn-sê-vích đều biết. Nhưng làm thế nào để kiến lập được sự liên minh ấy, đó là điều mà không ai biết làm cả. Có người nghĩ rằng kiến lập liên minh với trung nông bằng cách rời bỏ cuộc đấu tranh chống cu-lắc hay giảm nhẹ cuộc đấu tranh đó đi: theo họ thì, cuộc đấu tranh chống cu-lắc có thể làm cho một bộ phận — bộ phận khá giả — trong tầng lớp trung nông tách rời chúng ta.

Một số khác lại cho rằng kiến lập liên minh với trung nông thì phải từ bỏ công tác tổ chức nông dân nghèo, hoặc phải làm yếu công tác đó đi: theo họ thì, tổ chức nông dân nghèo sẽ dẫn đến chỗ cô lập nông dân nghèo; mà sự cô lập đó có thể làm cho trung nông tách rời chúng ta.

Kết quả của tất cả những hiện tượng xa rời đường lối đúng đó, là đi đến chỗ bỏ quên mất nguyên lý mác-xít nói rằng trung nông là một giai cấp dao động, rằng sự liên minh với trung nông chỉ có thể vững chắc với điều kiện là phải tiến hành một cuộc đấu tranh kiên quyết chống cu-lắc và phải tăng cường công tác trong

nông dân nghèo; rằng nếu không có những điều kiện đó, thì trung nông có thể ngả theo cu-lắc, mà họ coi là một lực lượng.

Các đồng chí hãy nhớ lại lời Lê-nin nói tại Đại hội Đảng lần thứ VIII:

Cần phải xác định thái độ của chúng ta đối với giai cấp *không có một lập trường vững chắc, rõ rệt**. Đại bộ phận giai cấp vô sản đều ủng hộ chủ nghĩa xã hội; đại bộ phận giai cấp tư sản thì đều chống lại chủ nghĩa xã hội; xác định mối quan hệ giữa hai giai cấp đó là việc dễ dàng. Nhưng khi chúng ta nói đến một tầng lớp như tầng lớp trung nông, thì đó lại *là một giai cấp dao động*. Nó vừa là tầng lớp tư hữu, lại vừa là tầng lớp lao động. Nó không bóc lột những người lao động khác. Suốt hàng chục năm ròng, nó đã phải cố gắng rất nhiều để bảo vệ lấy địa vị của nó; nó đã phải chịu sự bóc lột của bọn đại địa chủ và bọn tư bản; nó đã chịu đựng mọi nỗi khổ cực, nhưng đồng thời nó cũng là tư hữu. Vì vậy đối với giai cấp dao động này, thái độ của chúng ta thật là vô cùng khó xử. (*Như trên*. tr. 300).

Nhưng còn có những hiện tượng khác xa rời đối với đường lối đúng đắn, cũng không kém phần nguy hiểm hơn những sai lệch trên kia. Có khi người ta tiến hành đấu tranh chống cu-lắc, nhưng lại tiến hành đấu tranh quá ư vụng về và dại dột đến nỗi đánh cả vào trung nông và bần nông. Kết quả là: cu-lắc không tổn hại gì cả, mà trái lại sự liên minh với trung nông bị tổn thương, và một bộ phận nông dân nghèo thì tạm thời rơi vào nanh vuốt bọn cu-lắc là bọn đang tiến hành một cuộc đấu tranh ngấm ngầm chống lại chính sách xô-viết.

Cũng có khi người ta toan đưa cuộc đấu tranh chống cu-lắc tới chỗ tước đoạt quyền sở hữu của chúng và đưa công tác thu mua lúa mì tới chỗ tịch thu những

---

* Những chữ in ngả là do tôi. *J. Sta-lin*.

lương thực thừa; nhưng người ta quên rằng việc tước đoạt bọn cu-lắc, trong điều kiện hiện nay, là một điều dại dột, và tịch thu những lương thực thừa không có nghĩa là liên minh với trung nông, mà lại là đấu tranh chống lại họ.

Do đâu mà có những hiện tượng xa rời đường lối của Đảng như thế?

Đó là do không hiểu được ba mặt trong nhiệm vụ của Đảng ở nông thôn chỉ là *một* và *không thể tách rời nhau được*. Đó là do không hiểu cái sự kiện là *ta không thể tách rời* cuộc đấu tranh chống cu-lắc với sự liên minh với trung nông, và cả hai nhiệm vụ đó đều không thể tách rời với nhiệm vụ biến tầng lớp nông dân nghèo thành một chỗ dựa của Đảng ở nông thôn*.

---

* Do đó những hiện tượng xa rời đường lối đúng đã tạo nên hai nguy cơ đối với sự liên minh giữa công nhân và nông dân: một nguy cơ thì do những người, chẳng hạn như muốn biến những biện pháp bất thường, tạm thời về việc thu mua lúa mì thành một phương châm thường xuyên hoặc lâu dài trong chính sách của Đảng, và một nguy cơ thì do những người muốn thủ tiêu những biện pháp bất thường, để làm cho bọn cu-lắc được tha hồ hoành hành, để công bố việc buôn bán được hoàn toàn tự do không phải chịu sự quy định của các cơ quan Nhà nước. Bởi vậy, để đảm bảo cho đường lối được đúng đắn, thì cần phải tiến hành đấu tranh trên hai mặt trận.

Nhân dịp này tôi muốn bày tỏ rằng báo chí của chúng ta không phải khi nào cũng tuân theo quy tắc đó; nó thường hay có tinh thần hơi một chiều. Chẳng hạn người ta tố cáo những kẻ đang tìm cách biến những biện pháp bất thường về việc thu mua lúa mì — biện pháp có tính chất tạm thời — thành phương châm thường xuyên trong chính sách của chúng ta, gây nên một mối đe dọa cho sự liên minh giữa công nhân và nông dân. Điều đó rất đúng. Nhưng có điều không tốt và sai lầm, là khi đi đôi với việc đó người ta lại không chú ý đầy đủ đến những kẻ đang đe dọa sự liên minh đó ở một phía khác, người ta đã không tố cáo chúng đúng mức; là khi người ta không vạch mặt những kẻ không chống nổi thế lực tự phát tiểu tư sản, nên đòi

Muốn cho những nhiệm vụ đó khỏi tách rời nhau trong quá trình công tác hàng ngày của chúng ta ở nông thôn, thì phải làm như thế nào?

Ít ra thì cũng phải đề ra một khẩu hiệu chỉ đạo có thể tập hợp tất cả những nhiệm vụ ấy thành một công thức phổ biến duy nhất và, do đó, tránh cho những nhiệm vụ ấy khỏi tách rời nhau.

Trong kho vũ khí của Đảng ta có một công thức nào, một khẩu hiệu nào như thế không ?

Có. Công thức đó là khẩu hiệu của Lê-nin : « Phải biết tiến tới liên minh với trung nông, mà không hề lơ là một phút nào cuộc đấu tranh chống cu-lắc và đồng thời *chỉ* dựa chắc vào nông dân nghèo thôi ».

Cho nên tôi nghĩ rằng khẩu hiệu đó là hợp lý nhất và phổ biến nhất ; rằng *chính vào lúc này, chính trong những điều kiện hiện nay* trong công tác của chúng ta ở nông thôn, tất nhiên phải đặt khẩu hiệu đó lên hàng đầu.

---

giảm nhẹ cuộc đấu tranh chống những phần tử tư bản chủ nghĩa ở nông thôn và đòi phục hồi hoàn toàn tự do buôn bán mà không cần đến vai trò điều tiết của Nhà nước ; như vậy là chúng phá hoại sự liên minh giữa công nhân và nông dân ở một phía khác. Như thế là sai. Như thế là phiến diện.

Cũng có khi người ta đã vạch mặt những kẻ chẳng hạn, đã phủ nhận khả năng và sự ích lợi về việc khôi phục những tiểu và trung kinh doanh cá thể của nông dân đang làm cơ sở cho nền kinh tế nông thôn trong giai đoạn hiện nay Điều đó rất đúng. Nhưng điều không tốt và không đúng là đi đôi với điều đó, người ta lại không vạch mặt những kẻ làm giảm nhẹ tầm quan trọng của các nông trang tập thể và nông trường quốc doanh, và không thấy rằng việc khôi phục những tiểu và trung kinh doanh cá thể của nông dân trên thực tế phải được bổ sung bằng việc mở rộng sự kiến thiết các nông trang tập thể và nông trường quốc doanh. Như thế cũng là phiến diện.

Muốn bảo đảm một đường lối đúng thì cần phải tiến hành đấu tranh *trên hai mặt trận*, và vứt bỏ hết tinh thần phiến diện đi.

Đồng chí coi khẩu hiệu của Lê-nin như một khẩu hiệu «đối lập», cho nên trong bức thư đồng chí có nói rằng: *Làm thế nào mà... khẩu hiệu đối lập đó lại có thể được đăng trên* tờ Sự thật *ngày mồng 1 tháng Năm 1928?*... Làm thế nào mà giải thích được *tại sao khẩu hiệu đó lại đăng trên các cột báo* Sự thật, *cơ quan ngôn luận của Ban Chấp hành trung ương của Đảng cộng sản Liên-xô? Vì in nhầm chăng hay đó là một sự thỏa hiệp với phái đối lập về vấn đề trung nông?*

Đồng chí hăng lắm đấy chứ! Nhưng này đồng chí S, hãy coi chừng «những bước ngoặt», không khéo vì quá nhiệt tình mà đồng chí sẽ đi đến kết luận là cần phải *cấm* công bố cương lĩnh của chúng ta, là cương lĩnh hoàn toàn xác nhận khẩu hiệu của Lê-nin (đó là một sự thật!), cương lĩnh về căn bản đã do Lê-nin thảo ra (Lê-nin quyết không phải là người đối lập!) và đã được Đại hội Đảng lần thứ VIII thông qua (Đại hội Đảng cũng không phải là phái đối lập!)Hãy tôn trọng một tý đối với một số điểm trong cương lĩnh của chúng ta về các bộ phận xã hội ở nông thôn! Hãy tôn trọng một tý đối với những nghị quyết của Đại hội Đảng lần thứ VIII về vấn đề trung nông!...

Còn câu của đồng chí nói về vấn đề «thỏa hiệp với phái đối lập về vấn đề trung nông», thì theo tôi cũng chẳng cần phải cải chính nữa; có lẽ đồng chí khi bốc lên đã buột miệng nói ra đó thôi.

Một trường hợp làm đồng chí rối trí, là trong khẩu hiệu của Lê-nin và trong cương lĩnh của Đảng cộng sản (bôn-sê-vích) Liên-xô, đã được Đại hội Đảng lần thứ VIII thông qua, có nói về việc *đồng minh* với trung nông, song, trong bài diễn văn khai mạc Đại hội lần thứ VIII, Lê-nin lại nói đến *liên minh vững chắc* với trung nông. Đồng chí thấy trong đó hình như có

một cái gì mâu thuẫn. Chắc là đồng chí cũng lại có ý cho rằng chính sách *đồng minh* với trung nông có thể coi như một sự từ bỏ chính sách *liên minh* với họ chăng. Thế là sai, đồng chí S. ạ. Đó là một lầm lẫn lớn. Chỉ có những kẻ chỉ nhìn thấy có chữ của khẩu hiệu thôi, mà không đi sâu tìm hiểu ý nghĩa của khẩu hiệu, thì mới có thể nghĩ như vậy được. Chỉ có những kẻ không biết lịch sử của khẩu hiệu về liên minh và đồng minh với trung nông mới có thể nghĩ như vậy được. Có thể nghĩ như vậy được, thì chỉ có những kẻ dám cho rằng Lê-nin *đã xa rời lập trường* của mình, vì trong bài diễn văn khai mạc Đại hội lần thứ VIII, Lê-nin đã nêu lên chính sách «liên minh vững chắc» với trung nông, mà trong một bài diễn văn khác trình bày *cũng* tại Đại hội đó và trong cương lĩnh của Đảng đã được Đại hội lần thứ VIII thông qua, thì lại tuyên bố rằng hiện nay chính sách của chúng ta là phải «đồng minh» với trung nông.

Giải thích điều đó như thế nào? Sự thật là Lê-nin và Đảng, mà đại diện là Đại hội lần thứ VIII, không hề thấy có *sự khác nhau nào* giữa khái niệm «đồng minh» và khái niệm «liên minh» cả. Sự thật là bất cứ chỗ nào, trong tất cả các bài diễn văn trình bày tại Đại hội lần thứ VIII, Lê-nin đều *coi ngang như nhau* khái niệm «liên minh» và khái niệm «đồng minh». Cũng có thể nói như thế đối với nghị quyết của Đại hội lần thứ VIII: «Về thái độ đối với trung nông» là nghị quyết đã coi khái niệm «liên minh» và khái niệm «đồng minh» là *không khác nhau*. Song do chỗ Lê-nin và Đảng không coi chính sách đồng minh với trung nông như một chính sách đột xuất và tạm thời, mà coi đó là một chính sách *lâu dài*, cho nên Lê-nin và Đảng đã có và hiện có đầy đủ lý do để gọi chính sách đồng minh với trung nông là chính sách liên minh vững chắc với họ, và ngược lại, thì chính sách liên minh vững chắc

với trung nông cũng là chính sách đồng minh với họ. Muốn biết chắc chắn thì chỉ cần tra cứu biên bản ghi tốc ký của Đại hội lần thứ VIII và nghị quyết cũng do Đại hội đó thông qua về vấn đề trung nông.

Sau đây là một đoạn trong bài diễn văn của Lê-nin đọc tại Đại hội lần thứ VIII:

Rất thường khi, vì những viên chức xô-viết thiếu kinh nghiệm, vì những khó khăn của vấn đề, mà những đòn nhằm đánh vào cu-lắc lại đánh cả vào trung nông nữa. Trong địa hạt đó, chúng ta đã phạm sai lầm nghiêm trọng. Kinh nghiệm mà chúng ta đã thu thập được về mặt đó sẽ giúp chúng ta làm đủ mọi cách để trong tương lai sẽ tránh được điều ấy. Đó là nhiệm vụ đặt ra trước mắt chúng ta, không phải trên lý luận, mà trên thực tiễn. Các đồng chí cũng thừa biết rằng nhiệm vụ đó thật là khó khăn. Chúng ta hiện chưa có của cải để có thể cấp cho trung nông được; mà trung nông thì rất coi trọng vật chất, rất thực tế, họ đòi hỏi những của cải vật chất cụ thể mà hiện nay chúng ta không đủ sức cung cấp cho họ được, và những của cải đó, nước ta có lẽ còn phải chịu thiếu thốn trong hàng bao tháng ròng đấu tranh gian khổ nữa, một cuộc đấu tranh mà ngay từ nay đã cho chúng ta trông thấy triển vọng toàn thắng. Nhưng chúng ta vẫn có thể làm được nhiều trong công tác hành chính của chúng ta: cải tiến bộ máy của chúng ta, sửa chữa vô số hà lạm. Đường lối của Đảng ta mà chưa nhằm được đầy đủ để tiến tới việc *kết thành khối, tới việc liên minh, tới việc đồng minh** với trung nông, thì đường lối đó chúng ta có thể và cần phải sửa chữa, cần phải bổ cứu. (*Như trên*, tr. 20)

Đồng chí thấy là Lê-nin không phân biệt « đồng minh » với « liên minh ».

Và sau đây là những đoạn văn trích trong nghị quyết của Đại hội lần thứ VIII « Về thái độ đối với trung nông »:

Lẫn lộn trung nông với cu-lắc, mở rộng trong một chừng mực nào đó những biện pháp nhằm đánh vào bọn cu-lắc để đối đãi với trung nông là vi phạm nghiêm trọng không những tất

* Tất cả các chữ in ngả đều do tôi — *J. Sta-lin*.

cả các sắc luật của chính quyền xô-viết và toàn bộ chính sách của chính quyền đó, mà còn vi phạm tất cả những nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa cộng sản, những nguyên tắc này đề xướng sự *đồng minh* của giai cấp vô sản với trung nông trong thời kỳ đấu tranh quyết định của giai cấp vô sản để lật đổ giai cấp tư sản, và coi đó là một trong những điều kiện cần thiết để chuyển một cách êm ái sang bước thủ tiêu mọi sự bóc lột.

Do tình trạng lạc hậu về kỹ thuật nông nghiệp so với kỹ thuật công nghiệp, nên ngay cả trong các nước tư bản chủ nghĩa tiên tiến, chứ đừng nói gì đến nước Nga nữa, tầng lớp trung nông vẫn là tầng lớp có gốc rễ kinh tế tương đối mạnh mẽ, tầng lớp ấy sẽ còn tồn tại khá lâu sau khi cách mạng vô sản bắt đầu. Vì vậy, sách lược của các viên chức xô-viết ở nông thôn, cũng như sách lược của các chiến sĩ của Đảng, phải được trù tính cho một *thời kỳ hợp tác lâu dài* với tầng lớp trung nông...

...Như thế chính sách hoàn toàn đúng của chính quyền xô-viết ở nông thôn sẽ bảo đảm được sự *liên minh và đồng minh* của giai cấp vô sản chiến thắng với tầng lớp trung nông...

...Chính sách của chính phủ công nông và của Đảng cộng sản cũng phải tiếp tục dựa trên một *tinh thần đồng minh đó* của giai cấp vô sản và nông dân nghèo với tầng lớp trung nông.* (*Như trên*, tr. 370 — 372).

Đồng chí thấy đấy, nghị quyết đó cũng không hề phân biệt « đồng minh » với « liên minh ».

Không phải là vô ích nếu chúng ta chú ý thấy nghị quyết đó của Đại hội lần thứ VIII không hề nói một lời nào đến sự « liên minh vững chắc » với trung nông. Song, phải chăng như thế có nghĩa là nghị quyết đó đã *xa rời* chính sách « liên minh vững chắc » với trung nông? Không phải. Điều đó chỉ có nghĩa là nghị quyết đó đã coi những khái niệm « đồng minh », « hợp tác » và khái niệm « liên minh vững chắc » là không khác nhau. Điều đó cũng dễ hiểu: không thể có « liên minh » với trung nông mà lại không có « đồng minh » với họ;

---

* Tất cả các chữ in ngả đều do tôi. *J. Sta-lin.*

và sự liên minh với trung nông sẽ không thể « vững chắc » được nếu không có đồng minh « lâu dài » và hợp tác với họ.

Sự thật là như thế đấy.

Trong hai điều phải chọn lấy một: *hoặc* là Lê-nin và Đại hội lần thứ VIII *đã xa rời* lời tuyên bố của Lê-nin về sự « liên minh vững chắc » với trung nông; *hoặc* là cần phải vứt bỏ sự giả định không được chính đáng đó đi, và thừa nhận rằng Lê-nin và Đại hội Đảng lần thứ VIII *không hề* phân biệt khái niệm « đồng minh » với khái niệm « liên minh vững chắc ».

Như vậy, người nào không muốn sa vào một cuộc cãi bướng vô ích, người nào muốn hiểu thấu ý nghĩa khẩu hiệu của Lê-nin đề xướng việc dựa vào nông dân nghèo, việc đồng minh với trung nông và sự đấu tranh chống cu-lắc, thì không thể không hiểu rằng chính sách *đồng minh* với trung nông chính là chính sách *liên minh vững chắc* với họ.

Sai lầm của đồng chí, chính là ở chỗ đồng chí không hiểu mưu mẹo gian trá của phái đối lập, đồng chí đã bị phái đó khiêu khích, đồng chí đã sa vào cạm bẫy mà đối phương đã chăng ra cho đồng chí. Bọn bịp bợm trong phái đối lập đã om sòm lên tiếng là chúng ủng hộ khẩu hiệu của Lê-nin về việc đồng minh với trung nông, nhưng khi làm như thế, thì đồng thời chúng liền tung ra một câu ám chỉ có tính chất khiêu khích, cho rằng nếu như vậy thì *đồng minh* với trung nông là một việc, còn « liên minh » vững chắc với họ lại là một việc khác. Chính như thế là chúng tìm cách làm một việc nhất cử lưỡng tiện: trước hết là che giấu lập trường thật sự của chúng đối với tầng lớp trung nông, lập trường không phải có bao hàm sự đồng minh

với trung nông, mà bao hàm sự *«bất hòa* với trung nông» (xem bài diễn văn mà mọi người đều biết của tên đối lập Smia-rơ-nốp, mà tôi đã chứng dẫn tại hội nghị lần thứ XVI của đảng bộ Cộng sản tỉnh Mạc-tư-khoa); sau cùng, là dùng sự khác nhau *giả tạo* giữa «đồng minh» và «liên minh» để mê hoặc những người khờ dại trong hàng ngũ bôn-sê-vích, làm cho họ hoàn toàn rối trí và đẩy họ xa rời đường lối Lê-nin.

Vậy một số đồng chí chúng ta đã đối phó với điều đó như thế nào? Đáng lẽ phải lột bỏ mặt nạ bọn lường gạt trong phái đối lập, đáng lẽ phải vạch cho chúng thấy hành vi gian dối của chúng đối với Đảng, trong lập trường thật sự của chúng đối với Đảng, đáng lẽ phải làm như thế, thì các đồng chí đó lại ăn phải bả, lao vào cạm bẫy và tự xa rời Lê-nin. Phái đối lập làm ầm ĩ lên chung quanh khẩu hiệu của Lê-nin; bọn đối lập giả bộ tán thành khẩu hiệu của Lê-nin — vậy thì, tôi phải từ bỏ khẩu hiệu đó, để khỏi bị lẫn lộn với phái đối lập, nếu không người ta có thể quy cho tôi là «thỏa hiệp với phái đối lập». Luận lý của các đồng chí ấy là như thế đấy!

Ấy thế mà đó không phải là một thí dụ độc nhất về những thủ đoạn lừa dối của phái đối lập. Lại lấy khẩu hiệu tự phê bình làm thí dụ. Nhiều người bôn-sê-vích không thể không biết rằng khẩu hiệu tự phê bình là cơ sở trong công tác hoạt động của Đảng ta, là phương pháp để làm cho nền chuyên chính vô sản được vững mạnh, là linh hồn của phương pháp bôn-sê-vích để rèn luyện cán bộ. Phái đối lập rêu rao om sòm lên rằng khẩu hiệu tự phê bình là do họ đề xướng ra; rằng Đảng đã mượn khẩu hiệu đó của họ và như vậy là đã chịu thua kém họ. Hành động như vậy, ít ra phái đối lập cũng muốn đạt tới hai mục đích sau đây:

Thứ nhất là lừa dối giai cấp công nhân và che giấu không cho họ thấy được cái hố sâu chia cách giữa khẩu hiệu « tự phê bình » của phái đối lập nhằm *phá hoại* tính Đảng, và khẩu hiệu tự phê bình bôn-sê-vích nhằm *tăng cường* tính Đảng;

Thứ hai là làm cho một vài người khờ dại mắc phải bả và khiến họ ly khai khẩu hiệu tự phê bình của Đảng.

Nhưng, một số đồng chí chúng ta đã đối phó với vấn đề đó ra sao? Đáng lẽ phải lột trần mặt nạ bọn lừa bịp trong phái đối lập, và bảo vệ khẩu hiệu tự phê bình bôn-sê-vích, thì các đồng chí đó lại sa vào cạm bẫy, xa rời khẩu hiệu tự phê bình, theo đuôi phái đối lập và... chịu đầu hàng phái đó, vì nghĩ lầm rằng như thế là mình ly khai với phái đối lập.

Có thể kể ra bao nhiêu thí dụ như thế nữa cũng được.

Nhưng trong công tác của chúng ta, chúng ta không thể theo đuôi bất cứ ai. Huống chi chúng ta lại càng không thể để dư luận của bọn đối lập hướng dẫn chúng ta trong công tác được. Chúng ta phải đi theo con đường của chúng ta, mà đồng thời vừa đập tan những thủ đoạn gian trá của phái đối lập và gạt bỏ những sai lầm của một số đồng chí bôn-sê-vích chúng ta đã bị rơi vào bẫy khiêu khích của bọn đối lập. Đồng chí hãy nhớ lấy những lời Mác nói: « Hãy đi theo con đường của các anh, và mặc cho thiên hạ muốn nói gì thì nói! »

12 tháng Sáu 1928
Sự Thật, số 152, ngày 3 tháng Bẩy 1928

Sta-lin: *Những vấn đề chủ nghĩa Lê-nin*,
Pháp văn, Nhà xuất bản ngoại văn,
Mạc-tư-khoa 1949, tr. 256—267.

BÀN VỀ CHÍNH SÁCH THỦ TIÊU GIAI CẤP CU-LẮC

Trên tờ *Sao đỏ* số 16, bài báo nhan đề là « Thủ tiêu bọn cu-lắc về mặt giai cấp », thực ra thì rất đúng, nhưng có hai chỗ nêu lên không đúng. Vì vậy tôi thấy cần phải sửa chữa chỗ không đúng đó.

1. Bài báo có nói :

> Trong thời kỳ khôi phục, chúng ta đã thực hành một chính sách hạn chế những thành phần tư bản chủ nghĩa ở thành thị và nông thôn. Khi bắt đầu thời kỳ cải tạo, thì chúng ta đã chuyển từ chính sách hạn chế sang chính sách tước đoạt.

Luận điểm đó không đúng. Chính sách hạn chế những thành phần tư bản chủ nghĩa và chính sách tước đoạt bọn đó không phải là hai chính sách khác nhau. Đó chỉ là một chính sách thôi. Tước đoạt những thành phần tư bản chủ nghĩa ở nông thôn là kết quả tất nhiên và là một bộ phận *khăng khít* của chính sách hạn chế những thành phần tư bản chủ nghĩa, của chính sách hạn chế những xu hướng bóc lột của bọn cu-lắc. Không thể coi việc tước đoạt những *thành phần* tư bản chủ nghĩa ở nông thôn với việc trừ bỏ bọn cu-lắc về mặt *giai cấp* là một được. Tước đoạt những thành phần tư bản chủ nghĩa ở nông thôn chính là tước đoạt và chiến thắng những *bộ phận nào đó* của giai cấp

cu-lắc, những bộ phận này không thể chống lại nổi áp lực về thuế khóa, không thể chống lại nổi một hệ thống biện pháp hạn chế của chính quyền xô-viết. Người ta thấy rằng chính sách hạn chế những xu hướng bóc lột của bọn cu-lắc, chính sách hạn chế những thành phần tư bản chủ nghĩa ở nông thôn, không thể không đi đến chỗ tước đoạt những bộ phận nào đó của giai cấp cu-lắc. Vì vậy, không thể không coi việc tước đoạt những bộ phận nào đó của giai cấp cu-lắc là kết quả tất nhiên và là một bộ phận khăng khít của chính sách hạn chế những thành phần tư bản chủ nghĩa ở nông thôn được.

Chúng ta đã thực hành chính sách đó không những trong thời kỳ khôi phục, mà còn thực hành cả trong thời kỳ cải tạo, cả trong thời kỳ sau Đại hội XV (tháng Chạp 1927), cả trong thời kỳ hội nghị Đảng lần thứ XVI (tháng Tư 1929), và ngay cả trong thời kỳ từ sau hội nghị đó cho đến mùa hè 1929, khi mà chúng ta bắt đầu thực hiện việc tập thể hóa toàn bộ, khi mà chúng ta bắt đầu *chuyển sang* chính sách *thủ tiêu* bọn cu-lắc về mặt giai cấp.

Nếu người ta xem xét những văn kiện quan trọng nhất của Đảng, bắt đầu chẳng hạn, bằng những văn kiện của Đại hội XIV, tháng Chạp 1925 (xem nghị quyết về bản báo cáo của Ban chấp hành trung ương), và cuối cùng, nghiên cứu đến văn kiện của hội nghị XVI, tháng Tư 1929 (xem nghị quyết « Những con đường khôi phục nông nghiệp »), thì người ta buộc phải thừa nhận rằng luận điểm « hạn chế những xu hướng bóc lột của bọn cu-lắc » hay luận điểm « hạn chế sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở nông thôn » luôn luôn *đi đôi* với luận điểm « tước đoạt những thành phần tư bản chủ nghĩa ở nông thôn », « chiến thắng những thành phần tư bản chủ nghĩa ở nông thôn ».

Điều đó có nghĩa là thế nào?

Điều đó có nghĩa là Đảng không *tách rời* việc tước đoạt những thành phần tư bản chủ nghĩa ở nông thôn với chính sách hạn chế những xu hướng bóc lột của bọn cu-lắc, với chính sách hạn chế những thành phần tư bản chủ nghĩa ở nông thôn.

Đại hội Đảng lần thứ XV cũng như hội nghị lần thứ XVI hoàn toàn dựa trên chính sách « hạn chế những xu hướng bóc lột của giai cấp tư sản nông thôn (nghị quyết của Đại hội XV « Về công tác nông thôn »); dựa trên chính sách « dùng những biện pháp mới để hạn chế sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở nông thôn » *(như trên)*; dựa trên chính sách « kiên quyết hạn chế những xu hướng bóc lột của cu-lắc » (xem nghị quyết của Đại hội XV về kế hoạch năm năm); dựa trên chính sách « tấn công cu-lắc », theo hướng « chuyển sang việc sau này hạn chế bọn cu-lắc, cũng như bọn tiểu chủ và tư thương, một cách có hệ thống hơn và kiên quyết hơn *(như trên)*; dựa trên một chính sách « tước đoạt về kinh tế một cách kiên quyết hơn », những « thành phần kinh tế tư bản chủ nghĩa tư nhân » ở thành thị và nông thôn (xem nghị quyết của Đại hội XV về bản báo cáo của Ban chấp hành trung ương).

Như vậy là: a) tác giả bài báo nói trên đã lầm tưởng chính sách hạn chế những thành phần tư bản chủ nghĩa và chính sách tước đoạt bọn đó là hai chính sách khác nhau. Sự thực chứng minh rằng ở đây chúng ta chỉ tiến hành một chính sách chung duy nhất là hạn chế chủ nghĩa tư bản, còn việc tước đoạt những bộ phận nào đó của giai cấp cu-lắc là một bộ phận khăng khít và là kết quả của chính sách đó:

Như vậy là: b) tác giả bài báo nói trên đã lầm mà quả quyết rằng việc tước đoạt những thành phần tư

bản chủ nghĩa ở nông thôn chỉ bắt đầu trong thời kỳ cải tạo, trong thời kỳ Đại hội XV thôi. Thật ra thì, việc tước đoạt đó đã có trước Đại hội XV, trong thời kỳ khôi phục, và sau Đại hội XV, trong thời kỳ cải tạo. Trong thời kỳ Đại hội XV, những biện pháp bổ sung mới không những làm mạnh thêm chính sách hạn chế sự bóc lột của cu-lắc, mà còn đẩy mạnh thêm việc tước đoạt một số đội ngũ nào đó của giai cấp cu-lắc.

2. Trong bài báo có nói :

Chính sách thủ tiêu bọn cu-lắc về mặt giai cấp hoàn toàn xuất phát từ chính sách tước đoạt những thành phần tư bản chủ nghĩa, và là một chính sách kế tục chính sách trên trong giai đoạn mới.

Luận điểm đó là không chính xác, và do đó không đúng. Đương nhiên, chính sách thủ tiêu bọn cu-lắc về mặt giai cấp không phải là từ trên trời rơi xuống, mà nó đã được chuẩn bị trước trong suốt thời kỳ trước đây, — thời kỳ hạn chế và cũng là tước đoạt những thành phần tư bản chủ nghĩa ở nông thôn. Nhưng nói thế không có nghĩa rằng chính sách đó về *căn bản* không khác với chính sách hạn chế (và tước đoạt) những thành phần tư bản chủ nghĩa ở nông thôn ; rằng chính sách đó, như người ta vẫn tưởng, là *sự kế tục* của chính sách hạn chế. Nói như tác giả của chúng ta, tức là phủ nhận *bước ngoặt* trong sự phát triển của nông thôn từ mùa hè năm 1929 tới nay. Nói như vậy, tức là phủ nhận rằng chúng ta đã thực hiện trong thời kỳ đó một sự *chuyển biến* trong chính sách của Đảng ta ở nông thôn. Nói như thế, tức có thể coi như tạo ra một nơi trú ẩn về tư tưởng cho những phần tử hữu khuynh trong Đảng ta, là những phần tử hiện nay đang bám vào những nghị quyết của Đại hội XV để chống lại chính sách *mới* của Đảng, hệt như trước đây Phơ-rum-kin cũng đã bám

vào những nghị quyết của Đại hội XIV để chống lại chính sách thành lập nông trang tập thể và nông trường quốc doanh.

Khi tuyên bố đẩy mạnh thêm chính sách hạn chế (và tước đoạt) những thành phần tư bản chủ nghĩa ở nông thôn, Đại hội XV đã xuất phát từ quan điểm nào? Đã xuất phát từ quan điểm cho rằng, mặc dầu đã hạn chế bọn cu-lắc như thế, nhưng *về mặt giai cấp*, thì bọn chúng vẫn *tồn tại* trong một thời gian nào đó. *Chính dựa trên điểm đó* mà Đại hội XV vẫn duy trì luật lệ về việc cho thuê ruộng đất, mặc dầu đã biết rất rõ rằng những người thuê ruộng phần lớn đều là cu-lắc cả. *Chính dựa trên điểm đó* mà Đại hội XV vẫn duy trì luật lệ về việc thuê mướn nhân công ở nông thôn, đồng thời vừa đòi hỏi phải nghiêm ngặt chấp hành luật lệ đó trong thực tiễn. *Chính dựa trên điểm đó* mà Đại hội lại tuyên bố một lần nữa rằng sự tước quyền sở hữu tài sản của bọn cu-lắc là điều không thể thừa nhận được. Những luật lệ và những quyết định đó có mâu thuẫn với chính sách *hạn chế* (và tước đoạt) những thành phần tư bản chủ nghĩa ở nông thôn không? Chắc chắn là *không*. Những luật lệ và những quyết định đó có mâu thuẫn với chính sách *thủ tiêu* bọn cu-lắc về mặt giai cấp không? Cố nhiên là *có*! Vì vậy, hiện nay, trong các vùng được quy định là vùng tập thể hóa toàn bộ, mà diện tích được tập thể hóa tăng lên không những hàng ngày mà ngay cả hàng giờ nữa, thì cần phải gác những luật lệ và quyết định đó lại. Hơn nữa, ngay tiến trình của phong trào nông trang tập thể trong các vùng được quy định là vùng tập thể hóa toàn bộ cũng đã *gạt* những luật lệ và quyết định đó ra một bên rồi.

Vậy liệu có thể khẳng định được rằng chính sách thủ tiêu bọn cu-lắc về phương diện giai cấp là *sự kế tục*

chính sách hạn chế (và tước đoạt) những thành phần tư bản chủ nghĩa ở nông thôn không? Hiển nhiên là không.

Tác giả bài báo nói trên đã quên rằng nếu chỉ thi hành những biện pháp hạn chế bằng thuế khóa và những biện pháp khác mà *cứ để* cho giai cấp cu-lắc nắm giữ công cụ sản xuất và quyền tự do sử dụng ruộng đất, nếu trong thực tiễn chúng ta vẫn *duy trì* luật lệ về thuê mướn công nhân làm thuê ở nông thôn, luật lệ về cho thuê ruộng đất và về việc ngăn cấm tước đoạt tài sản của bọn cu-lắc, thì chúng ta không thể thủ tiêu bọn cu-lắc về mặt giai cấp được. Tác giả quên rằng, với chính sách hạn chế những xu hướng bóc lột của bọn cu-lắc, người ta chỉ có thể tính đến tước đoạt những bộ phận cá biệt của giai cấp cu-lắc thôi, điều đó không mâu thuẫn với việc *duy trì* bọn cu-lắc về mặt giai cấp mà lại còn giả định trước việc duy trì giai cấp ấy cho đến một thời gian nào đó. Muốn trừ bỏ bọn cu-lắc về mặt giai cấp, mà chỉ có chính sách hạn chế và tước đoạt những bộ phận cá biệt thì chưa đủ. Muốn *trừ bỏ* bọn cu-lắc về mặt giai cấp, thì cần phải *đập tan* sự phản kháng của giai cấp đó trong một cuộc đấu tranh công khai và *tước đoạt* của chúng những tư liệu sản xuất đảm bảo sự tồn tại và phát triển của giai cấp đó (quyền tự do sử dụng ruộng đất, công cụ sản xuất, địa tô, quyền thuê mướn nhân công, v.v...).

Đó chính là *bước chuyển* sang chính sách thủ tiêu bọn cu-lắc về mặt giai cấp. Nếu không có bước chuyển đó, thì những lập luận về việc tước đoạt bọn cu-lắc về mặt giai cấp chỉ là những lời nói ba hoa vô ích, chỉ bùi tai và có lợi cho bọn gây ra xu hướng hữu khuynh mà thôi. Nếu không có bước chuyển đó, thì không thể có một công cuộc tập thể hóa nào đáng kể cả, mà lại

càng không thể nói đến một công cuộc tập thể hóa toàn bộ nào được ở nông thôn. Những nông dân nghèo và trung nông ở nông thôn chúng ta đã hiểu rõ như thế, họ đang tấn công bọn cu-lắc và đang tiến hành công cuộc tập thể hóa toàn bộ ở nông thôn. Nhưng hình như một số đồng chí chúng ta vẫn chưa hiểu điều đó.

Như vậy, chính sách hiện nay của Đảng ở nông thôn không phải là *sự tiếp tục* chính sách cũ, mà là một *bước chuyển* từ chính sách cũ là *hạn chế* (và tước đoạt) những thành phần tư bản chủ nghĩa ở nông thôn, sang chính sách mới và *thủ tiêu* bọn cu-lắc về mặt giai cấp.

Báo *Sao đỏ* số 18 ngày 21 tháng Giêng 1930

Sta-lin: *Những vấn đề chủ nghĩa Lê-nin*,
bản Pháp văn, nhà xuất bản ngoại văn,
Mạc-tư-khoa, 1949, tr. 412 — 416

VẤN ĐỀ TẬP THỂ HÓA NÔNG NGHIỆP Ở LIÊN-XÔ

BÁO CÁO CHÍNH TRỊ CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG TẠI ĐẠI HỘI THỨ XV CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN (b) LIÊN-XÔ

3 tháng Chạp 1927

(TRÍCH)

. . . .

III. NHỊP ĐỘ PHÁT TRIỂN CỦA NÔNG NGHIỆP NƯỚC TA.

a) Trái lại, ở nông thôn việc sản xuất phát triển tương đối chậm hơn. Nếu tổng sản lượng năm 1925 — 1926 (tính theo giá rúp trước chiến tranh) so với mức năm trước đã tăng được 19,2% ; năm 1926 — 1927 tăng được 4,1%, và năm 1927—1928 sẽ tăng 3,2%, thì con số sản lượng tăng lên — con số này tính sút đi rất nhiều so với khả năng thực tế — do Ủy ban kế hoạch Nhà nước dự tính trong dự án đầu tiên của kế hoạch 5 năm, sẽ tăng lên trong 5 năm là 24%, đổ đồng mỗi năm tăng được 4,8%, và đến năm 1931 — 1932 sản lượng nông nghiệp sẽ tăng từ 28% đến 30% so với sản lượng trước chiến tranh.

Đó là mức tăng hàng năm tạm tạm được về sản lượng nông nghiệp. Nhưng người ta không thể cho rằng mức tăng lên đó đã phá được kỷ lục so với các nước tư bản chủ nghĩa, cũng không thể cho rằng mức tăng

lên đó cũng đủ rồi để sau này giữ được sự thăng bằng cần thiết giữa nông nghiệp và công nghiệp quốc hữu hóa của chúng ta.

Sản lượng nông nghiệp của nước Mỹ, trong mười năm từ 1890 đến 1900, mỗi năm tăng được 9,3% ; trong mười năm từ 1900 đến 1910, mỗi năm tăng được 3,1% ; trong mười năm từ 1910 đến 1920, mỗi năm tăng được 1,4%. Sản lượng nông nghiệp trước chiến tranh của nước Nga trong khoảng mười năm từ 1900 đến 1911, mỗi năm tăng từ 3,2% đến 3,5%.

Cố nhiên, trong khoảng thời gian từ 1926—1927 đến 1931—1932, mỗi năm sản lượng nông nghiệp của nước ta sẽ tăng được 4,8%. Vả lại, dưới chế độ xô-viết, người ta thấy tỷ lệ tăng sản lượng nông nghiệp đã cao hơn mức tăng trong thời kỳ nước Nga tư bản chủ nghĩa. Nhưng không nên quên rằng tổng sản lượng công nghiệp quốc hữu hóa đến năm 1931—1932 sẽ tăng *gấp đôi* so với tổng sản lượng công nghiệp hồi trước chiến tranh, và tổng sản lượng công nghiệp năm 1931—1932 sẽ vượt mức trước chiến tranh đến 70%, — còn sản lượng nông nghiệp, đến lúc ấy, sẽ chỉ vượt được mức sản lượng nông nghiệp trước chiến tranh từ 28% đến 30% thôi, tức là *không đến một phần ba.*

Cho nên, không thể cho rằng nhịp độ phát triển của nông nghiệp nước ta như thế đã là đủ rồi.

b) Vì sao nhịp độ phát triển của nông nghiệp nước ta lại chậm hơn so với nhịp độ phát triển của công nghiệp quốc hữu hóa?

Sở dĩ như thế không những chỉ vì kỹ thuật nông nghiệp nước ta cực kỳ lạc hậu và trình độ văn hóa ở nông thôn quá thấp, mà hơn nữa còn vì một sự thật là sản xuất nông nghiệp phân tán của chúng ta chưa được

hưởng những thuận lợi như nền đại công nghiệp thống nhất, quốc hữu hóa của chúng ta. Sản xuất nông nghiệp trước hết không phải là một nền sản xuất quốc hữu hóa, cũng không phải là một nền sản xuất thống nhất, mà lại là một nền sản xuất phân tán và chia nhỏ thành từng mảnh. Nó không kinh doanh theo kế hoạch, mà đại bộ phận tạm thời còn bị thế lực tự phát* của nền sản xuất nhỏ chi phối. Nó chưa được tập hợp lại, và chưa được phát triển lên bằng con đường tập thể hóa, nên nó còn là một phạm vi thuận tiện cho những phần tử cu-lắc bóc lột. Tình hình đó làm cho nền kinh tế nông thôn phân tán không có được những thuận lợi lớn của nền sản xuất quy mô lớn, thống nhất và kinh doanh theo kế hoạch, như trường hợp đối với nền công nghiệp quốc hữu hóa của chúng ta.

Con đường thoát của nông nghiệp là ở chỗ nào? Có lẽ nên hãm bớt nhịp độ phát triển của công nghiệp nước ta nói chung, và của công nghiệp quốc hữu hóa nói riêng, chăng? Không thể như thế được. Như thế sẽ là một không tưởng cực kỳ phản động, cực kỳ phản vô sản (*Có tiếng hô*: «Rất đúng!».) Công nghiệp quốc hữu hóa phải phát triển và sẽ phát triển theo một nhịp độ gấp rút. Đó là một đảm bảo tốt cho bước đường của chúng ta tiến lên chủ nghĩa xã hội. Một đảm bảo là bản thân nông nghiệp cuối cùng sẽ được công nghiệp hóa.

Vậy con đường thoát là ở chỗ nào? Con đường thoát là ở chỗ đem những hộ nông nghiệp nhỏ và phân tán biến thành những nông trang lớn, hợp nhất, lấy

---

*Bản Pháp văn dịch: *force élémentaire*. Bản Trung văn dịch: *tự phát thế lực*. (*N.D.*)

việc cày cấy tập thể làm cơ sở; là ở chỗ chuyển đến chế độ canh tác tập thể, dựa trên cơ sở một nền kỹ thuật mới và cao.

Con đường thoát là ở chỗ tập hợp những hộ nông nghiệp nhỏ và rất nhỏ lại, một cách dần dần, nhưng cứ một mực tiến lên, — không dùng áp lực mà là lấy thực tế để giáo dục, và dùng cách thuyết phục, — thành những nông trang lớn lấy canh tác tập thể làm cơ sở, bằng những tổ chức tập thể, những tổ hợp tác, bằng cách sử dụng máy móc nông nghiệp và các máy kéo, bằng cách áp dụng những phương pháp khoa học trong việc thâm canh *.

Không hề có con đường thoát nào khác nữa.

Không làm như thế nông nghiệp nước ta sẽ không thể đuổi kịp, càng không thể vượt được những nước tư bản chủ nghĩa phát đạt nhất về mặt nông nghiệp (như Ca-na-đa, v.v...).

Tất cả mọi biện pháp mà chúng ta dùng để hạn chế những thành phần tư bản chủ nghĩa trong nông nghiệp và khuyến khích những thành phần xã hội chủ nghĩa trong nông thôn, để đưa các hộ nông nghiệp lên con đường phát triển hợp tác, và để làm sao cho Nhà nước tác động đến nông thôn một cách có kế hoạch đối với việc mua bán cũng như việc sản xuất: cố nhiên, tất cả những biện pháp đó đều là những biện pháp có ý nghĩa quyết định, nhưng đó mới chỉ là những biện pháp chuẩn bị để đưa nông nghiệp chuyển lên con đường tập thể hóa mà thôi.

---

* Bản Pháp văn dịch: *intensification de l'agriculture*. Bản Trung văn dịch: *Tập ước canh tác*, tức là việc tập trung sức lực và tiền vốn để tăng năng suất trên cùng một thửa ruộng. *(B.T.)*

c) Hai năm nay, về mặt đó, Đảng đã làm được những gì? Làm được nhiều việc. Nhưng đó vẫn chưa phải là đã làm được tất cả những điều có thể làm được.

Nói đến sự cố gắng đã đạt được trong lĩnh vực nông nghiệp, về mặt gọi là *bên ngoài* thôi, để cung ứng các thứ hàng cần dùng cho nền kinh tế nông nghiệp và để tổ chức việc tiêu thụ nông sản, thì chúng ta đã có những tiến bộ dưới đây: số hộ nông nghiệp gia nhập hợp tác xã nông nghiệp hiện nay đã chiếm gần 1/3 nông hộ; số hàng mà hợp tác xã tiêu dùng cung cấp cho nông thôn, đã từ 25,6% tổng số hàng nông thôn đã mua sắm năm 1924 - 1925, tăng lên đến 50,8% năm 1926 - 1927; số nông sản mà các cơ quan hợp tác xã và Nhà nước thu mua, đã từ 55,7% tổng sản lượng nông nghiệp năm 1924 - 1925, tăng lên đến 63% năm 1926-1927.

Còn những cố gắng đã đạt được trong lĩnh vực nông nghiệp, về mặt gọi là *ở bên trong*, tức là nói về mặt sản xuất nông nghiệp, thì chúng ta đã làm được vô cùng ít ỏi trong lĩnh vực này. Chỉ cần nêu ra đây một điểm cũng đủ: các nông trang tập thể và nông trường quốc doanh hiện chỉ cung cấp được hơn 2% một chút trong toàn bộ sản lượng nông nghiệp, và hơn 7% một chút trong sản lượng hàng hóa.

Dĩ nhiên, ở đây, có khá nhiều nguyên nhân, vừa khách quan vừa chủ quan. Nhân viên công tác của chúng ta không thành thạo, không quan tâm đúng mức đến công tác đó, nông dân thì bảo thủ và lạc hậu, tiền vốn cần thiết thì không đủ để đưa nông dân lên chế độ canh tác tập thể v.v... Mà ở đây, thì lại cần phải có những món tiền khá lớn.

Tại Đại hội lần thứ X, Lê-nin đã nói rằng chúng ta chưa có những số tiền vốn cần thiết để Nhà nước quản

lý được kinh doanh nông nghiệp* hoặc để tập thể hóa nông nghiệp. Tôi thiết nghĩ hiện nay chúng ta sẽ phải có số vốn đó, và số vốn đó nhất định sẽ ngày càng tăng. Nhưng tình hình hiện nay là: nếu không tập hợp những hộ nông nghiệp phân tán lại và không chuyển những hộ đó lên chế độ canh tác tập thể, thì không thể thực sự đẩy mạnh việc thâm canh và việc cơ giới hóa nông nghiệp được, không thể làm sao cho nông nghiệp nước ta, về nhịp độ phát triển, lại đuổi kịp được những nước tư bản chủ nghĩa như Ca-na-đa, chẳng hạn.

Cho nên, nhiệm vụ là cần phải làm cho cán bộ công tác ở nông thôn tập trung sự chú ý vào vấn đề quan trọng ấy.

Tôi nghĩ rằng các trạm cho thuê nông cụ thuộc các cơ quan của các Bộ dân ủy Nông nghiệp và các hợp tác xã nông nghiệp, đều phải có một tác dụng rất lớn trong việc này.

Đây là một ví dụ chứng tỏ rằng các nông trường quốc doanh thường đã giúp đỡ được nông dân chuyển lên con đường canh tác tập thể, rất có lợi cho họ. Tôi muốn nói đến Cục quản lý các nông trường quốc doanh ở U-cơ-ren đã dùng máy kéo giúp đỡ nông dân khu Ô-đét-xa. Cách đây không lâu báo *Tin tức* đã cho đăng một bức thư của nông dân ở khu đó tỏ lời cảm ơn sự giúp đỡ ấy. Tôi xin phép đọc lá thư ấy, để các đồng chí nghe: *(Có tiếng nói*: «Hay lắm!»)

«Chúng tôi, di dân các thôn Sép-tơ-sen-cô, Cơ-rát-xin, Ca-li-nin, «Tơ-se-rơ-nô-va Di-rơ-ka» (Vừng Hồng) và «Vô-khô-đi-a-sơ-to-rơ-i-ê Xô-tơ-xê» (Mặt trời mọc) tỏ lòng biết ơn sâu sắc của chúng tôi đối với chính quyền xô-viết vì đã được chính quyền xô-viết giúp đỡ chúng tôi rất nhiều để khôi phục kinh tế.

---

* Bản Pháp văn dịch: *étatiser*, Bản Trung văn dịch: *sử nông nghiệp phục tùng quốc gia kinh dinh.* (N.D.)

Trước kia, phần đông chúng tôi là nông dân nghèo, không có ngựa cày, cũng không có nông cụ. Chúng tôi không thể cày cấy được ruộng đất mà chúng tôi được thuê, và chúng tôi *buộc phải đem ruộng đất cho bọn cu-lắc cư trú lâu năm ở đó thuê, để lấy một phần hoa lợi.* Và thu hoạch thì quá xấu, vì mọi người đều biết rằng một người thuê ruộng cày thì sẽ không thể nào cày cấy được cẩn thận trên mảnh đất không phải là của họ. Số ít tiền mà Nhà nước cấp đỡ cho chúng tôi, thì chúng tôi đều ăn hết, thế là chúng tôi mỗi năm một nghèo thêm.

Năm nay có một đại biểu của Cục quản lý các nông trường quốc doanh xứ U-cơ-ren đến yêu cầu chúng tôi dùng máy cày để cày cấy, thay vào việc cho vay tiền. Trừ vài tên cu-lắc, tất cả di dân đều tán thành, tuy nhiên lúc ấy, mọi người đều rất hoài nghi không biết rồi công việc sẽ có thể làm được cẩn thận không. Điều làm cho chúng tôi vui mừng vô cùng và khiến cho bọn cu-lắc khó chịu là, những máy cày đã cày hết toàn bộ đất hoang và ruộng hóa, cày đảo và bừa lại một mạch đến năm sáu lượt, để nhổ hết cỏ hoang, đồng thời đã gieo toàn lúa mạch giống tốt trên khắp cả cánh đồng. Hiện nay thì bọn cu-lắc không còn chế nhạo công việc làm của máy cày được nữa. Năm nay, vì không mưa, nên nông dân ở khu chúng tôi gần như đều không cấy được lúa mì mùa đông; nơi nào đã gieo rồi thì đến nay vẫn chưa mọc được. *Trái lại, trên những cánh đồng của những người di dân chúng tôi rộng hàng trăm đê-xi-a-tin* đã được cày cấy, thì lúa mạch đã xanh rờn đẹp đẽ, cả đến những khu di dân phì nhiêu nhất của người Đức cũng không thấy được lúa tốt như thế.*

Ngoài việc gieo giống lúa mì mùa đông ra, máy cày còn cày được hết tất cả số ruộng đất dự bị gieo lúa mì mùa xuân. *Hiện nay chúng tôi không hề có lấy một đê-xi-a-tin ruộng nào là bỏ hoang hoặc phải đem cho thuê cả. Ở vùng chúng tôi không có lấy một người nông dân nghèo nào là không có được vài đê-xi-a-tin lúa mì mùa đông mà trước kia vẫn bỏ hóa.*

Sau khi đã chứng kiến những máy cày làm việc, thì chúng tôi không muốn làm việc theo lối kinh tế tiểu nông nữa; *chúng tôi đã quyết định tổ chức nông trang tập thể canh tác bằng máy cày, mà trong đó sẽ không còn có những mảnh ruộng trồng lúa của nông dân đơn độc nữa.* Theo hợp đồng chúng tôi đã ký kết với nông trường quốc doanh Ta-rát-xơ Sép-tơ-sen-cô, thì nông

---

* *Đê-xi-a-tin:* mẫu Nga, bằng 1 éc-ta 0925. *(B.T.)*

trường này phụ trách tổ chức việc canh tác bằng máy cày ở vùng chúng tôi ». (Xem báo *Tin tức* số 267, ra ngày 22 tháng Một 1927).

Nông dân viết như thế đó.

Thưa các đồng chí, nếu thường có nhiều ví dụ như thế, thì có thể đẩy mạnh được công cuộc tập thể hóa nông thôn lên nữa.

Nhiệm vụ của Đảng là phải làm cho các hợp tác xã và các cơ quan Nhà nước mở rộng hoạt động về mặt cung tiêu sản phẩm vào các nông hộ, và quy định nhiệm vụ thực tế trước mắt của Đảng trong việc xây dựng nông thôn của chúng ta là: đưa dần những nông hộ phân tán vào con đường lập những nông trang hợp nhất có quy mô lớn, vào con đường canh tác công cộng, tập thể, lấy việc thâm canh và cơ giới hóa nông nghiệp làm cơ sở, và phải thấy rằng đấy là một trong những biện pháp trọng yếu nhất để tăng thêm nhịp độ phát triển của nông nghiệp và để thắng được những thành phần tư bản chủ nghĩa ở nông thôn.



. . . .

Thứ nữa là, ở nông thôn, lực lượng bọn cu-lắc có tăng lên một phần nào đó. Sự kiện này là một điểm bất lợi trong bảng tổng kết tình hình kinh tế nước ta. Chúng ta đã dùng hết mọi biện pháp để hạn chế và cô lập bọn cu-lắc về mặt kinh tế chưa? Tôi nghĩ rằng chưa. Những đồng chí nào cho rằng có thể và cần phải dùng những biện pháp hành chính, dùng cách can thiệp của Cục Bảo vệ chính trị Nhà nước* để tiêu diệt bọn

---

* Bản Pháp văn dịch: *la Guépéou*, tức như Bộ Công an của ta. *(N.D.)*

cu-lắc được, tức là đã nghĩ lầm, họ nói: cứ việc đóng một cái dấu, thế là xong hết. Phương pháp đó dễ đấy, nhưng không hề có hiệu quả đâu. Chúng ta phải đánh đổ bọn cu-lắc bằng những biện pháp kinh tế, bằng cách thi hành luật pháp xô-viết. Mà luật pháp xô-viết thì không phải là những lời trống rỗng. Như thế dĩ nhiên không có nghĩa là loại bỏ việc áp dụng một số biện pháp hành chính cần thiết nào đó để chống lại bọn cu-lắc. Nhưng không được lấy những biện pháp hành chính đó để thay thế những biện pháp kinh tế. Cần phải hết sức chú ý đến những hiện tượng đi chệch đường lối của Đảng về mặt đấu tranh với bọn cu-lắc, trong hoạt động của các cơ quan hợp tác xã, và đặc biệt là về mặt tín dụng nông nghiệp.

. . . .

Báo *Sự thật*, số 279 và 282 ngày 6 và 9 tháng Chạp 1927.

Sta-lin: *Toàn tập*, Nhà xuất bản Nhân dân Bắc-kinh, 1954, Trung văn, t. 10, tr. 259 – 264, 266 – 267.

Sta-lin: *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương tại Đại hội lần thứ XV của Đảng Cộng sản (b) Liên-xô*, Nhà xuất bản ngoại văn, Mạc-tư-khoa 1950, Pháp văn, tr. 33—40.

TRÊN MẶT TRẬN LÚA MÌ

(Trích bài nói chuyện với sinh viên của Học viện giáo sư đỏ, của Viện Hàn lâm cộng sản và của trường Đại học Sve-rơ-lốp, ngày 28 tháng Năm 1928)

HỎI. — *Nguyên nhân căn bản của những khó khăn của chúng ta trên mặt trận lúa mì là ở chỗ nào? Làm thế nào ra khỏi những khó khăn đó? Về mặt nhịp độ phát triển ngành công nghiệp của chúng ta nói chung, và nhất là về mặt quan hệ giữa công nghiệp nhẹ và công nghiệp nặng, thì những khó khăn đó buộc chúng ta phải kết luận như thế nào?*

ĐÁP. — Thoạt trông thì hình như những khó khăn của chúng ta trên mặt trận lúa mì là do tình cờ mà có, chỉ là do đặt kế hoạch không tốt, chỉ là do một loạt sai lầm trong việc điều tiết* nền kinh tế.

Nhưng mới trông qua thì hình như là thế. Thực ra, ở đây, nguyên nhân của những khó khăn đó còn sâu xa hơn nhiều. Ở đây công việc đặt kế hoạch không tốt và những sai lầm trong việc điều tiết nền kinh tế đã có tác hại lớn, — điều đó không phải nghi ngờ gì nữa. Nhưng muốn lấy việc đặt kế hoạch không tốt và những

---

* Bản Pháp văn: *coordination de l'économie*; Bản Trung văn: *kinh tế bình hành công tác*. (N.D.)

sai lầm ngẫu nhiên mà giải thích mọi cái thì sẽ mắc sai lầm hết sức lớn. Coi thường tác dụng và sự quan trọng của công việc đặt kế hoạch là sai. Nhưng sai lầm sẽ còn to hơn, nếu thổi phồng tác dụng của nguyên tắc kế hoạch, vì nghĩ rằng chúng ta đã đạt đến trình độ phát triển cho phép chúng ta kế hoạch hóa và điều tiết được tất cả.

Không nên quên rằng, trong phạm vi kinh tế quốc dân của chúng ta, thì ngoài những thành phần chịu sự chi phối của việc kế hoạch hóa của chúng ta, còn có nhiều thành phần, hiện nay vẫn chưa có đủ điều kiện để kế hoạch hóa; cuối cùng là vẫn còn những giai cấp thù địch với chúng ta mà chúng ta không thể chỉ thông qua kế hoạch của Ủy ban Kế hoạch Nhà nước mà thắng được họ.

Vì thế, tôi nghĩ rằng không thể nào quy cái gì cũng chỉ đơn giản là do ngẫu nhiên mà có, cái gì cũng do những sai lầm trong việc đặt kế hoạch mà ra, v.v...

Vậy, nguyên nhân căn bản của những khó khăn của chúng ta trên mặt trận lúa mì là ở đâu?

Nguyên nhân căn bản của những khó khăn của chúng ta về mặt lúa mì, là sản xuất lúa mì hàng hóa tăng chậm hơn các nhu cầu về lúa mì.

Công nghiệp phát triển. Công nhân tăng thêm. Thành phố phát triển nhiều. Sau rốt, các vùng sản xuất nguyên liệu cho công nghiệp (bông, lanh, củ cải đường, v.v ..) cũng thêm lên và đòi được cung cấp lúa mì hàng hóa. Tất cả những cái ấy dẫn đến chỗ là nhu cầu về lúa mì, về lúa mì hàng hóa, tăng lên nhanh chóng. Thế mà sản lượng lúa mì hàng hóa lại tăng một cách chậm chạp chết người.

Ta không thể nói rằng năm nay, số lúa mì Nhà nước thu mua không nhiều bằng năm ngoái hay năm kia. Trái lại, năm nay, Nhà nước thu mua được rất nhiều lúa mì hơn những năm trước. Tuy vậy, chúng ta vẫn gặp nhiều khó khăn về lúa mì.

Đây là một vài con số. Trong khoảng năm 1925-1926, tính đến ngày 1 tháng Tư, chúng ta đã thu mua được 434 triệu pút* lúa mì. Trong số ấy, chúng ta đã bán ra nước ngoài 123 triệu pút. Vậy trong nước còn lại 311 triệu pút. Trong khoảng năm 1926 - 1927, tính đến ngày 1 tháng Tư, chúng ta có 596 triệu pút lúa mì thu mua. Trong số đó chúng ta đã bán ra nước ngoài 153 triệu pút. Trong nước còn lại 443 triệu pút. Khoảng năm 1927 - 1928, tính đến ngày 1 tháng Tư, chúng ta có 576 triệu pút lúa mì thu mua. Trong số đó, chúng ta đã bán ra nước ngoài 27 triệu. Trong nước còn lại 549 triệu pút.

Nói một cách khác, là tính đến ngày 1 tháng Tư vừa qua, để đáp ứng nhu cầu trong nước, chúng ta có một số lúa mì thu mua nhiều hơn năm ngoái 100 triệu pút, và nhiều hơn năm kia 230 triệu pút. Tuy vậy, năm nay chúng ta vẫn gặp nhiều khó khăn trên mặt trận lúa mì.

Trong một bản báo cáo của tôi, tôi có nói là những khó khăn đó đã bị những phần tử tư bản chủ nghĩa ở nông thôn và nhất là bị bọn cu-lắc lợi dụng để làm cho chính sách kinh tế của chính quyền xô-viết thất bại. Các đồng chí đều biết rằng Chính quyền xô-viết đã thi hành một loạt biện pháp nhằm chấm dứt mọi hành

---

* 1 pút: bằng 16 ki-lô 38 *(B.T.)*

động chống xô-viết của bọn cu-lắc. Nên tôi sẽ không nói nhiều về điểm đó nữa. Vấn đề tôi chú ý hiện giờ là vấn đề khác, đó là vấn đề nguyên nhân vì đâu sản xuất lúa mì hàng hóa tăng chậm, đó là vấn đề tìm hiểu vì sao ở nước ta sản xuất lúa mì hàng hóa tăng chậm hơn những nhu cầu về lúa mì, mặc dù chúng ta đã đạt mức trước chiến tranh về diện tích gieo giống và về tổng sản lượng lúa mì.

Quả vậy, chẳng phải thật sự là chúng ta đã đạt mức trước chiến tranh về diện tích gieo giống rồi hay sao? Phải, sự thật có như thế. Chẳng phải thật sự là năm ngoái, tổng sản lượng lúa mì đã ngang mức sản lượng trước chiến tranh, nghĩa là đã đạt được 5.000 triệu pút lúa mì rồi, hay sao? Phải, đó cũng là một sự thật. Thế thì vì cớ làm sao mà, mặc dù trong tình hình như thế, chúng ta lại đã sản xuất lúa mì hàng hóa kém đi hai lần, và chúng ta đã bán ra nước ngoài kém trước chiến tranh chừng hai mươi lần?

Nguyên nhân trước tiên và chủ yếu là sự thay đổi trong cơ cấu kinh tế nông thôn của chúng ta sau Cách mạng tháng Mười; là sự chuyển biến từ hình thức doanh nghiệp lớn của địa chủ và cu-lắc, đã cung cấp được số tối đa về lúa mì hàng hóa, sang hình thức doanh nghiệp nhỏ và trung của nông dân, chỉ cung cấp được số tối thiểu về lúa mì hàng hóa. Việc trước chiến tranh chúng ta có từ 15 đến 16 triệu nông hộ cá thể và ngày nay chúng ta lại có từ 24 đến 25 triệu nông hộ — chỉ một việc đó thôi cũng đủ tỏ rằng hiện nay nền nông nghiệp của chúng ta, chủ yếu là dựa vào nền kinh tế tiểu nông, nền kinh tế cung cấp số tối thiểu về lúa mì hàng hóa.

Sức mạnh của nền doanh nghiệp lớn trong nông nghiệp, dù là của đại địa chủ, của cu-lắc hay dù là doanh nghiệp tập thể cũng vậy, là ở chỗ nó có thể dùng máy móc, lợi dụng những thành tựu khoa học, dùng phân bón, nâng cao năng suất lao động và do đó cung cấp được số tối đa về lúa mì hàng hóa. Và, ngược lại, chỗ yếu của hình thức doanh nghiệp tiểu nông là nó không có, hay gần như không có những khả năng nói trên; điều đó làm cho nó trở thành một thứ doanh nghiệp nửa-tiêu dùng, sản xuất được rất ít cho thị trường.

Thử lấy nông trang tập thể và nông trường quốc doanh làm thí dụ. Ở ta, về lúa mì hàng hóa, các nông trường này cung cấp 47,2% tổng sản lượng của nó. Nói một cách khác, những nông trường ấy cung cấp lúa mì hàng hóa có phần nhiều hơn các cơ sở doanh nghiệp của đại địa chủ vào thời kỳ trước chiến tranh. Còn các cơ sở doanh nghiệp nhỏ và trung của nông dân thì sao? Ở ta, về mặt lúa mì hàng hóa, các cơ sở này chỉ cung cấp được 11,2% tổng sản lượng của nó. Như các đồng chí thấy, sự khác nhau đã khá rõ ràng.

Sau đây là một vài số liệu nêu bật cơ cấu của việc sản xuất lúa mì trước kia, vào thời kỳ trước chiến tranh, và ngày nay, vào thời kỳ sau Cách mạng tháng Mười. Số liệu này do Nem-tsi-nốp, ủy viên Cục Thống kê trung ương, cung cấp. Các con số này chưa hẳn là hoàn toàn đúng. Nem-tsi-nốp có nói trước như thế trong bản báo cáo giải thích; các con số chỉ giúp ta tính toán phỏng chừng mà thôi. Nhưng những số liệu đó cũng quá đầy đủ để giúp ta thấy được sự khác nhau giữa thời kỳ trước chiến tranh và thời kỳ sau Cách mạng tháng Mười, về mặt cơ cấu của việc sản xuất lúa mì nói chung và về mặt sản xuất lúa mì hàng hóa nói riêng.

	Tổng sản lượng lúa mì		Lúa mì hàng hóa (bán ra khỏi làng)		% lúa mì hàng hóa
	Tính bằng triệu pút				
TRƯỚC CHIẾN TRANH:					
1. Đại địa chủ	600	12%	281,6	21,6%	47,0%
2. Cu-lắc.	1.900	38%	650,0	50,0%	34,0%
3. Trung nông và nông dân nghèo. .	2.500	50%	369,0	28,4%	14,7%
Tổng cộng:	5.000	100%	1300,6	100 %	26,0%
SAU CHIẾN TRANH: (năm 1926-1927)					
1. Nông trang tập thể và nông trường quốc doanh.	80,0	1,7%	37,8	6,0%	47,2%
2. Cu-lắc	617,0	13,0%	126,0	20,0%	20,0%
3. Trung nông và nông dân nghèo . .	4.052,0	85,3%	466,2	74,0%	11,2%
Tổng cộng:	4.749,0	100%	630,0	100%	13,3%

Bảng thống kê trên đây chỉ rõ cái gì?

Một là nó chứng tỏ rằng phần rất lớn ngũ cốc đã chuyển từ bọn đại địa chủ và cu-lắc sang tiểu nông và trung nông. Điều ấy có nghĩa là tiểu nông và trung nông, vì đã được giải phóng khỏi ách bọn đại địa chủ và sau khi đã căn bản làm yếu sức bọn cu-lắc, thì họ đã có khả năng cải thiện rất nhiều đời sống vật chất của họ. Đó là một kết quả của Cách mạng tháng Mười. Lợi ích quyết định mà quần chúng nông dân cơ bản

đã thu được nhờ có Cách mạng tháng Mười, trước hết là ở chỗ đó.

Hai là nó chỉ rõ rằng, ở nước ta, những người giữ nhiều lúa mì hàng hóa chính là tiểu nông, và nhất là trung nông. Điều đó còn có nghĩa là, không những về mặt tổng sản lượng lúa mì mà còn cả về mặt sản xuất lúa mì hàng hóa, Liên-xô, sau Cách mạng tháng Mười, đã trở thành một nước có nền kinh tế tiểu nông, và người trung nông trở thành «nhân vật trung tâm» trong nông nghiệp.

Ba là nó chứng tỏ rằng việc tiêu diệt nền kinh tế đại địa chủ (trang trại lớn), việc thu hẹp nền kinh tế phú nông (trang trại lớn) chỉ còn không đầy một phần ba và sự chuyển sang nền kinh tế tiểu nông, là nền kinh tế chỉ bán ra thị trường có 11% tổng sản lượng của nó, những việc đó tất nhiên phải dẫn đến và thật sự đã dẫn đến chỗ là sản xuất lúa mì hàng hóa so với mức trước chiến tranh bị giảm sút rất nhiều, nhất là lúc đó trong lĩnh vực sản xuất lúa mì, nền kinh tế tập thể lớn (nông trang tập thể, nông trường quốc doanh) dù ít phát triển đi nữa cũng vẫn chưa có. Ngày nay, sự thật là sản xuất lúa mì hàng hóa bị giảm sút đến hai lần, mặc dù chúng ta đạt được mức trước chiến tranh về tổng sản lượng lúa mì.

Nguyên nhân căn bản của những khó khăn của chúng ta trên mặt trận lúa mì là thế đấy.

Chính vì thế mà không thể coi những khó khăn của chúng ta về mặt thu mua lúa mì chỉ đơn thuần là một hiện tượng ngẫu nhiên.

Không còn nghi ngờ gì nữa, ở đấy còn có cái tác dụng tiêu cực nào đó của việc các cơ quan thương nghiệp của chúng ta đã sai lầm mà đảm nhiệm cung cấp lúa mì cho nhiều thành phố nhỏ và trung bình, kết

quả tất nhiên là, trong một chừng mực nào đó, đã làm giảm số lúa mì dự trữ của Nhà nước. Nhưng tuyệt đối chắc chắn là nguyên nhân căn bản của những khó khăn của chúng ta trên mặt trận lúa mì không phải là ở đấy, mà là ở chỗ nền nông nghiệp chúng ta phát triển chậm về mặt sản xuất hàng hóa, trong khi đó thì nhu cầu về lúa mì hàng hóa tăng lên rất nhanh.

Thoát khỏi tình thế đó bằng con đường nào?

Có nhiều người cho rằng con đường thoát khỏi tình hình như thế là trở lại hình thức doanh nghiệp cu-lắc, là mở rộng và phát triển hình thức ấy. Những người đó không dám nói là nên trở lại hình thức doanh nghiệp của đại địa chủ; bọn họ biết rõ rằng ngày nay mà ba hoa về chuyện ấy thì thật là nguy hiểm. Nhưng bọn họ rất sẵn sàng nói rằng cần phải tìm mọi cách để phát triển các doanh nghiệp cu-lắc vì lợi ích của... chính quyền xô-viết. Họ cho rằng chính quyền xô-viết có thể dựa vào hai giai cấp đối lập nhau, — giai cấp cu-lắc lấy việc bóc lột giai cấp công nhân làm nguyên tắc kinh tế, và giai cấp công nhân lấy việc xóa bỏ mọi sự bóc lột làm nguyên tắc kinh tế. Thật là thủ đoạn xứng với bọn phản động.

Chẳng cần chứng minh cũng thấy rằng những « kế hoạch » phản động đó không phù hợp chút nào với lợi ích của giai cấp công nhân, với nguyên lý của chủ nghĩa Mác, với nhiệm vụ của chủ nghĩa Lê-nin. Nói rằng tên cu-lắc « không tệ hại » như tên tư bản thành phố; rằng tên cu-lắc hoàn toàn không nguy hiểm hơn một tên nếp-man* trong thành phố, rằng vì thế mà hiện nay chúng ta chẳng có gì phải « sợ » bọn cu-lắc cả, — nó

* Nếp-man (*Nepman*), người tư sản mới trong thời kỳ Chính sách kinh tế mới ở Liên-xô. (*B.T.*)

như thế chỉ là một lời nói trống rỗng theo kiểu phái tự do nhằm ru ngủ tính cảnh giác của giai cấp công nhân và của quần chúng nông dân cơ bản mà thôi. Không nên quên rằng, về công nghiệp, tại thành thị, nếu chúng ta có thể dùng đại công nghiệp xã hội chủ nghĩa, tức là công nghiệp cung cấp 9/10 tổng lượng hàng hóa công nghiệp mà đối lập với bọn tư bản nhỏ, thì ở nông thôn, về mặt sản xuất, chúng ta chỉ có thể dùng các nông trang tập thể và nông trường quốc doanh tuy chưa được củng cố đầy đủ và sản xuất lúa mì ít hơn các doanh nghiệp cu-lắc đến tám lần, để đối lập với nền sản xuất lớn của bọn cu-lắc. Không thấy được tầm quan trọng của nền đại doanh nghiệp cu-lắc ở nông thôn, không hiểu được rằng thế lực của bọn cu-lắc ở nông thôn còn lớn hơn gấp trăm lần thế lực của bọn tư bản nhỏ trong công nghiệp thành thị, thì thật là mất trí, là xa lìa chủ nghĩa Lê-nin, là chạy sang hàng ngũ kẻ thù của giai cấp công nhân.

Như vậy thì thoát khỏi tình thế đó bằng con đường nào?

1. Trước hết, con đường thoát là chuyển các hình thức doanh nghiệp tiểu nông, lạc hậu và phân tán sang hình thức đại doanh nghiệp tập thể, thống nhất, có máy móc, biết lợi dụng các thành tựu khoa học và có thể sản xuất lúa mì hàng hóa đến mức tối đa. Con đường thoát là chuyển từ nền kinh tế nông dân cá thể lên nền kinh tế tập thể, có tính chất xã hội, trong nông nghiệp.

Ngay trong mấy ngày đầu cuộc Cách mạng tháng Mười, Lê-nin đã kêu gọi Đảng hãy tổ chức các nông trang tập thể. Từ đấy, việc tuyên truyền cho tư tưởng hướng về nông trang tập thể không bao giờ ngừng trong Đảng ta. Nhưng chỉ có thời gian gần đây thì lời kêu gọi thành lập các nông trang tập thể mới có tiếng

vang trong quần chúng. Được như thế trước tiên là do việc phát triển một cách rộng rãi các hợp tác xã ở nông thôn, việc đó chuẩn bị tâm lý nông dân chuyển biến có lợi cho các nông trang tập thể; mặt khác, ngay bây giờ việc có một loạt nông trường thu hoạch mỗi đê-xi-a-tin từ 150 đến 200 pút và cung cấp từ 30 đến 40% số đó về lúa mì hàng hóa, đã thúc đẩy nông dân nghèo và trung nông lớp dưới gia nhập khá nhiều vào nông trang tập thể.

Ở đây, có một điều cũng khá quan trọng là chỉ gần đây thôi, Nhà nước mới có khả năng giúp nhiều vốn cho phong trào tập thể hóa. Mọi người đều biết rằng trong năm nay Nhà nước chuẩn cấp cho các nông trang tập thể một khoản tiền gấp đôi năm ngoái (hơn 60 triệu rúp). Đại hội Đảng lần thứ XV đã hoàn toàn có lý khi nhận định rằng những điều kiện cần thiết cho phong trào tập thể hóa hàng loạt đã chín muồi, rằng tăng cường cuộc vận động tập thể hóa là một trong những phương pháp hiệu nghiệm nhất để nâng cao sản xuất lúa mì hàng hóa ở trong nước.

Theo các số liệu của cục Thống kê trung ương thì, trong năm 1927, tổng sản lượng các nông trang tập thể thu được không dưới 55 triệu pút lúa mì, trong số đó trung bình có 30% là sản lượng lúa mì hàng hóa. Đầu năm nay, cao trào thành lập các nông trang tập thể mới và sự mở rộng những nông trang tập thể cũ nhất định có thể làm tăng sản lượng lúa mì các nông trang tập thể một cách đáng kể vào cuối năm. Nhiệm vụ là giữ cho được tốc độ phát triển hiện nay của cuộc vận động tập thể hóa nông nghiệp, là mở rộng các nông trang tập thể, là bãi bỏ các nông trang hữu danh vô thực và thay vào đấy bằng các nông trang thực sự, và xây dựng một chế độ làm sao cho các nông trang

tập thể phải bán tất cả lúa mì hàng hóa của mình cho các cơ quan Nhà nước và cho các hợp tác xã, bằng không thì sẽ bị Nhà nước cắt đứt các món tiền trợ cấp và các khoản cho vay. Tôi nghĩ rằng chỉ cần giữ đúng những điều kiện ấy là trong vòng ba hay bốn năm, các nông trang tập thể sẽ bán cho chúng ta đến 100 triệu pút lúa mì hàng hóa.

Đôi khi người ta đem đối lập cuộc vận động tập thể hóa nông nghiệp với cuộc vận động hợp tác xã, ắt hẳn là nghĩ rằng doanh nghiệp tập thể là một việc và hợp tác xã lại là một việc khác. Điều đó dĩ nhiên là sai. Thậm chí có nhiều người còn đem đối lập nông trang tập thể với kế hoạch hợp tác hóa của Lê-nin nữa. Không cần phải nói rằng đem đối lập như thế là hoàn toàn không đúng sự thật. Thật ra, nông trang tập thể là một hình thức hợp tác hóa, một hình thức rõ rệt nhất của sự hợp tác sản xuất. Có hợp tác xã tiêu thụ, có hợp tác xã cung ứng, lại có cả hợp tác xã sản xuất. Nông trang tập thể là bộ phận gắn liền, không thể tách rời được với phong trào hợp tác xã nói chung, với kế hoạch hợp tác hóa của Lê-nin nói riêng. Thực hành kế hoạch hợp tác hóa của Lê-nin là đưa nông dân — từ chế độ hợp tác bán và mua lên chế độ hợp tác sản xuất, có thể nói là đến chế độ hợp tác nông trang tập thể. Chính đó là một trong những lý do vì sao ở nước ta các nông trang tập thể chỉ xuất hiện và phát triển sau khi chế độ hợp tác bán và mua đã được phát triển và củng cố.

2. Con đường thoát là phải mở rộng và củng cố các nông trường quốc doanh cũ, là tổ chức và phát triển những nông trường quốc doanh mới và lớn. Theo những số liệu của Cục Thống kê trung ương thì, hiện nay, tổng sản lượng lúa mì của các nông trường quốc doanh trong năm 1927 đạt được ít nhất là 45 triệu pút, trong

đó có 65% là lúa mì hàng hóa. Không còn nghi ngờ gì nữa, nếu các nông trường quốc doanh mà được một sự giúp đỡ nào đó của Nhà nước, thì có thể tăng thêm sản lượng lúa mì một cách trông thấy.

Nhưng nhiệm vụ không dừng lại ở đây. Chính quyền xô-viết đã ra quyết định là ở những vùng mà ruộng đất không chia cho nông dân thì phải thành lập các nông trường quốc doanh mới (từ 10.000 đến 30.000 đê-xi-a-tin, mỗi nông trường), để trong vòng năm hay sáu năm có thể cung cấp chừng 100 triệu pút lúa mì hàng hóa. Những nông trường quốc doanh như thế đã được tổ chức rồi. Nhiệm vụ là dù thế nào, cũng phải thực hiện quyết định ấy của chính quyền xô-viết. Tôi nghĩ rằng nếu chúng ta hoàn thành được những nhiệm vụ ấy thì, trong vòng ba, bốn năm, chúng ta sẽ được các nông trường quốc doanh cả cũ lẫn mới cung cấp từ 80 đến 100 triệu pút lúa mì hàng hóa.

3. Sau rốt, con đường thoát là không ngừng nâng cao hiệu suất các doanh nghiệp cá thể trung tiểu nông. Chúng ta không thể và cũng không được ủng hộ doanh nghiệp lớn cá thể của cu-lắc. Nhưng chúng ta có thể và phải ủng hộ nền doanh nghiệp cá thể trung, tiểu nông, bằng cách tăng thêm hiệu suất của nó và đưa nó vào con đường tổ chức hợp tác xã. Đó là một nhiệm vụ cũ mà chúng ta đã nhấn mạnh ngay từ năm 1921, lúc mà chế độ thuế nông nghiệp thay cho chế độ trưng thu* các nông sản thừa. Đại hội Đảng của chúng ta lần thứ XIV và thứ XV lại xác nhận nhiệm vụ ấy. Những khó khăn trên mặt trận lúa mì hiện nay càng làm nổi bật tầm quan trọng của nhiệm vụ ấy. Vì thế phải kiên trì làm cho được nhiệm vụ ấy cũng như chúng ta phải

---

* Bản Pháp văn : *Prélèvement. (N.D.)*

kiên tri làm xong hai nhiệm vụ trên, nhiệm vụ nông trang tập thể và nhiệm vụ nông trường quốc doanh.

Tất cả những tài liệu đều chứng minh rằng có thể tăng thêm hiệu suất của nền kinh tế nông dân trong vòng vài năm từ 15% đến 20% được. Hiện nay chúng ta sử dụng ít nhất là 5 triệu cày gỗ. Chỉ cái việc thay số cày gỗ ấy bằng cày sắt cũng có thể tăng khá cao sản lượng lúa mì trong nước. Ấy là tôi không nói đến việc cung cấp cho mỗi doanh nghiệp nông dân một số phân bón tối thiểu, một số giống chọn kỹ, một số máy móc kiểu nhỏ, v.v... Áp dụng việc ký hợp đồng thu mua, tức là phương pháp ký hợp đồng với tất cả các xã và thôn về việc cung cấp giống, v.v... cho họ, với điều kiện cụ thể là họ phải bán cho một số lúa mì nào đó, — đó là phương pháp hay nhất để làm tăng thêm hiệu suất các doanh nghiệp nông dân và để tranh thủ nông dân vào hợp tác xã. Tôi nghĩ rằng nếu chúng ta nghiêm chỉnh làm việc theo hướng ấy thì, trong vòng ba bốn năm, chúng ta sẽ có thể có thêm ít ra là 100 triệu pút lúa mì hàng hóa do các doanh nghiệp cá thể trung, tiểu nông cung cấp.

Vậy thì, chỉ cần làm tròn tất cả các nhiệm vụ ấy là, trong vòng ba bốn năm Nhà nước có thể có được từ 250 đến 300 triệu pút lúa mì hàng hóa. Số đó cũng tương đối đầy đủ để ta có thể chiếu theo nhu cầu trong nước cũng như ngoài nước, mà sử dụng một cách thích đáng.

Trên đại thể, các biện pháp cần thiết để thoát khỏi những khó khăn trên mặt trận lúa mì là thế đấy.

Phối hợp các biện pháp chủ yếu ấy với những biện pháp thường dùng để cải tiến kế hoạch cung cấp hàng hóa cho nông thôn, và giải thoát cho các tổ chức thương nghiệp của chúng ta khỏi phải cung cấp lúa mì cho cả

một loạt thành phố nhỏ và trung bình : nhiệm vụ hiện nay là như thế.

Ngoài các biện pháp ấy thì há chẳng nên dùng thêm cả một loạt biện pháp khác, như biện pháp nhằm giảm bớt nhịp độ phát triển của nền công nghiệp của chúng ta, vì công nghiệp mà phát triển thì sẽ làm cho nhu cầu về lúa mì tăng lên rất nhiều, và hiện thời sự phát triển ấy đã vượt nhanh hơn mức tăng của sản lượng lúa mì hàng hóa, nữa chăng ? Không, dù thế nào cũng không thể làm như thế được ! Giảm nhịp độ phát triển công nghiệp là làm yếu giai cấp công nhân, vì cứ mỗi bước tiến trong lĩnh vực phát triển công nghiệp, mỗi công xưởng mới, mỗi nhà máy mới, như lời Lê-nin nói, đều là một « pháo đài mới » của giai cấp công nhân, nó tăng cường vị trí của giai cấp công nhân trong cuộc đấu tranh chống thế lực tự phát tiểu tư sản, chống những thành phần tư bản chủ nghĩa trong nền kinh tế của chúng ta. Trái lại, chúng ta phải giữ được cái nhịp độ phát triển công nghiệp hiện nay : hễ có khả năng thì chúng ta phải tăng cường hơn nữa nhịp độ phát triển công nghiệp để tung hàng hóa ra tràn ngập nông thôn và thu từ nông thôn về nhiều lúa mì chừng nào tốt chừng nấy ; để cung cấp máy móc cho nông nghiệp và, trước nhất là cho các nông trang tập thể và nông trường quốc doanh ; để công nghiệp hóa nông nghiệp và tăng thêm sản xuất lúa mì hàng hóa.

Có lẽ là nên « thận trọng » hơn mà hãm bớt sự phát triển công nghiệp nặng để lấy công nghiệp nhẹ làm cơ sở công nghiệp của chúng ta vì nó sản xuất chủ yếu là cho thị trường nông thôn, như thế chẳng thích hợp sao ? Dù ở trường hợp nào cũng không thể làm như thế được ! Như thế là tự tử, là làm thiệt hại đến toàn bộ nền công nghiệp của chúng ta, kể cả công nghiệp

nhẹ. Như thế là bỏ rơi khẩu hiệu công nghiệp hóa nước ta, là biến nước ta thành nước phụ thuộc vào hệ thống kinh tế tư bản chủ nghĩa thế giới.

Ở đây, chúng ta xuất phát từ những nguyên lý chỉ đạo nổi tiếng mà Lê-nin đề ra tại Đại hội Quốc tế cộng sản lần thứ IV, mà toàn Đảng ta tuyệt đối phải chấp hành. Sau đây là điều Lê-nin đã nói về vấn đề đó tại Đại hội Quốc tế cộng sản lần thứ IV :

Nước Nga muốn thoát nạn thì không thể chỉ trông cậy vào mùa màng tốt trong kinh tế nông dân—điều đó vẫn chưa đủ,— và cũng không thể chỉ trông cậy vào nền công nghiệp nhẹ thịnh vượng cung cấp được những vật phẩm tiêu dùng cho nông dân, — cả điều này nữa cũng vẫn chưa đủ, — chúng ta còn phải có một nền công nghiệp *nặng* nữa.

Hay là :

Chúng ta tiết kiệm về mọi mặt, tiết kiệm đến cả những chi phí về trường học, vì chúng ta biết rằng nếu không cứu vãn được công nghiệp nặng, nếu không phục hồi được công nghiệp nặng, thì chúng ta sẽ không thể xây dựng được một nền công nghiệp nào cả, và nếu không có công nghiệp thì, nói chung, chúng ta sẽ không còn là một nước độc lập nữa. («Năm năm Cách mạng Nga và triển vọng của Cách mạng thế giới.» Báo cáo tại đại hội Quốc tế cộng sản lần thứ IV, ngày 13 tháng Một năm 1922, xem trong «*Thời kỳ chuyển sang công cuộc hòa bình khôi phục kinh tế quốc dân*», Nhà xuất bản Sự thật, 1957, phần II, tr. 117.)

Những lời chỉ giáo đó của Lê-nin, ta không được phép quên đi.

Thi hành những biện pháp nói trên thì có ảnh hưởng gì đến khối liên minh công nông hay không? Tôi nghĩ rằng những biện pháp ấy chỉ có lợi cho việc củng cố thêm khối liên minh giữa công nông mà thôi.

Thật vậy, nếu các nông trang tập thể và nông trường quốc doanh phát triển theo một tốc độ nhanh chóng, nếu sự giúp đỡ trực tiếp cho những người tiểu

nông và trung nông đem lại kết quả là nâng cao hiệu suất của doanh nghiệp của họ lên, và nếu các hợp tác xã luôn luôn thu hút quần chúng nông dân ngày càng nhiều hơn; nếu Nhà nước có thêm hàng trăm triệu pút lúa mì hàng hóa cần thiết để dễ dàng vận dụng; nếu tất cả các biện pháp đó và những biện pháp tương tự khác đều đem lại kết quả là chế ngự được bọn cu-lắc và dần dần đánh bại được chúng, thì rõ ràng là những mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân và nông dân trong khối liên minh công nông sẽ càng ngày càng mất đi; sự cần thiết phải dùng các biện pháp bất thường để thu mua lúa mì tự nó sẽ không cần đến nữa; quảng đại quần chúng nông dân ngày càng hướng về các hình thức kinh tế tập thể, và cuộc đấu tranh đang tiến hành để chiến thắng các phần tử tư bản chủ nghĩa ở nông thôn sẽ ngày càng có tính chất quần chúng rõ rệt và ngày càng có tổ chức hơn.

Há lại không rõ ràng là áp dụng những biện pháp như vậy thì chỉ có lợi cho sự liên minh công nông đó sao?

Chỉ cần nhớ là, trong điều kiện chuyên chính vô sản, liên minh công nông không thể coi như một sự liên minh thường nào khác. Liên minh ấy là hình thức đặc biệt về liên minh giai cấp giữa giai cấp công nhân và quần chúng nông dân lao động, nhằm mục đích là: a) củng cố trận địa của giai cấp công nhân; b) đảm bảo vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân trong khối liên minh đó; c) xóa bỏ giai cấp và xã hội có giai cấp. Quan niệm liên minh công nông theo bất kỳ cách nào khác đều là chủ nghĩa cơ hội, chủ nghĩa men-sê-vích, chủ nghĩa xã hội-cách mạng, * — hay muốn gọi là chủ nghĩa

* Trong nguyên văn viết tắt: *s.-r.-ism (N.D.)*

gì gì đó cũng được, chứ không thể gọi là chủ nghĩa Mác, không thể gọi là chủ nghĩa Lê-nin được.

Làm thế nào dung hòa được ý niệm liên minh công nông với nguyên lý mà mọi người đều biết của Lê-nin nói rằng nông dân là một «giai cấp tư bản chủ nghĩa cuối cùng»? Như thế có mâu thuẫn hay không? Đấy chỉ là mâu thuẫn bề ngoài, mâu thuẫn tưởng tượng. Sự thật thì, ở đấy chẳng có mâu thuẫn gì cả. Trong báo cáo tại Đại hội Quốc tế cộng sản họp lần thứ III, Lê-nin đã nhận định nông dân như một «giai cấp tư bản chủ nghĩa cuối cùng»; cũng trong báo cáo ấy, Lê-nin đã chứng minh nhiều lần sự cần thiết phải có liên minh công nông, mà tuyên bố rằng «nguyên tắc cao nhất của chuyên chính là ủng hộ liên minh giữa giai cấp công nhân và nông dân, để giai cấp công nhân có thể giữ được vai trò lãnh đạo của mình và giữ được chính quyền Nhà nước». Rõ ràng là dù sao đi nữa, Lê-nin cũng không thấy ở đó có mâu thuẫn gì cả.

Đối với nguyên lý của Lê-nin nói rằng nông dân là một «giai cấp tư bản chủ nghĩa cuối cùng», chúng ta phải hiểu như thế nào? Có phải nông dân là do những người tư bản chủ nghĩa hợp thành không? Không.

Trước hết, điều đó có nghĩa là nông dân cá thể là một giai cấp riêng biệt, xây dựng cơ sở kinh tế của họ trên quyền tư hữu về các công cụ sản xuất và về các tư liệu sản xuất; do đó nó khác giai cấp vô sản ở chỗ giai cấp này xây dựng cơ sở kinh tế của mình trên quyền công hữu về các công cụ và tư liệu sản xuất.

Sau hết, điều ấy có nghĩa là nông dân cá thể là giai cấp đang thai nghén, đang sinh ra và đang nuôi dưỡng bọn tư bản, bọn cu-lắc và nói chung là đủ các hạng bóc lột.

Đối với sự nghiệp xây dựng khối liên minh công nông, tình trạng đó có phải là một trở ngại không thể vượt được hay không? Không. Trong điều kiện chuyên chính vô sản, liên minh công nông không thể coi như là liên minh với toàn thể nông dân được. Liên minh công nông là liên minh giữa giai cấp công nhân và quần chúng nông dân lao động. Không thể thực hiện được một sự liên minh như thế nếu không đấu tranh chống các phần tử tư bản chủ nghĩa trong nông dân, nếu không đấu tranh chống bọn cu-lắc. Một sự liên minh như thế không thể vững chắc được, nếu không tổ chức nông dân nghèo lại thành chỗ dựa của giai cấp công nhân ở nông thôn. Cho nên, trong điều kiện chuyên chính vô sản hiện nay, thì liên minh công nông chỉ có thể thực hiện được dưới khẩu hiệu mà ai nấy đều biết của Lê-nin: Dựa vào nông dân nghèo, liên minh chặt chẽ với trung nông, không bao giờ ngừng đấu tranh chống bọn cu-lắc. Vì chỉ có thực hiện khẩu hiệu đó thì mới có thể lôi kéo được quần chúng cơ bản trong nông dân vào con đường kiến thiết xã hội xã hội chủ nghĩa.

Vậy thì, các đồng chí thấy rõ rằng mâu thuẫn giữa hai công thức của Lê-nin chỉ là mâu thuẫn bề ngoài, mâu thuẫn tưởng tượng. Thật ra, giữa hai công thức đó chẳng có mâu thuẫn gì cả.

Sta-lin: *Những vấn đề chủ nghĩa Lê-nin*, Pháp văn, Nhà xuất bản ngoại văn, Mạc-tư-khoa, 1949, tr. 242 - 255.

VỀ VIỆC CÔNG NGHIỆP HÓA NƯỚC NHÀ VÀ VỀ XU HƯỚNG HỮU KHUYNH TRONG ĐẢNG CỘNG SẢN (b) LIÊN-XÔ

(Diễn văn đọc tại Hội nghị toàn Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Liên-xô, ngày 19 tháng Một 1928)

(TRÍCH)

. . . . .

II

VẤN ĐỀ NGŨ CỐC

Trên đây tôi đã nói về vấn đề căn bản thứ nhất có trong các bản đề cương, vấn đề tốc độ phát triển của công nghiệp. Bây giờ chúng ta hãy nói sang vấn đề căn bản thứ hai, vấn đề ngũ cốc. Đặc điểm của những bản đề cương đó là đã nhấn mạnh vào vấn đề phát triển nông nghiệp nói chung, và sản xuất ngũ cốc nói riêng. Cái phương châm đó của các bản đề cương có đúng không? Tôi thấy đúng. Trong Hội nghị toàn thể tháng Bẩy, người ta đã nói rằng nhược điểm của sự phát triển nền kinh tế quốc dân của chúng ta là tình trạng *hết sức* lạc hậu của nông nghiệp nói chung, và của sản xuất ngũ cốc nói riêng.

Sau khi đã nhận định rằng ở nước ta nông nghiệp tiến chậm không theo kịp công nghiệp, mà lại phàn nàn về tình trạng đó, thì hiển nhiên là không đúng. Nông nghiệp đã luôn luôn và sẽ còn luôn luôn tiến chậm không kịp công nghiệp. Điều đó hoàn toàn đúng, nhất là trong điều kiện nước ta, trong khi công nghiệp thì hết sức tập trung mà nông nghiệp lại hết sức phân tán. Người ta đều thấy rằng công nghiệp thống nhất sẽ phát triển nhanh chóng hơn nông nghiệp phân tán. Do đó mà ngoài những cái khác ra, lại có cái vai trò lãnh đạo của công nghiệp đối với nông nghiệp. Một tình trạng lạc hậu bình thường của nông nghiệp so với công nghiệp như vậy chưa phải là một lý do đầy đủ để đặt ra vấn đề ngũ cốc.

Vấn đề nông nghiệp, và nhất là vấn đề sản xuất ngũ cốc, chỉ phải đặt ra khi tình trạng lạc hậu bình thường của nông nghiệp so với công nghiệp trở thành một sự lạc hậu đến *cực độ* trong nhịp độ phát triển của nó. Đặc điểm của tình trạng hiện nay của nền kinh tế quốc dân là nhịp độ phát triển của sản xuất ngũ cốc *hết sức* lạc hậu so với nhịp độ phát triển của công nghiệp, trong khi mà nhu cầu đòi hỏi về lúa mì hàng hóa của các thành thị và của các trung tâm công nghiệp đang phát triển mạnh mẽ, càng ngày càng tăng lên một cách phi thường. Vấn đề không phải là *hạ thấp* nhịp độ phát triển của công nghiệp xuống ngang với mức phát triển của sản xuất ngũ cốc (việc đó sẽ làm rối tung tất cả và sẽ đưa đến bước thụt lùi), mà là phải làm cho sự phát triển của sản xuất ngũ cốc ăn nhịp với nhịp độ phát triển của công nghiệp, và *nâng cao* nhịp độ phát triển của sản xuất ngũ cốc lên đến mức độ đảm bảo được cho toàn bộ nền kinh tế quốc dân tiến bộ nhanh chóng về công nghiệp cũng như về nông nghiệp.

Hoặc chúng ta sẽ làm tròn được nhiệm vụ ấy, thì chính cũng do đó mà vấn đề ngũ cốc sẽ được giải quyết, hoặc chúng ta sẽ không làm tròn được nhiệm vụ đó, thì như thế sẽ không tránh khỏi tình trạng đoạn tuyệt giữa thành thị xã hội chủ nghĩa với nông thôn, với những người tiểu nông.

Các đồng chí, vấn đề đặt ra ở nước ta là như vậy. Tất cả vấn đề ngũ cốc là ở đấy.

Như thế phải chăng có nghĩa là hiện nay việc sản xuất ngũ cốc của chúng ta đang ở trong tình trạng « suy đồi » hay thậm chí « đổ nát » nữa. Vì chính Phơ-rum-kin đã đặt vấn đề như vậy trong bức thư thứ hai của đồng chí ấy, bức thư mà hiện nay chúng tôi đã phân phát cho các ủy viên Ban Chấp hành Trung ương và Ủy ban kiểm tra trung ương theo lời yêu cầu của đồng chí ấy. Trong bức thư đó, đồng chí ấy có nói một cách minh bạch rằng nông nghiệp của chúng ta đang ở trong tình trạng « suy đồi ». Đồng chí ấy nói : « chúng ta không thể và không nên công khai nói đến tình trạng đổ nát đó trên các báo chí : nhưng trong nội bộ Đảng, thì chúng ta không nên tự che giấu mình rằng tình trạng lạc hậu đó cũng ngang như một sự đổ nát ».

Lời quyết đoán đó của Phơ-rum-kin có đúng không? Hiển nhiên là không đúng! Là ủy viên Bộ chính trị, chúng tôi phản đối lời quyết đoán đó, và các luận điểm của Bộ chính trị đều hoàn toàn bất đồng với cái lối giải thích vấn đề như thế đối với tình trạng sản xuất ngũ cốc.

Thật ra, người ta hiểu tình trạng đổ nát đó ra làm sao, và tình trạng đó phải biểu hiện trong ngành nông nghiệp như thế nào? Hiển nhiên là nó phải biểu hiện bằng một sự thoái hóa của nông nghiệp, bằng một sự suy tàn, bằng sự lìa bỏ những phương thức kinh doanh

mới và quay trở lại những phương thức cũ, thời trung cổ. Nó phải biểu hiện một điều là giai cấp nông dân bỏ lối luân canh 3 năm một để theo lối lưu canh, bỏ cày sắt và máy móc để dùng cày gỗ, bỏ những hạt giống tốt và có chọn lọc để dùng hạt giống xấu không được chọn lọc, bỏ những hình thức hiện đại về nông nghiệp để dùng những phương pháp đã cũ kỹ, v.v... và vân vân. Nhưng hiện nay chúng ta có thấy những sự việc như thế không? Phải chăng ai nấy cũng đều biết rằng mỗi một năm có hàng chục, hàng trăm nghìn cơ sở kinh tế đã bỏ lối luân canh 3 năm mà dùng lối luân canh 4 năm hay nhiều hơn nữa, bỏ những hạt giống không được chọn lọc, để dùng những hạt giống được chọn lọc, bỏ cầy gỗ để dùng cầy sắt và máy móc, bỏ những phương pháp canh tác cũ và dùng những phương pháp khác tốt hơn? Đó có phải là tình trạng đổ nát không?

Phơ-rum-kin thích bám vào vạt áo các ủy viên của Bộ chính trị để chứng minh cho quan niệm của mình. Rất có thể là nhân dịp đó đồng chí này sẽ thử bám vào vạt áo của Bu-kha-rin để chứng thực trong bài báo « Nhật ký của nhà kinh tế học » của mình rằng Bu-kha-rin cũng nói « giống hệt như » mình. Nhưng thật ra Bu-kha-rin đã không nói « giống hệt như thế » mà lại nói khác kia. Trong bài báo của y, Phơ-rum-kin đã đặt ra vấn đề hoàn toàn trừu tượng, lý thuyết về khả năng có thể có hoặc về nguy cơ có thể xảy ra một tình trạng đổ nát. Về mặt trừu tượng thì đề ra vấn đề đó là hoàn toàn có thể được và lô-gích. Nhưng Phơ-rum-kin đã làm gì? Đối với Phơ-rum-kin, thì khả năng có thể xảy ra tình trạng đổ nát, tức là vấn đề trừu tượng, lại trở thành tình trạng đổ nát *đã có thật* trong nông nghiệp rồi. Và đó là cái mà ông ta gọi là phân tích tình hình

sản xuất ngũ cốc đấy! Như thế thì có buồn cười không, các đồng chí?

Nếu sau mười một năm tồn tại mà chính quyền xô-viết đã đưa nông nghiệp đến một tình trạng đổ nát, thì thật là đẹp đẽ thay! Một chính quyền như thế thì hãy đuổi cổ nó đi, chứ đừng có ủng hộ nó. Nếu chính quyền ấy đã đưa nông nghiệp đến tình trạng đổ nát, thì có lẽ công nhân đã đuổi cổ nó đi từ lâu rồi. Tình trạng đổ nát đó chính là câu đầu lưỡi của bọn chuyên gia tư sản thuộc mọi loại đang nằm mơ thấy nông nghiệp đổ nát. Hồi bấy giờ, chính Tờ-rốt-ski cũng đồng điệu mà hát khúc tiểu ca của mình nói về sự đổ nát đó. Tôi không ngờ là Phơ-rum-kin đã đi vào con đường đáng nghi ngại ấy.

Phơ-rum-kin đã căn cứ vào cái gì để khẳng định rằng có tình trạng đổ nát? Trước hết, đồng chí đó đã căn cứ vào sự giảm diện tích gieo giống về ngũ cốc trong năm nay so với năm ngoái. Làm thế nào để cắt nghĩa được điều đó? Có phải đó là do ở chính sách của chính quyền xô-viết chăng? Hiển nhiên là không. Điều đó là do ở chỗ lúa mì mùa đông ở vùng U-cơ-ren và một phần ở miền Bắc Cô-ca-dơ bị chết và do những vụ hạn hán cũng ở vùng U-cơ-ren này. Nếu không có những điều kiện bất lợi về thời tiết mà nông nghiệp hoàn toàn và tuyệt đối bị phụ thuộc, thì có lẽ năm nay chúng ta ít nhất cũng sẽ có hơn năm ngoái một triệu đê-xi-a-tin diện tích gieo giống về ngũ cốc.

Sau cùng, lời quyết đoán của đồng chí ấy dựa vào sự việc là tổng sản lượng ngũ cốc của chúng ta trong năm nay chỉ hơn năm ngoái một ít thôi (70 triệu pút), mà vụ thu hoạch lúa tiểu mạch và lúa mạch thì lại kém hơn khoảng chừng 200 triệu pút. Cắt nghĩa điều đó như thế nào? Một lần nữa cũng lại phải cắt nghĩa là vì

hạn hán và sương muối đã làm cho lúa mì mùa đông bị chết. Nếu không do những điều kiện khí hậu bất lợi đó, thì có lẽ trong năm nay tổng sản lượng ngũ cốc của chúng ta phải hơn năm ngoái khoảng chừng 300 triệu pút. Làm sao người ta lại có thể không kể đến những yếu tố như hạn hán, sương muối v.v..., là những cái có một sự quan trọng quyết định đối với mùa màng trong những vùng nào đó được?

Nếu tôi không nhầm, thì hiện nay chúng ta có nhiệm vụ phải mở rộng diện tích gieo giống thêm 7%, nâng cao năng suất lên 3% và tăng tổng sản lượng ngũ cốc lên 10%. Chắc chắn là chúng ta sẽ dùng mọi biện pháp cần thiết để làm tròn những nhiệm vụ đó. Nhưng mặc dầu chúng ta có dùng tất cả mọi biện pháp, thì người ta cũng không thể chối cãi được rằng mùa màng vẫn bị một phần nào hư hỏng, rằng sương muối và hạn hán đã tác hại ở một vùng nào đó, và do những lẽ ấy nên tổng sản lượng ngũ cốc phải thấp hơn dự toán của chúng ta, thậm chí còn thấp hơn cả tổng sản lượng năm nay nữa. Như thế phải chăng cái đó có nghĩa là vì nông nghiệp «đổ nát», là vì lỗi ở chính sách của chính quyền xô-viết, là vì chúng ta đã «tước mất» của người nông dân mọi sự kích thích về mặt kinh tế, là vì chúng ta đã làm cho họ «mất» viễn vọng kinh tế không?

Chính Tơ-rốt-ski đã phạm phải sai lầm đó, cách đây vài năm, khi hắn ta khẳng định rằng một trận «mưa nhỏ» không có một tác dụng gì đối với nông nghiệp cả. Hồi đó, được sự ủng hộ của đại đa số các ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, Rư-cốp đã trả lời hắn ta rồi. Hiện nay Phơ-rum-kin lại lặp lại sai lầm đó khi đồng chí ấy không kể đến những điều kiện khí tượng, là những điều kiện có một tầm quan trọng quyết định đối

với nông nghiệp, và đồng chí ấy muốn đổ cả trách nhiệm vào chính sách của Đảng ta.

Muốn tăng nhanh nhịp độ phát triển nông nghiệp nói chung và sản xuất ngũ cốc nói riêng, thì nhất thiết phải cần có những đường lối và biện pháp nào?

Có ba con đường hay đường lối sau đây phải đi theo:

a) Tăng sản lượng và mở rộng diện tích gieo giống bằng những kinh doanh cá thể của bần và trung nông;

b) tiếp tục phát triển các nông trang tập thể;

c) mở rộng những nông trường quốc doanh cũ và thành lập những nông trường mới.

Điều đó đã được nói đến trong nghị quyết của Hội nghị toàn thể hồi tháng Bảy rồi. Các bản đề cương đều nhắc lại những điều đã nói trong hội nghị toàn thể hồi tháng Bảy, nhưng các đề cương đó đã đặt vấn đề một cách cụ thể hơn, dưới hình thức những con số, bằng cách chỉ rõ những số tiền đầu tư vào mục đích đó. Ở đấy nữa Phơ-rum-kin cũng đã tìm thấy cơ hội để cãi bướng. Đồng chí đó tưởng rằng nếu người ta đặt cơ sở kinh doanh cá thể lên hàng đầu và đưa những nông trang tập thể và nông trường quốc doanh xuống hàng thứ hai và thứ ba, thì điều đó có nghĩa là quan điểm của đồng chí đó đã thắng. Điều đó thật là lố bịch, các đồng chí ạ. Người ta hiểu rõ rằng nếu chú ý đến sự quan trọng tương đối của những hình thức nông nghiệp nào đó, thì người ta có thể đưa cơ sở kinh doanh cá thể lên hàng đầu được, vì nó cung cấp lúa mì hàng hóa nhiều hơn các nông trang tập thể và nông trường quốc doanh gần sáu lần. Nhưng nếu xét về kiểu mẫu kinh doanh, về hình thức kinh tế gần gũi chúng ta nhất, thì ta phải đặt nông trang tập thể và nông trường quốc doanh lên hàng đầu, vì đó là kiểu mẫu nông

nghiệp cao hơn so với những kinh doanh nông dân cá thể. Có thật cần thiết phải chứng minh rằng đối với chúng ta hai quan điểm ấy đều có thể nhận được cả không?

Muốn thực tế đạt được một nhịp độ phát triển nhanh chóng về nông nghiệp và trước hết là về sản xuất ngũ cốc, thì cần phải làm gì để công tác của chúng ta tiến hành được như ý muốn theo ba đường lối đó?

Muốn thế, trước hết phải làm cho các cán bộ Đảng của chúng ta chú ý đến nông nghiệp, và đặc biệt hơn là đến những vấn đề cụ thể của vấn đề ngũ cốc. Cần phải gạt bỏ những lời nói chung chung rỗng tuếch và những lời ba hoa về nông nghiệp *nói chung*, để rồi bắt tay vào việc đề ra những biện pháp *thực tiễn* nhằm nâng cao việc sản xuất ngũ cốc tùy theo điều kiện khác nhau trong những vùng khác nhau. Đã đến lúc phải biến lời nói thành hành động, để rồi quan tâm đến những vấn đề cụ thể là: *làm thế nào* để tăng năng suất và mở rộng diện tích gieo giống của những cơ sở kinh doanh cá thể của bần nông và trung nông lên được; *làm thế nào* để cải tiến và phát triển nông trang tập thể và nông trường quốc doanh lên được; *làm thế nào* để tổ chức việc giúp đỡ của nông trang tập thể và nông trường quốc doanh cho nông dân bằng cách cung cấp cho họ những hạt giống tốt, những súc vật giống tốt; *làm thế nào* để lấy những trạm máy cho thuê làm trung gian đặng tổ chức việc giúp đỡ cho nông dân về máy móc và công cụ khác; *làm thế nào* để phổ cập và cải tiến phương pháp ký hợp đồng và hợp tác nông nghiệp nói chung, v.v... và v.v... (*Có tiếng nói*: « Đó là chủ nghĩa thực tiễn ».) Đó là một chủ nghĩa thực tiễn tuyệt đối cần thiết cho chúng ta, vì không có nó

thì không khéo chúng ta lại đem vấn đề rất quan trọng là dùng những biện pháp để giải quyết vấn đề ngũ cốc, chìm ngập trong những lời nói ba hoa vô bổ về nông nghiệp nói chung.

Ban Chấp hành Trung ương đã quyết định rằng những người phụ trách chủ yếu của chúng ta trong mỗi vùng trồng ngũ cốc quan trọng phải có báo cáo cụ thể trước Hội đồng Dân ủy và Bộ chính trị về những vấn đề có liên quan đến sự phát triển nông nghiệp. Tại Hội nghị toàn thể này, các đồng chí sẽ nghe một bản báo cáo của đồng chí An-đơ-rê-ép về những biện pháp để giải quyết vấn đề ngũ cốc trong miền Bắc Cô-ca-dơ. Tôi thiết tưởng rằng sau đó chúng ta sẽ được lần lượt nghe các bản báo cáo giống như thế về vùng U-cơ-ren, vùng Đất đen ở trung tâm, vùng Vôn-ga, và Xi-bi-ri, v.v..... Việc đó là tuyệt đối cần thiết để làm cho Đảng chú ý đến vấn đề ngũ cốc và cuối cùng thúc đẩy các cán bộ Đảng của chúng ta phải đề ra một cách cụ thể những vấn đề liên quan về vấn đề ngũ cốc.

Sau nữa, những người phụ trách của Đảng ta ở nông thôn, trong công tác thực tiễn của họ, cần phải phân biệt rõ rệt ranh giới giữa trung nông và bọn cu-lắc, không nên nhập cục trung nông và cu-lắc làm một, và trong khi cần phải đánh bọn cu-lắc thì không được chạm đến trung nông. Đã đến lúc phải chấm dứt những sai lầm đó, nếu có thể gọi đó là những sai lầm. Chúng ta hãy lấy việc đánh thuế cá nhân làm ví dụ. Nghị quyết của Bộ chính trị và đạo luật về việc đánh thuế cá nhân chỉ đánh vào nhiều nhất từ 2 đến 3% nông hộ thôi, tức là bộ phận giàu nhất trong bọn cu-lắc. Nhưng thật ra tình hình đã diễn ra như thế nào? Trong cả một loạt nhiều vùng người ta đã đánh thuế từ 10 đến 12% nông hộ và đôi khi hơn thế nữa, do vậy

mà làm cho tầng lớp trung nông bị thiệt hại. Phải chăng đã đến lúc phải chấm dứt cái tội ác đó?

Và ở đây đáng lẽ phải chỉ ra những biện pháp cụ thể để chấm dứt những sự hà lạm đó và những hà lạm khác giống như thế, thì những nhà « phê bình » quý mến của chúng ta lại đi vào lọc lõi danh từ, và đề nghị thay câu « bộ phận giàu nhất trong bọn cu-lắc » bằng câu « bộ phận có thế lực nhất trong bọn cu-lắc » hay « tầng lớp trên của bọn cu-lắc ». Áng chừng như những câu thay đó đều không phải một nghĩa như thế cả! Điều đã được chứng thực là tỷ lệ bọn cu-lắc ở nước ta vào khoảng 5%. Điều đã được chứng thực là đạo luật về thuế cá nhân chỉ đánh vào từ 2 đến 3% nông hộ thôi, nghĩa là bộ phận giầu nhất trong bọn cu-lắc. Điều đã được chứng thực là trong thực tiễn đạo luật đó đã bị vi phạm trong rất nhiều vùng. Thế mà các nhà « phê bình », đáng lẽ phải chỉ ra những biện pháp cụ thể để chấm dứt những sự hà lạm đó, thì lại chỉ thuần dùng phê bình ngoài miệng mà không muốn hiểu rằng cái đó không hề làm cho tình hình thay đổi chút nào cả. Họ quả là những nhà chú giải sách vở thật sự! *(Có tiếng nói:* « Đã có đề nghị đánh thuế cá nhân tất cả bọn cu-lắc. ») Như vậy thì cần phải thủ tiêu đạo luật về thuế cá nhân đánh vào từ 2 đến 3% nông hộ. Nhưng theo tôi biết, thì không một ai đề nghị thủ tiêu đạo luật về thuế cá nhân cả. Có người nói rằng chủ trương mở rộng một cách độc đoán việc đánh thuế cá nhân là nhằm bổ sung ngân sách địa phương. Nhưng người ta không thể bổ sung ngân sách địa phương bằng cách vi phạm luật pháp, vi phạm những chỉ thị của Đảng được. Đảng ta vẫn tồn tại, nó chưa bị thủ tiêu. Chính quyền xô-viết vẫn còn tồn tại, nó chưa bị thủ tiêu. Và nếu ngân sách địa phương thiếu

tiền, thì người ta phải đặt vấn đề ngân sách địa phương ra, chứ không phải là vi phạm luật pháp, hủy bỏ những chỉ thị của Đảng.

Sau nữa, cần phải khuyến khích nhiều hơn nữa những cơ sở kinh doanh cá thể của bần nông và trung nông. Không thể chối cãi được rằng việc nâng cao giá cả lúa mì đã được luật pháp quyết định, việc áp dụng một cách thực tiễn pháp chế cách mạng, việc dùng hợp đồng để trên thực tiễn giúp đỡ các cơ sở kinh doanh của bần nông và trung nông, v.v..., sẽ là một sự kích thích về kinh tế rất có hiệu quả đối với người nông dân. Phơ-rum-kin tưởng rằng chúng ta đã giết chết, hoặc gần gần như thế, sự kích thích đó bằng cách làm cho người nông dân mất viễn vọng kinh tế đi. Hiển nhiên đó là một điều vô lý. Nếu quả như thế, thì người ta e sẽ không hiểu được sự liên minh, sự đoàn kết giữa giai cấp công nhân và quần chúng nông dân cơ bản, thực ra là dựa vào cái gì. Dù sao cũng không nên tưởng rằng sự liên minh ấy là thuần túy về tinh thần. Đã đến lúc phải hiểu rằng sự liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân là một sự liên minh về lý trí, liên minh về quyền lợi của hai giai cấp, một sự liên minh giai cấp giữa công nhân và quần chúng nông dân cơ bản, một sự liên minh nhằm mục đích làm cho hai bên đều có lợi. Người ta cho rằng nếu chúng ta đã giết chết, hoặc gần gần như thế, sự kích thích về kinh tế của giai cấp nông dân bằng cách làm cho người nông dân mất viễn vọng kinh tế đi, thì có lẽ chúng ta đã không có sự liên minh đó, có lẽ chúng ta đã không có sự đoàn kết giữa giai cấp công nhân và giai cấp nông dân. Rất hiển nhiên là vấn đề ở đây không phải là «tạo ra» một sự kích thích về kinh tế cho quần chúng bần nông và trung nông, hoặc để cho nó «thả cửa phát triển», mà

là tăng cường sự kích thích đó và tiếp tục phát triển sự kích thích đó làm cho giai cấp công nhân và quần chúng nông dân cơ bản đều có lợi. Chính đó là điều đã được nói lên trong những đề cương về những con số dự toán của nền kinh tế quốc dân.

Cuối cùng, cần phải tăng số cung cấp hàng hóa cho nông thôn. Nói như thế, tôi nghĩ đến những vật phẩm tiêu dùng, lại còn và nhất là nghĩ đến những tư liệu sản xuất (máy móc, phân bón, v.v...) khả dĩ tăng thêm được việc sản xuất nông sản phẩm lên. Chúng ta không thể nói rằng trong địa hạt đó, mọi việc ở nước ta đều tốt lành cả. Các đồng chí đều biết rằng chúng ta còn lâu mới giải quyết được tình trạng thiếu thốn hàng hóa và chắc chắn sẽ không thể giải quyết sớm được. Một số người trong Đảng ta nuôi ảo tưởng là ngay hiện nay chúng ta có thể chữa khỏi được tình trạng thiếu thốn hàng hóa. Đáng tiếc rằng như thế là sai. Không nên quên rằng sở dĩ có tình trạng thiếu thốn hàng hóa đó là do, thứ nhất, đời sống phúc lợi của công nhân và nông dân ngày càng cao và sức mua hàng hóa tăng lên phi thường, trong khi đó thì việc sản xuất hàng năm cũng ngày càng tăng lên, nhưng lại không hoàn toàn thỏa mãn được nhu cầu, và thứ hai là do việc khôi phục công nghiệp hiện đương tiến hành.

Khôi phục công nghiệp, điều đó có nghĩa là chuyển một số tài nguyên thuộc khu vực sản xuất những tư liệu tiêu thụ sang khu vực sản xuất những tư liệu sản xuất. Nếu không thế thì không có và không thể có việc khôi phục thực sự về công nghiệp được, nhất là ở Liên-xô, trong hoàn cảnh nước ta hiện nay. Như thế có nghĩa là thế nào? Nghĩa là người ta đầu tư vào việc xây dựng những xí nghiệp mới, nghĩa là số thành thị và số người tiêu thụ ngày càng tăng lên, mà trong khi

đó thì những xí nghiệp mới trong ba hay bốn năm nữa mới có thể cung cấp được hàng hóa hàng loạt. Rất dễ hiểu là tình hình đó không phải để làm thuận lợi cho việc thủ tiêu nạn thiếu hàng hóa được.

Cái đó phải chăng có nghĩa rằng chúng ta chịu khoanh tay và chịu bất lực trước tình trạng thiếu hàng hóa hay sao? Hoàn toàn không phải như thế. Vì chúng ta có thể và phải dùng những biện pháp cụ thể để giảm bớt, làm nhẹ bớt tình trạng thiếu thốn hàng hóa đi. Chúng ta có thể làm việc đó và chúng ta phải tiến hành việc đó ngay tức khắc. Muốn thế, thì cần phải quan tâm phát triển những công nghiệp nào mà sự phát triển sản xuất nông nghiệp chịu trực tiếp tùy thuộc (nhà máy kéo Sta-lin-gơ-rát, nhà máy làm máy móc nông nghiệp Rô-stốp, nhà máy làm máy lựa quặng Vô-rô-ne-giơ, v.v..., v.v...). Muốn thế thì, sau nữa là cần phải phát triển, trong mức độ có thể làm được, những công nghiệp có thể sản xuất ra nhiều hơn nữa những hàng hóa khan hiếm (dạ, thủy tinh, đinh, v.v...). v.v... và vân vân.

Cu-bi-ắc đã nói rằng cứ xét theo những con số dự toán của nền kinh tế quốc dân, thì kinh tế nông dân cá thể được dự chi cho năm nay kém hơn năm ngoái. Theo tôi, thì điều đó không đúng. Cu-bi-ắc hầu như quên rằng theo các bản hợp đồng thì trong năm nay chúng ta đồng ý cho nông dân vay khoảng chừng 300 triệu rúp (hơn năm ngoái gần 100 triệu rúp). Nếu người ta kể đến trường hợp đó — mà người ta có thể không kể đến trường hợp đó được không? — thì người ta sẽ thấy rằng, trong năm nay chúng ta đã chú ý đến sự phát triển của nền kinh tế nông dân cá thể hơn năm ngoái. Còn về những nông trang tập thể và nông trường quốc doanh, cũ và mới, thì năm nay

chúng ta đã đầu tư vào lãnh vực đó khoảng chừng 300 triệu rúp (hơn năm ngoái khoảng chừng 150 triệu rúp).

Cần phải hết sức đặc biệt chú ý đến những nông trang tập thể và nông trường quốc doanh và phương pháp ký hợp đồng. Người ta không thể chỉ thấy đó là một biện pháp làm tăng nguồn lợi của chúng ta về lúa mì đem bán ra thị trường. Đồng thời đó là một *hình thức mới về liên minh* giữa giai cấp công nhân với quần chúng nông dân cơ bản.

Ở đây chúng ta đã nói đầy đủ đến phương pháp ký hợp đồng, nên tôi sẽ không nói nhiều về vấn đề này. Mọi người đều biết rằng phương pháp ký hợp đồng được phổ cập rộng rãi làm cho việc kết hợp những cố gắng của các cơ sở kinh tế nông dân cá thể được dễ dàng, đem đến một yếu tố ổn định trong những quan hệ giữa Nhà nước với giai cấp nông dân và do đó tăng cường sự liên minh giữa thành thị và nông thôn.

Tôi có ý muốn làm cho các đồng chí quan tâm đến các nông trang tập thể và, đặc biệt hơn là, đến các nông trường quốc doanh, những nông trường này đang làm cho việc cải tạo nông nghiệp trên cơ sở một nền kỹ thuật mới được dễ dàng, đang tiến hành một cuộc cách mạng thật sự trong đầu óc nông dân và giúp họ thoát khỏi tính trì trệ và tính bảo thủ. Việc có những máy kéo, những máy móc nông nghiệp lớn và hàng đoàn máy kéo xuất hiện trong những vùng ngũ cốc của chúng ta, không thể không tác động đến những cơ sở kinh tế của nông dân lân cận. Việc giúp đỡ cho nông dân các vùng lân cận hạt giống, máy móc và máy kéo nhất định sẽ được nông dân tán thành và coi như một dấu hiệu chứng tỏ lực lượng và sức mạnh của Nhà nước xô-viết đang cố gắng đưa nông dân đi vào con đường phát triển rộng lớn vĩ đại của nông nghiệp. Cho đến nay chúng ta

vẫn chưa quan tâm đến việc đó và có lẽ hiện nay chúng ta cũng vẫn chưa quan tâm đầy đủ đến việc đó. Nhưng tôi tưởng rằng chính đó là cái căn bản trong những cống hiến mà nông trang tập thể và nông trường quốc doanh đang đưa đến và sẽ có thể đưa đến trong lúc này để giúp giải quyết vấn đề ngũ cốc và củng cố sự liên minh giữa công nhân và nông dân dưới những hình thức mới của nó.

Đó là những nét lớn về đường lối và phương pháp mà công tác của chúng ta phải noi theo để tiến hành giải quyết vấn đề ngũ cốc.

III

VỀ CUỘC ĐẤU TRANH CHỐNG NHỮNG XU HƯỚNG LỆCH LẠC VÀ CHỐNG TINH THẦN THỎA HIỆP ĐỐI VỚI CÁC XU HƯỚNG ẤY

Bây giờ chúng ta nói sang vấn đề căn bản thứ ba trong những đề cương của chúng ta, vấn đề về những xu hướng đi chệch đường lối lê-nin-nít.

Cơ sở xã hội của các xu hướng lệch lạc đó, chính là ở chỗ nền tiểu sản xuất chiếm địa vị ưu thế trong nước ta, ở chỗ nền tiểu sản xuất đó sản sinh ra chủ nghĩa tư bản, ở chỗ Đảng ta đứng trong hoàn cảnh thế lực tự phát tiểu tư sản bao quanh mọi phía, cuối cùng là ở chỗ một số cấp bộ Đảng ta đã bị tiêm nhiễm phải thế lực đó.

Về căn bản, đó là cơ sở xã hội của những xu hướng lệch lạc.

Tất cả những xu hướng lệch lạc đó đều có tính chất tiểu tư sản.

Xu hướng hữu khuynh mà người ta nói đến nhiều nhất ở đây rốt cuộc là đi đến cái gì? Xu hướng đó đang tìm cách đưa chúng ta đến đâu? Đến chỗ thích ứng với hệ tư tưởng tư sản, đến chỗ làm cho chính sách của chúng ta thích ứng theo thị hiếu và nhu cầu của giai cấp tư sản «xô-viết».

Nếu xu hướng hữu khuynh thắng thế trong Đảng ta, thì nó sẽ gây ra cho chúng ta nguy cơ gì? Nguy cơ đó sẽ là tình trạng phá sản về tư tưởng của Đảng ta, là những thành phần tư bản chủ nghĩa được hoàn toàn tự do, là có nhiều cơ hội phục hồi lại chủ nghĩa tư bản hơn, hay như Lê-nin nói, có nhiều cơ hội «trở lại chủ nghĩa tư bản» hơn.

Vậy thì những xu hướng hữu khuynh hay biểu hiện ra ở đâu nhất? Ở trong các bộ máy hành chính và kinh tế, hợp tác xã và công đoàn của chúng ta, cũng như trong bộ máy của Đảng, nhất là trong những tổ chức cơ sở của nó ở nông thôn.

Trong hàng ngũ đảng viên của Đảng ta, có những người phát ngôn cho xu hướng hữu khuynh không? Chắn chắn là có. Rư-cốp đã nêu ra thí dụ như Sa-tu-nốp-ski đã phản đối việc xây dựng đập nước Ni-ê-pơ-rô-stờ-rôi. Không còn hoài nghi gì nữa rằng Sa-tu-nốp-ski đã mắc phải xu hướng hữu khuynh, một xu hướng về chủ nghĩa cơ hội ra mặt. Nhưng tôi tin rằng dù sao trường hợp của Sa-tu-nốp-ski không phải là điển hình, rằng trường hợp đó không thể hiện được tính chất của xu hướng hữu khuynh, không thể hiện được đặc tính của nó. Tôi nghĩ rằng ở đây vinh dự chiếm giải lại thuộc về Phơ-rum-kin. *(Có tiếng cười)*. Tôi muốn nói đến bức thư thứ nhất của đồng chí ấy (tháng Sáu 1928), rồi đến bức thư thứ hai, đã phân phát ở đây cho các ủy viên Ban Chấp hành Trung ương và Ủy ban Kiểm soát trung ương (tháng Một 1928).

Chúng ta hãy phân tích hai bức thư đó. Chúng ta hãy xét đến những «luận điểm cơ bản» trong bức thư thứ nhất.

1) «*Trừ một bộ phận nhỏ của tầng lớp nông dân nghèo, còn thì nông thôn là cừu địch với chúng ta*». Điều đó có đúng không? Cố nhiên là không. Nếu điều đó đúng, thì ở nước ta sẽ không còn dấu vết gì của sự liên minh giữa giai cấp công nhân với quần chúng nông dân cơ bản nữa. Mà từ tháng Sáu đến nay (bức thư gửi hồi tháng Sáu) gần sáu tháng đã trôi qua, và bất cứ một ai nếu không phải đui mù thì đều thấy rằng mối liên minh đó hiện tồn tại và đang được tăng cường. Phơ-rum-kin viết ra câu vụng về đó để làm gì? Để làm cho Đảng hoảng sợ và làm cho Đảng dễ dãi hơn với xu hướng hữu khuynh.

2) «*Phương châm mà chúng ta theo trong thời gian gần đây đã làm cho quần chúng cơ bản trong tầng lớp trung nông không còn thấy được lối thoát nào và không còn có triển vọng gì nữa cả.*» Điều đó có đúng không? Không, điều đó hoàn toàn sai. Hiển nhiên là, nếu vào mùa xuân trước, quần chúng cơ bản trong tầng lớp trung nông đã không thấy được lối thoát nào, đã không hề có được một chút triển vọng tương lai nào, thì người trung nông lại đã chẳng mở rộng diện tích gieo giống mùa xuân trong tất cả các vùng chủ yếu sản xuất ngũ cốc. Việc gieo giống mùa xuân ở nước ta đã làm vào tháng Tư — Năm. Phơ-rum-kin đã viết bức thư của mình vào hồi tháng Sáu. Ở nước ta, dưới chính quyền xô-viết, ai là người chủ yếu thu mua ngũ cốc? Đó là Nhà nước và các hợp tác xã có quan hệ với Nhà nước. Hiển nhiên rằng nếu quần chúng trung nông không hề có một triển vọng kinh tế nào, nếu giữa quần chúng trung nông và chính quyền xô-viết có sự «bất hòa»,

thì đám quần chúng đó đã không mở rộng diện tích gieo giống mùa xuân để làm vừa ý Nhà nước, là người chủ yếu thu mua ngũ cốc. Rõ ràng là Phơ-rum-kin đã nói một câu ngu xuẩn. Ở đây đồng chí ấy còn muốn dọa Đảng bằng cách bày ra những nỗi «ghê sợ» của một tình trạng thiếu triển vọng hòng làm cho Đảng dễ dãi hơn với chính quan điểm của mình, của Phơ-rum-kin.

3) *«Cần phải xem lại nghị quyết của Đại hội XIV và XV.»* Rõ ràng là Đại hội XV đã được đề cập tới một cách không ăn chung gì vào đây cả. Điểm quan trọng ở đây, không phải là trong Đại hội XV, mà là trong khẩu hiệu trở lại nghị quyết của Đại hội XIV. Như vậy nghĩa là thế nào? Nghĩa là cần phải từ bỏ việc «xúc tiến cuộc tấn công vào cu-lắc» (xem nghị quyết Đại hội XV). Không phải tôi nói thế là để sàm báng Đại hội XIV. Tôi nói thế là vì trong khi kêu gọi trở lại Đại hội XIV thì Phơ-rum-kin phủ nhận bước tiến của Đảng trong khoảng từ Đại hội XIV đến Đại hội XV và như vậy là kéo Đảng lùi lại. Hội nghị toàn thể hồi tháng Bẩy của Ban Chấp hành Trung ương đã có ý kiến về vấn đề này. Hội nghị đã tuyên bố rõ ràng trong nghị quyết của nó là những người cố tình lẩn tránh quyết định của Đại hội XV — «xúc tiến cuộc tấn công vào cu-lắc» — là những kẻ tự nguyện «làm người phát ngôn cho những xu hướng tư sản ở nước ta». Tôi sẽ nói thẳng điều đó với Phơ-rum-kin: khi Bộ chính trị đề ra điểm đó trong nghị quyết của Hội nghị toàn thể hồi tháng Bẩy, thì Bộ chính trị đã có chú ý đến Phơ-rum-kin và bức thư thứ nhất của đồng chí đó.

4) *«Giúp đỡ đến mức tối đa những bần nông gia nhập các kinh doanh tập thể.»* Giúp đỡ đến mức tối đa những bần nông gia nhập các kinh doanh tập thể, hay

dù không gia nhập những kinh doanh đó cũng thế, đó là việc mà chúng ta thường làm tùy theo phương tiện và khả năng của chúng ta cho phép. Trong đó không có gì là mới lạ cả. Cái mới trong những nghị quyết của Đại hội XV so với Đại hội XIV không phải là ở chỗ đó ; cái mới, đối với Đại hội XV, là ở chỗ việc phát triển phong trào nông trang tập thể đến mức độ tối đa có thể làm được, là một trong những nhiệm vụ chủ yếu hiện nay. Khi nói là phải giúp đỡ đến mức tối đa những bần nông gia nhập các kinh doanh tập thể, thì tóm lại Phơ-rum-kin chỉ có tìm một cớ thuận tiện để trốn tránh nhiệm vụ mà Đại hội Đảng lần thứ XV đã giao cho, nhiệm vụ phải phát triển phong trào nông trang tập thể đến mức tối đa có thể làm được. Thật ra, Phơ-rum-kin phản đối việc mở rộng công tác nhằm tăng cường khu vực xã hội chủ nghĩa ở nông thôn nhờ có những nông trang tập thể.

5) « *Không tiến hành việc phát triển các nông trường quốc doanh theo một nhịp độ nhanh và rất nhanh* ». Phơ-rum-kin không thể không biết rằng chúng ta chỉ mới *bắt đầu* công tác thực sự để mở rộng những nông trường quốc doanh cũ và thành lập những nông trường quốc doanh mới. Đồng chí đó không thể không biết rằng đối với việc đó nếu chúng ta có những dè dặt, thì chúng ta ắt không chú trọng đúng mức đến nhiệm vụ đó. Những chữ « theo một nhịp độ nhanh và rất nhanh » để vào đây chỉ có gieo rắc sự « hoảng sợ » và do đó che giấu sự chống đối của đồng chí đó đối với việc phát triển, dù chỉ chút ít thôi, các nông trường quốc doanh. Thật ra, ở đây, ý kiến của Phơ-rum-kin là chống lại việc tăng cường khu vực xã hội chủ nghĩa ở nông thôn nhờ có những nông trường quốc doanh.

Bây giờ hãy thu thập tất cả những luận điểm của Phơ-rum-kin lại, thì các đồng chí sẽ có một kết luận làm nổi bật hẳn tính chất của xu hướng hữu khuynh.

Chúng ta hãy nói sang bức thư thứ hai của Phơ-rum-kin. Bức thư này có gì khác với bức thư thứ nhất? Nó khác với bức thư thứ nhất là ở chỗ nó làm cho những sai lầm trong bức thư thứ nhất càng thêm trầm trọng. Trong bức thư thứ nhất đồng chí đó nói đến vấn đề thiếu triển vọng trong kinh tế của trung nông. Còn bức thư thứ hai thì nói đến sự « suy sụp » của nông nghiệp. Trong bức thư thứ nhất, đồng chí đó nói rằng cần phải trở lại nghị quyết của Đại hội XIV mà làm chậm bớt cuộc tấn công vào cu-lắc lại. Bức thư thứ hai thì lại tuyên bố rằng « chúng ta không nên ngăn cản kinh tế cu-lắc sản xuất ». Bức thư thứ nhất không nói gì đến công nghiệp cả. Còn bức thư thứ hai lại phát triển một lý luận « mới », mà theo lý luận đó thì cần phải chi tiêu ít cho việc xây dựng công nghiệp. Vả lại hai bức thư đều phù hợp với nhau trên hai điểm: vấn đề nông trang tập thể và nông trường quốc doanh; trong cả hai bức thư đó ý kiến của Phơ-rum-kin đều chống lại việc phát triển triệt để nông trang tập thể và nông trường quốc doanh. Như vậy rõ ràng là bức thư thứ hai đã làm cho những sai lầm của bức thư thứ nhất càng thêm trầm trọng.

Tôi đã nói đến lý luận về sự « suy sụp ». Điều chắc chắn là lý luận đó là một thứ lý luận cùn của bọn chuyên gia tư sản sẵn sàng kêu lên là chính quyền xô-viết đã đến bước mạt vận. Phơ-rum-kin bị bọn chuyên gia tư sản vây quanh Bộ Dân ủy Tài chính đe dọa và bây giờ đến lượt mình, đồng chí đó cũng toan đe dọa Đảng để làm cho Đảng dễ dãi hơn với xu hướng hữu khuynh. Người ta cũng đã nói đầy đủ đến nông trang

tập thể và nông trường quốc doanh rồi. Như vậy không cần phải nhắc lại những điều đã nói nữa. Chúng ta hãy xét đến hai điểm khác: một điểm nói về kinh tế cu-lắc và một điểm liên quan về việc xuất chi cho những công trình lớn của công nghiệp.

Về vấn đề kinh tế cu-lắc. Phơ-rum-kin nói rằng «*chúng ta không được ngăn cản kinh tế cu-lắc sản xuất*». Như thế nghĩa là thế nào? Nghĩa là không nên ngăn cản tên cu-lắc phát triển kinh tế bóc lột của hắn. Nhưng, không nên ngăn cản tên cu-lắc phát triển kinh tế bóc lột của hắn, như thế nghĩa là thế nào? Nghĩa là để cho chủ nghĩa tư bản được tự do phát triển ở nông thôn, để mặc nó hành động, để cho nó được hoàn toàn tự do. Đó là khẩu hiệu cũ của phái tự do Pháp: «Cứ để mặc, cứ để tha hồ tự do»; nói một cách khác, đừng ngăn cản giai cấp tư sản kinh doanh, đừng ngăn cản giai cấp đó tự do tiến lên.

Khẩu hiệu đó, phái tự do cũ ở Pháp đã từng nêu lên từ hồi cách mạng tư sản Pháp kia, vào thời kỳ đấu tranh chống chính quyền phong kiến đã ngăn trở giai cấp tư sản và không để cho nó được phát triển. Do đó mà hiện nay chúng ta có cơ sẽ phải chuyển từ khẩu hiệu *xã hội chủ nghĩa:* «càng ngày càng hạn chế những phần tử tư bản chủ nghĩa lại» (xem luận cương về những con số dự toán) sang khẩu hiệu *tư sản tự do* là không ngăn trở sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở nông thôn. Chúng ta, những người bôn-sê-vích, chúng ta có thật nghĩ đến làm cho mình biến thành những người tư sản tự do không? Giữa khẩu hiệu tư sản tự do đó của Phơ-rum-kin với đường lối của Đảng có điểm gì giống nhau không?

(Phơ-rum-kin: «Đồng chí Sta-lin, đồng chí cũng nên đọc những điểm khác nữa.») Tôi đọc trọn nguyên

văn điểm này: «Chúng ta cũng không nên ngăn cản kinh tế cu-lắc sản xuất, *đồng thời vừa đấu tranh chống sự bóc lột có tính cách nô dịch của họ*». Đồng chí Phơ-rum-kin đáng kính, đồng chí có thật nghĩ rằng phần thứ hai của câu đó có làm cho nó được tốt hơn, chứ không phải là làm cho nó thêm trầm trọng không? Đấu tranh chống sự bóc lột có tính cách nô dịch có nghĩa là gì? Vì khẩu hiệu đấu tranh chống sự bóc lột có tính cách nô dịch là một khẩu hiệu của cách mạng tư sản chống phương pháp bóc lột phong kiến hay nửa phong kiến. Khẩu hiệu đó, thật ra chúng ta đã từng đề ra khi chúng ta còn đang đi tới cách mạng tư sản, vì lúc đó chúng ta đã phân biệt giữa hình thức bóc lột có tính cách nô dịch, mà chúng ta đang ra sức thủ tiêu, với hình thức bóc lột không có tính cách nô dịch, được gọi là «tiến bộ», mà thời đó chúng ta đã không thể hạn chế và hủy bỏ được, do ở chỗ chế độ tư sản còn tồn tại. Nhưng lúc bấy giờ chúng ta đang tiến tới chế độ cộng hòa dân chủ tư sản. Còn ngày nay thì chúng ta có, nếu tôi không nói ngoa, cách mạng xã hội chủ nghĩa hiện đang hướng tới và không thể không hướng tới thủ tiêu tất cả những hình thức bóc lột, kể cả những hình thức bóc lột «tiến bộ» nữa. Vậy thì đồng chí muốn rằng, từ cách mạng xã hội chủ nghĩa mà chúng ta đang phát triển và đẩy tới, chúng ta lại phải bước giật lùi và trở lại những khẩu hiệu của cách mạng tư sản hay sao? Làm sao lại có thể đi đến chỗ nói những lời ngu xuẩn như thế được?

Chúng ta hãy bàn tiếp. Không nên ngăn trở lối bóc lột cu-lắc, điều đó nghĩa là thế nào? Nghĩa là để cho cu-lắc được tha hồ muốn làm gì thì làm. Nhưng để cho nó được tha hồ nghĩa là thế nào? Nghĩa là trao chính quyền cho nó. Ở Pháp, khi bọn tự do tư sản đòi chính

quyền phong kiến không được ngăn cản giai cấp tư sản phát triển, thì đó chính là đề ra yêu sách cụ thể trao chính quyền cho giai cấp tư sản. Và bọn họ đã có lý. Muốn được phát triển theo ý muốn của mình, thì giai cấp tư sản phải nắm lấy chính quyền. Như vậy, muốn được hợp lý, thì phải nói: hãy để cho tên cu-lắc lên nắm chính quyền. Vì rốt cuộc cần phải hiểu rằng nếu tước đoạt quyền hành của cu-lắc để tập trung quyền hành đó vào tay giai cấp công nhân, thì nhất định người ta sẽ ngăn cản kinh tế cu-lắc phát triển. Đó là những kết luận mà người ta buộc phải rút ra khi đọc bức thư thứ hai của Phơ-rum-kin.

Về những công trình lớn trong công nghiệp. Trong khi thảo luận về những con số dự toán, chúng ta có ba con số sau đây: Hội đồng Kinh tế Quốc dân Tối cao yêu cầu 825 triệu rúp; Ủy ban kế hoạch Nhà nước đồng ý cho 750 triệu rúp; nhưng Bộ Dân ủy Tài chính chỉ đồng ý cho 650 triệu rúp thôi. Quyết định của Ban Chấp hành Trung ương Đảng ta về vấn đề này như thế nào? Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã bằng lòng cấp 800 triệu rúp, như vậy là hơn số tiền Bộ Dân ủy Tài chính đề nghị, đúng là 150 triệu. Việc Bộ Dân ủy Tài chính muốn cho ít hơn, hiển nhiên đối với chúng ta không có gì là lạ: mọi người đều biết rằng Bộ Dân ủy Tài chính keo kiết đến mức nào, và Bộ đó không thể không như thế được. Nhưng ở đây lại là vấn đề khác hẳn. Nếu Phơ-rum-kin cứ bám vào con số 650 triệu rúp, đó không phải là vì keo kiết chút nào, mà vì đồng chí ấy dựa trên một lý luận hoàn toàn mới tinh gọi là lý luận về «những khả năng», để quả quyết trong bức thư thứ hai của đồng chí và trong một bài báo đặc biệt đã đăng trên tờ báo làm cơ quan ngôn luận của Bộ Dân ủy Tài chính, *rằng chắc chắn chúng ta sẽ làm cho tình hình kinh tế*

của chúng ta càng thêm trầm trọng nếu chúng ta chuẩn chi cho Hội đồng kinh tế Quốc dân Tối cao số tiền trên 650 triệu rúp đặng xây dựng những công trình to lớn. Như vậy nghĩa là thế nào? Nghĩa là Phơ-rum-kin phản đối việc duy trì nhịp độ phát triển hiện nay của công nghiệp, mà rõ ràng không muốn hiểu rằng việc giảm bớt nhịp độ đó lần này, sẽ thật sự làm cho tình hình của toàn bộ nền kinh tế quốc dân của chúng ta càng thêm trầm trọng.

Bây giờ chúng ta hãy so sánh hai điểm đó trong bức thư thứ hai của Phơ-rum-kin, một điểm nói về kinh tế cu-lắc và một điểm nói về những công trình to lớn trong công nghiệp; thêm vào đấy cái lý luận về sự «suy đồi», thế là các đồng chí sẽ thấy được bản sắc của xu hướng hữu khuynh.

Các đồng chí có muốn biết xu hướng hữu khuynh là gì và nó giống với cái gì không? Thì các đồng chí hãy đọc hai bức thư của Phơ-rum-kin, hãy nghiên cứu các bức thư ấy và thật thấu hiểu lấy ý nghĩa của các bức thư ấy.

Đó là về mặt bản sắc của xu hướng hữu khuynh.

Nhưng các luận điểm không những chỉ nói đến xu hướng hữu khuynh. Mà còn nói đến xu hướng «tả» khuynh nữa. Thế nào là xu hướng «tả» khuynh? Trong Đảng ta có thật có xu hướng «tả» khuynh không? Trong Đảng ta có những xu hướng cừu địch với trung nông như đã nói trong các bản đề cương của chúng ta không, những xu hướng công nghiệp hóa đến cao độ, v.v... không? Quả có những xu hướng đó. Những xu hướng đó kết quả sẽ dẫn đến cái gì? Kết quả là nó sẽ dẫn đến một xu hướng đi tới chủ nghĩa tờ-rốt-ski. Hội nghị toàn thể hồi tháng Bẩy đã có nói đến điểm đó rồi. Tôi đã lưu ý đến nghị quyết mà mọi người đều biết

của Hội nghị toàn thể hồi tháng Bẩy về vấn đề chính sách thu mua lúa mì, trong đó có nói đến cuộc đấu tranh trên hai mặt trận: chống những kẻ muốn kéo chúng ta lùi lại sau so với Đại hội XV — đó là những kẻ hữu khuynh — và chống những kẻ muốn dùng những biện pháp bất thường làm chính sách bất di bất dịch của Đảng — đó là những kẻ «tả» khuynh, là xu hướng theo chủ nghĩa tơ-rốt-ski.

Hiển nhiên là trong nội bộ Đảng ta có những phần tử theo chủ nghĩa tờ-rốt-ski và có một xu hướng đi theo hệ tư tưởng tờ-rốt-skít. Tôi tưởng có tới bốn nghìn người đã bỏ phiếu chống lại chính cương của chúng ta trong cuộc tranh luận đã diễn ra trước khi Đại hội Đảng lần thứ XV họp. *(Có tiếng nói: «Mười nghìn người»)*. Tôi nghĩ rằng nếu mười nghìn người đã bỏ phiếu chống lại, thì có tới hàng hai chục nghìn đảng viên có cảm tình với chủ nghĩa tờ-rốt-ski đã không bỏ phiếu gì cả, vì họ đã không đến họp. Đó là những phần tử tờ-rốt-skít đã không rời bỏ Đảng và, tôi cho rằng họ chưa thoát khỏi hệ tư tưởng tờ-rốt-skít. Ngoài ra tôi nghĩ rằng một bộ phận trong phái tờ-rốt-skít sau đó đã tách khỏi tổ chức tờ-rốt-skít và trở lại Đảng, nhưng chưa đi tới chỗ đoạn tuyệt hẳn với tư tưởng tờ-rốt-skít và chắc chắn họ không đòi hỏi gì hơn là được phổ biến tư tưởng của họ trong các đảng viên của Đảng. Cuối cùng, chúng ta đang mục kích một sự phục hồi nào đó của tư tưởng tờ-rốt-skít trong một số tổ chức của Đảng ta. Các đồng chí hãy gom góp tất cả những sự kiện ấy lại, thì các đồng chí sẽ có tất cả những yếu tố của xu hướng về chủ nghĩa tờ-rốt-ski trong Đảng.

Điều đó cũng dễ hiểu thôi: vì sự tồn tại của thế lực tự phát tiểu tư sản và áp lực của nó tác động vào Đảng ta, nên những khuynh hướng tờ-rốt-skít không thể

không biểu hiện ra trong Đảng ta được. Ngăn chặn hoặc đuổi ra khỏi Đảng bọn cán bộ tờ-rốt-skít là một việc. Còn đoạn tuyệt với hệ tư tưởng tờ-rốt-skít lại là một việc khác. Điều đó sẽ còn khó hơn. Và chúng ta nói : ở đâu có xu hướng hữu khuynh, thì ở đó cũng phải có xu hướng « tả » khuynh. Xu hướng « tả » khuynh là cái bóng của xu hướng hữu khuynh. Khi bàn về phái ốt-dô-vít, Lê-nin đã từng nói rằng chính những người « tả » cũng là bọn men-sê-vích, nhưng là những bọn men-sê-vích về mặt trái. Và nói như thế là hoàn toàn đúng. Người ta cũng có thể nói như thế đối với những người « tả » hiện nay. Những kẻ có xu hướng theo chủ nghĩa tơ-rốt-ski thật ra chỉ là những kẻ hữu khuynh mà lại là những kẻ hữu khuynh về mặt trái, những kẻ hữu khuynh ngụy trang bằng những luận điệu « tả » rỗng tuếch.

Do đó mà có cuộc đấu tranh trên hai mặt trận, chống xu hướng hữu và chống xu hướng « tả ».

Người ta có thể nói : nếu xu hướng « tả » thật ra chỉ là xu hướng cơ hội chủ nghĩa hữu khuynh, thì giữa hai xu hướng đó có cái gì khác nhau, và nói cho đúng ra thì hai mặt trận đó là ở chỗ nào ? Thật ra, nếu sự đắc thắng của phái hữu khuynh làm cho cơ hội phục hồi chủ nghĩa tư bản càng tăng thêm và nếu sự đắc thắng của phái « tả » khuynh cũng dẫn đến những kết quả đó, thì giữa hai phái đó có gì là khác nhau, và tại sao người ta lại gọi một phái là hữu khuynh, và một phái là « tả » khuynh ? Và nếu có sự khác nhau giữa hai phái, thì sự khác nhau đó là ở chỗ nào ? Có phải quả thật rằng hai xu hướng đó đều cùng một nguồn gốc xã hội như nhau, rằng cả hai đều là những xu hướng tiểu tư sản hay không ? Có phải quả thật hai xu hướng đó, nếu được thắng thế, thì sẽ đưa đến

những kết quả như nhau không? Như vậy thì sự khác nhau giữa hai xu hướng đó là ở chỗ nào?

Sự khác nhau đó, chính là ở chỗ chính cương của họ khác nhau, yêu sách của họ khác nhau, thái độ và phương pháp thực hiện của họ khác nhau.

Chẳng hạn như, nếu bọn hữu khuynh nói: «*Có lẽ không nên xây dựng công trình thủy điện Đ' ni-ê-pơ-rô-stơ-rôi*», trái lại phái «tả» khuynh đối đáp lại là: «*Đối với chúng ta, một công trình Đ' ni-ê-pơ-rô-stơ-rôi chẳng thấm vào đâu cả. Mà hàng năm chúng ta phải có một công trình như thế!*» *(Có tiếng cười)*, thì chính thật phải thừa nhận rằng quả có một sự khác nhau.

Nếu bọn hữu khuynh nói: «*Đừng động chạm đến cu-lắc, hãy để cho nó tự do phát triển*», trái lại, bọn «tả» khuynh đối đáp lại là: «*Không những phải đánh vào bọn cu-lắc, mà phải đánh cả vào trung nông nữa, vì trung nông cũng là một kẻ tư hữu như tên cu-lắc vậy*», thì chính thật phải thừa nhận rằng quả có một sự khác nhau.

Nếu bọn hữu khuynh nói: «*Khó khăn đã bắt đầu, vậy chúng ta bỏ cuộc đi có hơn không*», trái lại, bọn «tả» khuynh đối đáp lại là: «*Khó khăn ư? Mặc kệ những khó khăn của các anh, chúng ta hãy cứ mở hết tốc lực tiến lên!*» *(Có tiếng cười)*, thì chính thật phải thừa nhận rằng quả có một sự khác nhau.

Đó là phác họa qua để chúng ta thấy chính cương riêng biệt và phương pháp riêng biệt của bọn «tả» khuynh. Đó chính là lẽ tại sao bọn «tả» khuynh đôi khi có thể dùng những luận điệu «tả» trống rỗng mà lôi kéo được một bộ phận công nhân đi theo chúng và làm cho người ta tưởng rằng chúng là kẻ thù kiên quyết nhất của bọn hữu khuynh, dù mọi người đều biết rằng chính họ, những người «tả», cũng đều cùng có những

nguồn gốc xã hội như bọn hữu, và họ thường hay đồng lòng cấu kết với bọn hữu để chống lại đường lối chủ nghĩa Lê-nin.

Đó là lẽ tại sao, chúng ta, những người Lê-nin chủ nghĩa, chúng ta có nhiệm vụ phải đấu tranh trên hai mặt trận: vừa chống xu hướng hữu, vừa chống xu hướng « tả ».

Nhưng nếu khuynh hướng tơ-rốt-skít là xu hướng « tả », thì phải chăng như thế có nghĩa là bọn « tả » khuynh ở về phía tả của chủ nghĩa Lê-nin? Tuyệt nhiên là không. Chủ nghĩa Lê-nin là trào lưu *đứng về phía tả nhất* (không trong dấu ngoặc) trong phong trào công nhân thế giới. Chúng ta, những người Lê-nin chủ nghĩa, chúng ta đã đứng trong Đệ nhị Quốc tế cho đến thời kỳ bắt đầu cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa với tư cách là bộ phận cực tả của phái xã hội - dân chủ. Nhưng sau sở dĩ chúng ta đã ly khai Đệ nhị Quốc tế và đã kêu gọi sự phân liệt trong nội bộ Đệ nhị Quốc tế, chính vì rằng chúng ta là bộ phận cực tả, nên chúng ta đã không muốn ở trong cùng một Đảng với bọn tiểu tư sản phản bội chủ nghĩa Mác, với bọn xã hội - hòa bình chủ nghĩa và bọn xã hội - sô-vanh.

Về sau chính sách lược ấy và chính hệ tư tưởng ấy đã dùng làm nền tảng cho các đảng bôn-sê-vích trên toàn thế giới. Chúng ta, những người Lê-nin chủ nghĩa, *chỉ có* chúng ta mới là những người tả, không trong dấu ngoặc, trong Đảng ta mà thôi. Bởi thế cho nên, chúng ta, những người Lê-nin chủ nghĩa, chúng ta không phải là những người « tả » khuynh, cũng không phải là những người hữu khuynh trong bản thân Đảng chúng ta. Chúng ta thuộc phái những người đi theo chủ nghĩa Mác — Lê-nin. Và trong Đảng, chúng ta không những đấu tranh chống những kẻ đại diện cho cái mà chúng ta gọi là

khuynh hướng cơ hội chủ nghĩa ra mặt, mà cả những kẻ muốn « tả hơn » là chủ nghĩa Mác, và muốn « tả hơn» là chủ nghĩa Lê-nin, lại tìm cách che đậy bản chất cơ hội chủ nghĩa, bản chất hữu khuynh của mình dưới những luận điệu « tả » rỗng tuếch.

Mọi người đều hiểu rằng chính để chế riễu nên người ta gọi những người chưa thoát khỏi khuynh hướng tơ-rốt-skít là những người « tả ». Lê-nin đã gọi những « người cộng sản tả phái » là những người tả, có dấu ngoặc hay không có dấu ngoặc. Nhưng mọi người đều hiểu rằng nếu Lê-nin gọi những người đó là những người tả, thì chính là để châm biếm, để nhấn mạnh rằng họ chỉ là những người tả đầu miệng, ở bề ngoài, chứ thật ra họ đại diện cho những xu hướng tiểu tư sản hữu phái.

Người ta có thể nói một cách nghiêm chỉnh là chủ nghĩa tả khuynh (không trong dấu ngoặc) được chăng, đối với những phần tử tơ-rốt-skít, hôm qua đây còn đang cấu kết với những phần tử cơ hội chủ nghĩa ra mặt để kết thành một khối chống chủ nghĩa Lê-nin, và như vậy là trực tiếp và hẳn hoi liên hiệp với những tầng lớp chống xô-viết trong nước? Há chẳng phải thật sự là mới hôm qua đây, chúng ta còn đứng trước một sự liên minh rõ rệt của bọn tả phái và hữu phái chống lại Đảng của Lê-nin, một khối liên minh rõ ràng được những phần tử tư sản ủng hộ, hay sao? Và nếu bọn « tả khuynh » và bọn hữu khuynh không cùng có những nguồn gốc xã hội như nhau, nếu họ không cùng có một bản chất cơ hội chủ nghĩa như nhau, thì há lại không rõ ràng là họ đã không thể cùng nhau kết thành một khối được hay sao? Cách đây một năm, khối tờ-rốt-skít đó đã tan rã. Một bộ phận bọn hữu, như Sa-tu-nốp-ski, đã ra khỏi khối đó. Từ giờ trở đi, bọn người trong liên

minh hữu phái sẽ hoạt động với tư cách là những người hữu phái, còn như bọn người «tả phái» thì sẽ tìm cách che giấu bản chất hữu khuynh của họ bằng những luận điệu «tả khuynh». Nhưng lấy gì để đảm bảo được rằng bọn «tả» và bọn hữu lại sẽ không có ngày gặp nhau? *(Có tiếng cười).* Rõ ràng là không có và không thể có một sự đảm bảo nào về vấn đề đó cả.

Nhưng nếu chúng ta tán thành khẩu hiệu đấu tranh trên hai mặt trận, thì phải chăng chính đó là chúng ta công nhiên thừa nhận sự tất yếu phải có *chủ nghĩa trung phái* trong Đảng ta? Đấu tranh trên hai mặt trận nghĩa là thế nào? Đó có phải là chủ nghĩa trung phái không? Các đồng chí đều biết rằng bọn tờ-rốt-skít cho là như thế: họ nói, có «phái tả» — tức là «chúng ta» những người tờ-rốt-skít, những người «Lê-nin chủ nghĩa chân chính»; lại có «phái hữu», tức là những người khác; và cuối cùng, cũng có «phái đứng giữa», ngả nghiêng giữa «phái tả» và phái hữu. Chúng ta có thể coi quan niệm đó của họ đối với Đảng ta là đúng không? Hiển nhiên là không. Chỉ có bọn có đầu óc lộn xộn đã đoạn tuyệt từ lâu với chủ nghĩa Mác thì mới có thể nói như thế được. Chỉ có những kẻ không thấy và không hiểu được sự *khác nhau về nguyên tắc* hiện có giữa một đảng xã hội - dân chủ trước chiến tranh, đảng mà trong đó quyền lợi của giai cấp vô sản và của giai cấp tiểu tư sản hỗn hợp lại với nhau, và Đảng Cộng sản, đảng kết thành một toàn *khối duy nhất* của giai cấp vô sản cách mạng, thì mới có thể nói như thế được.

Người ta không thể xem chủ nghĩa trung phái như một khái niệm không gian: chẳng hạn như nói rằng phái hữu ngồi ở chỗ này, phái «tả» ngồi ở chỗ kia, còn phái trung thì đứng phía giữa.

Trung phái là một khái niệm chính trị. Hệ tư tưởng của nó là hệ tư tưởng muốn làm cho quyền lợi của giai cấp vô sản thích ứng với quyền lợi và phục tùng quyền lợi của giai cấp tiểu tư sản *trong nội tại cùng một chính đảng*. Hệ tư tưởng đó khác hẳn và trái ngược với chủ nghĩa Lê-nin.

Chủ nghĩa trung phái là một thực tại hoàn toàn tự nhiên trong Đệ nhị Quốc tế hồi trước chiến tranh. Quốc tế này gồm có phái hữu (đa số), phái tả (không dấu ngoặc), và phái đứng giữa mà toàn bộ chính sách là hóa trang cho chủ nghĩa cơ hội của bọn hữu bằng những luận điệu tả khuynh và làm cho phái tả phải tùy thuộc theo phái hữu.

Vậy chính sách của phái tả mà người bôn-sê-vích làm nòng cốt là như thế nào? Chính sách đó là tiến hành đấu tranh kiên quyết chống bọn trung phái, đấu tranh để phân liệt với phái hữu (nhất là sau khi bắt đầu cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa), và là tổ chức một Quốc tế mới, có tính chất cách mạng, gồm những phần tử thật sự đứng về phía tả và thật sự vô sản.

Tại sao lúc đó người bôn-sê-vích đã có thể bố trí lực lượng và thực hiện chính sách được như thế trong nội bộ Đệ nhị Quốc tế? Vì rằng lúc đó Đệ nhị Quốc tế là một đảng mà trong đó quyền lợi của giai cấp vô sản và của giai cấp tiểu tư sản *hỗn hợp* lại với nhau, điều đó hẳn rất vừa ý bọn xã hội-hòa bình chủ nghĩa và bọn xã hội-sô-vanh tiểu tư sản. Vì rằng lúc đó những người bôn-sê-vích không thể không tập trung hỏa lực của mình chống lại bọn trung phái đang mưu toan làm cho các thành phần vô sản phải phục tùng lợi ích của giai cấp tiểu tư sản. Vì rằng hồi đó những người bôn-sê-vích có nghĩa vụ cổ võ sự phân liệt, vì nếu không như thế thì có lẽ những người vô sản đã không thể tổ

chức được đảng của mình, một đảng mác-xít và cách mạng kết thành một toàn khối duy nhất.

Người ta có thể khẳng định được rằng trong các đảng Đệ nhị Quốc tế trước chiến tranh, việc bố trí lực lượng cũng giống như trong Đảng cộng sản chúng ta, và trong đó người ta phải thi hành cũng một chính sách như những người bôn-sê-vích hay không? Hiển nhiên là không. Vì như thế có nghĩa là không hề hiểu chút gì về sự *khác nhau về nguyên tắc* hiện có giữa đảng xã hội - dân chủ, đảng mà trong đó những thành phần vô sản và tiểu tư sản đã từng *kết liền lại* với nhau làm một, và Đảng Cộng sản kết *thành một toàn khối duy nhất* của giai cấp vô sản cách mạng. Một bên (trong đảng xã hội - dân chủ), thì đảng vốn đã có một cơ sở xã hội nhất định. Còn một bên (ở những người cộng sản), thì đảng lại có một cơ sở khác hẳn. Một bên (trong đảng xã hội - dân chủ), thì bọn trung phái vốn đã là một thực tại tự nhiên, vì rằng bao giờ cũng có bọn trung phái trong một đảng mà những quyền lợi khác nhau lại *kết liền* với nhau làm một, và những người bôn-sê-vích đã từng có nghĩa vụ tiến hành một chính sách phân liệt. Một bên (ở những người cộng sản), thì chủ nghĩa trung phái không có lý do tồn tại và không thể dung hợp được với tinh thần của một đảng đi theo chủ nghĩa Lê-nin, vì Đảng Cộng sản là đảng *kết thành một toàn khối duy nhất* của giai cấp vô sản, chứ không phải là một đảng mà trong đó những thành phần xã hội phức tạp lại liên hợp thành một khối với nhau.

Và vì lực lượng chiếm ưu thế của đảng ta phải là do trào lưu tả nhất trong phong trào công nhân thế giới cấu thành (phái Lê-nin), cho nên đứng về quan điểm chủ nghĩa Lê-nin mà nói, thì một chính sách phân liệt trong đảng ta là vô lý và không thể công nhận được.

(Có tiếng nói : « Trong Đảng ta có thể xảy ra phân liệt hay không ? »). Ở đây tôi không nói đến việc có thể xảy ra phân liệt hay không ; tôi nói rằng theo quan điểm chủ nghĩa Lê-nin, thì một chính sách phân liệt trong Đảng Lê-nin chủ nghĩa kết thành một toàn khối duy nhất của chúng ta là không thể có lý do chính đáng.

Kẻ nào không hiểu được sự khác nhau về nguyên tắc đó là đi ngược lại chủ nghĩa Lê-nin, đoạn tuyệt với chủ nghĩa Lê-nin.

Bởi vậy cho nên tôi cho rằng chỉ có những người không còn có đủ trí phán đoán nữa và đến cả những vết tích cuối cùng của chủ nghĩa Mác cũng không còn nữa, thì mới có thể nghiêm nghị quả quyết rằng chính sách của Đảng ta, chính sách đấu tranh trên hai mặt trận, là một chính sách trung phái.

Lê-nin đã luôn luôn tiến hành đấu tranh trên hai mặt trận trong Đảng ta, vừa chống bọn « tả », vừa chống những khuynh hướng rõ ràng là men-sê-vích. Các đồng chí hãy xem cuốn sách của Lê-nin *Bệnh ấu trĩ « tả khuynh ») trong phong trào cộng sản ;* các đồng chí hãy xem lịch sử của Đảng ta, là các đồng chí sẽ hiểu rằng Đảng ta sở dĩ đã trưởng thành và được củng cố là vì đã đấu tranh chống hai xu hướng : xu hướng hữu và xu hướng « tả ». Một mặt đấu tranh chống phái ốt-dô-vít và chống những người cộng sản « tả phái », mặt khác chống khuynh hướng cơ hội chủ nghĩa ra mặt trong thời kỳ trước, trong và sau Cách mạng tháng Mười : đó là những giai đoạn mà Đảng ta đã trải qua trong sự phát triển của nó. Như mọi người đều biết, Lê-nin đã nói rằng chúng ta phải tiến hành đấu tranh vừa chống chủ nghĩa cơ hội ra mặt, vừa chống bọn giáo điều « tả phái ».

Như thế có phải rằng Lê-nin là một người trung phái, có phải Lê-nin đã tiến hành một chính sách trung phái không? Hiển nhiên là không.

Như thế thì, những kẻ phạm sai lầm vừa hữu khuynh, vừa « tả » khuynh, là những người tiêu biểu cho cái gì?

Đối với xu hướng hữu khuynh, thì cố nhiên là nó khác với chủ nghĩa cơ hội của những người xã hội - dân chủ hồi trước chiến tranh. Cái xu hướng về chủ nghĩa cơ hội vẫn chưa phải là chủ nghĩa cơ hội. Chúng ta đều biết Lê-nin hồi đó đã định nghĩa như thế nào là xu hướng. Xu hướng hữu khuynh, tức là một cái gì chưa biến thành chủ nghĩa cơ hội và có thể sửa chữa được. Vì vậy người ta không thể đồng nhất coi xu hướng hữu khuynh cũng ngang như chủ nghĩa cơ hội toàn vẹn.

Còn về xu hướng « tả », thì nó là một cái gì đối lập hẳn với phái cực tả trong Đệ nhị Quốc tế hồi trước chiến tranh, tức là những người bôn-sê-vích. Những người phạm sai lầm theo xu hướng « tả », nghĩa là xu hướng khác hẳn với những người tả không có dấu ngoặc, thật ra chỉ là những người hữu phái, tuy nhiên có khác với những người hữu là họ vô tình che giấu bản chất thật sự của họ dưới những luận điệu « tả ». Không thấy được sự khác nhau sâu sắc giữa những người phạm sai lầm « tả khuynh » và những người Lê-nin chủ nghĩa chân chính, những người *độc nhất* là phái tả (không có dấu ngoặc) trong Đảng ta, tức là phạm một trọng tội đối với Đảng (*Có tiếng nói :* « Và những xu hướng đó đã có xác nhận chính thức chưa?») Nếu cuộc đấu tranh công khai tiến hành chống lại những xu hướng đó là một sự xác nhận chính thức, thì phải thú nhận rằng Lê-nin đã « chính thức xác nhận » những xu hướng đó từ lâu rồi.

Những người phạm sai lầm hữu khuynh cũng như « tả khuynh » đó được tuyển lựa trong những phần tử rất khác nhau thuộc những tầng lớp không phải là vô sản, những phần tử này biểu hiện áp lực của giai cấp tiểu tư sản đối với Đảng và sự phân hóa thành phần trong một số cấp bộ Đảng. Những đảng viên cũ của các đảng khác; những đảng viên của Đảng có khuynh hướng tơ-rốt-skít; những dư đảng của những phe nhóm trước kia trong nội bộ Đảng; những đảng viên đang trên con đường quan liêu hóa (hoặc đã quan liêu hóa rồi) trong các bộ máy của Nhà nước, của nền kinh tế quốc dân, trong các hợp tác xã, các công đoàn, và đang giúp sức cho những phần tử rõ ràng là tư sản trong các bộ máy đó; những đảng viên tráo trở trong các tổ chức của Đảng ở nông thôn, cấu kết với bọn cu-lắc v.v..., và vân vân: đó là hoàn cảnh đã nuôi dưỡng cho những khuynh hướng đi sai lạc đường lối Lê-nin chủ nghĩa. Rất hiển nhiên rằng những phần tử ấy không thể đồng hóa chút nào được với những cái gì thật sự là tả và Lê-nin chủ nghĩa. Họ chỉ có thể gây nên một khuynh hướng cơ hội chủ nghĩa ra mặt hoặc khuynh hướng gọi là « tả phái », là khuynh hướng che đậy chủ nghĩa cơ hội của mình dưới những luận điệu tả khuynh.

Bởi vậy cho nên đối với Đảng, cuộc đấu tranh trên hai mặt trận là chính sách duy nhất đúng.

Chúng ta hãy bàn tiếp. Nếu nói, như trong các bản đề cương rằng ở nước ta *phương pháp căn bản* để đấu tranh chống xu hướng hữu khuynh phải là một cuộc đấu tranh tư tưởng rộng lớn, thì nói như vậy có đúng không? Tôi thiết tưởng rằng đúng. Nhân đây mà nhớ lại kinh nghiệm của cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa tơ-rốt-skít là một điều tốt thôi. Chúng ta đã bắt đầu cuộc đấu

tranh ấy bằng cái gì? Bằng những biện pháp về mặt tổ chức chăng? Hẳn là không! Chúng ta đã bắt đầu bằng đấu tranh tư tưởng đã tiến hành liên tiếp từ năm 1918 đến 1925. Ngay từ năm 1924 Đảng ta và Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ V đã thông qua một nghị quyết về chủ nghĩa tơ-rốt-skít và đã cho chủ nghĩa đó là một khuynh hướng tiểu tư sản. Tuy nhiên, lúc đó, Tơ-rốt-ski vẫn đang có mặt trong Ban Chấp hành Trung ương và Bộ chính trị. Đó có phải là một sự thật không? Đúng thế, phải không? Như vậy tức là chúng ta đã « dung thứ » cho Tơ-rốt-ski và những phần tử theo Tơ-rốt-ski ở trong Ban Chấp hành trung ương. Tại sao chúng ta lại thừa nhận sự có mặt của họ trong các cơ quan lãnh đạo của Đảng? Vì rằng hồi đó phái Tơ-rốt-ski, mặc dầu bất đồng ý kiến với Đảng, nhưng vẫn phục tùng những nghị quyết của Ban Chấp hành trung ương và vẫn còn trung thực. Như vậy thì chúng ta đã bắt đầu áp dụng những biện pháp về mặt tổ chức trên một phạm vi khá rộng vào lúc nào? Chỉ có sau lúc phái Tờ-rốt-ski đã tổ chức thành biệt phái, đã lập ra trung tâm biệt phái của chúng, đã biến biệt phái của chúng thành một đảng mới và kêu gọi biểu tình chống lại chính quyền xô-viết.

Tôi cho rằng con đường đó cũng là con đường mà chúng ta phải theo trong cuộc đấu tranh chống xu hướng hữu khuynh. Nhưng đối với hiện nay, người ta chưa thể coi xu hướng hữu khuynh như một cái gì đã thành hình rồi và đã được kết tinh hẳn, mặc dù nó đang được tăng mạnh thêm trong Đảng. Hiện nay nó chỉ đang thành hình và kết tinh thôi. Những kẻ phạm sai lầm hữu khuynh có biệt lập thành phe phái không? Tôi tin rằng không. Người ta có thể nói được rằng họ không phục tùng nghị quyết của Đảng không? Tôi tưởng hiện nay chưa có gì cho phép ta nêu lên lời buộc tội như thế.

Người ta có thể khẳng định được rằng những kẻ phạm sai lầm hữu khuynh chắc chắn sẽ tổ chức thành biệt phái không? Điều đó tôi cũng không chắc. Do đó mà rút ra kết luận là: *trong giai đoạn hiện nay*, phương pháp chủ yếu để đấu tranh chống xu hướng hữu khuynh ở nước ta phải là một cuộc đấu tranh tư tưởng được phát triển rộng rãi. Kết luận đó lại càng đúng nữa vì một số đảng viên của Đảng ta đã biểu lộ một khuynh hướng trái lại, khuynh hướng chống lại xu hướng hữu khuynh bằng cách bắt đầu không phải bằng một cuộc đấu tranh tư tưởng mà bằng những biện pháp về mặt tổ chức. Họ tuyên bố thẳng: Hãy giao cho chúng tôi 10 hay 20 người hữu phái; chúng tôi sẽ thanh toán xong ngay, và như vậy là chúng tôi sẽ chấm dứt được xu hướng hữu khuynh. Các đồng chí, tôi cho rằng một tâm trạng như thế là sai và nguy hiểm. Chính để khỏi bị lôi cuốn theo những khuynh hướng thuộc loại đó và hướng dẫn cuộc đấu tranh chống xu hướng hữu khuynh đi theo con đường đúng, mà chúng ta phải nói một cách công nhiên đường hoàng rằng phương pháp đấu tranh chủ yếu của chúng ta để chống xu hướng hữu khuynh, *trong giai đoạn hiện nay*, là đấu tranh tư tưởng

Như thế phải chăng có nghĩa là chúng ta không được dùng bất cứ một biện pháp nào về mặt tổ chức sao? Không hề có nghĩa như thế. Nhưng điều đó chắc chắn có nghĩa là trong trường hợp này những biện pháp ấy chỉ có thể đóng một vai trò phụ mà thôi, và nếu những người theo xu hướng hữu khuynh không làm trái những nghị quyết của Đảng, thì chúng ta không nên loại họ ra khỏi các tổ chức nào đó và các cơ quan lãnh đạo nào đó *(Có tiếng nói: «Nhưng người ta đã làm gì ở Mạc-tư-khoa?»)*

Tôi cho rằng trong số các đồng chí lãnh đạo ở Mạc-tư-khoa không có những phần tử hữu khuynh. Về phía

họ, thì vấn đề là có thái độ sai đối với tinh thần hữu khuynh. Nói cho đúng là có một khuynh hướng thỏa hiệp. Nhưng tôi không thể nói rằng trong Thành ủy Mạc-tư-khoa đã có một xu hướng hữu khuynh *(Có tiếng nói:* « Còn cuộc đấu tranh về mặt tổ chức thì sao? »)

Thật ra một cuộc đấu tranh đã được tiến hành về mặt tổ chức, mặc dầu nó chỉ đóng một vai trò phụ. Nó đã được bắt đầu là vì ở Mạc-tư-khoa hiện nay người ta đang tiến hành những cuộc tuyển cử mới trên cơ sở tự phê bình, và vì rằng những cán bộ ở các khu thành đều có quyền cách chức những người bí thư của mình *(cười). (Có tiếng nói:* « Như thế thì trong đảng người ta đã công bố cuộc bầu cử lại các bí thư lúc nào? ») Không ai cấm việc bầu cử lại các bí thư. Lời kêu gọi của Ban Chấp hành trung ương hồi tháng Sáu vừa qua đã nói rõ rằng nếu không đảm bảo cho các tổ chức cơ sở có quyền cách chức bất cứ một người bí thư nào, bất cứ một cấp ủy nào, thì việc mở rộng tự phê bình chỉ có thể là một lời nói suông mà thôi. Về lời kêu gọi đó, các đồng chí có thể có gì phản đối lại không? *(Có tiếng nói:* « Trước kỳ hội nghị của Đảng có được không? ») Vâng, ngay cả trước khi hội nghị của Đảng họp.

Tôi thấy có một số đồng chí mỉm cười. Đó là điểm không tốt, các đồng chí ạ. Tôi thấy rằng, một số trong các đồng chí nóng lòng muốn cách chức một số người nào đó đại diện cho xu hướng hữu khuynh. Nhưng, các đồng chí thân mến, điều đó sẽ không giải quyết được vấn đề. Chắc chắn là cách chức một người nào thì dễ hơn là tiến hành một chiến dịch giải thích rộng lớn và thật đúng đắn về xu hướng hữu khuynh, về nguy cơ hữu khuynh và về cuộc đấu tranh chống lại xu hướng đó. Nhưng đừng tưởng rằng chọn làm việc dễ

dàng nhất là tốt hơn cả. Vậy hãy chịu khó tổ chức một chiến dịch giải thích rộng lớn chống lại nguy cơ hữu khuynh; các đồng chí đừng có tiếc rẻ thời giờ của mình, thế là sau này các đồng chí sẽ thấy rằng chiến dịch giải thích đó càng được rộng lớn và sâu sắc bao nhiêu, thì xu hướng hữu khuynh càng khó đường xoay sở bấy nhiêu. Cho nên tôi cho rằng đấu tranh tư tưởng phải là công việc trung tâm của cuộc đấu tranh của chúng ta chống xu hướng hữu khuynh.

Đối với Thành ủy Mạc-tư-khoa, tôi thấy không cần phải nói gì thêm vào những lời mà đồng chí U-gơ-la-nốp đã nói trong bài diễn văn tổng kết tại Hội nghị toàn thể của Thành ủy Mạc-tư-khoa và của Ủy ban kiểm tra Mạc-tư-khoa của Đảng cộng sản (b) Liên-xô cả. Đồng chí U-gơ-la-nốp đã tuyên bố minh bạch:

« Hãy nhớ lại lịch sử một chút; nhớ lại, vào năm 1921, tôi đã chiến đấu như thế nào ở Lê-nin-gơ-rát chống Di-nô-vi-ép; lúc đó, cuộc « vật lộn » có phần nghiêm trọng hơn chút ít. Hồi đó, chúng ta đã thắng, vì chúng ta đã có lý. Ngày nay, chúng ta đã bị đánh bại vì chúng ta đã lầm đường. Bài học đó sẽ không phải là vô bổ ».

Do đó mà hiện nay U-gơ-la-nốp đã chiến đấu như trước đây đồng chí ấy đã chiến đấu chống Di-nô-vi-ép. Nói đúng ra, thì trong thời gian gần đây đồng chí ấy đã chống lại ai? Chắc hẳn là đã chống lại chính sách của Ban Chấp hành trung ương. Thế thì chống lại ai? Người ta đã dựa trên cơ sở nào để tiến hành cuộc đấu tranh đó? Rất hiển nhiên là dựa trên tinh thần thỏa hiệp đối với xu hướng hữu khuynh.

Bởi vậy các đề cương đều nhấn mạnh rất đúng rằng đấu tranh chống tinh thần thỏa hiệp đối với những khuynh hướng đi sai đường lối Lê-nin chủ nghĩa,

và nhất là chống tinh thần thỏa hiệp đối với xu hướng hữu khuynh, là một trong những nhiệm vụ trước mắt của Đảng ta.

Sau hết còn vấn đề cuối cùng này nữa. Trong các đề cương có nói rằng hiện nay chúng ta phải nhấn mạnh vào sự cần thiết phải đấu tranh chống xu hướng hữu khuynh. Như thế nghĩa là thế nào? Nghĩa là nguy cơ hữu khuynh hiện nay là nguy cơ chủ yếu trong Đảng ta. Cuộc đấu tranh chống những khuynh hướng tờ-rốt-skít, và đó là một cuộc đấu tranh nghiêm trọng, đã được tiến hành ở nước ta từ hàng chục năm nay. Kết quả của cuộc đấu tranh đó là đã đánh bại được những cán bộ chủ yếu của phái Tờ-rốt-ski. Người ta không thể nói rằng trong thời gian gần đây cuộc đấu tranh đó đã được tiến hành cũng mạnh mẽ như cuộc đấu tranh chống khuynh hướng cơ hội chủ nghĩa ra mặt. Và nếu cuộc đấu tranh đó đã không được tiến hành một cách cực kỳ mạnh mẽ, là vì xu hướng hữu khuynh ở nước ta, đang trong thời kỳ thành hình và kết tinh của nó, lại đang được tăng cường và lan rộng bởi lý do là những khó khăn của chúng ta trong lĩnh vực thu mua lúa mì đã khiến cho thế lực tự phát tiểu tư sản được tăng cường thêm. Bởi vậy sự cố gắng chủ yếu là phải nhằm chống lại xu hướng hữu khuynh.

Các đồng chí, để kết thúc tôi còn muốn nêu lên một sự việc mà người ta đã không nói đến ở đây, và theo tôi thì nó cũng có ý nghĩa quan trọng của nó. Chúng tôi, những Ủy viên của Bộ chính trị, chúng tôi đã trình bày cùng các đồng chí rõ những đề cương của chúng tôi về những con số dự toán. Trong bài diễn văn của tôi, tôi đã bênh vực những đề cương ấy mà tôi cho là tuyệt đối đúng. Tôi không muốn nói rằng không thể sửa đổi một vài chỗ trong những đề cương ấy. Nhưng

về căn bản, những đề cương đó đều đúng và bảo đảm cho chúng ta áp dụng đúng đường lối Lê-nin chủ nghĩa: điều đó, không còn nghi ngờ gì nữa cả. Vậy thì, tôi muốn nói với các đồng chí rằng Bộ chính trị chúng tôi đã nhất trí thông qua những đề cương đó. Tôi thiết tưởng việc ấy có một ý nghĩa quan trọng nào đó, vì tất cả bọn phá hoại, bọn địch thủ và những kẻ thù của Đảng ta luôn luôn có những dư luận đồn đại trong hàng ngũ chúng ta. Ở đây tôi muốn nói đến những dư luận nói rằng trong chúng tôi, ở Bộ chính trị, có một xu hướng hữu, một xu hướng « tả », một tinh thần thỏa hiệp với những xu hướng đó, và còn nhiều dư luận đồn đại khác nữa. Như vậy những đề cương ấy là một bằng chứng mới, bằng chứng lần thứ một trăm hay một trăm linh một, tỏ rằng ở Bộ chính trị tất cả chúng tôi đều nhất trí.

Tôi hy vọng rằng Hội nghị toàn thể của chúng ta cũng nhất trí thông qua các đề cương đó làm cơ sở. *(Vỗ tay)*

Sự thật, số 273, 24 tháng Một 1928.

Sta-lin: «*Về việc công nghiệp hóa nước nhà và về xu hướng hữu khuynh trong Đảng cộng sản (b) Liên-xô*, Pháp văn, Nhà xuất bản ngoại văn Mạc-tư-khoa, 1953, tr. 16-47.

MỘT NĂM CHUYỂN BIẾN LỚN

(Để kỷ niệm lần thứ XII Cách mạng tháng Mười)

(TRÍCH)

. . . . . .

III

TRONG LĨNH VỰC XÂY DỰNG NÔNG NGHIỆP

Sau hết là thành tựu thứ ba của Đảng trong năm qua, thành tựu gắn liền một cách hữu cơ với hai thành tựu trước*. Tôi muốn nói: *bước chuyển biến căn bản* trong sự phát triển nông nghiệp của chúng ta, từ nền kinh tế *cá thể* nhỏ, lạc hậu đến nền nông nghiệp *tập thể* lớn, tiên tiến, đến việc làm chung ruộng đất, đến những trạm máy móc và máy kéo, đến những ác-ten, những nông trang tập thể dựa trên nền kỹ thuật hiện đại, sau hết là đến các nông trường quốc doanh khổng lồ được thiết bị hàng trăm máy kéo và máy gặt-đập.

Thành tựu của Đảng ở đây, là trong nhiều tỉnh, chúng ta đã làm cho quần chúng nông dân cơ bản đang từ con đường phát triển cũ, *tư bản chủ nghĩa*, — con đường chỉ làm lợi cho một dúm tư bản giàu sụ, còn

---

* Hai thành tựu trước là: Trong lĩnh vực năng suất lao động và trong lĩnh vực xây dựng công nghiệp. (*B.T.*)

tuyệt đại đa số nông dân thì bị phá sản, sống lay lắt trong cảnh khốn quẫn, — *chuyển sang* con đường mới, con đường phát triển *xã hội chủ nghĩa*, con đường diệt trừ bọn tư bản giàu sụ và thiết bị lại, theo lối mới, cho trung nông và nông dân nghèo, cung cấp cho họ những công cụ mới, những máy kéo và máy móc nông nghiệp, để làm cho họ thoát khỏi sự khốn cùng và sự nô dịch của bọn cu-lắc, và làm cho họ đi vào con đường lao động hợp tác rộng rãi, con đường canh tác tập thể.

Thành tựu của Đảng, chính là chúng ta đã tổ chức được bước *chuyển biến căn bản* đó ngay trong nông dân và đã lôi kéo theo chúng ta đông đảo quần chúng nông dân nghèo và trung nông, chẳng quản những khó khăn phi thường, chẳng quản những sự phản kháng tuyệt vọng của đủ mọi thứ lực lượng huyền bí, từ bọn cu-lắc và bọn giáo trưởng cho đến bọn phi-li-stanh và bọn cơ hội chủ nghĩa hữu khuynh.

Sau đây là một vài con số.

Năm 1928, diện tích gieo giống của các nông trường quốc doanh là 1.425.000 éc-ta, với một sản lượng hàng hóa hơn 6 triệu tạ ngũ cốc (hơn 36 triệu pút); diện tích gieo giống của các nông trang tập thể lên tới 1.390.000 éc-ta, với một sản lượng hàng hóa chừng 3 triệu rưỡi tạ ngũ cốc (hơn 20 triệu pút).

Năm 1929, diện tích gieo giống của nông trường quốc doanh là 1.816.000 éc-ta, với một sản lượng hàng hóa gần 8 triệu tạ ngũ cốc (47 triệu pút), còn diện tích gieo giống của các nông trang tập thể là 4.262.000 éc-ta, với một sản lượng hàng hóa lên tới gần 13 triệu tạ ngũ cốc (78 triệu pút).

Trong năm 1930 tới, theo những dự đoán của kế hoạch thì diện tích gieo giống của các nông trường quốc doanh chắc sẽ lên tới 3.288.000 éc-ta với một sản

lượng hàng hóa là 18 triệu tạ ngũ cốc (110 triệu pút), còn diện tích gieo giống của các nông trang tập thể tất phải lên đến 15 triệu éc-ta, với một sản lượng hàng hóa chừng 49 triệu tạ (300 triệu pút).

Nói một cách khác, trong năm 1930, sản lượng hàng hóa về ngũ cốc của các nông trường quốc doanh và các nông trang tập thể sẽ lên tới hơn 400 triệu pút, tức là trên 50% sản lượng hàng hóa về ngũ cốc của *toàn bộ* nền nông nghiệp (bán ra ngoài khu vực nông thôn).

Phải thừa nhận rằng nhịp độ phát triển nhanh chóng như thế, thì ngay cả nền đại công nghiệp xã hội hóa của chúng ta cũng *chưa từng có*, mặc dầu nhịp độ phát triển của nền đại công nghiệp ấy, nói chung, cũng đã phát triển khá mạnh rồi.

Dĩ nhiên, nền đại nông nghiệp xã hội chủ nghĩa của chúng ta (nông trang tập thể và nông trường quốc doanh), tuy còn non trẻ, nhưng có một tương lai đẹp đẽ, nó sẽ phát triển một cách kỳ diệu.

Thắng lợi chưa từng có đó trong việc xây dựng nông trang tập thể là do rất nhiều nguyên nhân, mà ít ra cũng cần phải nêu lên những nguyên nhân dưới đây:

Một là, do Đảng đã chấp hành chính sách lê-ni-nít về việc giáo dục quần chúng, bằng cách đưa dần từng bước* quần chúng nông dân vào nông trang tập thể, thông qua việc thành lập các hội hợp tác. Và cũng do Đảng đã tiến hành đấu tranh thắng lợi chống những kẻ tìm cách đi trước phong trào và dùng mệnh lệnh để phát triển nông trang tập thể (bọn « tả khuynh » nói

---

* Bản Pháp văn: *de façon conséquente*. (N.D.)

suông), cũng như chống những kẻ tìm cách kéo lùi Đảng lại, và theo đuôi phong trào (bọn « hữu khuynh » làm rối việc). Không có một chính sách như thế thì Đảng không thể biến phong trào tập thể hóa thành một phong trào quần chúng thực sự của bản thân nông dân được. Lê-nin nói :

« Khi giai cấp vô sản ở Pê-tơ-rô-gờ-rát và binh sĩ đóng ở Pê-tơ-rô-gờ-rát đã giành được chính quyền, thì họ đều hoàn toàn biết rằng việc kiến thiết ở nông thôn sẽ gặp nhiều khó khăn ; rằng ở đây cần phải tiến lên một cách dần dà thận trọng hơn ; rằng ở đây mà muốn *dùng hàng loạt* pháp lệnh và luật lệ để *du nhập lối canh tác tập thể thì thật là hết sức điên rồ ;* rằng chỉ một số rất ít nông dân giác ngộ tán thành việc làm ăn theo lối đó thôi, còn tuyệt đại đa số nông dân thì chưa hề biết gì đến vấn đề đó cả. Bởi vậy chúng ta chỉ cần chú ý tới điểm tuyệt đối cần thiết để làm cho cách mạng phát triển là : bất kỳ trong trường hợp nào cũng không nên *vượt quá trình độ phát triển của quần chúng*, mà phải chờ đợi quần chúng do kinh nghiệm bản thân của họ, do bản thân cuộc đấu tranh của họ mà lớn lên gây thành một cao trào mạnh mẽ ». (t. XXIII, tr. 252)

Sở dĩ Đảng đã thu được một thắng lợi rất lớn trên mặt trận xây dựng nông trang tập thể, chính là vì Đảng đã áp dụng đúng đắn chỉ thị sách lược đó của Lê-nin.

Hai là, nguyên nhân của thắng lợi chưa từng có đó trong công cuộc xây dựng nông nghiệp là do chỗ chính quyền xô-viết đã biết chú ý đến nhu cầu ngày càng tăng của nông dân về nông cụ mới, về những phương tiện kỹ thuật mới, chính quyền xô-viết đã biết chú ý, một cách đúng đắn, đến tình hình bế tắc mà những hình thức canh tác cũ gây ra cho nông dân và, vì chú ý đến tất cả mọi cái đó, nên chính quyền xô-viết đã kịp thời tổ chức việc giúp đỡ nông dân dưới hình thức những trạm cho thuê nông cụ, những đội máy kéo, những trạm máy móc và máy kéo ; dưới hình thức tổ chức cày chung ruộng đất, bằng cách thành lập các nông trang

tập thể, sau hết là dưới hình thức dùng lực lượng các nông trường quốc doanh mà giúp đỡ nền kinh tế nông dân về nhiều mặt.

Lần đầu tiên trong lịch sử nhân loại, chính quyền xô-viết xuất hiện, một chính quyền đã chứng tỏ trên thực tiễn ý chí và năng lực của mình trong việc giúp đỡ quần chúng nông dân lao động một cách có hệ thống và lâu dài *về mặt sản xuất*.

Quần chúng nông dân lao động, mà bao đời nay vẫn chịu khổ vì nỗi thiếu thốn nông cụ, tất không thể không nắm lấy sự giúp đỡ đó và không thể không đi vào con đường tập thể hóa nông nghiệp, điều đó há lại không rõ ràng hay sao?

Và, từ nay trở đi, khẩu hiệu cũ của công nhân «Hướng về nông thôn» phải được bổ sung bằng khẩu hiệu mới của nông dân nông trang tập thể «Hướng về thành thị», như vậy thì có đáng lấy làm lạ không?

Sau hết, nguyên nhân của thắng lợi chưa từng có đó trong công cuộc xây dựng nông trang tập thể là do các công nhân tiên tiến ở nước ta đã đảm nhiệm lấy công việc đó. Ở đây tôi muốn nói đến những đội công nhân có hàng chục và hàng trăm người rải rác trong các miền chủ yếu trong nước ta. Cần phải thừa nhận rằng trong số tất cả những tuyên truyền viên hiện có và có thể có của phong trào tập thể hóa nông nghiệp trong quần chúng nông dân, thì công nhân là những người làm công tác tuyên truyền giỏi nhất. Nếu công nhân đã thuyết phục được nông dân và làm cho họ thấy rằng nền đại kinh tế tập thể là ưu việt hơn nền tiểu kinh tế cá thể, hơn nữa các nông trang tập thể và các nông trường quốc doanh hiện có là một chứng cớ hiển nhiên của tính ưu việt đó, thì như vậy có gì là lạ không?

Chính trên cơ sở như thế mà chúng ta đã thu được những thành tựu trong công cuộc xây dựng các nông trang tập thể, những thành tựu đó, theo ý tôi, là những thành tựu quan trọng nhất và có tính chất quyết định nhất trong những năm vừa qua.

Những ý kiến phản đối của « giới khoa học », chống lại khả năng và lợi ích của việc tổ chức những công xưởng ngũ cốc lớn với quy mô từ 4 đến 5 vạn éc-ta, những ý kiến đó đã bị sụp đổ tan tành. Thực tiễn đã bác bỏ những ý kiến phản đối của « giới khoa học »; thực tiễn đã chứng minh một lần nữa rằng không những chỉ một mình nó phải học tập « khoa học », mà « khoa học » cũng không thể không học tập những bài học của thực tiễn.

Những công xưởng ngũ cốc đại quy mô không thích hợp với các nước tư bản chủ nghĩa. Còn nước ta thì lại là một nước xã hội chủ nghĩa. Không được quên điểm khác nhau « nho nhỏ » ấy.

Tại các nước tư bản chủ nghĩa, vì còn chế độ tư hữu ruộng đất, nên không thể tổ chức ra những công xưởng ngũ cốc đại quy mô được, nếu không mua rất nhiều ruộng đất hoặc không trả địa tô tuyệt đối, điều đó nhất định làm cho nền sản xuất phải chịu một khoản chi phí khổng lồ. Trái lại, ở nước ta không còn địa tô tuyệt đối, cũng không còn chế độ mua bán ruộng đất, điều đó nhất định tạo những điều kiện thuận lợi cho sự phát triển những doanh nghiệp ngũ cốc đại quy mô, vì rằng ở nước ta chế độ tư hữu ruộng đất không còn nữa.

Tại các nước tư bản chủ nghĩa, các doanh nghiệp ngũ cốc đại quy mô có mục đích thực hiện lợi nhuận tối đa, hoặc ít ra cũng thực hiện những lợi nhuận tương đương với cái gọi là tỷ suất lợi nhuận bình quân,

thiếu lợi nhuận đó thì nhà tư bản nói chung không bận tâm đến việc tổ chức doanh nghiệp ngũ cốc. Trái lại, ở nước ta, các doanh nghiệp ngũ cốc đại quy mô, đồng thời là những doanh nghiệp của Nhà nước, không cần phải có lợi nhuận tối đa, cũng không cần tỷ suất lợi nhuận bình quân mới phát triển được, nó chỉ cần lợi nhuận tối thiểu và, có khi chẳng cần tý lợi nhuận nào cũng được, điều đó lại còn tạo thêm điều kiện thuận lợi nữa cho sự phát triển những doanh nghiệp ngũ cốc đại quy mô.

Sau hết, các doanh nghiệp ngũ cốc đại quy mô dưới chế độ tư bản chủ nghĩa không dễ dàng được vay vốn, cũng không được đặc biệt giảm thuế, còn dưới chế độ xô-viết, là chế độ nhằm ủng hộ khu vực xã hội chủ nghĩa, thì bây giờ và sau đây, vẫn có được những sự dễ dàng đó.

Tất cả những điều đó, « khoa học » tôn nghiêm kia đã quên mất.

Những lời quả quyết của bọn cơ hội chủ nghĩa hữu khuynh (nhóm Bu-kha-rin) đã bị sụp đổ tan tành, những lời quả quyết đó cho rằng :

a) Nông dân sẽ không gia nhập nông trang tập thể ;

b) Nhịp độ phát triển quá mau của các nông trang tập thể chỉ có thể gây bất mãn cho quần chúng và làm mất đoàn kết giữa giai cấp nông dân và giai cấp công nhân mà thôi ;

c) Ở nông thôn, « con đường lớn » của sự phát triển xã hội chủ nghĩa *không phải là* nông trang tập thể, *mà* là hợp tác xã ;

d) sự phát triển các nông trang tập thể và việc tấn công các phần tử tư bản chủ nghĩa ở nông thôn có thể khiến cho nước nhà không có bánh mì.

Tất cả những lời quả quyết trên đây đều đã sụp đổ tan tành, như một mớ lý luận cũ rích tự do tư sản.

Một là, nông dân đã gia nhập các nông trang tập thể, họ đã gia nhập từng làng, từng tổng, cả toàn từng khu nữa.

Hai là, phong trào nông trang tập thể rộng lớn đã không làm yếu mà còn củng cố sự liên minh giữa thành thị và nông thôn bằng cách đặt cho sự liên minh đó một cơ sở mới, một cơ sở sản xuất. Ngay những người mù hiện nay cũng thấy rằng nếu trong quần chúng nông dân cơ bản có sự bất mãn hơi nặng một phần nào đó thì đấy không phải là vì chính sách tập thể hóa do chính quyền xô-viết chủ trương, mà là vì chính quyền xô-viết, về mặt cung cấp máy móc và máy kéo cho nông dân, đã không cung cấp kịp được cho nhu cầu của sự phát triển của phong trào nông trang tập thể.

Ba là, cuộc tranh luận về « con đường lớn » của sự phát triển xã hội chủ nghĩa ở nông thôn là một cuộc tranh luận có tính chất sách vở, chỉ thích hợp với những thanh niên thuộc phái tự do tiểu tư sản thuộc loại như Ây-sân-oan và Slép-cốp mà thôi. Rõ ràng là chừng nào chưa có phong trào nông trang tập thể rộng lớn, thì « con đường lớn » được thể hiện bằng những hình thức thấp của hợp tác xã, tức là bằng hợp tác xã cung tiêu. Nhưng khi hình thức hợp tác xã cao cấp, tức là hình thức nông trang tập thể xuất hiện, thì hình thức đó trở nên « con đường lớn » của sự phát triển.

Nói một cách thẳng thắn, thì con đường lớn của sự phát triển xã hội chủ nghĩa ở nông thôn, chính là kế hoạch hợp tác hóa của Lê-nin, kế hoạch bao gồm tất cả những hình thức hợp tác xã nông nghiệp, từ những hình thức thấp (hợp tác xã cung tiêu) đến những hình

thức cao (sản xuất theo lối nông trang tập thể). Đem *đối lập* nông trang tập thể với hợp tác xã, chính là chế nhạo chủ nghĩa Lê-nin và tỏ ra là mình dốt.

Bốn là, ngay những người mù hiện nay cũng thấy rằng nếu không có một cuộc tấn công vào những phần tử tư bản chủ nghĩa ở nông thôn, và nếu không có sự phát triển của phong trào nông trang tập thể và nông trường quốc doanh, thì ngày nay chúng ta không thể có những thắng lợi có tính chất quyết định đã giành được trong việc thu mua lúa mì suốt trong năm nay, cũng không thể có hàng chục triệu pút lúa mì — lúa dự trữ thường xuyên — mà Nhà nước đã tích lũy được.

Hơn nữa, người ta có thể quả quyết rằng nhờ sự lớn mạnh của phong trào nông trang tập thể và nông trường quốc doanh mà chúng ta đang hoàn toàn thoát khỏi, hoặc cũng có thể nói là chúng ta đã thoát khỏi cuộc khủng hoảng lúa mì rồi. Và nếu các nông trang tập thể và các nông trường quốc doanh cứ tiếp tục phát triển với một đà nhanh chóng như thế, thì chắc chắn rằng trong vài ba năm nữa, nước ta sẽ trở thành một trong những nước sản xuất nhiều lúa mì nhất, hoặc cũng có thể là nước sản xuất nhiều lúa mì nhất trên thế giới nữa.

Trong phong trào nông trang tập thể hiện nay, có gì *mới* không? Điều mới và có tính chất quyết định trong phong trào nông trang tập thể hiện nay, là nông dân đã gia nhập nông trang tập thể không phải từng nhóm riêng lẻ như trước đây mà là gia nhập từng làng, từng tổng, từng khu, đến cả toàn từng quận nữa.

Như thế nghĩa là thế nào? Nghĩa là *trung nông đã đi vào con đường nông trang tập thể*. Đó là cơ sở của

sự chuyển biến căn bản đã diễn ra trong sự phát triển nông nghiệp, và sự chuyển biến căn bản đó là một trong những thành tựu chủ yếu của chính quyền xô-viết trong năm qua.

Người ta thấy « quan điểm » men-sê-vích của bọn Tờ-rốt-ski đã đổ vỡ tan tành, theo quan điểm đó thì giai cấp công nhân không có khả năng lãnh đạo quần chúng nông dân cơ bản đi vào con đường xây dựng xã hội chủ nghĩa được. Ngay cả những người mù hiện nay cũng thấy rằng trung nông đã hướng về nông trang tập thể. Hiện nay, đối với tất cả mọi người, rõ ràng kế hoạch 5 năm của công nghiệp và nông nghiệp là kế hoạch xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa, rằng những người nào không tin vào khả năng có thể xây dựng được chủ nghĩa xã hội ở nước ta, thì không có quyền chào mừng kế hoạch năm năm của chúng ta.

Người ta thấy sụp đổ và tan thành tro bụi, cái hy vọng cuối cùng của bọn tư bản ở tất cả các nước, mong phục hồi lại ở Liên-xô chủ nghĩa tư bản và « nguyên tắc thiêng liêng về quyền tư hữu tài sản ». Những người nông dân mà trước kia chúng coi như đống phân dùng để bón cho mảnh đất của chủ nghĩa tư bản, thì ngày nay hàng loạt những người nông dân đó đang từ bỏ lá cờ « tư hữu » đã từng được tán dương, mà đi vào con đường tập thể hóa, vào con đường chủ nghĩa xã hội. Hy vọng cuối cùng mong nhìn thấy chủ nghĩa tư bản phục hồi đã sụp đổ.

Đó là một trong những nguyên nhân khiến cho những phần tử tư bản chủ nghĩa ở nước ta có những âm mưu tuyệt vọng là đem tất cả lực lượng của thế giới cũ chống lại chủ nghĩa xã hội đang tiến bước và làm

cho cuộc đấu tranh giai cấp ngày càng gay gắt thêm Chế độ tư bản không muốn « nhập làm một »* vào chủ nghĩa xã hội.

Đó cũng là nguyên nhân vì sao trong thời gian vừa qua, những con chó giữ nhà cho Tư bản, tức là tất cả cái bọn Stờ-ru-vê và Hét-xen, Mi-li-u-cốp và Kê-ren-ski, Đan và A-bơ-ra-mô-vít-sơ đã lồng lộn lên một cách dữ tợn để chống lại chủ nghĩa bôn-sê-vích. Thử nghĩ xem! Mối hy vọng cuối cùng hòng phục hồi chủ nghĩa tư bản đã tan biến mất rồi.

Nếu không phải vì Đảng đã thực sự thu được thắng lợi quyết định trên mặt trận gay go nhất trong công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa, thì mối cuồng hận đó của những kẻ thù giai cấp và những tiếng tru tréo lồng lộn lên đó của bọn tôi tớ cho Tư bản còn có thể chứng thực cái gì nữa?

Lê-nin nói:

« Chỉ có trong trường hợp mà chúng ta lấy thực tế chỉ cho nông dân thấy được tính ưu việt của việc canh tác chung, tập thể, bằng con đường hợp tác, bằng các ác-ten; chỉ có khi nào chúng ta giúp đỡ được nông dân tổ chức nhau lại thành các hội hợp tác, thành các ác-ten thì giai cấp công nhân, nắm chính quyền Nhà nước trong tay, mới thực sự chứng minh cho nông dân thấy rằng mình đã làm đúng; mới thực sự lôi kéo được về phía mình, một cách lâu dài và chắc chắn, quần chúng nông dân đông đảo ». (t. XXIV, tr. 572.).

Chính Lê-nin đã đặt vấn đề những biện pháp dùng để tranh thủ hàng triệu nông dân về phía giai cấp công nhân, để đưa nông dân vào con đường xây dựng các nông trang tập thể, là như thế đấy.

---

* Bản Pháp văn: « *s'intégrer* ». Bản Trung văn: « *trường nhập* ». *(N.D.)*

Năm vừa qua đã chứng tỏ rằng Đảng đã hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ đó, bằng cách kiên quyết khắc phục tất cả mọi khó khăn trên con đường đó.

Lê-nin nói:

«Trong xã hội cộng sản chủ nghĩa, trung nông chỉ đứng về phía chúng ta khi chúng ta đã cải tiến và cải thiện được điều kiện kinh tế trong sinh hoạt của họ. Nếu mai đây, chúng ta có thể cung cấp được 100.000 máy kéo hạng tốt nhất, có đủ dầu xăng, có đủ thợ máy cho số đó (các đồng chí đều biết rất rõ rằng, ngay bây giờ đây, việc đó còn là một mộng tưởng), thì người trung nông sẽ nói rằng: «Tôi tán thành công xã» (nghĩa là tán thành chủ nghĩa cộng sản). Nhưng, muốn làm được công việc đó, thì trước hết cần phải thắng giai cấp tư sản quốc tế, phải bắt chúng cung cấp cho chúng ta những máy kéo đó, hay là phải nâng cao năng suất lao động của chúng ta đến mức mà chính chúng ta có thể tự mình cung cấp lấy được số máy đó. Chỉ có như thế thì vấn đề đó mới được đặt ra một cách đúng đắn mà thôi». (t. XXIV, tr. 170).*

Chính Lê-nin đã đặt vấn đề phương pháp phải theo để thiết bị lại về mặt kỹ thuật cho trung nông, vấn đề phương pháp phải theo để thu hút trung nông vào con đường chủ nghĩa cộng sản như thế đấy.

Năm vừa qua đã chứng tỏ rằng Đảng cũng đã hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ đó. Mọi người đều biết rằng đến mùa xuân năm 1930 sắp tới, chúng ta sẽ có hơn 60.000 máy kéo trên đồng ruộng của chúng ta; sang năm nữa, chúng ta sẽ có hơn 100.000 máy kéo và trong vòng hai năm nữa, sẽ có hơn 250.000 máy kéo. Điều mà trước đây vài năm người ta cho là «mộng tưởng», thì ngày nay, chúng ta có đủ khả năng biến nó thành một hiện thực. Đó là lý do đã làm cho trung nông hướng về «công xã».

---

* Xem «*Về thời kỳ quá độ*», bản tiếng Việt, tr. 123 - 124, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1958. *(B.T.)*

Thành tựu thứ ba của Đảng là ở chỗ đó.

Đó là những thành tựu chủ yếu của Đảng trong năm qua.

KẾT LUẬN

Chúng ta đang mở hết tốc lực để đi vào con đường công nghiệp hóa, đi đến chủ nghĩa xã hội, mà bỏ xa phía sau chúng ta tình trạng lạc hậu « Nga » từ ngàn xưa.

Nước ta đang biến thành một nước của kim khí, một nước của xe hơi, một nước của máy kéo.

Và khi nào chúng ta đặt Liên-xô ngồi trên ô tô và đặt người mu-gích ngồi trên máy kéo, thì khi đó các nhà tư bản đáng kính kia đang tự phụ với cái « văn minh » của họ, hãy thử đuổi kịp chúng ta xem. Khi đó, chúng ta sẽ thấy những nước nào « đáng coi là » lạc hậu, và những nước nào đáng coi là tiên tiến.

3 tháng Một 1929.
Báo *Sự thật*, số 259, 7 tháng Một 1929.
Ký tên : J. Sta-lin.

Dịch theo bản Pháp văn, Nhà xuất bản ngoại văn, Mạc-tư-khoa, 1955.
Có đối chiếu bản Trung văn, trong cuốn *Những vấn đề chủ nghĩa Lê-nin*, cũng của nhà xuất bản trên, Mạc-tư-khoa, 1949.

MẤY VẤN ĐỀ CHÍNH SÁCH RUỘNG ĐẤT Ở LIÊN-XÔ

Diễn văn đọc tại hội nghị những người mác-xít chuyên môn về vấn đề ruộng đất ngày 27 tháng Chạp 1929)

TRÍCH

. . . .

V

BÀN VỀ BẢN CHẤT CỦA NÔNG TRANG TẬP THỂ

Nông trang tập thể, coi như một *hình loại* kinh tế*, là một trong những hình thức của kinh tế xã hội chủ nghĩa. Đối với điều đó, không còn phải nghi ngờ gì nữa cả.

Có một diễn giả nào đó đã phát biểu ý kiến ở đây để làm mất uy tín của nông trang tập thể. Người đó đã quả quyết rằng nông trang tập thể, về phương diện là một tổ chức kinh tế, thì chẳng có chút gì dính dáng với hình thức xã hội chủ nghĩa trong kinh tế cả. Các đồng chí, tôi cần phải tuyên bố rằng nhận định như thế về nông

---

* Bản Pháp văn : *Les kolkhoz comme type d'économie*. Bản Hoa văn : *tác vi nhất chủng kinh tế loại hình*. Chúng tôi dịch tạm là *hình loại*. (*N. D.*)

trang tập thể là hoàn toàn không đúng. Chắc chắn rằng sự nhận định đó không có chút gì phù hợp với tình hình thực tế cả.

Cái gì quyết định hình loại của nền kinh tế? Hiển nhiên là những mối quan hệ giữa người và người trong quá trình sản xuất quyết định. Vậy thì, có thể quyết định hình loại này hay hình loại khác của kinh tế bằng cách nào khác được không? Nhưng trong nông trang tập thể, có giai cấp những người chiếm hữu tư liệu sản xuất và giai cấp những người bị chiếm đoạt mất tư liệu sản xuất không? Trong nông trang tập thể, có giai cấp bóc lột và giai cấp bị bóc lột không? Phải chăng là nông trang tập thể không tiêu biểu cho việc tập thể hóa những công cụ sản xuất cơ bản trên đất đai thuộc về Nhà nước? Có lý do gì để có thể quả quyết được rằng nông trang tập thể, về mặt là hình loại kinh tế, lại không phải là một trong những hình thức của kinh tế xã hội chủ nghĩa?

Cố nhiên là trong các nông trang tập thể cũng có những mâu thuẫn. Cố nhiên là trong các nông trang tập thể, những tàn dư cá nhân chủ nghĩa và, thậm chí những tàn dư tư tưởng cu-lắc cũng vẫn còn tồn tại, những tàn dư này tuy chưa biến mất hẳn nhưng lâu dần rồi nhất định cũng sẽ bị tiêu diệt trong quá trình các nông trang tập thể dần dần được củng cố và cơ khí hóa. Nhưng liệu người ta có thể phủ nhận được rằng, xét về toàn bộ, thì những nông trang tập thể — với tất cả những mâu thuẫn và khuyết điểm của nó, những nông trang tập thể coi như nhân tố cơ bản của *kinh tế*, — về thực chất là tiêu biểu cho một con đường phát triển mới, con đường phát triển *xã hội chủ nghĩa* của nông thôn, *trái hẳn* với con đường phát triển theo lối cu-lắc, theo lối *tư bản chủ nghĩa* hay không? Liệu người ta có thể nào phủ

nhận được rằng trong những điều kiện của chúng ta, thì các nông trang tập thể (tôi nói những nông trang tập thể thật sự, chứ không phải những nông trang tập thể giả hiệu), là nền tảng và là cái lò kiến thiết xã hội chủ nghĩa ở nông thôn, thành hình từ trong những cuộc chiến đấu khốc liệt chống những *phần tử* tư bản chủ nghĩa hay không?

Những mưu toan của một số đồng chí nhằm làm mất uy tín của nông trang tập thể mà tuyên bố rằng nông trang tập thể là một hình thức tư sản trong kinh tế, những mưu toan đó há chẳng phải rõ ràng là những việc làm vô căn cứ, đó sao?

Năm 1923, ở nước ta, chưa có phong trào nông trang tập thể có tính chất quần chúng. Trong cuốn *Bàn về chế độ hợp tác*, Lê-nin đã có nói đến tất cả mọi hình thức hợp tác xã, từ những hình thức thấp (hợp tác xã cung tiêu) cho đến những hình thức cao (nông trang tập thể). Hồi đó, Lê-nin đã nói gì về chế độ hợp tác, về những xí nghiệp hợp tác xã? Sau đây là một đoạn trích trong cuốn sách đó của Lê-nin:

«Dưới chế độ hiện nay của chúng ta, xí nghiệp hợp tác xã khác với xí nghiệp tư bản chủ nghĩa tư nhân, ở chỗ nó là những xí nghiệp tập thể, nhưng nó *không khác** với xí nghiệp xã hội chủ nghĩa, nếu miếng đất trên đó nó được xây dựng và những tư liệu sản xuất đều thuộc về Nhà nước, nghĩa là thuộc về giai cấp công nhân». (t. XXVII, tr. 396).

Như thế là Lê-nin đã không tách riêng xí nghiệp hợp tác xã đó ra để xét, mà đã xét nó gắn liền với chế độ hiện nay của chúng ta, gắn liền với sự thật là xí nghiệp hợp tác xã hoạt động trên đất đai thuộc về Nhà nước, trong một nước mà những tư liệu sản xuất thuộc

---

* Những chữ in ngả là do tôi. *J. Sta-lin.*

về Nhà nước, và, khi xét như thế, thì Lê-nin quả quyết rằng nó không khác với xí nghiệp xã hội chủ nghĩa.

Đó là những điều mà Lê-nin đã nói về xí nghiệp hợp tác xã, nói chung.

Há chẳng phải rõ ràng là ngày nay chúng ta lại càng có lý do hơn để có thể nói như vậy về những nông trang tập thể trong thời kỳ chúng ta đang sống hiện nay, hay sao?

Và chính đó là một trong những lý do tại sao Lê-nin đã coi « việc phát triển chế độ hợp tác và chỉ đơn thuần việc đó thôi », trong điều kiện nước ta, thì cũng « ngang như là phát triển chủ nghĩa xã hội » vậy.

Các đồng chí thấy rằng khi làm mất uy tín của nông trang tập thể, diễn giả mà tôi nói trên đây đã phạm một sai lầm rất nghiêm trọng đối với chủ nghĩa Lê-nin.

Do sai lầm đó, diễn giả đã phạm một sai lầm khác: sai lầm về vấn đề đấu tranh giai cấp trong nông trang tập thể. Diễn giả đã diễn tả cuộc đấu tranh giai cấp trong nông trang tập thể bằng một bức họa đậm nét đến nỗi người ta có thể tưởng rằng cuộc đấu tranh đó cũng *không khác gì* cuộc đấu tranh đang diễn ra bên ngoài nông trang tập thể. Hơn nữa, người ta có thể tưởng rằng trong nông trang tập thể cuộc đấu tranh giai cấp lại còn trở nên kịch liệt hơn. Vả lại, không phải chỉ một mình diễn giả đó đã phạm sai lầm trong vấn đề này. Hiện nay, những lời nói ba hoa về đấu tranh giai cấp, những tiếng tru tréo và la ó về đấu tranh giai cấp trong các nông trang tập thể, là đặc điểm của tất cả những kẻ hay la ó thuộc « phái tả » của chúng ta. Nhưng điều đáng tức cười nhất trong những chuyện la ó ấy, là ngay *ở* nơi không có hoặc gần như không có đấu tranh giai cấp, thì những kẻ la ó cũng « nhìn thấy » đấu

tranh giai cấp; còn chính ở nơi đương có đấu tranh giai cấp, ở nơi đấu tranh ấy đương dồn dập, thì họ lại không nhìn thấy.

Trong các nông trường tập thể, có những nhân tố đấu tranh giai cấp không? Có. Không thể nào lại không có được, nếu như trong đó những tàn dư cá nhân chủ nghĩa, và thậm chí, những tàn dư tư tưởng cu-lắc còn sống sót; nếu như trong đó hãy còn sót lại một hiện tượng bất bình đẳng nào đó về hoàn cảnh vật chất. Liệu có thể nói rằng cuộc đấu tranh giai cấp trong các nông trang tập thể cũng giống như cuộc đấu tranh giai cấp ở bên ngoài nông trang tập thể được chăng? Không, không thể nói thế được. Sai lầm của các nhà nói suông «phái tả» của chúng ta, chính là ở chỗ không nhìn thấy được điểm khác nhau ấy.

Đấu tranh giai cấp *bên ngoài* nông trang tập thể, và *trước ngày* thành lập các nông trang tập thể là gì? Là cuộc đấu tranh chống giai cấp cu-lắc chiếm hữu công cụ và tư liệu sản xuất và nhờ vào những công cụ và tư liệu sản xuất đó để nô dịch nông dân nghèo. Cuộc đấu tranh đó là một cuộc đấu tranh một mất một còn.

Còn đấu tranh giai cấp *trên cơ sở* nông trang tập thể nghĩa là gì? Trước hết nghĩa là giai cấp cu-lắc đã bị đánh bại và bị tước mất công cụ và tư liệu sản xuất. Sau nữa, nghĩa là bần nông và trung nông đã cùng nhau tập hợp lại trong những nông trang tập thể trên cơ sở tập thể hóa những công cụ và tư liệu sản xuất chủ yếu. Cuối cùng, nghĩa là chúng ta đang đứng trước một cuộc đấu tranh giữa những thành viên của nông trang tập thể, trong đó có những người còn chưa thoát khỏi những tàn dư cá nhân chủ nghĩa và tàn dư của tư tưởng cu-lắc và tìm cách lợi dụng tình trạng bất

bình đẳng nào đó trong nông trang tập thể để trục lợi, còn những người khác thì muốn tẩy trừ những tàn dư và tình trạng bất bình đẳng ấy ra khỏi nông trang tập thể. Há chẳng phải rõ ràng là chỉ có những kẻ mù quáng mới có thể không nhìn thấy chỗ khác nhau giữa đấu tranh giai cấp trên cơ sở nông trang tập thể và đấu tranh giai cấp bên ngoài nông trang tập thể, hay sao?

Nhưng nếu tưởng rằng hễ có nông trang tập thể, là có đủ cả các thứ cần thiết cho công cuộc kiến thiết chủ nghĩa xã hội, thì sẽ là một sai lầm. Và nếu tưởng rằng các thành viên nông trang tập thể đều đã trở thành những người xã hội chủ nghĩa cả rồi, thì sẽ là một sai lầm còn to lớn hơn nữa. Không phải thế, ta còn cần phải làm nhiều nữa để cải tạo người nông dân nông trang tập thể, để sửa chữa tâm lý cá nhân chủ nghĩa của họ và làm cho họ trở thành một người lao động chân chính của xã hội xã hội chủ nghĩa. Và các nông trang tập thể càng được thiết bị nhanh chóng bao nhiêu bằng các máy móc và máy kéo, thì chúng ta sẽ càng đạt được kết quả đó nhanh chóng bấy nhiêu. Nhưng điều đó không hề làm giảm bớt tầm quan trọng rất lớn lao của nông trang tập thể, là làm đòn bẩy trong công cuộc cải tạo nông thôn theo con đường xã hội chủ nghĩa. Tầm quan trọng lớn lao của nông trang tập thể, chính là ở chỗ nó là một cơ sở chủ yếu cho việc sử dụng máy móc và máy kéo trong nông nghiệp, ở chỗ nó là cơ sở chủ yếu cho việc cải tạo người nông dân, cải tạo tâm lý của họ theo tinh thần chủ nghĩa xã hội. Lê-nin đã nói rất đúng rằng:

«Công việc cải tạo người tiểu nông, cải tạo toàn bộ tâm lý và những thói quen của họ là một công việc đòi hỏi cả hàng bao nhiêu thế hệ. Chỉ có dựa vào một cơ sở vật chất, vào kỹ thuật, vào việc áp dụng — trong một phạm vi rộng lớn — máy kéo và các máy móc trong nông nghiệp, vào việc điện khí hóa

thực hiện trên những quy mô rộng lớn, chỉ có dựa vào tất cả những cái đó, thì mới có thể giải quyết được vấn đề đó đối với người tiểu nông, mới có thể nói là làm cho toàn bộ tâm lý của họ lành mạnh được». (t. XXVI, tr. 293)*.

Liệu có thể phủ nhận được rằng nông trang tập thể chính là hình thức kinh tế xã hội chủ nghĩa, duy nhất có khả năng đưa hàng triệu tiểu nông cá thể bước vào con đường doanh nghiệp đại quy mô có các máy móc và máy kéo làm đòn bẩy cho việc phát triển kinh tế, cho nông nghiệp phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa hay không?

Tất cả những cái đó, các nhà ba hoa «phái tả» của chúng ta đều quên mất cả.

Diễn giả của chúng ta cũng lại quên nốt.

Sta-lin: *Những vấn đề chủ nghĩa Lê-nin*,
Pháp văn, Nhà xuất bản ngoại văn,
Mạc-tư-khoa, 1951, tr. 443 - 447.

---

* Tức là Lê-nin: *Toàn tập*, bản Nga văn, xuất bản lần thứ 4, t. 32. tr. 194. (*B.T.*)

TRẢ LỜI SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC SVE-RƠ-LỐP

CÂU HỎI THỨ NHẤT: *Trong các đề cương về sách lược của Đảng Cộng sản Liên-xô đã được Đại hội lần thứ III của Quốc tế cộng sản thông qua, Lê-nin từng nói rằng ở Nga Xô-viết có hai giai cấp chủ yếu.*

Hiện nay, vấn đề đặt ra là thủ tiêu bọn cu-lắc và bọn tư sản mới — về mặt giai cấp. Như vậy có phải rằng ở nước ta, từ khi bắt đầu thi hành Chính sách kinh tế mới, đã phát triển thêm một giai cấp thứ ba không?

TRẢ LỜI: Lê-nin có nói đến hai giai cấp chủ yếu. Nhưng cố nhiên không phải là Lê-nin không biết đến sự tồn tại của giai cấp thứ ba, giai cấp tư bản (tức là bọn cu-lắc, bọn tư sản thành thị). Đương nhiên bọn cu-lắc và bọn tư sản thành thị không phải chỉ mới « phát triển » về mặt giai cấp từ khi thi hành Chính sách kinh tế mới. Chúng đã tồn tại trước khi có Chính sách kinh tế mới, nhưng chỉ là giai cấp *thứ yếu* mà thôi. Chính sách kinh tế mới, trong giai đoạn phát triển đầu tiên, đã làm cho giai cấp này dễ dàng lớn lên trong một chừng mực nào đó. Nhưng nó càng giúp cho khu vực xã hội chủ nghĩa lớn lên trong một mức độ rộng lớn hơn nhiều. Việc Đảng chuyển sang bước tiến công trên khắp mặt trận đã thay đổi tình hình theo hướng hủy diệt và thủ tiêu giai cấp tư bản ở nông thôn và một phần bọn tư bản thành thị.

Để được rõ hơn, cần phải nói rằng Đảng không hề có một chỉ thị nào nhằm đem khẩu hiệu thủ tiêu bọn cu-lắc về mặt giai cấp mà áp dụng rộng ra đối với giai cấp tư sản mới ở thành thị cả. Phải thấy được sự khác nhau giữa những người tư sản mới thành thị mà phần chủ yếu trong cơ sở sản xuất của họ đã bị tước bỏ từ lâu rồi, và do đó họ không còn có một thế lực quan trọng đáng kể nào nữa trong đời sống kinh tế của chúng ta, với bọn cu-lắc mà mãi gần đây họ vẫn còn có một uy thế kinh tế cực lớn trong nước ta, và *chỉ có đến nay* chúng ta mới tước đoạt cơ sở *sản xuất* của họ mà thôi.

Hình như một vài tổ chức đã quên mất sự khác nhau đó và đã phạm khuyết điểm là muốn lấy khẩu hiệu thủ tiêu giai cấp tư sản thành thị mà « bổ sung » cho khẩu hiệu thủ tiêu cu-lắc về mặt giai cấp.

CÂU HỎI THỨ HAI: *Trong bài diễn văn của đồng chí tại hội nghị các nhà nông học mác-xít, đồng chí có nói: « Sở dĩ chúng ta đang duy trì Chính sách kinh tế mới, là vì nó còn phục vụ cho sự nghiệp chủ nghĩa xã hội. Nhưng khi nó không còn phục vụ cho sự nghiệp đó nữa, thì chúng ta sẽ vứt bỏ nó đi ». Phải hiểu câu « vứt bỏ nó đi » như thế nào, và phải dùng phương pháp nào để thực hiện việc đó?*

TRẢ LỜI: Phải hiểu đoạn đó trong bài diễn văn của tôi đọc tại hội nghị các nhà nông học mác-xít, theo nghĩa là « chúng ta sẽ vứt bỏ Chính sách kinh tế mới đi » khi nào chúng ta không cần phải thừa nhận một sự tự do buôn bán nào đó nữa, khi nào sự tự do ấy chỉ có mang lại những hậu quả không tốt, khi nào chúng ta có thể tổ chức được những quan hệ kinh tế giữa thành thị và nông thôn bằng cách trao đổi sản

phẩm mà không cần đến việc buôn bán của tư nhân và việc tư nhân tham gia trao đổi hàng hóa nữa, và không cần phải để cho chủ nghĩa tư bản do đó mà phục hồi lại một phần nào nữa.

CÂU HỎI THỨ BA : *Khi công cuộc tập thể hóa và việc thủ tiêu cu-lắc về mặt giai cấp càng ngày càng giành được những thắng lợi quyết định, thì cái khẩu hiệu hiện đang quy định những mối quan hệ lẫn nhau giữa giai cấp vô sản với các tầng lớp nông dân: «Phải biết tiến tới liên minh với trung nông, mà không hề lơ là giây phút nào cuộc đấu tranh chống bọn cu-lắc, đồng thời chỉ dựa chắc vào nông dân nghèo thôi!» (Lê-nin), Đảng có phải thay đổi đi không?*

TRẢ LỜI : Rõ ràng là đến chừng nào mà đại đa số các xã ở Liên-xô đều được tập thể hóa, và khi nào bọn cu-lắc bị thủ tiêu đi rồi — thì cái phần đó trong khẩu hiệu của Lê-nin sẽ không thích ứng nữa. Còn về trung nông và nông dân nghèo các nông trang tập thể, thì họ sẽ dung hợp thành một bộ phận thuần nhất gồm những công nhân nông trang tập thể, và điều đó sẽ diễn biến dần dần theo mức độ cơ khí hóa và trang bị về máy kéo của các nông trang tập thể. Do đó những khái niệm «trung nông» và «nông dân nghèo» sau này sẽ không còn trong những khẩu hiệu của chúng ta nữa.

CÂU HỎI THỨ TƯ: *Phải dùng phương pháp nào để thủ tiêu bọn cu-lắc về mặt giai cấp?*

TRẢ LỜI : Phương pháp cơ bản để thủ tiêu bọn cu-lắc về mặt giai cấp là phương pháp tập thể hóa. Tất cả những biện pháp khác đều phải thích ứng với phương pháp cơ bản đó. Tất cả những cái gì trái với phương pháp đó hay những cái gì có bản chất làm giảm nhẹ sự quan trọng của nó đi, thì phải gạt bỏ đi.

CÂU HỎI THỨ NĂM: *Việc đồng thời thực hiện cả hai khẩu hiệu: một khẩu hiệu đối với những xã hoàn toàn tập thể hóa — « thủ tiêu bọn cu-lắc về mặt giai cấp » — và một khẩu hiệu đối với những xã chưa hoàn toàn tập thể hóa — « hạn chế và tước đoạt bọn cu-lắc » — phải chăng cuối cùng sẽ đi đến chỗ làm cho bọn cu-lắc tự tiêu diệt trong những xã chưa hoàn toàn tập thể hóa (bằng cách phung phí, phân tán tài sản và tư liệu sản xuất của chúng)?*

TRẢ LỜI: Không nên xem những khẩu hiệu « thủ tiêu bọn cu-lắc về mặt giai cấp » và « hạn chế bọn cu-lắc » là hai khẩu hiệu *độc lập* và *ngang nhau*. Khi chuyển sang chính sách thủ tiêu bọn cu-lắc về mặt giai cấp, thì khẩu hiệu này đã trở thành khẩu hiệu *chủ yếu*, còn khẩu hiệu hạn chế bọn cu-lắc trong những xã chưa hoàn toàn tập thể hóa thì đã biến, từ chỗ là khẩu hiệu độc lập, thành khẩu hiệu *bổ trợ*, thành khẩu hiệu *bổ trợ* của khẩu hiệu chủ yếu, thành khẩu hiệu làm cho những xã ấy dễ dàng chuẩn bị những điều kiện cần thiết để chuyển sang khẩu hiệu chủ yếu. Như thế, rõ ràng là, trong những điều kiện mới hiện nay, tác dụng của khẩu hiệu « hạn chế cu-lắc » đã thay đổi về căn bản, so với tác dụng mà nó còn có cách đây một năm.

Cần phải nhận rằng, thật đáng tiếc là một số cơ quan báo chí của chúng ta đã không chú ý đến những đặc điểm đó.

Chắc cũng có thể xẩy ra trường hợp là ở những xã chưa hoàn toàn tập thể hóa, thì một bộ phận cu-lắc, do nhìn thấy cái hướng xóa bỏ giai cấp cu-lắc « nên bản thân sẽ tự thủ tiêu » bằng cách « phung phí, phân

tán tài sản và tư liệu sản xuất của chúng đi ». Đương nhiên là cần phải chống khuynh hướng ấy, nhưng quyết không thể do đó mà chúng ta được coi việc thủ tiêu cu-lắc như một quá trình phát triển độc lập đứng ngoài công cuộc tập thể hóa và có thể tiến hành trước khi tập thể hóa, cũng như có thể tiến hành mà không cần phải có tập thể hóa. Thừa nhận khuynh hướng ấy, tức có nghĩa là lấy chính sách phân chia tài sản tịch thu của bọn cu-lắc nhằm mục đích làm giầu cho một vài cá nhân nông dân mà thay cho chính sách dùng biện pháp nông trang tập thể để xã hội hóa các tài sản tịch thu đó. Thay thế như vậy là lùi chứ không phải là tiến. Chỉ có một biện pháp duy nhất để chống lại sự « phung phí, phân tán » tài sản của bọn cu-lắc, tức là tăng cường công tác tập thể hóa trong những xã chưa hoàn toàn tập thể hóa.

CÂU HỎI THỨ SÁU: *Việc thủ tiêu bọn cu-lắc về mặt giai cấp và việc tăng cường cuộc đấu tranh giai cấp ở nước ta, cũng như cuộc khủng hoảng kinh tế và sự phát triển của làn sóng cách mạng trong các nước tư bản chủ nghĩa, có thể có ảnh hưởng gì đối với « thời kỳ hòa hoãn »?*

TRẢ LỜI: Những biện pháp và những điều hiện mà các đồng chí nêu lên *có thể* rút ngắn « thời kỳ hòa hoãn » lại rất nhiều nhưng nó *phải* tăng cường và nhất định tăng thêm gấp bội khả năng phòng thủ của chúng ta lên. Về vấn đề đó, có rất nhiều việc còn tùy ở tình hình quốc tế, ở sự phát triển của những mâu thuẫn đối kháng trong phe chủ nghĩa tư bản quốc tế và sự phát triển sau này của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới. Nhưng đó lại là một vấn đề khác.

CÂU HỎI THỨ BẢY: *Về khả năng của cao trào cách mạng hiện nay trong các nước tư bản chủ nghĩa, có thể chuyển qua một tình hình trực tiếp cách mạng, thì ý kiến của đồng chí như thế nào?*

TRẢ LỜI: Không nên có sự phân cách gì lớn giữa «cao trào cách mạng» và «tình hình trực tiếp cách mạng». Người ta không thể nói rằng: «Cho đến mức này thì chúng ta đang ở trong cao trào cách mạng, và khi vượt quá mức đó, thì chúng ta nhảy sang một tình hình trực tiếp cách mạng». Chỉ có bọn mọt sách mới có thể đặt vấn đề như vậy. Thường thường thì bước này chuyển sang bước kia «một cách không thể thấy được». Nên nhiệm vụ là *ngay từ bây giờ* đã phải chuẩn bị cho giai cấp vô sản tiến hành những cuộc đấu tranh cách mạng quyết định, chứ *không chờ* đến lúc *«bước vào»* trong cái mà người ta gọi là tình hình trực tiếp cách mạng mới làm.

CÂU HỎI THỨ TÁM: *Công nhân nhiều xưởng máy quyết định toàn bộ cả từng xưởng một gia nhập Đảng, thì đứng về phương diện quan hệ sau này giữa Đảng với giai cấp công nhân, nên nhận định như thế nào đối với thái độ mới ấy trong giai cấp công nhân?*

TRẢ LỜI: Toàn bộ công nhân từng xưởng máy một, và ngay cả đến toàn bộ công nhân từng nhà máy đều muốn được gia nhập trọn cả vào Đảng; đó là một dấu hiệu của cao trào cách mạng to lớn của hàng triệu người trong giai cấp công nhân, một dấu hiệu tỏ rằng chính sách của Đảng là đúng, một dấu hiệu tỏ rằng quần chúng rộng rãi trong giai cấp công nhân công khai tán thành chính sách đó. Đương nhiên không phải do đó mà chúng ta phải thừa nhận vào Đảng, tất cả những ai muốn gia nhập Đảng. Trong xưởng máy và nhà máy

có đủ mọi hạng người, ngay cả bọn phá hoại cũng có. Vì vậy, Đảng cần phải giữ lấy phương pháp đã từng được kiểm nghiệm là xét đơn và kết nạp *từng người một* vào Đảng. Chúng ta không nên chỉ chú trọng về số lượng, mà phải chú trọng cả về chất lượng nữa.

CÂU HỎI THỨ CHÍN: *Do việc phát triển to lớn của phong trào tập thể hóa, nên vấn đề mở rộng tổ chức của Đảng ở nông thôn cũng được đặt ra trước mắt. Vậy thì về phạm vi mở rộng tổ chức và về việc kết nạp các bộ phận nông trang viên vào Đảng, chính sách của chúng ta phải như thế nào?*

TRẢ LỜI: Đương nhiên là số lượng đảng viên trong các nông trang tập thể sẽ tăng lên khá nhiều. Tất nhiên là những phần tử nông trang viên đã được thử thách nhiều nhất trong cuộc đấu tranh chống cu-lắc, đặc biệt là những phần tử ưu tú trong hàng ngũ công nhân nông nghiệp và nông dân nghèo, sẽ có cơ hội phát huy lực lượng của mình trong Đảng. Rõ ràng là việc xét từng trường hợp cá biệt và việc kết nạp từng người một vào Đảng là điều tuyệt đối cần thiết.

CÂU HỎI THỨ MƯỜI: *Quan điểm của đồng chí về cuộc tranh luận hiện nay giữa các nhà kinh tế học về những vấn đề trọng yếu nhất của khoa chính trị kinh tế như thế nào?*

TRẢ LỜI: Theo tôi, thì cuộc tranh luận giữa các nhà kinh tế học có rất nhiều tính chất kinh viện và hết sức cầu kỳ tế nhị. Khi lột bỏ cái màn che bề ngoài của cuộc tranh luận đó đi, thì những sai lầm chủ yếu của đôi bên đang tranh luận là như sau:

a) Trong hai bên, không có bên nào vận dụng được đúng phương pháp đấu tranh trên hai mặt trận: vừa

chống « chủ nghĩa Ru-bin »* lại vừa chống « chủ nghĩa máy móc »** ;

b) Cả hai bên đều không kể đến những vấn đề cơ bản của nền kinh tế xô-viết và của chủ nghĩa đế quốc thế giới, đều đã đi miên man vào những nghị luận giáo lý trừu tượng và do đó mà đã lãng phí mất hai năm vào việc nghiên cứu những đề mục trừu tượng, cố nhiên là có lợi cho kẻ thù của chúng ta.

Gửi các đồng chí lời chào cộng sản.

Báo *Sự thật*, ngày 10 tháng Hai 1930.

Ký tên : J. Sta-lin

— Dịch theo cuốn : *Công cuộc tập thể hóa nông thôn*, Pháp văn, Nhà xuất bản Bureau d'Editions, Pa-ri, 1930, tr. 67 — 75. Có đối chiếu Sta-lin : *Toàn tập*, bản Hoa văn, t. 12, tr. 161 — 166.

---

* và ** : « *Chủ nghĩa Ru-bin* » và « chủ nghĩa máy móc » đều là phái xét lại, chống chủ nghĩa Mác về mặt chính trị kinh tế học. Tên men-sê-vích Ru-bin đã đứng trên lập trường duy tâm của giai cấp tư sản để xét lại học thuyết mác-xít, xuyên tạc nội dung chủ nghĩa Mác và ngầm đánh lạc hướng các nhà kinh tế học trong việc nghiên cứu vấn đề kinh tế Liên-xô, khiến họ rơi vào tình trạng tranh luận bế tắc và nghị luận trừu tượng. « *Chủ nghĩa máy móc* » là chủ nghĩa, về mặt triết học và chính trị kinh tế học, thì đứng trên lập trường của chủ nghĩa máy móc thô bạo để phủ nhận chủ nghĩa Mác, tức là không thừa nhận phép biện chứng duy vật và thay bằng luận thuyết thăng bằng của giai cấp tư sản. Nhà lý luận của phái hữu khuynh Bu-kha-rin là một trong những đại biểu của chủ nghĩa máy móc đó. Về phương diện chính trị kinh tế học thì bọn theo chủ nghĩa máy móc không thừa nhận có mâu thuẫn nội tại trong xã hội tư bản, không thừa nhận tính tạm thời trên lịch sử của quy luật phát triển của xã hội tư bản, và đem tính quy luật của xã hội tư bản ra mà áp dụng vào xã hội xã hội chủ nghĩa xô-viết. *(B.T.)*

SAY SƯA VÌ THẮNG LỢI

VỀ MẤY VẤN ĐỀ
TRONG PHONG TRÀO TẬP THỂ HÓA NÔNG NGHIỆP

Hiện nay mọi người đều nói đến những thắng lợi của chính quyền xô-viết về phong trào tập thể hóa nông nghiệp. Ngay đến kẻ thù cũng buộc phải thừa nhận rằng chúng ta đã đạt được những thắng lợi quan trọng. Mà những thắng lợi ấy quả thật là to lớn.

Sự thật là đến ngày 20 tháng Hai năm nay, ở Liên-xô đã có 50% các trang trại nông dân được tập thể hóa. Nghĩa là đến hôm 20 tháng Hai 1930, chúng ta đã *vượt* mức hơn hai lần kế hoạch năm năm về tập thể hóa.

Sự thật là đến hôm 28 tháng Hai năm nay các nông trang tập thể *đã có thể* bỏ ra hơn 36 triệu tấn hạt giống cho vụ gieo giống mùa xuân, tức là hơn 90% kế hoạch, tức là vào khoảng 220 triệu pút. Cần phải thừa nhận rằng chỉ riêng trong các nông trang tập thể mà đã thu được 220 triệu pút hạt giống — sau khi kế hoạch thu mua lúa mì được thành công, — như thế quả là một thắng lợi vĩ đại.

Tất cả những sự thật đó chứng tỏ cái gì?

Chứng tỏ rằng *người ta có thể coi bước ngoặt căn bản của nông thôn tiến lên chủ nghĩa xã hội như đã được đảm bảo rồi đó.*

Không cần gì phải chứng minh cũng thấy rằng những thắng lợi ấy có một ý nghĩa quan trọng bậc nhất đối với vận mệnh nước ta, đối với toàn thể giai cấp công nhân, lực lượng lãnh đạo ở nước ta, và cuối cùng là đối ngay với chính bản thân Đảng nữa. Theo tôi, ngoài những kết quả thực tiễn trước mắt, những thắng lợi ấy còn có một ý nghĩa rất to lớn đối với sinh hoạt nội bộ của chính ngay bản thân Đảng, đối với việc giáo dục của Đảng ta. Những thắng lợi đó đã làm cho Đảng ta vững tin ở lực lượng mình. Nó vũ trang cho giai cấp công nhân lòng tin vào thắng lợi của sự nghiệp chúng ta. Những thắng lợi ấy thu hút nhiều lực lượng dự trữ mới gồm hàng triệu người đi theo Đảng ta.

Do đó nhiệm vụ của Đảng ta là *củng cố* những thắng lợi đã đạt được và *lợi dụng* những thắng lợi đó một cách có phương pháp để chúng ta tiếp tục tiến tới nữa.

Nhưng những thắng lợi đó cũng có những mặt trái của nó, nhất là khi những thắng lợi đó đã đạt được tương đối dễ dàng, hay có thể nói là «một cách bất ngờ». Những thắng lợi như thế thường làm cho người ta có tâm lý tự phụ, tự kiêu: «Cái gì chúng ta cũng có thể làm được tất!», «Nào ta có tốn công sức gì đâu!» Theo tôi những thắng lợi đó thường làm cho người ta say sưa, làm cho người ta choáng váng, làm cho người ta mất ý thức chừng mực, làm cho người ta không thể hiểu được thực tế; và khiến người ta có tâm lý đánh giá quá cao lực lượng mình và đánh giá quá thấp lực lượng đối phương, muốn thực hiện những mưu tính phiêu lưu để giải quyết «ngay trong nháy mắt» tất cả những vấn đề xây dựng chủ nghĩa xã hội. Người ta không còn lo lắng gì nữa đến việc *củng cố* những thắng lợi đã đạt được, và *lợi dụng* những thắng lợi đó

một cách có phương pháp nhằm làm cho chúng ta tiếp tục tiến tới. Cần gì phải củng cố những thắng lợi đã đạt được, vì dù sao mặc lòng chúng ta cũng sẽ đi tới làm cho chủ nghĩa xã hội thắng lợi hoàn toàn «ngay trong nháy mắt»: «Cái gì chúng ta cũng có thể làm được tất!», «Nào ta có tốn công sức gì đâu!»

Do đó nhiệm vụ của Đảng là phải: tiến hành một cuộc đấu tranh kiên quyết chống những xu hướng nguy hiểm và có hại cho sự nghiệp như thế, và xua đuổi những xu hướng đó ra khỏi Đảng.

Ta không thể nói rằng những xu hướng nguy hiểm và có hại cho sự nghiệp như thế chỉ lan truyền chút ít trong hàng ngũ Đảng ta thôi. Nhưng theo tôi, thì không phải vì thế mà trong Đảng ta không có những xu hướng đó, và không có lý do gì để khẳng định rằng những xu hướng đó sẽ không trầm trọng thêm. Và nếu những xu hướng đó được quyền tồn tại trong nước ta, thì chắc chắn rằng phong trào tập thể hóa nhất định sẽ bị suy yếu đi nhiều và nguy cơ thất bại của phong trào đó có thể trở thành sự thật.

Do đó, nhiệm vụ của báo chí chúng ta là phải: vạch trần một cách có hệ thống xu hướng chống lại đường lối Lê-nin như thế và những xu hướng tương tự khác.

Một vài sự việc:

1. Sở dĩ chính sách tập thể hóa nông nghiệp của chúng ta đạt được thắng lợi là vì, ngoài những lý do khác ra, chính sách ấy dựa trên *nguyên tắc tự nguyện gia nhập* phong trào nông trang tập thể, và dựa trên *việc chú trọng đến những điều kiện khác nhau* trong các vùng khác nhau ở Liên-xô. Người ta không thể cưỡng bức gia nhập nông trang tập thể được. Vì như thế là ngu xuẩn và phản động. Phong trào nông trang

tập thể phải được quần chúng nông dân cơ bản tích cực ủng hộ. Người ta không thể áp dụng một cách máy móc những hình thức nông trang tập thể của các vùng tiên tiến vào các vùng lạc hậu được. Vì làm như thế là ngu xuẩn và phản động. Một chính sách như thế sẽ làm tổn hại đến ngay cả tư tưởng tập thể hóa. Khi quy định nhịp độ và phương pháp xây dựng nông trang tập thể, cần phải chú ý đúng mức đến hoàn cảnh khác nhau trong những vùng khác nhau ở Liên-xô.

Trong phong trào tập thể hóa nông nghiệp, những vùng sản xuất ngũ cốc đã đi hàng đầu trong tất cả các vùng khác. Tại sao vậy?

Trước hết, vì rằng, chính trong những vùng đó chúng ta đã có một số lớn nông trường quốc doanh và nông trang tập thể vững chắc, nhờ đó mà nông dân đã có thể tin ở sức mạnh và ý nghĩa quan trọng của nền kỹ thuật mới, tin ở sức mạnh và ý nghĩa quan trọng của tổ chức mới, tập thể, trong kinh tế.

Thứ hai, vì rằng, những vùng đó đã có được hai năm kinh nghiệm đấu tranh chống bọn cu-lắc trong chiến dịch thu mua lúa mì, điều đó nhất định đã tạo điều kiện thuận lợi cho phong trào tập thể hóa.

Cuối cùng, vì rằng, trong những năm gần đây, các vùng đó đã được cung cấp nhiều cán bộ xuất sắc hơn hết, điều động từ các trung tâm công nghiệp tới.

Người ta có thể nói được rằng những điều kiện đặc biệt thuận lợi như thế cũng có trong những vùng khác, chẳng hạn như trong những vùng tiêu thụ ở miền Bắc, hay trong những vùng thuộc các dân tộc còn lạc hậu, như vùng Tu-rơ-ke-stan hay không?

Không, người ta không thể nói như thế được.

Rõ ràng là việc chú trọng đến những điều kiện khác nhau trong những vùng khác nhau ở Liên-xô, cộng thêm nguyên tắc tự nguyện gia nhập, là một trong những tiền đề quan trọng nhất để làm cho phong trào nông trang tập thể được mạnh mẽ.

Nhưng ở nước ta đôi khi vẫn xẩy ra như thế nào? Người ta có thể nói được rằng nguyên tắc tự nguyện gia nhập và việc chú trọng đến đặc tính của các địa phương đã không bị vi phạm trong một số địa phương nào đó không? Tiếc thay người ta không thể nói như thế được. Chẳng hạn, người ta biết rằng trong nhiều địa phương ở phía Bắc, thuộc khu vực tiêu thụ, tương đối có ít điều kiện thuận lợi để tổ chức ngay các nông trang tập thể hơn là trong các miền trồng lúa mì, thì để *thay thế* cho công tác chuẩn bị tổ chức ra các nông trang tập thể, người ta thường hay dùng cách ban bố phong trào nông trang tập thể bằng những mệnh lệnh quan liêu chủ nghĩa, bằng những nghị quyết có tính chất giấy tờ để phát triển nông trang tập thể và để tổ chức ra các nông trang chỉ có tên mà không tồn tại thực sự, nhưng lại có vô số những nghị quyết khoác lác về « sự tồn tại » của các nông trang đó.

Hoặc giả chúng ta hãy lấy làm ví dụ một số vùng nào đó của xứ Tu-rơ-ke-stan, là nơi có ít điều kiện thuận lợi để tổ chức ngay các nông trường tập thể hơn các vùng phía Bắc của khu vực tiêu thụ. Chúng ta biết rằng trong nhiều vùng ở Tu-rơ-ke-stan, người ta đã toan « đuổi kịp và vượt » các vùng tiên tiến ở Liên-xô, bằng cách dùng quân đội để uy hiếp, bằng cách dọa không cung cấp nước nông giang và công nghiệp phẩm cho nông dân tạm thời chưa muốn gia nhập nông trang tập thể.

Giữa chính sách của viên hạ sĩ già Pơ-ri-si-bê-ép* với chính sách của Đảng dựa vào nguyên tắc tự nguyện gia nhập và chú trọng đến những đặc điểm địa phương trong khi xây dựng các nông trang tập thể, có gì giống nhau không? Rõ ràng là giữa hai chính sách đó, không có và không thể có gì giống nhau cả.

Những sai lệch như thế, việc công bố phong trào nông trang tập thể hóa bằng hàng loạt mệnh lệnh quan liêu như thế, những sự uy hiếp hèn hạ đối với nông dân như thế, có làm lợi cho ai không? Chẳng làm lợi cho ai cả, nếu không phải là chỉ có làm lợi cho kẻ thù của chúng ta thôi!

Những sai lệch đó có thể đưa đến kết quả gì? Đưa đến chỗ tăng thêm sức mạnh cho kẻ thù của chúng ta và làm cho cuộc vận động tập thể hóa mất tín nhiệm.

Bọn gây ra những sai lệch đó và tự cho mình là những người «tả», thì thực ra đã nối giáo cho chủ nghĩa cơ hội hữu phái rồi, điều đó há chẳng rõ ràng hay sao?

2. Một trong những ưu điểm lớn nhất của chiến lược chính trị của Đảng ta là ở chỗ: trong từng lúc nhất định, Đảng biết chọn lấy *khâu chính* của phong trào và nắm vững khâu đó để sau lôi kéo toàn bộ dây xích tiến tới một mục tiêu chung duy nhất, nhằm giải quyết vấn đề. Hỏi người ta có thể nói được rằng trong hệ thống xây dựng các nông trang tập thể, Đảng đã chọn được khâu chính của phong trào nông trang tập thể chưa? Được, người ta có thể nói và phải nói như thế.

---

* Viên hạ sĩ già Pơ-ri-si-bê-ép, *(Le sous-off Prichibéev)*, điển hình võ biền, mặc dầu không được giao phó cũng tự mình đứng ra làm nhiệm vụ bảo vệ trật tự và phong tục. Nhân vật trong tập truyện «Viên hạ sĩ già Pơ-ri-si-bê-ép» của nhà văn Tơ-sê-cốp. *(B.T.)*

Khâu chính đó là gì?

Có lẽ là *tổ chức hợp tác cày cấy chung ruộng đất* chăng? Không phải. Những tổ chức lao động hợp tác cày cấy chung ruộng đất, mà trong đó những tư liệu sản xuất chưa được tập thể hóa, biểu hiện một giai đoạn đã vượt qua của phong trào tập thể hóa.

Có lẽ là *công xã nông nghiệp* chăng? Không phải. Hiện nay công xã còn là một hiện tượng cá biệt trong phong trào nông trang tập thể. Hiện nay chưa có đầy đủ điều kiện để có thể thiết lập những công xã nông nghiệp làm hình thức *chủ yếu* được, hình thức mà trong đó không những phải công hữu hóa sản xuất, mà phải công hữu hóa cả sự phân phối nữa.

Hiện nay, khâu chính của phong trào nông trang tập thể, hình thức *chủ yếu* của nó mà ta cần phải nắm vững, là hình thức *ác-ten nông nghiệp*.

Trong *ác-ten nông nghiệp* những tư liệu sản xuất chính đã được tập thể hóa, nhất là những tư liệu sản xuất dùng vào việc trồng trọt ngũ cốc: sức lao động, quyền sử dụng ruộng đất, máy móc và những nông cụ khác, súc vật kéo, xe cộ, vật liệu dùng vào chăn nuôi và kinh doanh. Trong ác-ten, *không tập thể hóa* những đất đai ở sát bên nhà (vườn rau nhỏ, vườn nhỏ trồng cây ăn quả), nhà cửa, một phần súc vật lấy sữa, tiểu gia súc, gia cầm, v.v...

Ác-ten là *khâu chủ yếu của phong trào nông trang tập thể*, vì nó là hình thức hợp lý nhất, để có thể giải quyết được vấn đề ngũ cốc. Mà vấn đề ngũ cốc lại là *khâu chủ yếu trong toàn bộ hệ thống nông nghiệp*, vì nếu không giải quyết được nó, thì không thể giải quyết được vấn đề chăn nuôi (súc vật lớn và nhỏ), cũng như không giải quyết được vấn đề trồng cây công nghiệp và

cây đặc biệt, cung cấp nguyên liệu chủ yếu cho công nghiệp. Vì vậy cho nên ác-ten nông nghiệp hiện nay là khâu chính trong hệ thống phong trào nông trang tập thể.

Chính « điều lệ mẫu » của các nông trang tập thể đã dựa trên cơ sở đó, điều lệ mà hiện nay văn bản chính thức đã được công bố*.

Các nhân viên công tác của Đảng và của các cơ quan xô-viết đều phải căn cứ vào điều lệ đó mà làm việc. Một trong những nhiệm vụ của họ là phải nghiên cứu kỹ và triệt để thực hành điều lệ đó.

Phương châm hiện nay của Đảng là như thế

Có thể nói được rằng việc thực hành phương châm đó của Đảng đã không bị vi phạm và làm sai lệch hay không? Tiếc thay không thể nói như thế được. Người ta biết rằng trong nhiều vùng ở Liên-xô, mà ở đó cuộc đấu tranh cho sự tồn tại của các nông trang tập thể vẫn chưa kết thúc, và những ác-ten chưa được củng cố, thì có người lại toan vượt qua hình thức ác-ten mà chạy ngay sang hình thức công xã nông nghiệp. Ác-ten chưa được củng cố, mà người ta đã toan « tập thể hóa » nhà ở, tiểu gia súc, gia cầm, thì việc « tập thể hóa » đó liền biến ngay thành những lời ban bố bằng những mệnh lệnh có tính chất giấy tờ và quan liêu chủ nghĩa, vì hiện nay chưa có đủ điều kiện khiến cho việc tập thể hóa đó trở nên tất yếu. Người ta tưởng rằng trong các nông trang tập thể vấn đề ngũ cốc đã được giải quyết rồi, rằng vấn đề đó là thuộc về một giai đoạn đã qua rồi; rằng hiện nay, nhiệm vụ căn bản không phải là giải quyết vấn đề ngũ cốc, mà là giải quyết vấn đề chăn nuôi súc vật và chăn nuôi gia cầm. Thử hỏi cái « công việc » làm rối việc đó, công việc đem nhập cục vào một bị tất cả những hình

---

* *Sự thật*, 2 tháng Ba 1930.

thức tập thể hóa thì có lợi cho ai? Sự hấp tấp ngu dại và có hại đó sẽ làm lợi cho ai? Trong khi vấn đề ngũ cốc *chưa được giải quyết*, trong khi hình thức ác-ten của các nông trang tập thể *chưa được củng cố*, mà lại chọc tức người nông dân nông trang tập thể bằng cách đem « tập thể hóa » cả nhà ở, toàn bộ súc vật lấy sữa, toàn bộ tiểu gia súc, gia cầm, — thì như vậy há chẳng rõ ràng là một « chính sách » chỉ có thể làm kẻ thù không đội trời chung của chúng ta hài lòng và có lợi hay sao?

Trong số những « người tập thể hóa » quá nhiệt tâm đó còn có người đi đến chỗ ra lệnh cho ác-ten là « nội trong ba ngày phải thống kê toàn bộ gia súc của mỗi trại », phải lập ra chức vụ « chỉ huy » đặc biệt cho công việc vào sổ sách và giám sát, phải « chiếm lấy những cương vị chủ chốt trong ác-ten », phải « lãnh đạo cuộc đấu tranh cho chủ nghĩa xã hội mà không được rời bỏ chức vụ », và — cố nhiên là — phải nắm vững ác-ten trong tay.

Đó là cái gì vậy? Đó là một chính sách lãnh đạo nông trang tập thể hay một chính sách *làm tan rã* và *làm mất tín nhiệm* nông trang tập thể?

Đó là tôi chưa nói đến những « nhà cách mạng » kia, nếu có thể gọi họ như thế, những người mà, để tổ chức một ác-ten, thì *bắt đầu* bằng cách tháo bỏ các chuông nhà thờ đi. Tháo bỏ chuông nhà thờ, thử nghĩ xem, như thế thì thật là cách mạng biết bao!

Trong chúng ta làm sao lại có thể xẩy ra được những trò rối ren về « tập thể hóa » như thế, những mưu toan đáng buồn cười muốn vượt quá sức mình như thế, mưu toan nhằm mục đích không đếm xỉa gì đến các giai cấp và đấu tranh giai cấp, nhưng, trên thực tế, thì lại giúp đỡ cho kẻ thù giai cấp của chúng ta?

Những mưu toan đó đã có thể phát sinh ra được là chỉ trong bầu không khí thắng lợi « dễ dàng » và « bất

ngờ» của chúng ta trên mặt trận kiến thiết các nông trang tập thể mà thôi. Những mưu toan đó chỉ có thể phát sinh ra được là do những xu hướng luẩn quẩn biểu lộ ra trong hàng ngũ của một số tầng lớp trong Đảng mà thôi: «Cái gì chúng ta cũng có thể làm được tất!», «Nào ta có tốn công sức gì đâu!»

Những mưu toan đó chỉ có thể phát sinh ra là vì rằng thắng lợi đã làm cho một số đồng chí chúng ta đâm choáng mắt, làm cho họ tạm thời mất trí sáng suốt và mất lý trí xét đoán các việc.

Muốn sửa chữa lại đường lối công tác của chúng ta về mặt xây dựng nông trang tập thể, thì *cần phải chấm dứt những xu hướng đó đi.*

Hiện nay đó là một trong những nhiệm vụ trước mắt của Đảng.

Nghệ thuật lãnh đạo là một việc hệ trọng. Không được chạy theo đuôi phong trào, vì nếu đi theo đuôi là tự tách rời khỏi quần chúng. Nhưng cũng không nên chạy quá nhanh, vì chạy quá nhanh thì sẽ mất liên hệ với quần chúng. Ai muốn lãnh đạo phong trào mà đồng thời vẫn duy trì được mối liên hệ với đông đảo quần chúng, thì phải tiến hành đấu tranh trên hai mặt trận, phải vừa chống những người lạc hậu, vừa chống những kẻ chạy quá nhanh.

Đảng ta sở dĩ mạnh và vô địch, là vì khi lãnh đạo phong trào, Đảng biết duy trì và tăng cường những liên hệ của mình với hàng triệu công nhân và nông dân.

Sự thật, số 60, ngày 2 tháng Ba 1930.

Sta-lin: *Những vấn đề chủ nghĩa Lê-nin*, Pháp văn, Nhà xuất bản ngoại văn, Mạc-tư-khoa, 1949, tr. 417-423.

TRẢ LỜI CÁC ĐỒNG CHÍ HỘI VIÊN NÔNG TRANG TẬP THỂ

Qua các báo chí người ta được biết rằng bài báo của Sta-lin «Say sưa vì thắng lợi» và nghị quyết đã công bố của Ban chấp hành trung ương *«Về cuộc đấu tranh chống những hành vi sai lệch đường lối của Đảng trong cuộc vận động tập thể hóa nông nghiệp»*, đã có nhiều tiếng vang trong hàng ngũ những người thực hành cuộc vận động đó. Về vấn đề này, gần đây, tôi đã nhận được rất nhiều thư của các đồng chí hội viên nông trang tập thể, yêu cầu tôi trả lời những câu hỏi nêu lên trong các bức thư đó. Đáng lẽ bổn phận của tôi là phải trả lời riêng từng bức thư một. Nhưng tiếc thay tôi không thể làm được điều đó, vì quá nửa số thư mà tôi nhận được lại không có địa chỉ của người viết (các đồng chí đó đã quên không cho tôi biết địa chỉ). Thế mà những câu hỏi nêu lên trong các bức thư đó lại có một ý nghĩa chính trị rộng lớn đối với tất cả các đồng chí chúng ta. Vả lại, tôi không thể bỏ qua không trả lời các đồng chí đã quên không cho tôi biết địa chỉ. Như vậy tôi buộc phải rút ở trong các bức thư đó ra tất cả những vấn đề có bổ ích mà trả lời một cách công khai trên báo chí cho các đồng chí hội viên nông trang tập thể. Tôi càng vui lòng làm việc này vì Ban Chấp hành trung ương đã có quyết định rõ ràng về điểm đó rồi.

CÂU HỎI THỨ NHẤT: **Gốc rễ** *của những sai lầm trong vấn đề nông dân là ở chỗ nào?*

TRẢ LỜI: Là ở cách đối xử sai lầm đối với trung nông. Là người ta đã dùng bạo lực trong các quan hệ kinh tế đối với trung nông. Là quên rằng liên minh kinh tế với quần chúng trung nông không phải dựa trên những biện pháp cưỡng bách mà phải dựa trên một sự thỏa thuận với trung nông, dựa trên sự liên minh với họ. Là quên rằng lúc này, cuộc vận động nông trang tập thể phải dựa trên cơ sở giai cấp công nhân và nông dân nghèo liên minh với trung nông để chống lại chủ nghĩa tư bản, nói chung, và chống lại bọn cu-lắc, nói riêng.

Chừng nào mà cuộc tấn công chống bọn cu-lắc được tiến hành thành một mặt trận thống nhất với trung nông, thì mọi việc đều tốt đẹp. Nhưng khi mà một số các đồng chí chúng ta, say sưa vì thắng lợi, đã vô tình đi chệch từ con đường tấn công bọn cu-lắc sang con đường đấu tranh chống lại trung nông; khi mà, chạy theo tỷ lệ tập thể hóa cao, họ đã dùng bạo lực đối với trung nông, tước quyền bầu cử của trung nông, tước quyền sở hữu tài sản của trung nông, — thì khi đó cuộc tấn công đã đi chệch hướng, mặt trận thống nhất với trung nông liền bị phá hoại, và tất nhiên là bọn cu-lắc lại có thể mưu toan ngóc đầu dậy.

Người ta đã quên rằng bạo lực vốn cần thiết và có ích trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù giai cấp của chúng ta, thì lại không thể dung nạp được và có hại nếu dùng nó để chống lại trung nông là bạn đồng minh của chúng ta.

Người ta quên rằng đưa kỵ binh ra đàn áp là cần thiết và có ích để giải quyết những vấn đề quân sự, nhưng nếu dùng nó để giải quyết vấn đề kiến thiết

nông trang tập thể thì không có giá trị gì cả mà còn có hại, vì kiến thiết nông trang tập thể thì phải liên minh với trung nông.

Đó là căn nguyên những sai lầm trong vấn đề nông dân.

Lê-nin đã nói về những quan hệ kinh tế với trung nông như sau:

Trước hết ta phải nhận rõ chân lý này là, ở đây, mà dùng những biện pháp bạo lực thì không thể đạt được gì cả. Ở đây, nhiệm vụ kinh tế biểu hiện ra một cách khác hẳn. Ở đây, không có cái chóp nào có thể cắt bỏ đi, mà cứ giữ y nguyên tất cả nền móng, tất cả lâu đài được... Cái chóp ở thành thị là bọn tư bản, thì trong trường hợp này không còn nữa. Trong trường hợp này mà *dùng bạo lực thì sẽ làm nguy hại đến toàn bộ sự nghiệp*... không có gì ngu độn hơn là chính ngay *cái ý tưởng muốn dùng bạo lực trong những quan hệ kinh tế với trung nông.* (Báo cáo về công tác nông thôn tại Đại hội lần thứ VIII của Đảng cộng sản (b) Nga, t. XXIV, tr. 168.)

Lê-nin còn nói:

Không thể có gì nguy hại hơn là *dùng bạo lực đối với trung nông*. Trung nông là một tầng lớp đông đảo đến hàng triệu người. Ngay cả ở châu Âu, nơi mà không ở đâu trung nông chiếm tới một lực lượng như vậy, nơi mà kỹ thuật và văn hóa, đời sống thành thị, đường sắt đã được phát triển một cách phi thường, nơi mà người ta dễ dàng nghĩ đến việc dùng bạo lực đối với trung nông, — cũng không hề có một người nào, không hề có một người xã hội chủ nghĩa có tinh thần cách mạng vào bậc nhất nào lại chủ trương dùng những biện pháp bạo lực đối với trung nông cả. *(Như trên, tr. 167.)*

Tôi thiết nghĩ, điều đó đã rõ ràng.

CÂU HỎI THỨ HAI: *Những sai lầm chủ yếu trong cuộc vận động tập thể hóa nông nghiệp là những sai lầm gì?*

TRẢ LỜI: Ít nhất có ba sai lầm chủ yếu sau đây:

1) chúng ta đã vi phạm nguyên tắc tự nguyện gia nhập của Lê-nin khi thành lập các nông trang tập thể.

Khi thành lập các nông trang tập thể người ta đã vi phạm những chỉ thị cơ bản của Đảng và điều lệ mẫu của ác-ten nông nghiệp nói về nguyên tắc tự nguyện gia nhập.

Chủ nghĩa Lê-nin dạy rằng cần phải hướng dẫn nông dân đi theo con đường kinh tế tập thể, bằng cách nắm vững nguyên tắc tự nguyện gia nhập, bằng cách thuyết phục họ thấy rõ kinh tế chung, tập thể là ưu việt hơn kinh tế cá thể. Chủ nghĩa Lê-nin dạy rằng chúng ta chỉ có thể thuyết phục được nông dân thấy rõ tính ưu việt của kinh tế tập thể, nếu chúng ta lấy thực tế, kinh nghiệm để *chỉ rõ* và *chứng minh* cho họ thấy rằng nông trang tập thể là tốt hơn và có lợi hơn lối kinh doanh cá thể; nông trang tập thể có thể làm cho nông dân, nông dân nghèo và trung nông, thoát khỏi cảnh thiếu thốn và nghèo khổ. Chủ nghĩa Lê-nin dạy rằng nếu thiếu những điều kiện đó, thì nông trang tập thể không thể vững chắc được. Chủ nghĩa Lê-nin dạy rằng, mọi mưu toan hòng dùng bạo lực để ép buộc nông dân đi theo kinh tế tập thể, hòng dùng cưỡng bức để thành lập nông trang tập thể, chỉ có thể mang lại những hậu quả không tốt, chỉ có thể đẩy nông dân lánh xa cuộc vận động tập thể hóa nông nghiệp mà thôi.

Thật vậy, nguyên tắc cơ bản đó càng được tuân theo thì cuộc vận động tập thể hóa nông nghiệp càng đạt nhiều thành công. Nhưng một số đồng chí chúng ta say sưa vì thắng lợi, đã coi thường nguyên tắc đó, đã tỏ ra quá vội vàng và vì chạy theo một tỷ lệ tập thể hóa cao, nên đã dùng cưỡng bách để xây dựng nông trang tập thể. Không lấy gì làm lạ là một « chính sách » như thế tất nhiên phải đưa đến ngay những hậu quả không tốt. Những nông trang tập thể đã mọc lên quá nhanh, thì cũng đã tan biến nhanh như lúc nó nẩy nở,

vì vậy một bộ phận nông dân, hôm qua còn rất tín nhiệm các nông trang tập thể, thì ngày nay đã lánh xa nông trang tập thể.

Đó là sai lầm đầu tiên và chủ yếu đã mắc phải trong cuộc vận động tập thể hóa nông nghiệp.

Lê-nin đã nói đến nguyên tắc tự nguyện gia nhập trong việc thành lập nông trang tập thể như sau:

Hiện nay nhiệm vụ của chúng ta là phải chuyển qua lối canh tác *chung* ruộng đất, qua lối kinh doanh tập thể *lớn*. Nhưng chính quyền xô-viết không thể dùng biện pháp cưỡng bách nào trong việc đó cả; không có một đạo luật nào bắt buộc phải làm như thế cả. *Công xã* nông nghiệp được thiết lập lên một cách *tự nguyện*, việc chuyển sang lối canh tác *chung* ruộng đất chỉ có thể thực hiện được do tinh thần *tự nguyện* mà thôi, về mặt này, chính phủ công nông không hề dùng một biện pháp cưỡng bách nào; pháp luật cấm chỉ việc đó. Nếu người nào trong các đồng chí thấy có những thủ đoạn cưỡng bách như thế, thì các đồng chí phải biết rằng đó là một sự hà lạm, đó là một sự vi phạm luật pháp, mà chúng ta phải hết sức chú trọng sửa chữa, và chúng ta sẽ sửa chữa được*. (Đại hội công nhân nông nghiệp lần thứ nhất tại tỉnh Pê-tơ-rô-gơ-rát. Trả lời các câu hỏi, ngày 13 tháng Ba 1919, t. XXIV, tr.43.)

Lê-nin lại nói:

Chính chỉ khi nào chúng ta lấy thực tế mà *chứng minh* được cho nông dân thấy tính ưu việt của chế độ canh tác chung, tập thể, bằng những tập đoàn hợp tác và bằng ác-ten; chỉ khi nào chúng ta có thể giúp đỡ được nông dân tự tổ chức thành những tập đoàn hợp tác, thành ác-ten, thì giai cấp công nhân, nắm giữ chính quyền Nhà nước, mới thật chứng thực cho nông dân thấy rằng mình có lý, mới thật thu hút được đông đảo quần chúng nông dân đi theo mình một cách lâu dài và chắc chắn. Bởi vậy chúng ta không thể đánh giá quá cao bất cứ biện pháp nào nhằm khuyến khích lối canh tác bằng tập đoàn hợp tác, bằng ác-ten được. Chúng có hàng triệu nông hộ đơn lẻ, phân tán và rải rác sâu trong những vùng nông thôn hẻo lánh...

---

*Do tôi gạch dưới. *J. Sta-lin.*

Khi nào chúng ta đã *lấy kinh nghiệm* mà nông dân có thể tiếp thu được, để *chứng minh một cách thực tế* rằng bước chuyển qua lối canh tác bằng tập đoàn hợp tác, bằng ác-ten là cần thiết và có thể thực hiện được, thì chỉ khi đó chúng ta mới có quyền nói được rằng trong một nước nông dân rộng lớn như nước Nga, chúng ta đã tiến được một bước quan trọng trên con đường nông nghiệp xã hội chủ nghĩa*. (Diễn văn tại Đại hội lần thứ nhất của các công xã và ác-ten nông nghiệp, Ngày 4 tháng Chạp 1919, t. XIV, tr. 579 - 580.)

Cuối cùng, trong tác phẩm của Lê-nin lại có đoạn viết:

Khi khuyến khích bất kỳ một loại tập đoàn hợp tác nào, cũng như khi khuyến khích những công xã nông nghiệp của trung nông, thì các đại biểu của chính quyền xô-viết không được *cưỡng bách một chút nào cả* lúc thành lập lên những tập đoàn đó. Chỉ có những tập đoàn hợp tác do tự bản thân nông dân tự nguyện thiết lập lên và đã được chính họ chứng nghiệm trong thực tế là có lợi, thì mới có giá trị. *Vội vàng hấp tấp trong công việc này là có hại*, vì vội vàng như thế chỉ có thể càng làm cho trung nông thêm thành kiến đối với những cái mới. Những đại biểu nào của chính quyền xô-viết mà dùng lối cưỡng bức không những trực tiếp mà ngay cả gián tiếp nữa, để đưa nông dân vào các công xã, thì những đại biểu ấy phải chịu những hình phạt nghiêm khắc nhất và phải được đẩy khỏi công tác nông thôn**. (Nghị quyết về thái độ đối với trung nông, Đại hội lần thứ VIII của Đảng cộng sản (b) Nga, t. XXIV, tr. 174.)

Tôi thiết nghĩ, như thế thật đã rõ ràng.

Chẳng cần phải chứng minh cũng hiểu rằng Đảng sẽ hết sức nghiêm ngặt áp dụng những chỉ thị đó của Lê-nin.

2) Người ta đã vi phạm nguyên tắc của Lê-nin là khi thành lập ra các nông trang tập thể thì phải kể đến những điều kiện khác nhau trong các vùng khác nhau ở Liên-xô. Người ta đã quên rằng ở Liên-xô có nhiều vùng rất khác nhau, với một cơ cấu kinh tế và một trình độ văn hóa khác nhau. Người ta đã quên rằng

---

* và ** Do tôi gạch dưới. *J.Sta-lin*

trong số các vùng đó có những vùng tiến bộ, vùng trung bình và vùng lạc hậu. Người ta đã quên rằng nhịp độ phát triển của cuộc vận động tập thể hóa nông nghiệp và những phương pháp xây dựng nông trang tập thể trong các vùng đó *không thể giống nhau* được, và chính những vùng này cũng không hề giống nhau.

Lê-nin nói :

«Chúng ta sẽ phạm sai lầm, nếu cứ đơn giản rập theo một khuôn mà ra sắc lệnh cho tất cả những vùng ở Nga, nếu những người bôn-sê-vích cộng - sản chủ nghĩa, những nhân viên công tác ở các cơ quan xô-viết ở U-cơ-ren và ở vùng sông Đông cứ áp dụng một cách phổ biến những sắc lệnh đó vào các vùng khác mà không có phân biệt gì cả, áp dụng đồng loạt»... vì «chúng ta không hề bị bó buộc theo một khuôn mẫu nhất luật nào cả, chúng ta không định vĩnh viễn rằng kinh nghiệm của chúng ta, kinh nghiệm của nước Nga trung tâm, có thể hoàn toàn áp dụng được cho tất cả các vùng ngoại vi nước Nga». (Báo cáo của Ban Chấp hành trung ương tại Đại hội Đảng cộng sản (b) Nga lần thứ VIII, t. XXIV, tr. 125-126.)

Lê-nin còn nói rằng :

Rập theo một khuôn như nhau miền trung tâm nước Nga, xứ U-cơ-ren, xứ Xi-bi-ri, đưa các nước đó đi theo một khuôn nhất định nào đó là một việc điên rồ. (Báo cáo về thuế lương thực tại Đại hội lần thứ X của Đảng cộng sản (b) Nga, t. XXVI, tr. 243.)

Sau hết Lê-nin còn đề ra cho những người cộng sản ở Cô-ca-dơ nhiệm vụ là :

... phải nhận rõ *đặc tính riêng của hoàn cảnh của họ, của hoàn cảnh các nước Cộng hòa của họ, hoàn cảnh này khác với hoàn cảnh và điều kiện của nước Cộng hòa Liên bang xô-viết Nga, nhận rõ sự cần thiết không được rập khuôn theo sách lược của chúng ta, mà phải thay đổi nó đi, sau khi đã suy nghĩ kỹ càng và tính đến những điều kiện cụ thể hết sức khác nhau.* (Gửi các đồng chí cộng sản A-déc-bai-gian, Giê-oóc-gi, A-rơ-mê-ni, Đa-ghét-stan, nước Cộng hòa dân miền núi xứ Cô-ca-dơ», t. XXVI, tr. 191).

Tôi thiết tưởng nói thế là rõ ràng rồi chứ.

Theo đúng những chỉ thị đó của Lê-nin, Ban Chấp hành trung ương Đảng ta, trong nghị quyết của mình *về nhịp độ tập thể hóa nông nghiệp* (xem báo *Sự thật* ngày 6 tháng Giêng 1930), đã chiếu theo tiêu chuẩn căn cứ nhịp độ tập thể hóa mà phân chia các vùng ở Liên-xô ra làm ba bộ phận, trong đó miền Bắc Cô-ca-dơ, miền Trung lưu và Hạ lưu sông Vôn-ga thì đến mùa xuân năm 1931 có thể đã làm xong về căn bản công cuộc tập thể hóa nông nghiệp; những vùng ngũ cốc khác (U-cơ-ren, vùng trung tâm miền Đất đen, xứ Xi-bi-ri, miền U-ran, xứ Ca-dắc-stan, v.v...) thì đến mùa xuân 1932 là có thể làm xong về căn bản công cuộc tập thể hóa, còn những vùng khác thì có thể kéo dài quá trình tập thể hóa cho đến hết thời kỳ kế hoạch năm năm, tức là cho đến hết năm 1933.

Nhưng trên thực tế thì như thế nào? Trên thực tế có một số đồng chí chúng ta vì say sưa với những kết quả đầu tiên của phong trào hợp tác hóa nên đã quên hẳn chỉ thị của Lê-nin và nghị quyết của Ban Chấp hành trung ương. Vùng Mạc-tư-khoa, vì điên cuồng chạy theo tỷ số quá cao về tập thể hóa, nên đã hướng cán bộ của mình tiến tới hoàn thành công cuộc tập thể hóa vào mùa xuân 1930, mặc dầu đã có hạn định ít nhất là ba năm (tức hết năm 1932) để làm việc đó. Vùng trung tâm miền Đất đen, vì không muốn « kém thua các vùng khác », cũng đã hướng cán bộ của mình tiến tới hoàn thành công cuộc tập thể hóa vào 6 tháng đầu năm 1930, mặc dầu đã có hạn định ít nhất là hai năm (tức là hết năm 1931) để làm việc đó. Và các đồng chí vùng Nam Cô-ca-dơ và vùng Tuya-rơ-ke-stan thì vì hăng hái muốn « đuổi kịp và vượt » các vùng tiên tiến nên đã hướng tới hoàn thành công cuộc tập thể hóa trong một

«thời hạn ngắn nhất», mặc dầu đã được một thời hạn trọn vẹn là 4 năm (tức đến cuối năm 1933) để làm việc đó.

Dĩ nhiên là với một «nhịp độ» phát triển tập thể hóa điên cuồng như vậy, thì những vùng ít được chuẩn bị hơn trong cuộc vận động tập thể hóa, cũng muốn «vượt» những vùng được chuẩn bị chu đáo hơn, nên buộc phải dùng một áp lực hành chính mãnh liệt bằng cách cố dùng nhiệt tình hành chính của chính mình để bù đắp vào chỗ mình thiếu những nhân tố tăng thêm tốc độ công cuộc tập thể hóa. Kết quả như thế nào, ai nấy đều đã biết. Mọi người đều biết tình trạng hỗn độn do đó mà đã xẩy ra trong các vùng ấy, và đã phải cần đến Ban Chấp hành trung ương can thiệp vào thì mới gỡ ra được.

Đó là sai lầm thứ hai trong cuộc tập thể hóa nông nghiệp.

3) Người ta đã vi phạm nguyên tắc của Lê-nin là không được vượt qua hình thức chưa hoàn toàn thành hình của cuộc vận động mà nhẩy vào con đường thành lập những nông trang tập thể. Người ta đã vi phạm nguyên tắc này của Lê-nin là: không được vượt quá trình độ phát triển của quần chúng, không được dùng lối mệnh lệnh để ban bố cuộc vận động quần chúng, không được xa rời quần chúng, mà phải cùng vận động với quần chúng và làm cho quần chúng tiến lên, bằng cách đưa họ đến với khẩu hiệu của chúng ta và làm cho họ, do kinh nghiệm bản thân, mà dễ dàng nhận rõ các khẩu hiệu của chúng ta là đúng.

Lê-nin nói:

Khi giai cấp vô sản Pê-tơ-rô-gơ-rát và binh sĩ đóng ở Pê-tơ-rô-gơ-rát đã giành được chính quyền, thì họ đều hoàn toàn biết rằng việc kiến thiết ở nông thôn sẽ gặp nhiều khó khăn; rằng ở đây phải tiến lên một cách dần dà thận trọng hơn; rằng ở đây mà muốn *dùng hàng loạt* pháp lệnh và luật lệ để *du nhập lối canh tác tập thể, thì thật là hết sức điên rồ;*

rằng chỉ mới có một thiểu số nông dân giác ngộ tán thành việc làm ăn theo lối đó thôi, còn tuyệt đại đa số nông dân thì chưa hề biết gì đến vấn đề đó cả. Bởi vậy, chúng ta chỉ cần chú ý đến điểm tuyệt đối cần thiết để làm cho cách mạng phát triển là: bất kỳ trong trường hợp nào cũng không nên *vượt quá trình độ phát triển của quần chúng* mà phải chờ đợi quần chúng do kinh nghiệm bản thân của họ, do bản thân cuộc đấu tranh của họ mà lớn lên gây thành một cao trào mạnh mẽ. (Diễn văn kỷ niệm Cách mạng tại Đại hội bất thường lần thứ VI của các Xô-viết đại biểu công nhân, nông dân, cô-dắc và hồng quân của nước Cộng hòa xô-viết liên bang xã hội chủ nghĩa Nga, ngày 6 tháng Một 1918, t. XXIII, tr. 252.)

Xuất phát từ những chỉ thị đó của Lê-nin, Ban Chấp hành trung ương, như mọi người đều biết, đã nhận định trong nghị quyết của mình *Về nhịp độ tập thể hóa nông nghiệp* (xem *Sự thật* ngày 6 tháng Giêng 1930) rằng:

a) hình thức chủ yếu của cuộc vận động tập thể hóa lúc này là ác-ten nông nghiệp;

b) cho nên, nhất thiết phải lập một điều lệ — mẫu* của ác-ten nông nghiệp, coi đó là hình thức chủ yếu của cuộc vận động tập thể hóa.

c) Trong công tác thực tiễn của chúng ta, quyết không thể ngồi trên mà «ban bố» cuộc vận động tập thể hóa được và không thể coi «cuộc vận động tập thể hóa là một trò đùa được».

Nghĩa là hiện nay chúng ta không được hướng tới công xã mà phải hướng tới ác-ten nông nghiệp, coi đó là hình thức chủ yếu để xây dựng nông trang tập thể; nghĩa là người ta không thể vượt qua ác-ten nông nghiệp mà tiến thẳng tới công xã được, người ta không thể «ban bố» nông trang tập thể, «lấy nông trang tập thể làm trò đùa» để thay cho phong trào quần chúng nông dân tiến tới nông trang tập thể được.

---

* Xem điều lệ mẫu ác-ten nông nghiệp ở cuối sách. *(B.T.)*

Tôi thiết tưởng cái đó cũng đã rõ ràng rồi.

Nhưng trên thực tế thì như thế nào? Thực tế là một số đồng chí chúng ta, say sưa vì những thắng lợi đầu tiên của cuộc vận động tập thể hóa nông nghiệp, đã quên những chỉ thị của Lê-nin và nghị quyết của Ban Chấp hành trung ương. Đáng lẽ phải tổ chức một phong trào quần chúng ủng hộ ác-ten nông nghiệp, thì các đồng chí đó lại đưa nông dân cá thể «chuyển» thẳng đến thực hành điều lệ công xã. Đáng lẽ phải củng cố hình thức ác-ten của phong trào, thì các đồng chí đó lại dùng lối cưỡng bức để «tập thể hóa» cả gia cầm, gia súc lấy sữa không dùng để bán ở thị trường, và nhà ở.

Kết quả của sự vội vàng không thể thừa nhận được đó đối với một người lê-nin-nít, hiện nay mọi người đều đã thấy rõ. Đương nhiên là, nói chung, người ta đã không lập được những công xã vững chắc. Mà trái lại, người ta lại đã mất đi khá nhiều ác-ten nông nghiệp. Thật ra thì những nghị quyết «tốt đẹp» hãy còn đó. Nhưng những nghị quyết đó dùng để làm gì bây giờ?

Đó là sai lầm thứ ba trong phong trào tập thể hóa.

CÂU HỎI THỨ BA: Những sai lầm đó do đâu mà sinh ra, và Đảng phải sửa chữa sai lầm đó như thế nào?

TRẢ LỜI: Những sai lầm đó là do thắng lợi mau chóng của chúng ta về mặt tập thể hóa mà nẩy sinh ra. Đôi khi thắng lợi làm cho chúng ta choáng váng. Thường thường những thắng lợi đó gây nên tính tự phụ và tự cao quá đáng. Cái đó, những đại biểu của Đảng đang nắm giữ chính quyền rất dễ mắc phải. Nhất là đối với một Đảng như Đảng ta mà lực lượng và quyền hành rất là rộng lớn. Ở đấy, rất có thể phát sinh ra nhiều biểu hiện của tính kiêu căng cộng sản, mà Lê-nin đã từng kịch liệt đả phá. Ở đấy, rất có thể

xẩy ra tình trạng là người ta sẽ tin rằng dùng pháp lệnh, nghị quyết và mệnh lệnh thì có thể giải quyết được mọi việc. Ở đấy rõ ràng có một nguy cơ là những biện pháp cách mạng của Đảng đã bị một vài đại biểu của Đảng biến thành một lời tuyên bố suông bằng hàng loạt mệnh lệnh quan liêu, trên một nơi nào đó trong đất nước rộng lớn của chúng ta. Tôi muốn nói cả các cán bộ địa phương, lẫn một số cán bộ lãnh đạo các tổ chức ở tỉnh và thậm chí cả một số ủy viên Ban Chấp hành trung ương nữa.

Lê-nin nói:

Sự kiêu căng cộng sản là hiện tượng của một người đảng viên cộng sản chưa bị khai trừ ra khỏi Đảng, mà lại tưởng rằng cứ dùng hàng loạt pháp lệnh cộng sản là có thể giải quyết được tất cả những nhiệm vụ của mình. (Diễn văn tại Đại hội lần thứ hai của những nhân viên công tác huấn luyện chính trị của nước Cộng hòa Xô-viết liên bang xã hội chủ nghĩa Nga, ngày 17 tháng Mười 1921, t. XXVII, tr, 50—51.)

Chính do đó mà đã nẩy sinh ra những sai lầm trong cuộc vận động tập thể hóa, những hành vi sai lệch đường lối của Đảng trong công cuộc xây dựng nông trang tập thể.

Nếu những sai lầm ấy và những hành vi sai lệch ấy sau này cứ tiếp tục mãi, nếu nó không được thanh toán nhanh chóng và triệt để, thì có thể đưa đến nguy cơ như thế nào?

Nguy cơ trong trường hợp này, là những sai lầm ấy sẽ trực tiếp dẫn chúng ta đến chỗ làm cho phong trào tập thể hóa nông nghiệp mất tín nhiệm, đến tình trạng bất hòa với trung nông, đến tình trạng tan rã trong bần nông, đến tình trạng hỗn loạn trong hàng ngũ của chúng ta, đến chỗ làm suy yếu toàn bộ công cuộc kiến thiết xã hội chủ nghĩa của chúng ta, đến chỗ phục hồi lại bọn cu-lắc.

Nói tóm lại, những sai lầm ấy đang đẩy chúng ta ra khỏi con đường củng cố mối liên minh với quần chúng nông dân cơ bản, ra khỏi con đường củng cố nền chuyên chính vô sản, mà đi vào con đường đoạn tuyệt với các quần chúng đó, vào con đường của một chính sách phá hoại nền chuyên chính vô sản.

Nguy cơ đó đã xuất hiện từ nửa sau tháng Hai, ngay lúc mà một bộ phận đồng chí chúng ta bị những thắng lợi về trước làm mù quáng, đã ba chân bốn cẳng chạy xa khỏi con đường của Lê-nin. Ban Chấp hành trung ương đã đánh giá được nguy cơ đó, nên đã cấp tốc ủy thác cho Sta-lin cảnh cáo những đồng chí đã quá chủ quan, trong một bài báo đặc biệt nói về phong trào nông trang tập thể. Có người cho rằng bài báo « Say sưa vì thắng lợi » là do sáng kiến cá nhân của Sta-lin. Điều đó cố nhiên là vô lý. Ở nước ta, Ban Chấp hành trung ương tồn tại tuyệt không phải là để cho một cá nhân nào, bất cứ là ai, được tự do hành động trong việc này. Đó là một công trình nghiên cứu của Ban Chấp hành trung ương. Khi những sai lầm phạm phải đã xuất hiện một cách sâu sắc và rộng lớn, thì Ban Chấp hành trung ương kiên quyết chống lại ngay, với tất cả quyền hành của mình, bằng cách công bố nghị quyết nổi tiếng của mình ngày 15 tháng Ba 1930.

Ngăn cản cuộc chạy đua điên cuồng của những người đang nhắm mắt lao đầu xuống vực thẳm và đưa họ vào con đường đúng đắn là một việc khó khăn. Nhưng Ban Chấp hành trung ương của chúng ta xứng đáng là Ban Chấp hành trung ương của Đảng Lê-nin chính vì nó biết vượt qua những khó khăn to lớn khác hơn. Và những khó khăn đó đã được vượt qua về căn bản.

Trong trường hợp như thế, thì toàn bộ từng đội ngũ của Đảng đang đà chạy nhanh, khó mà dừng lại để kịp thời đi vào con đường đúng và chấn chỉnh lại hàng ngũ mình ngay trong khi đang chạy. Nhưng Đảng ta được gọi là Đảng của Lê-nin, chính là vì nó đủ mềm dẻo để vượt qua những khó khăn như thế. Và về căn bản, nó đã vượt qua được những khó khăn ấy rồi.

Điểm chủ yếu ở đây, là phải tỏ ra dũng cảm, là phải thừa nhận những sai lầm của mình và phải tự mình ra sức sửa chữa những sai lầm đó một cách nhanh chóng. Sợ phải thừa nhận những sai lầm của mình, sau khi say sưa với những thắng lợi vừa qua, sợ phải tự phê bình, từ chối không chịu sửa chữa sai lầm của mình một cách nhanh chóng và kiên quyết, — đó là khó khăn chủ yếu. Chỉ cần khắc phục khó khăn đó, chỉ cần vứt bỏ hẳn lề thói ra chỉ thị quá nhiều và bệnh quan liêu giấy tờ cực độ, chỉ cần hết sức chú ý đến những nhiệm vụ kinh tế và tổ chức của các nông trang tập thể, thì những sai lầm ấy sẽ mất hết không còn dấu vết gì nữa. Không hề có một lý do nào để nghi ngờ rằng, về căn bản, Đảng ta chưa vượt qua được bước khó khăn nguy hiểm đó. Lê-nin nói:

Xưa nay, tất cả các đảng cách mạng nào mà đã tiêu vong, thì sở dĩ đã bị tiêu vong là vì đã bị *tính tự phụ* lôi cuốn, đã không thấy được sức mạnh của mình là ở chỗ nào, *và sợ nói đến những nhược điểm của mình*. Nhưng chúng ta sẽ không bị tiêu vong, vì chúng ta không sợ nói đến những nhược điểm của chúng ta, vì chúng ta sẽ biết cách vượt qua những khó khăn đó*. (Lê-nin, Diễn văn tổng kết cuộc thảo luận bản báo cáo chính trị của Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga tại Đại hội lần thứ XI, t. XXVII, tr. 260 — 261).

---

* Do tôi gạch dưới. *J. Sta-lin.*

Chúng ta không thể quên những lời nói đó của Lê-nin.

CÂU HỎI THỨ TƯ: *Đấu tranh chống những hành vi sai lệch đường lối của Đảng có phải là một bước thụt lùi không?*

TRẢ LỜI: Hiển nhiên là không! Chỉ có những kẻ cho rằng tiếp tục phạm những sai lầm và những hành vi sai lệch đó là một cuộc tấn công, và đấu tranh chống những sai lầm đó là một sự rút lui, thì mới có thể nói như thế được. Tấn công bằng cách tích lũy những sai lầm và hành vi sai lệch, thì đó thật là một cuộc « tấn công » đẹp đẽ làm sao!

Chúng ta đề ra ác-ten nông nghiệp, coi đó là hình thức căn bản của phong trào tập thể hóa trong lúc này, và chúng ta đã định ra một điều lệ mẫu để làm kim chỉ nam cho việc thành lập những nông trang tập thể. Chúng ta thụt lùi ở điểm đó chăng? Hiển nhiên là không!

Về mặt sản xuất, chúng ta đã đề ra việc củng cố sự liên minh của giai cấp công nhân và tầng lớp bần nông với trung nông, coi đó là cơ sở cho phong trào tập thể hóa trong thời gian hiện nay. Chúng ta thụt lùi ở điểm này chăng? Hiển nhiên là không!

Chúng ta đã đề ra khẩu hiệu thủ tiêu giai cấp cu-lắc coi đó là khẩu hiệu chủ yếu trong công tác thực tế của chúng ta ở nông thôn trong thời gian hiện nay. Chúng ta thụt lùi ở điểm này chăng? Hiển nhiên là không!

Ngay từ tháng Giêng 1930, chúng ta đã định cho việc tập thể hóa nông nghiệp ở Liên-xô một tốc độ nào đó, và chúng ta đã chia các vùng trong nước thành những khu vực nhất định và đề ra cho mỗi khu vực đó một tốc độ riêng. Chúng ta thụt lùi ở điểm này chăng? Hiển nhiên là không!

Vậy thì các đồng chí thấy Đảng « thụt lùi » ở chỗ nào?

Chúng ta muốn rằng những người đã phạm những sai lầm và lệch lạc đó hãy từ bỏ những sai lầm của mình đi. Chúng ta muốn rằng những kẻ làm rối việc hãy từ bỏ những cách làm rối việc của mình đi và hãy trở về lập trường của chủ nghĩa Lê-nin. Chúng ta muốn như thế, vì rằng chỉ với điều kiện đó thì người ta mới có thể tiếp tục cuộc tấn công *thực sự* chống kẻ thù giai cấp của chúng ta được. Như thế có phải là chúng ta thụt lùi không? Cố nhiên là không! Điều đó chỉ có nghĩa là chúng ta muốn tiến hành một cuộc tấn công *thực sự*, chứ không phải là trò đùa tấn công, theo lối những kẻ làm rối việc.

Rõ ràng là chỉ có những kẻ thích lập dị và những kẻ muốn làm bộ quá « tả » mới có thể coi lập trường đó của Đảng là một sự thụt lùi.

Những kẻ hay ba hoa về bước thụt lùi, ít nhất là đã không hiểu hai điều sau đây:

a) Họ không hiểu những quy luật về tấn công. Họ không hiểu rằng một cuộc tấn công mà *nếu không củng cố* những vị trí đã chiếm được, thì chỉ là một cuộc tấn công vô ích mà thôi.

Trong lãnh vực quân sự chẳng hạn, thì khi nào một cuộc tấn công có thể thành công được? Khi mà người ta không phải chỉ chú ý tiến lên một loạt, mà đồng thời còn ra sức *củng cố* những vị trí đã chiếm được, ra sức *chấn chỉnh* lại lực lượng mình tùy theo tình hình thay đổi, ra sức giữ *liên lạc* với hậu phương, *thu thập* quân dự trữ. Làm như thế để làm gì? Để phòng trước những sự bất ngờ, để vít những lỗ hổng mà không một cuộc tấn công nào tránh khỏi, và như vậy là chuẩn bị để hoàn toàn tiêu diệt kẻ thù. Chỉ đứng về mặt quân sự mà nói, thì khuyết điểm của quân đội Ba-lan

hồi 1920 chính là đã coi thường quy luật đó. Đó là một trong những nguyên nhân tại sao sau khi đại quân tiến thẳng đến Ki-ép, thì lại phải quay cả về Vác-xô-vi. Chỉ nói về mặt quân sự, thì khuyết điểm của quân đội xô-viết hồi 1920 khi tấn công vào Vác-xô-vi, là đã phạm lại khuyết điểm của quân đội Ba-lan.

Nói về quy luật tấn công trên mặt trận đấu tranh giai cấp thì cũng thế. Người ta không thể tiến hành thành công một cuộc tấn công nhằm thủ tiêu kẻ thù giai cấp được, *nếu không củng cố* những vị trí đã chiếm được, *nếu không chấn chỉnh lại* lực lượng của mình, nếu không đảm bảo có *dự trữ* cho mặt trận, nếu không có liên lạc với *hậu phương*, v.v...

Sự thật là những người làm rối việc không hiểu được các quy luật về tấn công. Sự thật là Đảng đã hiểu và áp dụng được những quy luật đó.

b) Họ không hiểu được bản chất giai cấp của cuộc tấn công. Họ tuyên bố tấn công. Nhưng tấn công giai cấp *nào* và liên minh với giai cấp *nào* kia chứ? Chúng ta liên minh với trung nông để tấn công những thành phần tư bản chủ nghĩa ở nông thôn, vì chỉ có một cuộc tấn công như thế mới có thể làm cho chúng ta đạt được thắng lợi. Nhưng nếu vì một số đội ngũ của Đảng quá hăng mà làm cho cuộc tấn công đó bắt đầu đi lệch khỏi con đường đúng đắn và chĩa mũi nhọn tấn công vào đồng minh của chúng ta, vào trung nông, thì làm như thế nào? Phải chăng là chúng ta cần có một cuộc tấn công *nói chung*, chứ không phải liên minh với một giai cấp nhất định để tấn công một giai cấp nhất định? Khi đánh chiếc cối xay gió, chính Đông Ki-sốt cũng tưởng rằng mình tấn công kẻ thù, nhưng mọi người đều biết rằng ông ta đã bị vỡ đầu trong cuộc tấn công đó, nếu có thể gọi cái đó là tấn công.

Rõ ràng là những thắng lợi vẻ vang của Đông Ki-sốt đã đến ám ảnh giấc ngủ những người quá « tả » của chúng ta.

CÂU HỎI THỨ NĂM: *Nguy cơ chủ yếu ở nước ta là gì, là hữu khuynh hay « tả » khuynh?*

TRẢ LỜI: Nguy cơ chủ yếu ở nước ta hiện nay là nguy cơ hữu khuynh. Nguy cơ hữu khuynh đã từng là và hiện vẫn là nguy cơ chủ yếu. Quan điểm đó có trái với luận điểm, mà mọi người đều biết, của nghị quyết của Ban Chấp hành trung ương ngày 15 tháng Ba 1930, cho rằng những khuyết điểm và sai lệch của những người quá « tả » hiện nay là cản trở chủ yếu của phong trào tập thể hóa nông nghiệp không? Không, nó không trái với luận điểm đó. Sự thật là, về mặt cuộc vận động tập thể hóa nông nghiệp, khuyết điểm của những người quá « tả » to lớn đến nỗi nó đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc tăng cường và củng cố xu hướng hữu khuynh trong Đảng. Tại sao vậy? Vì rằng những khuyết điểm đó làm cho người ta hiểu lầm đường lối của Đảng, nghĩa là những khuyết điểm đó làm cho Đảng ta dễ mất tín nhiệm, và do đó tạo điều kiện dễ dàng cho những phần tử hữu khuynh đấu tranh chống lại sự lãnh đạo của Đảng. Làm cho sự lãnh đạo của Đảng mất tín nhiệm là tạo cơ hội tốt nhất để cho bọn cầm đầu xu hướng hữu khuynh có thể nổi dậy đấu tranh chống lại Đảng. Cơ hội đó, chính bọn quá « tả », do sai lầm và lệch lạc của mình, đã đưa đến cho bọn hữu khuynh. Cho nên, để đấu tranh thắng lợi chống phái cơ hội hữu khuynh thì cần phải thắng những sai lầm của bọn cơ hội chủ nghĩa « tả khuynh ». Khách quan mà nói, thì bọn quá « tả » là đồng minh của bọn gây ra xu hướng hữu khuynh.

Đó là mối liên quan độc đáo giữa phái cơ hội chủ nghĩa « tả » khuynh và phái cơ hội chủ nghĩa hữu khuynh.

Chính do mối liên quan đó nên mới có hiện tượng là một số «người tả phái» thường hay nói đến khối liên minh với bọn hữu khuynh. Và chính cũng do đó mà có hiện tượng kỳ lạ là một bộ phận bọn «tả phái», hôm qua còn đang «dẫn đầu» cuộc tấn công điên cuồng của chúng và toan tập thể hóa toàn Liên-xô trong vài ba tuần lễ, thì hôm nay đã có thái độ tiêu cực thất vọng và hoàn toàn bỏ mặc chiến trường cho bọn gây ra xu hướng hữu khuynh, và như vậy là đã thực sự rút lui (không dấu ngoặc!) trước giai cấp cu-lắc.

Đặc điểm của tình hình hiện nay là, đối với chúng ta, đấu tranh chống những sai lầm của bọn quá «tả» là điều kiện và là một hình thức độc đáo để đấu tranh thắng lợi chống chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh.

CÂU HỎI THỨ SÁU: *Tại sao một bộ phận nông dân lại rút ra khỏi nông trang tập thể?*

TRẢ LỜI: Một bộ phận nông dân rút ra khỏi nông trang tập thể có nghĩa là, trong thời gian gần đây, ở nước ta có một số nông trang tập thể không được vững chắc lắm, hiện đang thanh trừ những phần tử dao động. Điều đó có nghĩa là, những nông trang tập thể hữu danh vô thực sẽ tan vỡ, còn những nông trang vững chắc thì sẽ tồn tại và được củng cố. Tôi nghĩ rằng đó là một hiện tượng rất bình thường. Nhưng tình trạng đó lại làm cho một số đồng chí đâm ra thất vọng, sợ hãi và cứ bo bo bám lấy tỷ lệ tập thể hóa cao. Một số khác thì có ác ý lấy làm thích thú và đoán trước rằng phong trào tập thể hóa nông nghiệp sẽ «thất bại». Tất cả các đồng chí đó đều hết sức sai lầm. Tất cả các đồng chí đó còn xa mới hiểu bản chất của phong trào tập thể hóa như những người mác-xít.

Trước hết, tất cả những người đã rời bỏ nông trang đều là những kẻ mà người ta gọi là những linh hồn chết. Nói cho đúng ra, đó cũng không phải hẳn là họ rời bỏ, mà chỉ chứng tỏ là họ có mặt ở đó cũng như không. Chúng ta có cần có những linh hồn chết đó không? Hiển nhiên là không? Tôi cho rằng việc những người dân miền Bắc Cô-ca-dơ và những người U-cơ-ren giải tán các nông trang đầy rẫy những linh hồn chết và tổ chức ra những nông trang thật sự có sức sống, và thật sự vững chắc, như thế là hoàn toàn đúng. Làm như thế thì chỉ có lợi cho phong trào nông trang tập thể mà thôi.

Thứ hai là, những kẻ rời bỏ nông trang chính là những phần tử vu vơ, thật sự cừu địch với sự nghiệp của chúng ta. Rõ ràng là càng đuổi cổ những phần tử đó sớm ngày nào, thì càng có lợi cho phong trào tập thể hóa ngày ấy.

Cuối cùng là, những kẻ rời bỏ nông trang chính là những phần tử dao động mà người ta không thể coi là những phần tử vu vơ cũng như không thể coi là những linh hồn chết. Đó chính là những người nông dân mà, *ngày nay*, chúng ta chưa thuyết phục được họ nhận rõ công cuộc của chúng ta làm là đúng, nhưng *ngày mai* đây, nhất định chúng ta sẽ thuyết phục được họ. Những người nông dân đó ra khỏi nông trang, điều đó tuy là một tổn thất tạm thời, nhưng là một tổn thất lớn cho phong trào tập thể hóa. Vì vậy việc tranh thủ những phần tử dao động trong nông trang tập thể là một trong những nhiệm vụ cấp thiết nhất hiện nay của phong trào tập thể hóa.

Do đó, thấy rằng một bộ phận nông dân rút khỏi nông trang tập thể không phải chỉ là một hiện tượng có tính chất tiêu cực. Do đó, cũng thấy rằng nếu vì họ

rút khỏi nông trang mà nông trang thanh thải được những linh hồn chết và những phần tử rõ ràng là vu vơ, xa lạ với nông trang thì việc rút lui đó là một quá trình hữu ích để kiện toàn và củng cố nông trường tập thể.

Cách đây một tháng, người ta ước lượng rằng trong các vùng ngũ cốc của chúng ta đã có hơn 60% trang trại đã được tập thể hóa. Nhưng rõ ràng là bây giờ nếu muốn nói đến những nông trang tập thể thật sự và hơi vững chắc một chút, thì con số đó thật là quá đáng. Sau khi một bộ phận rút ra khỏi nông trang tập thể mà nếu phong trào tập thể hóa nông nghiệp được ổn định ở con số 40% được tập thể hóa trong các vùng ngũ cốc, — và điều đó chắc chắn là có thể thực hiện được, — thì đối với hiện nay, đó sẽ là một thắng lợi to lớn cho phong trào tập thể hóa nông nghiệp rồi. Tôi chỉ lấy mức trung bình đối với các vùng ngũ cốc, vì biết rằng ở nước ta có những vùng *hoàn toàn* tập thể hóa đã đạt tới tỷ lệ 80%, 90%. Tỷ lệ 40% được tập thể hóa trong các vùng ngũ cốc, điều đó có nghĩa là đến mùa xuân năm 1930, thì chúng ta sẽ hoàn thành vượt mức *gấp đôi* kế hoạch năm năm lần thứ nhất về tập thể hóa.

Ai dám phủ nhận tính chất *quyết định* của thắng lợi *lịch sử* đó trong sự phát triển xã hội chủ nghĩa ở Liên-xô?

CÂU HỎI THỨ BẢY: *Những nông dân dao động đã ra khỏi nông trang tập thể như thế có đúng không?*

TRẢ LỜI: Không, họ đã hành động sai. Rời bỏ nông trang tập thể là họ đã đi ngược lại lợi ích bản thân của họ, vì chỉ có nông trang tập thể mới làm cho họ thoát khỏi cảnh bần cùng, dốt nát. Rời bỏ nông trang tập thể, họ sẽ lâm vào một tình trạng hết sức khốn đốn, vì họ

không hưởng được những sự dễ dàng và thuận lợi mà chính quyền xô-viết đã đem lại cho nông trang tập thể. Không nên vin vào những sai lầm và lệch lạc đã phạm phải trong các nông trang tập thể mà rời bỏ nông trang. Sai lầm, thì cần phải ở lại trong nông trang tập thể để cùng chung sức sửa chữa. Những sai lầm đó càng dễ dàng sửa chữa được khi mà chính quyền xô-viết sẽ đưa toàn lực ra chống lại những sai lầm đó.

Lê-nin nói :

Lối kinh doanh quy mô nhỏ, trong chế độ sản xuất hàng hóa, *không thể* giải phóng được nhân loại khỏi cảnh quần chúng bị khốn cùng và bị áp bức. (« Nhiệm vụ của giai cấp vô sản trong cuộc cách mạng của chúng ta », t. XX, tr. 122.)

Lê-nin nói :

Không thể thoát khỏi cảnh bần cùng bằng nền sản xuất nhỏ được. (Diễn văn tại hội nghị lần thứ nhất của nước Cộng hòa xô-viết liên bang xã hội chủ nghĩa Nga về công tác nông thôn, ngày 18 tháng Một 1919, t. XXIV, tr. 540).

Lê-nin nói :

Nếu chúng ta cứ tự giam hãm mình như xưa trong những doanh nghiệp nhỏ bé, thì dù chúng ta có là những công dân tự do trên một miếng đất tự do đi nữa, thì nhất định chúng ta cũng vẫn không tránh khỏi nguy cơ bị tiêu diệt. (Diễn văn về vấn đề ruộng đất tại Đại hội lần thứ nhất các đại biểu nông dân Nga, ngày 4 tháng Sáu (22 tháng Năm) 1917, t. XX, tr. 417)

Lê-nin nói :

Chỉ có lao động chung, lao động bằng ác-ten, lao động bằng tập đoàn hợp tác, thì chúng ta mới thoát khỏi con đường bế tắc mà chiến tranh đế quốc đã dồn chúng ta vào. (Diễn văn tại hội nghị lần thứ nhất của nước Cộng hòa xô viết liên bang xã hội chủ nghĩa Nga về công tác nông thôn, ngày 18 tháng Một 1919, t. XXIV, tr. 537.)

Lê-nin nói :

Cần phải chuyển sang lối canh tác tập thể trên các nông trường kiểu mẫu lớn, không thế thì không thể thoát khỏi tình

trạng suy sụp, tình trạng thật là nguy khốn hiện nay của nước Nga. (Diễn văn tại Đại hội lần thứ nhất các đại biểu nông dân Nga, ngày 4 tháng Sáu (22 tháng Năm) 1917, t. XX, tr. 418.)

Tất cả những lời nói đó có nghĩa gì?

Có nghĩa là nông trang tập thể là phương sách *duy nhất* khiến nông dân có thể thoát khỏi cảnh bần cùng và dốt nát.

Rõ ràng là những nông dân đã rời bỏ nông trang tập thể là đã hành động không đúng.

Lê-nin nói:

Qua toàn bộ sự hoạt động của chính quyền xô-viết, dĩ nhiên là tất cả các đồng chí đều biết rằng, chúng ta đã *hết sức coi trọng* đến như thế nào các công xã, các ác-ten và, nói chung, tất cả các tổ chức nhằm cải tạo, nhằm góp phần dần dần cải tạo nền tiểu kinh tế nông dân cá thể thành một nền kinh tế tập thể, canh tác bằng tập đoàn hợp tác hay bằng ác-ten *. (Diễn văn tại Đại hội các công xã và ác-ten nông nghiệp lần thứ nhất, ngày 4 tháng Chạp 1919, t. XXIV, tr. 579.)

Lê-nin nói:

Chính quyền xô-viết rõ ràng đã *ưu đãi* các công xã và tập đoàn hợp tác mà nó đã đặt lên *hàng đầu* *. (*Cách mạng vô sản và tên phản bội Cau-sky*, t. XXIII, tr. 399.)

Điều đó nghĩa là thế nào?

Điều đó có nghĩa là chính quyền xô-viết sẽ cho nông trang tập thể được nhiều sự dễ dàng và thuận lợi hơn là các kinh doanh cá thể. Nghĩa là chính quyền xô-viết sẽ cho các nông trang tập thể hưởng nhiều sự dễ dàng về mặt phân phối ruộng đất, cung cấp máy móc, máy kéo, hạt giống lúa mì v.v..., và về phương diện giảm thuế cũng như cho vay vốn liếng.

---

* Do tôi gạch dưới. *J. Sta-lin.*

Tại sao chính quyền xô-viết lại cho các nông trang tập thể nhiều sự dễ dàng và nhiều thuận lợi như thế?

Vì nông trang tập thể là phương sách duy nhất để giải thoát nông dân khỏi cảnh bần cùng.

Vì cho các nông trang tập thể nhiều thuận lợi là cách giúp đỡ có hiệu quả nhất đối với bần nông và trung nông.

Gần đây, chính quyền xô-viết đã quyết định *miễn* mọi thứ thuế *trong hai năm*, đối với tất cả những súc vật dùng để canh tác (ngựa, bò, v.v...) đã được tập thể hóa trong các nông trang tập thể, đối với tất cả những bò lấy sữa, lợn, cừu và gia súc, bất cứ là những gia súc đó thuộc quyền sở hữu chung của nông trang tập thể hay thuộc quyền sở hữu cá nhân của các hội viên nông trang tập thể.

Ngoài ra, chính quyền xô-viết cũng đã quyết định *gia hạn* cho các hội viên nông trang đến cuối năm mới phải trả những món nợ của quỹ tín dụng và *bãi bỏ* tất cả những tiền phạt và các lệ phạt đã quyết định trước ngày mồng Một tháng Tư, đối với các hội viên nông trang tập thể.

Cuối cùng, chính quyền xô-viết đã quyết định là trong năm nay nhất định sẽ cho các nông trang tập thể vay 500 triệu rúp.

Những sự dễ dàng đó sẽ giúp đỡ cho các nông dân hội viên nông trang tập thể. Những sự dễ dàng đó sẽ giúp đỡ cho những nông dân hội viên nông trang tập thể nào đã cương quyết không rút khỏi nông trang tập thể, đã được tôi luyện trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù của nông trang tập thể, đã biết bảo vệ nông trang tập thể và giữ vững lá cờ vĩ đại của phong trào tập thể hóa nông nghiệp. Những sự dễ dàng đó sẽ giúp đỡ cho các hội viên nông trang, bần nông và trung nông, hiện

nay đang làm nòng cốt trong nông trang tập thể của chúng ta, sẽ củng cố và gắn chặt các nông trang tập thể của chúng ta và sẽ thu hút hàng triệu và hàng triệu nông dân đi theo chủ nghĩa xã hội. Những sự dễ dàng đó sẽ giúp các nông dân hội viên nông trang tập thể, hiện nay là cán bộ chủ chốt của nông trang tập thể và hoàn toàn xứng đáng được mệnh danh là những anh hùng của phong trào tập thể hóa.

Những nông dân đã ra khỏi nông trang tập thể sẽ *không được hưởng* những sự dễ dàng đó.

Rõ ràng là những nông dân đã ra khỏi nông trang tập thể thì đã phạm phải một sai lầm.

Rõ ràng là họ chỉ có thể được hưởng những sự dễ dàng đó, khi nào họ trở lại nông trang tập thể.

CÂU HỎI THỨ TÁM: *Đối với công xã, thì nên làm như thế nào, có nên giải tán đi không ?*

TRẢ LỜI : Không, không nên một tý nào, không có lý do nào mà lại giải tán nó đi được. Tôi muốn nói đến những công xã thật sự, chứ không phải những công xã chỉ có trên giấy tờ. Ở Liên-xô, trong những vùng ngũ cốc, có nhiều công xã tốt đáng được khuyến khích và ủng hộ. Tôi muốn nói đến những công xã cũ đã đứng vững trong những năm đầy thử thách và đã được tôi luyện trong đấu tranh, do đó mà nó có hoàn toàn đầy đủ lý do để tồn tại. Không nên giải tán những công xã đó, mà phải đem biến thành những ác-ten.

Thành lập và quản lý được các công xã là một việc phức tạp và khó khăn. Các công xã lớn vững chắc chỉ có thể tồn tại và phát triển được nếu có đủ cán bộ đầy kinh nghiệm và những người lãnh đạo đã được thử thách. Nếu chuyển vội vàng từ hình thức ác-ten sang hình thức công xã, thì chỉ có thể đẩy nông dân rời khỏi phong

trào tập thể hóa mà thôi. Vì vậy cần phải tiến hành vấn đề này một cách đặc biệt thận trọng, và không hề được vội vàng. Ác-ten là một hình thức dễ dàng hơn và dễ tiếp nhận hơn đối với quảng đại quần chúng nông dân. Vì vậy hiện nay ác-ten là hình thức phổ biến nhất của phong trào tập thể hóa. Chỉ có dần dần tăng cường và củng cố các ác-ten nông nghiệp thì mới có thể tạo điều kiện thuận tiện cho nông dân tổ chức thành phong trào quần chúng tiến tới công xã được. Nhưng việc đó không thể làm sớm được. Vì vậy công xã là hình thức cao, về sau mới có thể trở thành khâu chính của phong trào tập thể hóa mà thôi.

CÂU HỎI THỨ CHÍN : *Đối với bọn cu-lắc thì nên như thế nào?*

TRẢ LỜI : Cho tới nay chúng ta chỉ nói đến trung nông. Trung nông là đồng minh của giai cấp công nhân, và chính sách của chúng ta đối với họ là phải thân ái. Nhưng đối với cu-lắc thì lại khác. Cu-lắc là kẻ thù của chính quyền xô-viết. Có chúng, thì chúng ta không có và không thể có hòa bình cho chúng ta được. Chính sách của chúng ta đối với cu-lắc là chính sách thủ tiêu bọn đó về mặt giai cấp. Điều đó dĩ nhiên không có nghĩa là chúng ta có thể thủ tiêu cu-lắc ngay một lúc mà xong được. Mà điều đó có nghĩa là chúng ta sẽ tiến hành cách làm sao để bao vây và thủ tiêu chúng đi.

Đối với cu-lắc, Lê-nin đã từng nói như sau :

Bọn cu-lắc là những kẻ bóc lột độc ác nhất, tàn bạo nhất và dã man nhất ; lịch sử các nước khác đã chứng thực rằng chúng đã nhiều lần khôi phục lại chính quyền của bọn địa chủ, bọn Nga hoàng, bọn giáo chủ và bọn tư bản. Bọn cu-lắc đông hơn bọn đại địa chủ và tư bản. Tuy nhiên chúng chỉ là một thiểu số trong nhân dân... Trong chiến tranh, bọn uống máu đó đã làm giàu trên sự nghèo khổ của nhân dân, chúng đã vét bạc vạn bạc triệu, bằng cách tăng giá lúa mì và các sản phẩm

khác. Bọn rắn độc đó đã trở nên giàu sụ trên lưng nông dân bị phá sản vì chiến tranh và trên sự đói khổ của công nhân. Người công nhân trong các thành phố và nhà máy càng đói khổ, thì những con dỉa đó càng hút được nhiều máu của người lao động và chúng càng làm giàu thêm. Loài hút máu đó đã từng và hiện đang chiếm đoạt những đất đai phong kiến, chúng vẫn đang tiếp tục nô dịch mãi nông dân nghèo. («Các đồng chí công nhân! Hãy tiến đến trận đánh cuối cùng và quyết định!», t. XXIII, tr. 206—207.)

Áp dụng một chính sách hạn chế những xu hướng bóc lột của bọn uống máu đó, của bọn rắn độc và bọn hút máu đó là chúng ta đã dung thứ cho chúng. Chúng ta đã dung thứ cho chúng, vì trước kia chúng ta không có gì để thay thế cho những cơ sở kinh tế của cu-lắc, thay thế cho sự sản xuất của cu-lắc cả. Bây giờ chúng ta đã có khả năng thay thế, một cách có lợi, kinh tế của chúng bằng kinh tế nông trang tập thể của chúng ta, và bằng các nông trường quốc doanh của chúng ta. Hiện nay không có một lý do nào để có thể dung thứ cho bọn rắn độc và bọn uống máu đó lâu hơn nữa. Dung thứ lâu hơn nữa cho bọn rắn độc đó, bọn uống máu đó, bọn đã đốt phá nông trang tập thể, ám sát những chiến sĩ nông trang tập thể và tìm cách phá hoại những vụ gieo giống, tức là làm trái với lợi ích của công nhân và nông dân.

Cho nên chính sách thủ tiêu giai cấp cu-lắc phải được áp dụng với tất cả tinh thần ráo riết và tinh thần triệt để vốn có của những người bôn-sê-vích.

CÂU HỎI THỨ MƯỜI: *Nhiệm vụ thực tiễn trước mắt của các nông trang tập thể là gì?*

TRẢ LỜI: Nhiệm vụ thực tiễn trước mắt của các nông trang tập thể là đấu tranh để thực hiện những vụ gieo giống, để mở rộng đến mức tối đa diện tích gieo giống, để tổ chức tốt những vụ gieo giống.

Hiện nay tất cả những nhiệm vụ khác của nông trang tập thể đều phải phù hợp với nhiệm vụ gieo giống.

Hiện nay tất cả những công tác khác của nông trang tập thể là phải tùy thuộc theo công tác tổ chức gieo giống.

Điều đó có nghĩa là nông trang tập thể và lớp cán bộ tích cực ngoài Đảng của nó được vững vàng hay không, các người lãnh đạo nông trang tập thể và cái nòng cốt bôn-sê-vích của các nông trang đó có những khả năng gì, không phải sẽ được chứng thực bằng những nghị quyết ồn ào và bằng những bài diễn văn thật kêu, mà bằng việc làm, tùy theo công việc tổ chức các vụ gieo giống có tốt hay không.

Nhưng muốn làm tròn được nhiệm vụ thực tiễn đó một cách vẻ vang, thì cần phải hướng cho cán bộ nông trang tập thể chú trọng đến các vấn đề *kinh tế* trong việc tổ chức nông trang tập thể, chú trọng đến những vấn đề thuộc cơ cấu *bên trong* của các nông trang đó.

Cho đến trong thời gian gần đây, cán bộ nông trường vẫn chỉ quan tâm chủ yếu đến việc chạy theo những con số tập thể hóa cao, chứ không muốn thấy chỗ khác nhau giữa tập thể hóa thật sự và tập thể hóa trên giấy tờ. Bây giờ cần phải gạt bỏ cái tâm lý say mê theo những con số đó đi. Bây giờ cán bộ nông trang phải tập trung sự chú ý vào việc *củng cố* các nông trang tập thể, vào việc làm cho cơ cấu các nông trang được *hoàn thiện*, và vào việc *tổ chức* công tác thực tiễn trong các nông trang tập thể.

Cho đến thời gian gần đây, cán bộ nông trang tập thể vẫn chỉ chú ý đến việc tổ chức ra các đơn vị tập thể lớn, đến việc tổ chức ra những cái mà người ta gọi là «những cái khổng lồ», «những cái khổng lồ» mà thường hay biến thành những cơ quan quan liêu cồng

kềnh không có gốc rễ kinh tế trong các thôn xóm. Thành thử công tác bề ngoài thì lại đã choán mất công tác thực tế. Bây giờ cần phải đoạn tuyệt với tâm lý ham chuộng hình thức bề ngoài đó đi. Bây giờ cán bộ phải chú ý đến công tác kinh tế và công tác tổ chức trong các nông trang tập thể ở thôn xóm. Khi công tác đó đã có kết quả rồi, thì «những cái khổng lồ» tự nó sẽ xuất hiện.

Cho đến nay, chúng ta vẫn chưa quan tâm đầy đủ đến việc lôi kéo trung nông vào công tác quản trị các nông trang tập thể. Thế mà trong số trung nông đó lại có những người cày ruộng giỏi, họ có thể thành những chiến sĩ nông nghiệp xuất sắc trong sự nghiệp kiến thiết nông trang tập thể. Hiện nay cần phải bổ cứu chỗ thiếu sót đó trong công tác của chúng ta. Nhiệm vụ hiện nay là phải thu hút bộ phận ưu tú trong từng lớp trung nông vào công tác quản trị nông trang tập thể, là phải để cho họ phát triển khả năng của mình trong lãnh vực đó.

Cho đến thời gian gần đây, người ta vẫn chưa chú ý đầy đủ đến công tác trong phụ nữ nông dân. Thời kỳ vừa qua đã chứng minh rằng công tác phụ nữ nông dân, ở nước ta, là nhược điểm lớn nhất trong hoạt động của chúng ta. Vì vậy hiện nay cần phải kiên quyết và dứt khoát thanh toán nhược điểm đó.

Cho đến thời gian gần đây, những người cộng sản trong nhiều vùng đã cho rằng họ có thể tự mình giải quyết được tất cả những vấn đề liên quan đến việc kiến thiết các nông trang tập thể. Xuất phát từ quan điểm đó, họ vẫn chưa quan tâm đầy đủ đến sự cần thiết phải thu hút những người ngoài đảng vào công tác phụ trách trong các nông trang tập thể, đến việc cần thiết phải đưa những người ngoài đảng vào công tác quản trị,

phải tổ chức một đội ngũ rộng lớn gồm các chiến sĩ tích cực ngoài đảng. Lịch sử Đảng ta đã chứng minh — và thời kỳ vừa qua của việc thành lập các nông trang tập thể đã chứng minh một lần nữa — rằng một lập trường như thế là căn bản sai lầm. Nếu những người cộng sản mà lại tự thu mình vào trong vỏ ốc, nếu họ tự cô lập với những người ngoài đảng bằng một bức tường, thì họ sẽ làm tổn hại đến tất cả sự nghiệp của mình. Nếu người cộng sản đã có thể chiến thắng rực rỡ trong những trận chiến đấu cho chủ nghĩa xã hội, và nếu kẻ thù của chủ nghĩa cộng sản đã bị đánh bại, thì một trong những lý do chính là vì những người cộng sản đã biết làm cho các phần tử ưu tú trong những người ngoài đảng tham gia công tác; chính vì họ đã biết tận dụng lực lượng của các tầng lớp rộng lớn của những người ngoài đảng; chính vì họ đã biết tập hợp chung quanh Đảng mình một đội ngũ rộng lớn các chiến sĩ tích cực ngoài đảng. Hiện nay, cần phải kiên quyết và không do dự trừ bỏ hẳn nhược điểm đó trong công tác của chúng ta đối với những người ngoài đảng.

Sửa chữa những thiếu sót đó trong công tác của chúng ta, triệt để thanh toán những thiếu sót đó, chính là đưa công tác *kinh tế* của các nông trang tập thể đi vào con đường đúng.

Như vậy:

1. Nhiệm vụ là phải tổ chức tốt các vụ gieo giống.

2. Biện pháp để giải quyết nhiệm vụ trên là phải tập trung sức lực vào những nhiệm vụ kinh tế của phong trào tập thể hóa.

Sự thật, số 92, ngày 3 tháng Tư 1930.

Sta-lin: Những vấn đề chủ nghĩa Lê-nin, Pháp văn, Nhà xuất bản ngoại văn, Mạc-tư-khoa, 1951, tr. 468—492.

BÁO CÁO CHÍNH TRỊ CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG TẠI ĐẠI HỘI XVI CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN (B) LIÊN-XÔ

27 tháng Sáu 1930

(TRÍCH)

. . . .

4. NÔNG NGHIỆP VÀ VẤN ĐỀ NGŨ CỐC

Trên đây, tôi đã nói về tình trạng của toàn bộ nông nghiệp, trong đó gồm cả kinh tế lâm nghiệp, ngư nghiệp v.v..., mà không chia nhỏ nền nông nghiệp thành những ngành chủ yếu. Nếu ta để riêng những ngành chủ yếu của toàn bộ nền nông nghiệp như ngành trồng ngũ cốc, chăn nuôi và các ngành trồng cây công nghiệp, thì theo các số liệu của Cục kế hoạch và của Bộ dân ủy Nông nghiệp Liên-xô, tình hình sẽ thể hiện như sau :

a) Nếu giả sử diện tích *gieo giống ngũ cốc* năm 1913 là 100, thì hàng năm tình hình tăng giảm diện tích gieo giống ấy sẽ diễn biến như sau : 1926-27 là 96,9% ; 1927-28, 94,7% ; 1928-29, 98,2%, và theo tất cả các số liệu thì năm 1929-30 này, diện tích gieo giống sẽ lên tới 105,1% so với mức trước chiến tranh.

Điều đáng chú ý là diện tích gieo giống ngũ cốc trong năm 1927-28 bị giảm sút. Nguyên nhân sự giảm sút đó không phải do việc trồng ngũ cốc sụt dần xuống, như bọn ngu dốt trong phe cơ hội chủ nghĩa hữu khuynh đã chỉ trích bậy bạ, mà là do việc gieo giống vụ thu bị tổn thất tới 7.700.000 éc-ta (tức là 20% diện tích gieo giống vụ thu của Liên-xô).

Tiếp đó, nếu ta lấy *tổng* sản lượng ngũ cốc năm 1913 là 100, thì chúng ta sẽ thấy tình hình như sau: năm 1927 là 91,9% ; năm 1928, 90,8% ; năm 1929, 94,4% ; và theo tất cả các số liệu thì năm 1930, chúng ta sẽ đạt tới 110% so với con số trước chiến tranh.

Ở đây nữa, điều đáng chú ý là sự giảm sút tổng sản lượng ngũ cốc trong năm 1928, mà nguyên nhân là do việc gieo giống vụ thu ở U-cơ-ren và ở vùng bắc Cô-ca-dơ bị thiệt hại.

Còn nói về phần ngũ cốc trong tổng sản lượng ngũ cốc, *đem bán ra thị trường* (tức đem bán ra ngoài thôn xóm) thì tình hình lại còn đáng chú ý hơn nữa. Nếu giả sử cái phần ngũ cốc đem bán năm 1913 là 100, thì năm 1927 phần đó là 37% ; năm 1928, 36,8% ; năm 1929, 58% ; và theo tất cả các số liệu thì trong năm 1930 này, chúng ta sẽ có được ít nhất là 73% so với mức trước chiến tranh.

Như thế là đối với diện tích gieo giống và tổng sản lượng ngũ cốc, thì chúng ta đã đạt được con số trước chiến tranh và trong năm 1930 này, chúng ta chỉ mới vượt được con số đó ít thôi.

Tiếp đó, như thế là về sản lượng ngũ cốc *hàng hóa*, chúng ta còn xa mới đạt được con số trước chiến tranh, và cả năm nay nữa, so với con số đó, chúng ta cũng còn kém chừng 25%.

Đó là căn nguyên những khó khăn của chúng ta về phương diện lúa mì, những khó khăn đã trở nên đặc biệt trầm trọng năm 1928.

Đó cũng là căn nguyên của vấn đề ngũ cốc nữa.

b) Trong lĩnh vực *chăn nuôi*, ta cũng thấy một tình hình tương tự như thế, nhưng với những dấu hiệu đáng lo ngại hơn.

Nếu năm 1926, giả sử số gia súc thuộc từng loại là 100, thì hàng năm, tình hình sẽ như sau. Năm 1927 số ngựa là 88,9% so với mức trước chiến tranh; số bò, 114,3%; số cừu và dê, 119,3%; số lợn, 111,3%. Năm 1928 số ngựa là 94,6%; số bò, 118,5%; số cừu và dê, 126%; số lợn, 126,1%. Năm 1929 số ngựa là 96,9%; số bò, 115,6%; số cừu và dê, 127,8%; số lợn, 103%. Năm 1930 số ngựa là 88,6%; số bò, 89,1%; số cừu và dê, 87,1%; số lợn, 60,1%; so với con số năm 1916.

Như các đồng chí đều thấy, nếu xét theo các số liệu trong năm qua, thì ta nhận thấy ngành chăn nuôi có những dấu hiệu rõ rệt là đã giảm sút.

Về mặt *tăng gia* súc vật *để bán*, nhất là về thịt và mỡ, thì tình hình lại càng kém khả quan hơn nữa. Nếu giả sử tổng sản lượng thịt và mỡ hàng năm là 100, thì sản lượng thịt và mỡ đem bán sẽ như sau: năm 1926 là 33,4%; năm 1927, 32,9%; năm 1928, 30,4%; năm 1929, 29,2%.

Như thế là chúng ta nhận thấy có những dấu hiệu rõ rệt về tình trạng không ổn định và không được đảm bảo về mặt kinh tế trong ngành chăn nuôi nhỏ sản xuất được ít hàng hóa.

Do đó, đáng lẽ chúng ta vượt được tiêu chuẩn chăn nuôi năm 1916, thì năm vừa qua chúng ta lại thấy có những dấu hiệu giảm sút rõ rệt, so với con số đó.

Như vậy là sau vấn đề ngũ cốc mà, trên những nét lớn, chúng ta đã giải quyết một cách có kết quả rồi, thì vấn đề thịt lại được đặt ra trước mắt chúng ta, vấn đề mà ngay từ bây giờ, tính chất khẩn trương của nó đã biểu lộ ra và đang đòi hỏi phải được giải quyết.

c) Sự phát triển việc trồng cây *công nghiệp* để cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp nhẹ của chúng ta lại cho ta thấy một tình hình khác. Nếu giả định rằng *diện tích* trồng cây công nghiệp trong năm 1913 là 100, thì chúng ta đạt được: về *bông* năm 1927 là 107,1%; năm 1928, 131,4%; năm 1929, 151,4%; năm 1930, 217% so với mức trước chiến tranh; về *lanh* năm 1927 là 86,6%; năm 1928, 95,7%; năm 1929, 112,9%; năm 1930, 125% so với mức trước chiến tranh; về *củ cải đường* năm 1927 là 106,6%; năm 1928, 124,2%; năm 1929, 125,8%; năm 1930, 169% so với mức trước chiến tranh; về *cây có dầu* năm 1927 là 179,4%; năm 1928, 230,9%; năm 1929, 219,7%; năm 1930 ít nhất là 260% so với mức trước chiến tranh.

Trên những nét lớn thì *tổng sản lượng* của ngành trồng cây công nghiệp thể hiện một tình hình cũng thuận lợi như thế. Nếu giả sử tổng sản lượng năm 1913 là 100 thì chúng ta đạt được: về *bông* năm 1928 là 110,5%; năm 1929, 119%; năm 1930, theo tất cả các số liệu, thì chúng ta sẽ đạt được 182,8% so với mức trước chiến tranh; về *lanh* năm 1928 là 71,6%; năm 1929, 81,5%; năm 1930, theo tất cả các số liệu thì chúng ta sẽ đạt được 101,3% so với mức trước chiến tranh; về *củ cải đường* năm 1928 là 93%; năm 1929, 58%, và trong năm 1930, theo tất cả các số liệu, thì chúng ta sẽ đạt được 139,4% so với mức trước chiến tranh; về *cây có dầu* năm 1928 là 161,9%; năm 1929, 149,8%; và

trong năm 1930, theo tất cả các số liệu, thì chúng ta sẽ đạt được 220% so với mức trước chiến tranh.

Như vậy là đối với việc trồng cây công nghiệp, thì tình hình thuận lợi hơn, nếu chúng ta không kể tới vụ thu hoạch củ cải đường, năm 1929, bị thiệt hại vì loài sâu ăn đêm *.

Vả lại, ở đây nữa, trong lĩnh vực trồng cây công nghiệp, do nền kinh tế nhỏ chiếm ưu thế nên sau này có thể và chắc chắn sẽ xảy ra những sự bấp bênh nghiêm trọng và những biểu hiện không ổn định giống như những sự bấp bênh và những biểu hiện không ổn định mà các con số về sợi lanh và cây có dầu ở trên đã chứng minh, những sự bấp bênh và những biểu hiện không ổn định này ít được các nông trang tập thể và nông trường quốc doanh ảnh hưởng đến nhất.

Cho nên về nông nghiệp, những vấn đề đặt ra cho chúng ta là :

1. Vấn đề củng cố tình hình trồng cây công nghiệp, bằng cách bảo đảm cho những miền trồng các thứ cây đó có đủ một số ngũ cốc với giá rẻ.

2. Vấn đề phục hồi chăn nuôi và giải quyết vấn đề thịt, bằng cách bảo đảm cho những miền chăn nuôi đó có đủ một số ngũ cốc và cỏ khô với giá rẻ.

3. Vấn đề trồng ngũ cốc là vấn đề cần phải được giải quyết triệt để vì nó là vấn đề chủ yếu của nông nghiệp hiện nay.

Do đó, vấn đề ngũ cốc là khâu chủ yếu trong hệ thống nông nghiệp, và là then chốt có thể giải quyết được tất cả các vấn đề khác của nền nông nghiệp đó.

---

* *La phalène. (N.D.)*

Do đó việc giải quyết vấn đề ngũ cốc là vấn đề đầu tiên trong toàn bộ các vấn đề khác của nền nông nghiệp mà chúng ta cần phải giải quyết.

Nhưng giải quyết vấn đề ngũ cốc và do đó hướng nông nghiệp đi vào con đường phát triển mạnh mẽ, tức là thanh toán triệt để tình trạng lạc hậu của nông nghiệp, là trang bị cho nông nghiệp những máy kéo và máy móc nông nghiệp, là cung cấp cho nó những cán bộ mới gồm các nhà công tác khoa học, là nâng cao năng suất lao động và phải tăng thêm việc sản xuất hàng hóa. Nếu không có những điều kiện đó thì không thể nghĩ đến việc giải quyết được vấn đề ngũ cốc đâu.

Có thể thực hiện được tất cả những điều kiện đó trên cơ sở nền kinh tế nhỏ của nông dân cá thể không? Không, không thể được. Không thể được, vì nền kinh tế nhỏ của nông dân cá thể không thể tiếp thu cũng như không thể nắm được kỹ thuật mới, không thể nâng cao năng suất lao động và tăng thêm việc sản xuất hàng hóa nông nghiệp đến một mức độ cần thiết được. Chỉ còn có một con đường, con đường nông nghiệp *tập trung**, con đường xây dựng những doanh nghiệp lớn, được trang bị bằng kỹ thuật hiện đại.

Nhưng Liên-xô không thể đi vào con đường tổ chức các doanh nghiệp lớn *tư bản chủ nghĩa* được. Nó chỉ có thể và cũng chỉ nên tiến hành việc tổ chức những doanh nghiệp lớn kiểu *xã hội chủ nghĩa*, được trang bị bằng kỹ thuật mới. Ở nước ta những doanh nghiệp này là các *nông trường quốc doanh* và *nông trang tập thể*.

Do đó, nhiệm vụ là phải thành lập các nông trường quốc doanh và tập hợp các doanh nghiệp nhỏ của nông

---

* *concentration*. Bản Trung văn: *khuếch đại nông nghiệp quy mô* (N.D.)

dân cá thể thành các doanh nghiệp tập thể lớn, con đường *độc nhất* để giải quyết vấn đề nông nghiệp nói chung, vấn đề ngũ cốc nói riêng.

Chính trên con đường đó mà, sau Đại hội lần thứ XV, nhất là vào đầu năm 1928, sau khi xảy ra những khó khăn nghiêm trọng về lúa mì, Đảng ta đã đi vào công tác thực tiễn hàng ngày của mình.

Cần chú ý rằng vấn đề chủ yếu đó, ngay tại Đại hội lần thứ XV, Đảng ta đã coi nó như là nhiệm vụ thực tiễn trước mắt rồi, trong lúc chúng ta còn chưa có những sự khó khăn nghiêm trọng về lúa mì. Trong nghị quyết mà mọi người đều biết của Đại hội lần thứ XV bàn về « Công tác nông thôn » đã có nói rõ rằng:

« Trong giai đoạn hiện nay, nhiệm vụ tập hợp và cải tạo các cơ sở kinh tế nhỏ của nông dân cá thể thành các cơ sở tập thể lớn phải được đặt ra thành *nhiệm vụ cơ bản* của Đảng ở nông thôn. »

Có lẽ chẳng phải là vô ích khi trích dẫn cũng một đoạn nói về vấn đề trên ở trong báo cáo về hoạt động của Ban Chấp hành trung ương tại Đại hội lần thứ XV; tại đấy vấn đề dựa vào sự tập thể hóa mà giải quyết tình trạng lạc hậu của nông nghiệp đã được đặt ra một cách cũng rõ ràng và cũng chính xác như thế. Bản báo cáo đã nói như sau:

« Vậy thì lối thoát là ở chỗ nào? Lối thoát là ở chỗ chuyển những cơ sở kinh tế nhỏ phân tán của nông dân thành những cơ sở kinh tế lớn thống nhất, dựa trên chế độ canh tác chung, là ở chỗ chuyển sang chế độ canh tác tập thể, trên cơ sở một nền kỹ thuật mới và cao.

Lối thoát là ở chỗ tập hợp dần dần, nhưng liên tục, những nông hộ nhỏ và rất nhỏ của nông dân, — *không phải bằng cách dùng áp lực mà là bằng cách dùng những sự việc thực tế để giáo dục và bằng thuyết phục,* — thành những cơ sở kinh tế lớn dựa trên chế độ canh tác chung, bằng lối hợp tác, bằng lối tập thể,

bằng cách sử dụng những máy móc nông nghiệp và máy kéo, bằng cách áp dụng những phương pháp khoa học trong việc phát triển nông nghiệp.

Ngoài ra tuyệt không còn lối thoát nào khác.»

5. BƯỚC CHUYỂN BIẾN CỦA NÔNG DÂN ĐẾN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ NHỊP ĐỘ PHÁT TRIỂN CỦA VIỆC XÂY DỰNG CÁC NÔNG TRƯỜNG QUỐC DOANH VÀ NÔNG TRANG TẬP THỂ

Bước chuyển biến của giai cấp nông dân đến tập thể hóa không phải chỉ làm một lần mà xong ngay được. Vả lại, bước chuyển biến đó không thể làm ngay trong một lúc được. Đành rằng, ngay từ Đại hội lần thứ XV, khẩu hiệu tập thể hóa đã được Đảng tuyên bố ra rồi. Nhưng muốn cho giai cấp nông dân hướng hàng loạt theo chủ nghĩa xã hội, thì tuyên bố một khẩu hiệu vẫn chưa phải là đủ. Muốn thực hiện một bước chuyển biến, thì ít ra cũng cần phải có một điều kiện nữa là bản thân quần chúng nông dân phải hiểu được sự đúng đắn của khẩu hiệu đã tuyên bố và tiếp nhận khẩu hiệu đó như là khẩu hiệu của chính mình. Bởi thế bước chuyển biến đó đã được chuẩn bị một cách tuần tự.

Bước chuyển biến đó đã được chuẩn bị bằng suốt cả quá trình phát triển của chúng ta, bằng suốt cả quá trình phát triển công nghiệp của chúng ta và, trước hết là của công nghiệp cung cấp máy móc và máy kéo cho nông nghiệp. Bước chuyển biến đó đã được chuẩn bị bằng chính sách đấu tranh kiên quyết chống bọn cu-lắc và tiến trình những việc thu mua lúa mì của chúng ta theo những hình thức mới, trong năm 1928 và 1929, khiến cho kinh tế của bọn cu-lắc phải chịu dưới quyền kiểm soát của quần chúng nông dân nghèo và

trung nông. Bước chuyển biến đó đã được chuẩn bị bằng sự phát triển hợp tác hóa nông nghiệp, làm cho nông dân cá thể quen với việc quản lý tập thể. Bước chuyển biến đó đã được chuẩn bị bằng hệ thống các nông trang tập thể, trong đó người nông dân sẽ nghiệm thấy được tính ưu việt của những hình thức kinh tế tập thể so với kinh tế cá thể. Sau hết, bước chuyển biến đã được chuẩn bị bằng hệ thống nông trường quốc doanh rải rác trong toàn Liên-xô và được trang bị bằng một nền kỹ thuật mới, mà ở trong đó người nông dân có thể thấy rõ sức mạnh và tính ưu việt của nền kỹ thuật mới.

Coi nông trường quốc doanh của chúng ta chỉ là một trong những người cung cấp lúa mì thôi, như thế là sai. Thực ra, với nền kỹ thuật mới của nó, với sự giúp đỡ mà nó đem đến cho nông dân xung quanh, với quy mô chưa từng thấy trong nền kinh tế của nó, các nông trường quốc doanh đã từng là lực lượng lãnh đạo, đã giúp cho sự chuyển biến của quần chúng nông dân được dễ dàng và đã thúc đẩy họ đi vào con đường tập thể hóa.

Phong trào nông trang tập thể có tính chất quần chúng, bao gồm hàng triệu bần nông và trung nông tham gia, đã phát sinh trên cơ sở như thế đấy, phong trào ấy đã bắt đầu vào sáu tháng cuối năm 1929 và đã mở đầu cho giai đoạn chuyển biến lớn trong đời sống nước ta.

Ban Chấp hành trung ương được chuẩn bị đầy đủ, đã dùng những biện pháp nào để đón tiếp và lãnh đạo phong trào đó?

Những biện pháp mà Ban Chấp hành trung ương đã dùng là theo ba đường lối sau đây: tổ chức và giúp vốn cho các nông trường quốc doanh, tổ chức và giúp

vốn cho các nông trang tập thể, sau hết là tổ chức việc chế tạo máy kéo và máy móc nông nghiệp và cung cấp những máy đó cho nông thôn thông qua các trạm máy kéo và máy móc nông nghiệp, các đội máy kéo, v.v...

a) Ngay từ tháng Tư 1928, Bộ Chính trị Ban Chấp hành trung ương đã quyết định tổ chức, trong vòng ba hoặc bốn năm, các *nông trường quốc doanh mới*, làm sao cho các nông trường này, đến hết thời hạn đó, có thể cung cấp được ít nhất là 100 triệu pút lúa mì hàng hóa. Sau đó, nghị quyết này đã được Hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương phê chuẩn. Ta đã tổ chức một Tơ-rớt ngũ cốc chịu trách nhiệm thực hiện nghị quyết đó. Đồng thời, ta đã quyết định củng cố các *nông trường quốc doanh cũ* và mở rộng diện tích trồng trọt của các nông trường đó. Ta đã tổ chức một Tổng cục nông trường quốc doanh chịu trách nhiệm thực hiện nghị quyết đó.

Nên chú ý rằng bọn cơ hội chủ nghĩa trong Đảng ta đã kịch liệt phản đối những quyết định đó. Chúng nói rằng tiền bỏ vào các nông trường quốc doanh là tiền « vứt đi ». Lại cũng có những lời phê bình của những nhà « khoa học », — được các phần tử cơ hội chủ nghĩa trong Đảng ủng hộ, — cho rằng việc tổ chức các nông trường quốc doanh lớn không thể thực hiện được và là điều dại dột.

Nhưng Ban Chấp hành trung ương vẫn tiếp tục noi theo đường lối của mình, và đã đưa nó đến chỗ thành công, bất chấp tất cả mọi cái.

Năm 1927-28, ta đã giúp vốn cho các nông trường quốc doanh (không kể những tài khoản chu chuyển ngắn hạn) là 65,7 triệu rúp. Năm 1928-29 là 185,8 triệu rúp. Sau hết, trong năm nay, là 856,2 triệu rúp. 18.000

máy kéo, tổng cộng là 350.000 mã lực, đã được giao cho các nông trường quốc doanh sử dụng trong thời gian dự định trên.

Kết quả của những biện pháp đó ra sao?

Diện tích *gieo giống* của *Tơ-rớt ngũ cốc* năm 1928-29 là 150.000 éc-ta; năm 1929-30 là 1.060.000 éc-ta; năm 1930-31 diện tích đó sẽ là 4.500.000 éc-ta; năm 1931-32 sẽ là 9 triệu éc-ta; và năm 1932-33, nghĩa là cuối kế hoạch năm năm, diện tích đó sẽ lên đến 14 triệu éc-ta. Diện tích gieo giống của *Tổng cục nông trường quốc doanh*, năm 1928-29 là 430.000 éc-ta; năm 1929-30, 860.000 éc-ta; năm 1930-31 sẽ là 1.800.000 éc-ta; năm 1931-32 sẽ là 2 triệu éc-ta; và năm 1932-33 diện tích đó sẽ lên đến 2.500.000 éc-ta. Diện tích gieo giống của *Tổng cục nông trường quốc doanh U-cơ-ren* năm 1928-29 là 170.000 éc-ta; năm 1929-30, 280.000 éc-ta; năm 1930-31 sẽ lên đến 500.000 éc-ta; và năm 1932-33 sẽ là 720.000 éc-ta. Diện tích gieo giống của *Xô-i-u-xa-kha** (về ngũ cốc) năm 1928-29 là 780.000 éc-ta; năm 1929-30, 820.000 éc-ta; năm 1930-31, diện tích đó sẽ lên đến 860.000 éc-ta; năm 1931-32 sẽ là 980.000 éc-ta và năm 1932-33, 990.000 éc-ta.

Điều đó có nghĩa, một là, cuối kế hoạch năm năm, chỉ riêng Tơ-rớt ngũ cốc cũng sẽ có một diện tích gieo giống ngũ cốc *ngang* với diện tích gieo giống của toàn xứ Ác-giăng-tin hiện nay. *(Vỗ tay)*.

Điều đó có nghĩa, hai là, cuối kế hoạch năm năm, tất cả các nông trường quốc doanh gộp lại sẽ có một

---

* *Soïouzsakhar*: bản Trung văn: *Đường nghiệp tổng cục*. *(N.D.)*

diện tích gieo giống ngũ cốc *nhiều hơn* diện tích gieo giống của toàn xứ Ca-na-đa hiện nay, đến một triệu éc-ta. *(Vỗ tay.)*

Nói về *tổng* sản lượng ngũ cốc và sản lượng ngũ cốc *hàng hóa* trong các nông trường quốc doanh, thì tình hình hàng năm như sau: 1927-28, tổng sản lượng của tất cả các nông trường quốc doanh là 9,5 triệu tạ, mà 6,4 triệu tạ là ngũ cốc hàng hóa; năm 1928-29 là 12,8 triệu tạ, mà 7,9 triệu tạ là ngũ cốc hàng hóa; năm 1929-30, theo tất cả các số liệu, thì chúng ta sẽ có 28,2 triệu tạ, trong đó 18 triệu tạ (108 triệu pút) là ngũ cốc hàng hóa; năm 1930-31 chúng ta sẽ có 71,7 triệu tạ, trong đó 61 triệu tạ (370 triệu pút) là ngũ cốc hàng hóa. Và vân vân.

Đó là những kết quả mà chính sách kiến lập nông trường quốc doanh của Đảng ta đã thu được và hằng mong đợi.

Căn cứ theo nghị quyết tháng Tư 1928 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành trung ương về việc tổ chức các nông trường quốc doanh mới, thì trong năm 1931-32, chúng ta tất sẽ thu được của các nông trường quốc doanh đó ít nhất là 100 triệu pút lúa mì hàng hóa. Thực ra, ngay đến năm 1931-32, chỉ riêng ở các nông trường quốc doanh mới, chúng ta cũng sẽ thu được hơn 200 triệu pút rồi. Như thế là kế hoạch sẽ vượt gấp đôi.

Thành thử những người trước kia đã chế nhạo nghị quyết của Bộ Chính trị Ban Chấp hành trung ương, thì bây giờ hóa ra chính mình lại tự chế nhạo mình một cách đau đớn.

Theo kế hoạch năm năm mà Đại hội các Xô-viết đã thông qua, thì đến cuối kế hoạch năm năm, chúng ta sẽ phải có 5 triệu éc-ta diện tích gieo giống trong tất cả các loại nông trường quốc doanh. Thực tế là, trong

các nông trường quốc doanh, năm nay chúng ta đã có 3, 8 triệu éc-ta rồi và, sang năm, tức là vào năm thứ ba của kế hoạch năm năm, chúng ta sẽ có 8 triệu éc-ta diện tích gieo giống.

Nghĩa là chúng ta đang thực hiện và vượt kế hoạch năm năm xây dựng nông trường quốc doanh chỉ trong ba năm.

Theo kế hoạch năm năm chúng ta phải có, vào cuối thời kỳ năm năm, trong các nông trường quốc doanh, một tổng sản lượng là 54, 3 triệu tạ ngũ cốc. Nhưng thực ra, năm nay chúng ta đã có 28, 2 triệu tạ ngũ cốc rồi và, sang năm, chúng ta sẽ có 71, 7 triệu tạ.

Nghĩa là về tổng sản lượng ngũ cốc thì chúng ta đang thực hiện và vượt kế hoạch năm năm, trong có ba năm.

Hoàn thành kế hoạch năm năm trong ba năm!

Hãy cứ mặc cho bọn bồi bút tư sản và bọn cơ hội chủ nghĩa nịnh hót chúng hiện nay cứ nói ba hoa rằng, trong có ba năm thì không sao thực hiện và vượt kế hoạch năm năm xây dựng nông trường quốc doanh được.

b) Về việc xây dựng các *nông trường tập thể*, thì tình hình còn thuận lợi hơn nữa.

Từ tháng Bảy 1928, Hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương đã thông qua nghị quyết dưới đây về việc xây dựng các nông trường tập thể:

«Hoàn thành đúng đắn nhiệm vụ do Đại hội lần thứ XV đã đặt ra là «tập hợp và cải tạo các cơ sở kinh tế nhỏ của nông dân cá thể thành các cơ sở tập thể lớn», coi đó là những *tổ chức liên hiệp tự nguyện*, dựa trên một nền kỹ thuật mới và tiêu biểu cho hình thức cao của doanh nghiệp ngũ cốc, cả về mặt cải tạo xã hội chủ nghĩa nền nông nghiệp cũng như về mặt đảm bảo triệt để nâng cao hiệu suất nông nghiệp và sản lượng hàng

hóa nông nghiệp.» (Xem nghị quyết « Về chính sách thu mua lúa mì liên quan với tình hình chung về kinh tế » đã được Hội nghị tháng Bảy của toàn Ban Chấp hành trung ương thông qua, 1928)

Sau này, quyết định đó lại được xác nhận trong các nghị quyết của Hội nghị Đảng lần thứ XVI và trong một nghị quyết đặc biệt của Hội nghị toàn Ban Chấp hành trung ương tháng Một 1929 về cuộc vận động nông trang tập thể. Trong nửa cuối năm 1929, khi nông dân đã có một sự chuyển biến căn bản hướng về các nông trang tập thể và khi mà đông đảo quần chúng trung nông đã ồ ạt gia nhập nông trang tập thể, thì ngày 5 tháng Giêng 1930, Bộ Chính trị Ban Chấp hành trung ương đã thông qua một nghị quyết đặc biệt « Về nhịp độ tập thể hóa và những biện pháp của Nhà nước nhằm giúp đỡ xây dựng các nông trang tập thể.»

Trong nghị quyết đó, Ban Chấp hành trung ương:

1. nhận thấy một *sự chuyển biến của quần chúng nông dân* hướng về các nông trang tập thể và nhận thấy có khả năng, đến mùa xuân 1930, có thể vượt kế hoạch năm năm xây dựng các nông trang tập thể;

2. nhận thấy có những điều kiện vật chất và những điều kiện cần thiết khác *để thay thế nền sản xuất của bọn cu-lắc bằng nền sản xuất của các nông trang tập thể*, và do đó mà Ban Chấp hành trung ương tuyên bố là cần phải chuyển chính sách hạn chế bọn cu-lắc sang chính sách tiêu diệt cu-lắc về mặt giai cấp;

3. dự tính là, ngay đến mùa xuân 1930, diện tích gieo giống cày cấy theo nguyên tắc tập thể hóa, phải *vượt quá 30 triệu éc-ta khá nhiều*;

4. chia Liên-xô thành ba loại khu vực, *quy định cho mỗi loại khu vực đó những thời hạn phỏng chừng* để hoàn thành về căn bản việc tập thể hóa;

5. *sửa lại phương thức quy định chế độ ruộng đất* để có lợi cho các nông trường và sửa lại những hình thức cấp vốn cho nông nghiệp, mà ấn định cho các nông trang tập thể, trong năm 1929-30 một tài khoản ít nhất là 500 triệu rúp;

6. xác định rằng *hình thức ác-ten* trong phong trào tập thể hóa, trong lúc này, là *khâu chủ yếu của hệ thống nông trang tập thể;*

7. kiên quyết chống lại những phần tử cơ hội chủ nghĩa trong Đảng, là bọn người toan kìm hãm phong trào tập thể hóa lấy cớ rằng ta đang thiếu máy móc và máy kéo;

8. sau hết, Ban Chấp hành trung ương khuyên các chiến sĩ của Đảng hãy đề phòng những sự quá đáng có thể xảy ra trong cuộc vận động tập thể hóa, và đề phòng nguy cơ có thể dùng mệnh lệnh từ trên xuống mà xây dựng nông trang tập thể, nguy cơ đe dọa biến phong trào nông trang tập thể thực sự và có tính chất quần chúng thành một trò hề về tập thể hóa.

Nên chú ý là nghị quyết đó của Ban Chấp hành trung ương đã làm cho những phần tử cơ hội chủ nghĩa trong Đảng ta càng thù ghét hơn nữa. Có những luận điệu và những lời thì thầm nhằm làm cho người ta tưởng rằng Ban Chấp hành trung ương đã sa vào ảo tưởng, rằng Ban Chấp hành trung ương đã «lãng phí» tiền bạc của nhân dân vì những nông trang tập thể «hữu danh vô thực». Những phần tử hữu khuynh đã xoa tay, khoái trá về bước thất bại «chắc chắn». Song Ban Chấp hành trung ương vẫn kiên trì làm theo đường lối của mình, và đã làm cho đường lối đó đi đến kết quả, bất chấp tất cả, bất chấp những tiếng cười nhạt nhẽo của bọn hữu khuynh, bất chấp cả những sự quá đáng và cái cuồng vọng của bọn «tả».

Năm 1927-28, chúng ta đã quyết định bỏ ra 76 triệu rúp để giúp vốn cho các nông trang tập thể; năm 1928-29 là 170 triệu rúp; sau hết, trong năm nay là 473 triệu rúp. Ngoài ra, 65 triệu rúp đã được bỏ vào ngân quỹ tập thể hóa. Chúng ta đã thỏa thuận để cho các nông trang tập thể hưởng những điều kiện dễ dàng làm tăng thêm nguồn tài chính của nông trang lên 200 triệu rúp. Chúng ta đã giao lại cho các nông trang tập thể những của cải tịch thu được của bọn cu-lắc, trị giá trên 400 triệu rúp. Ít ra là 30.000 máy kéo, mạnh trên 400.000 mã lực, đã được dành cho đồng ruộng của các nông trang tập thể, chưa kể đến 7.000 máy kéo của Tổng cục máy kéo để phục vụ cho các nông trang tập thể, cũng như chưa kể đến sự giúp đỡ về máy kéo của hệ thống nông trường quốc doanh đối với các nông trang tập thể. Năm nay, chúng ta đã cho vay và giúp 10 triệu tạ hạt giống (61 triệu pút) cho các nông trang tập thể. Sau hết chúng ta đã giúp đỡ trực tiếp cho các nông trang tập thể nhằm tổ chức hơn 7.000 cơ sở máy móc do súc vật kéo, những cơ sở này sử dụng ít nhất là 1.300.000 ngựa.

Những biện pháp đó đã đem lại những kết quả gì?

Năm 1927, diện tích gieo giống của các nông trang tập thể là 80 vạn éc-ta; năm 1928, 1, 4 triệu éc-ta; năm 1929, 4, 3 triệu éc-ta; năm 1930 it nhất 36 triệu éc-ta, kể cả diện tích gieo giống mùa xuân và mùa thu.

Điều đó, trước hết, có nghĩa là trong ba năm, diện tích gieo giống của các nông trang tập thể đã tăng hơn bốn mươi lần. *(Vỗ tay.)*

Hai là, điều đó có nghĩa rằng hiện nay các nông trang tập thể của chúng ta có một diện tích gieo giống *ngang* với diện tích gieo giống của nước Pháp và nước Ý gộp lại. *(Vỗ tay.)*

Nói về *tổng* sản lượng ngũ cốc và phần ngũ cốc *hàng hóa* trong tổng sản lượng ấy, thì tình hình là như sau. Năm 1927, các nông trang tập thể đã đem lại cho chúng ta 4, 9 triệu tạ, trong số đó 2 triệu tạ là ngũ cốc hàng hóa ; năm 1928, 8, 4 triệu tạ trong số đó 3, 6 triệu tạ là ngũ cốc hàng hóa ; năm 1929, 29, 1 triệu tạ, mà 12,7 triệu tạ là ngũ cốc hàng hóa ; năm 1930, theo tất cả các số liệu, thì chúng ta sẽ có 256 triệu tạ (1.550 triệu pút), mà ít nhất có 82 triệu tạ là ngũ cốc hàng hóa (hơn 500 triệu pút).

Cần phải thừa nhận rằng không một ngành nào trong công nghiệp chúng ta đang phát triển, nói chung, theo một nhịp độ khá nhanh, lại có được những nhịp độ phát triển phi thường như ngành xây dựng nông trang tập thể.

Tất cả những con số đó chứng minh cái gì ?

Một là, nó chứng minh rằng, trong ba năm, tổng sản lượng ngũ cốc trong các nông trang tập thể đã tăng hơn năm mươi lần, và sản lượng ngũ cốc hàng hóa tăng hơn bốn mươi lần.

Hai là, nó chứng minh rằng, năm nay, chúng ta có khả năng thu được của các nông trang tập thể một số lượng ngũ cốc *hơn một nửa* tổng sản lượng ngũ cốc hàng hóa trong nước.

Ba là, nó chứng minh rằng vận mệnh của nông nghiệp và của những vấn đề cơ bản của nó từ nay sẽ do các nông trang tập thể và nông trường quốc doanh quyết định, chứ không phải do các cơ sở kinh tế của nông dân cá thể quyết định nữa.

Bốn là, nó chứng minh rằng quá trình tiêu diệt bọn cu-lắc về mặt giai cấp đang tiến triển hết sức nhanh chóng ở nước ta.

Sau hết, nó chứng minh rằng trong nước đã có những sự biến đổi về kinh tế rồi, khiến cho chúng ta có đủ lý lẽ để khẳng định rằng chúng ta đã hướng được nông thôn đi vào một con đường mới, vào con đường tập thể hóa, đồng thời chính do đó mà đảm bảo cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội thành công, không những ở thành thị mà cả ở nông thôn nữa.

Trong nghị quyết ngày 5 tháng Giêng 1930, Bộ Chính trị Ban Chấp hành trung ương đã ấn định là chương trình gieo giống vụ xuân năm 1930 của các nông trang tập thể phải đảm bảo được một diện tích là 30 triệu éc-ta cày cấy theo nguyên tắc tập thể hóa. Thực ra, hiện nay chúng ta dự tính có đến 36 triệu éc-ta. Như vậy là vượt kế hoạch của Ban Chấp hành trung ương.

Thành thử những người trước kia đã chế nhạo nghị quyết của Ban Chấp hành trung ương, thì bây giờ chính mình lại tự chế nhạo mình một cách đau đớn. Cả thế lực tự phát tiểu tư sản, lẫn những sự quá đáng đã phạm phải trong phong trào tập thể hóa, cũng chẳng giúp ích gì cho bọn ba hoa cơ hội chủ nghĩa trong Đảng ta cả.

Theo kế hoạch năm năm, chúng ta phải có, vào cuối thời kỳ năm năm, 20,6 triệu éc-ta diện tích gieo giống trong các nông trang tập thể. Thực ra, năm nay, về mặt diện tích gieo giống, chúng ta đã có 36 triệu éc-ta rồi.

Điều đó có nghĩa là trong hai năm, chúng ta đã vượt hơn một lần rưỡi so với kế hoạch năm năm xây dựng các nông trang tập thể. *(Vỗ tay.)*

Theo kế hoạch năm năm, thì vào cuối thời kỳ năm năm, chúng ta phải có trong các nông trang tập thể,

một tổng sản lượng là 190,5 triệu tạ ngũ cốc. Thực ra, ngay năm nay chúng ta sẽ có đến 256 triệu tạ ngũ cốc rồi.

Điều đó có nghĩa là trong hai năm, sản lượng ngũ cốc trong các nông trang tập thể đã vượt kế hoạch năm năm trên 30%.

Kế hoạch năm năm hoàn thành trong hai năm! (Vỗ tay.)

Thôi bây giờ hãy cứ để mặc cho bọn giả mồm cơ hội chủ nghĩa ba hoa cho rằng trong hai năm, không thể thực hiện và vượt mức kế hoạch năm năm xây dựng nông trang tập thể được.

6. VIỆC CẢI THIỆN ĐỜI SỐNG VẬT CHẤT VÀ VĂN HÓA CỦA CÔNG NHÂN VÀ NÔNG DÂN

Như thế, việc khu vực xã hội chủ nghĩa một ngày một tiến dần lên, trong lĩnh vực công nghiệp cũng như trong lĩnh vực nông nghiệp, là một sự thật không thể hoài nghi gì được nữa.

Đứng về phương diện đời sống vật chất của những người lao động mà nói, thì điều đó có thể có ý nghĩa gì?

Điều đó có nghĩa là, chính cũng do đấy mà đã có cơ sở để cải thiện căn bản đời sống vật chất và văn hóa của công nhân và nông dân.

Vì sao? Bằng cách nào?

Một là, vì sự lớn mạnh của khu vực xã hội chủ nghĩa, trước hết có nghĩa là các thành phần bóc lột ở thành thị và nông thôn bị giảm sút, lực lượng của chúng trong nền kinh tế quốc dân cũng bị giảm sút. Như thế có nghĩa là, trong số thu nhập quốc dân của nước ta,

phần thu nhập của công nhân và nông dân tất nhiên phải tăng lên do phần thu nhập của giai cấp bóc lột đã bị giảm xuống.

Hai là, vì sự lớn mạnh của khu vực xã hội hóa (xã hội chủ nghĩa), mà phần thu nhập quốc dân từ trước đến nay vẫn dùng để nuôi sống các giai cấp bóc lột và bọn tôi tớ của chúng, thì từ nay trở đi phải nằm ngay trong nền sản xuất đó, để mở rộng sản xuất, để xây dựng các công xưởng và nhà máy mới, để cải thiện những điều kiện sinh sống của những người lao động. Điều đó có nghĩa là nhân số và lực lượng của giai cấp công nhân phải tăng lên, và nạn thất nghiệp phải giảm đi và biến mất.

Sau hết là, vì sự lớn mạnh của khu vực xã hội chủ nghĩa, — nhờ đó mà đời sống vật chất của giai cấp công nhân được cải thiện, — có nghĩa là khả năng của thị trường trong nước không ngừng tăng tiến, nhu cầu về sản phẩm công nghiệp của công nhân và nông dân sẽ tăng thêm. Như vậy là sự lớn mạnh của thị trường trong nước sẽ vượt nhanh hơn tốc độ lớn mạnh của công nghiệp và sẽ thúc đẩy công nghiệp tiến tới một bước phát triển không ngừng.

Tất cả những trường hợp đó và những trường hợp tương tự làm cho đời sống vật chất và văn hóa của công nhân và nông dân không ngừng được cải thiện.

a) Trước hết hãy nói về vấn đề giai cấp công nhân *tăng thêm số lượng* và vấn đề *giảm bớt nạn thất nghiệp.*

Nếu năm 1926-27, số người lao động làm thuê (trừ những người thất nghiệp) là 10.990.000 người, thì năm 1927-28 tính ra có đến 11.456.000 người; năm 1928-1929 là 11.997.000 và năm 1929-30, theo tất cả các số liệu, thì chúng ta sẽ có một con số không dưới

13.129.000 người. Trong số đó, lao động chân tay (kể cả những công nhân nông nghiệp và những công nhân làm từng mùa) năm 1926-27 tính đến 7.069.000 người; năm 1927-28, 7.404.000; năm 1928-29, 7.758.000; năm 1929-30, 8.533.000 người. Trong số công nhân đó, công nhân đại công nghiệp (trừ nhân viên) năm 1926-27 chiếm con số là 2.439.000 người; năm 1927-28, 2.632.000; năm 1928-29, 2.858.000; năm 1929-30, 3.029.000 người.

Nghĩa là chúng ta thấy có một sự phát triển liên tục về số lượng của giai cấp công nhân, và nếu, trong quá trình 3 năm đó, tỷ lệ những người lao động làm thuê đã tăng 19,5% và tỷ lệ những người lao động chân tay đã tăng 20,7%, thì tỷ lệ công nhân công nghiệp đã tăng đến 24,2%.

Chúng ta hãy nói sang vấn đề *thất nghiệp*. Cần phải nói rằng hiện nay, cả Bộ Lao động lẫn Hội đồng trung ương các Công đoàn Liên-xô đều rất hồ đồ trong lĩnh vực này.

Một mặt, theo những số liệu của các cơ quan này thì chúng ta thấy có gần một triệu người thất nghiệp, trong số đó thì những người lao động tương đối lành nghề chỉ có 14,3%; những người gọi là lao động trí óc và những người lao động không lành nghề chiếm chừng 73%; chúng tôi nói thêm rằng đại đa số những người lao động không lành nghề này gồm những phụ nữ và thiếu niên chưa từng có quan hệ gì đến sản xuất công nghiệp.

Mặt khác, cũng theo các số liệu ấy, chúng ta gặp một tình trạng thiếu một cách ghê gớm những nhân công lành nghề, các Sở giới thiệu người lao động không thể làm thỏa mãn được gần 80% yêu cầu về nhân công trong các xí nghiệp của chúng ta; cho nên

chúng ta bắt buộc phải cấp tốc và tuyệt đối không chút do dự huấn luyện cho những người hoàn toàn không biết qua một nghề gì và đào tạo họ thành những công nhân lành nghề để làm thỏa mãn, dù chỉ với mức tối thiểu, những nhu cầu của các xí nghiệp chúng ta.

Trong sự hỗn độn đó, các đồng chí hãy thử gỡ cho ra mối xem sao. Nhưng dù sao, một điều chắc chắn là những người thất nghiệp ấy không phải là một đạo quân *hậu bị*, hơn nữa cũng không phải là một đạo quân *thường trực* những người thất nghiệp trong nền công nghiệp của chúng ta. Thế là thế nào? Cứ theo ngay các số liệu của Bộ Lao động, thì trong thời gian vừa qua, số người thất nghiệp đã *giảm đi* hơn 700.000 người so với năm ngoái. Điều đó có nghĩa là đến ngày 1 tháng Năm năm nay, số người thất nghiệp đã giảm đi hơn 42%. Vậy đó là một kết quả khác nữa của sự lớn mạnh của khu vực xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế quốc dân của chúng ta.

b) Kết quả đó còn nổi bật hơn nữa, nếu đứng về phương diện phân phối thu nhập quốc dân cho từng giai cấp mà nhận xét tình hình. Vấn đề phân phối thu nhập quốc dân cho từng giai cấp là một vấn đề chủ yếu về mặt đời sống vật chất và văn hóa của công nhân và nông dân. Thật không phải là không có lý do mà những nhà kinh tế tư sản Đức, Anh, Mỹ cố làm rối beng vấn đề đó để có lợi cho giai cấp tư sản, bằng cách luôn luôn công bố những công trình nghiên cứu « hoàn toàn khách quan » của họ về vấn đề đó.

Theo các số liệu của Cục thống kê toàn nước Đức, thì phần tiền lương công nhân trong nền thu nhập quốc dân của nước đó, năm 1929, là 70% và phần của giai cấp tư sản là 30%. Theo các số liệu của Tiểu ban liên bang thương cục và Phòng nghiên cứu kinh tế quốc

gia, thì phần của công nhân trong nền thu nhập quốc dân của Mỹ, năm 1923, chiếm hơn 54%, và phần của bọn tư bản hơn 45% một ít. Sau hết, theo các số liệu của các nhà kinh tế Bao-lây và Stem, thì phần của giai cấp công nhân trong thu nhập quốc dân nước Anh, năm 1924, là dưới 50% một ít, và phần của bọn tư bản thì hơn 50% một ít.

Dĩ nhiên là ta không thể tin vào những kết quả của các cuộc điều tra nghiên cứu đó. Ta không thể tin được công việc đó, vì rằng, ngoài những sai lầm về mặt thuần túy kinh tế, những cuộc điều tra nghiên cứu đó còn có những sai lầm khác nữa, một phần vì mục đích của nó là che giấu và nói bớt những số tiền thu nhập của bọn tư bản, một phần nữa là nó thổi phồng và thêm thắt một cách quá đáng những món thu nhập của giai cấp công nhân, bằng cách liệt kê những công chức được trả lương rất cao vào trong hàng công nhân. Đấy là chưa kể các cuộc điều tra nghiên cứu đó thường không tính đến những món thu nhập của bọn chủ ấp và, nói chung, của bọn tư bản nông thôn.

Đồng chí Vác-ga đã đem phân tích, phê phán những số liệu đó. Và đây là điều mà đồng chí đó đã đạt được. Đồng chí Vác-ga chứng minh rằng phần của công nhân và của những người lao động khác ở thành thị và nông thôn không bóc lột lao động của người khác, ở Đức, chiếm 55% thu nhập quốc dân ; ở Mỹ, 54%; ở Anh 45%; và phần của bọn tư bản ở Đức là 45% ; ở Mỹ, 46% ; ở Anh, 55%.

Đối với các nước tư bản chủ nghĩa lớn nhất thì tình hình cũng như thế.

Và tình hình ở Liên-xô thì thế nào?

Sau đây là những số liệu của Bộ Kế hoạch, chứng minh rằng :

a) Ở nước ta phần của *công nhân và nông dân lao động không bóc lột lao động của người khác*, năm 1927-28, chiếm 75,2% toàn bộ thu nhập quốc dân (kể cả phần của công nhân ở thành thị và nông thôn, 33,3%); năm 1928-29 là 76,5% (kể cả phần của công nhân ở thành thị và nông thôn, 33,2%); năm 1929-30 là 71,1% (kể cả phần của công nhân ở thành thị và nông thôn, 33,5%).

b) Phần của bọn *cu-lắc và bọn tư bản thành thị*, năm 1927-28, chiếm 8,1%; năm 1928-29, 6,5%; năm 1929-30, 1,8%.

c) Phần của những *người thợ thủ công* mà đa số là thành phần lao động, năm 1927-28 là 6,5%; năm 1928-29, 5,4%; năm 1929-30, 4,4%.

d) Phần của *khu vực Nhà nước*, mà những món thu nhập là thuộc của giai cấp công nhân và của quần chúng cần lao nói chung, thì năm 1927-28 là 8,4%; năm 1928-29, 10%; năm 1929-30, 15,2%.

e) Sau hết, cái phần gọi là *khoản linh tinh* (chẳng hạn như các món trợ cấp), thì năm 1927-28 là 1,8%; năm 1928-29, 1,6%; năm 1929-30, 1,5%.

Do đó, người ta thấy rằng, trong lúc *ở các nước tư bản chủ nghĩa tiền tiến, phần của các giai cấp bóc lột trong thu nhập quốc dân*, nếu không phải là nhiều hơn thì cũng *chiếm* chừng 50%, *còn ở Liên-xô, phần của giai cấp bóc lột không chiếm quá 2% thu nhập quốc dân.*

Nói cho đúng ra, điều đó giải thích sự thật hiển nhiên là ở Mỹ, năm 1922, cứ theo lời của nhà văn sĩ tư sản Mỹ *Đen-ni*, thì «bọn hữu sản chiếm tỷ lệ 1% mà lại tập trung trong tay 59% toàn bộ của cải trong nước», và ở Anh, năm 1920-21, — cũng theo lời *Đen-ni*, — thì «gần 2% tổng số bọn hữu sản mà lại nắm quyền sở hữu 64% toàn bộ của cải trong nước». (Xem cuốn sách của *Đen-ni: Mỹ chinh phục nước Anh*)

Những sự thật tương tự như thế có thể xảy ra ở nước ta, ở Liên-xô, ở nước Xô-viết được không? Rõ ràng là không. Đã từ lâu, ở Liên-xô không còn có và không thể có những «bọn hữu sản» như thế nữa.

Nhưng nếu, năm 1929-30, chỉ có chừng 2% thu nhập quốc dân của Liên-xô lọt vào tay các giai cấp bóc lột, vậy phần thu nhập quốc dân còn lại chuyển đi đâu?

Dĩ nhiên là nó nằm trong tay công nhân và nông dân lao động.

Nguồn gốc sức mạnh và nguồn gốc uy tín của chính quyền xô-viết trong hàng triệu nhân dân lao động của giai cấp công nhân và giai cấp nông dân là ở chỗ đó.

Cơ sở của việc nâng cao không ngừng phúc lợi vật chất của công nhân và nông dân Liên-xô là ở chỗ đó.

g) Dưới ánh sáng của những sự thật có tính chất quyết định đó, người ta hoàn toàn hiểu được tại sao tiền lương thực tế của công nhân lại không ngừng tăng lên, tại sao ngân sách bảo hiểm xã hội của công nhân lại tăng thêm, tại sao những cơ sở kinh tế của bần nông và trung nông ngày càng được giúp đỡ thêm, tại sao những món chi vào công cuộc xây dựng nhà ở cho công nhân, vào việc cải thiện điều kiện sinh sống của công nhân, vào việc bảo vệ sản phụ và nhi đồng lại được tăng thêm, và, nhờ đó mà dân số Liên-xô ngày càng tăng và số người chết, nhất là số trẻ con chết yểu, đã được giảm xuống.

Chẳng hạn như, người ta biết rằng *tiền lương thực tế* của công nhân, bao gồm cả những món bảo hiểm xã hội và những món tiền thuế đánh vào lợi tức để bỏ vào quỹ cải thiện điều kiện sinh sống của công nhân, đã lên đến 167% so với mức trước chiến tranh. Chỉ riêng ngân sách bảo hiểm xã hội của công nhân, trong

ba năm vừa qua, cũng đã tăng lên từ 980 triệu rúp trong năm 1927-28 đến 1.400 triệu rúp trong năm 1929-30. Đối với việc bảo vệ sản phụ và nhi đồng, từ ba năm nay (từ 1927-28 đến 1929-30) đã tiêu hết 494 triệu rúp. Cũng trong thời gian đó, mẫu giáo (các vườn trẻ, các nhà giữ trẻ v.v...) đã tiêu hết 204 triệu rúp. Việc xây dựng nhà ở cho công nhân đã tiêu hết 1.880 triệu rúp.

Dĩ nhiên, điều ấy không hề có nghĩa là chúng ta đã làm đủ tất cả mọi việc cần thiết để tăng tiền lương thực tế lên một cách rõ rệt; và cũng không có nghĩa là người ta không thể nâng tiền lương thực tế lên một mức cao hơn. Và sở dĩ việc đó chưa làm được, thì nguyên nhân, nói chung là ở chủ nghĩa quan liêu của bộ máy cung cấp của chúng ta, trước hết và nhất là ở chủ nghĩa quan liêu của các hợp tác xã tiêu dùng. Theo các số liệu của Bộ Kế hoạch, thì khu vực xã hội hóa của ngành nội thương, năm 1929-30, bao gồm hơn 99% về bán buôn và hơn 89% về bán lẻ. Điều đó có nghĩa là hợp tác xã đã không ngừng đánh vào khu vực tư doanh và trở thành độc quyền trong lĩnh vực thương nghiệp. Dĩ nhiên, như vậy là tốt. Nhưng có điều không tốt, là trong nhiều trường hợp, sự độc quyền đó có hại cho những người tiêu dùng. Tuy gần như chiếm địa vị độc quyền thương nghiệp, nhưng hợp tác xã lại thích cung cấp cho công nhân những hàng « bán được lời » nhiều hơn, đem lại những món lãi lớn (tạp hóa, v.v...), và không muốn cung cấp cho công nhân những thứ hàng « bán được lời » ít, dù những hàng này cần thiết cho công nhân hơn (nông sản phẩm). Vì thế mà công nhân bắt buộc phải thỏa mãn gần 25% nhu cầu của mình về nông sản phẩm bằng cách mua những sản phẩm đó trên thị trường tự do với giá đắt. Đó là không kể đến việc bộ máy hợp tác xã chỉ đặc biệt lo cho bảng tính lỗ lãi của mình, cho nên không chịu hạ giá bán lẻ,

mặc dầu đã có những chỉ thị nghiêm ngặt của ban lãnh đạo trung ương. Do đó, người ta thấy rằng trong trường hợp này, hợp tác xã hành động không phải như một khu vực kinh tế xã hội chủ nghĩa, mà như một khu vực kinh tế loại đặc biệt, bị tiêm nhiễm ít nhiều đầu óc của bọn nép-man. Người ta tự hỏi: ai cần một thứ hợp tác xã như thế và việc độc quyền của nó có lợi gì cho công nhân, nếu nó không chú ý cải thiện thích đáng tiền lương thực tế của công nhân?

Mặc dầu như thế, nhưng ở nước ta sở dĩ tiền lương thực tế hàng năm vẫn cứ luôn luôn tăng thêm, thì chính là do trong chế độ chúng ta, chế độ phân phối thu nhập quốc dân và chính sách tiền lương của chúng ta có khả năng làm tê liệt và bổ cứu được tất cả những thiếu sót do các hợp tác xã gây ra.

Nếu ta thêm vào đó nhiều nhân tố khác, như việc đề cao vai trò cung cấp thực phẩm cho nhân dân, việc hạ giá nhà ở cho công nhân, việc cấp thêm nhiều học bổng cho công nhân và con cái công nhân, những công cuộc phục vụ văn hóa v.v.., thì ta có thể nói quả quyết mà không sợ sai rằng việc tăng tiền lương công nhân sẽ chiếm một tỷ lệ phần trăm cao hơn nhiều so với tỷ lệ phần trăm mà ta thấy trong thống kê của một số cơ quan nào đó của chúng ta.

Gộp tất cả những sự việc trên đây lại, cộng với chế độ ngày làm bảy giờ thi hành đối với hơn 830.000 công nhân công nghiệp (33,5%), cộng với chế độ tuần lễ làm năm ngày áp dụng đối với hơn một triệu rưỡi công nhân công nghiệp (63,4%) cộng với hệ thống nhiều nhà nghỉ mát, nhà an dưỡng, nhà điều trị giành riêng cho công nhân, trong đó suốt ba năm qua, đã có hơn 1.700.000 công nhân được lưu trú; tất cả những cái

trên đây đã tạo cho giai cấp công nhân những điều kiện lao động và sinh hoạt cho phép chúng ta đào tạo một thế hệ công nhân mới, cường tráng và sống sung sướng, có khả năng làm cho đất nước xô-viết hùng cường đến mức độ mong muốn và có khả năng lấy thân mình làm một bức thành vững chắc để bảo vệ đất nước chống lại các cuộc xâm lược của kẻ thù. *(Vỗ tay.)*

Nói về sự giúp đỡ nông dân cá thể cũng như giúp đỡ nông dân tập thể, kể cả sự giúp đỡ nông dân nghèo, thì trong ba năm qua (từ 1927-28 đến 1929-30) sự giúp đỡ đó đã chiếm một món tiền ít nhất là 4 triệu rúp, được cấp dưới hình thức tín dụng và tiền trích ở ngân sách Nhà nước. Mọi người đều biết rằng trong ba năm nay nông dân đã được cung cấp, riêng về việc giúp đỡ hạt giống, ít nhất cũng là 154 triệu pút ngũ cốc.

Tóm lại, không có gì là lạ nếu công nhân và nông dân ở nước ta hiện nay không đến nỗi phải sống khổ sở; số người chết trong nhân dân đã giảm 36% nói chung so với trước chiến tranh, và số trẻ chết yểu giảm 42,5%, đồng thời dân số trong nước *hàng năm tăng lên* gần ba triệu người. *(Vỗ tay.)*

Nói về đời sống văn hóa của công nhân và nông dân, thì chúng ta cũng đạt được một số thành tựu nào đó trong lĩnh vực này, tuy rằng những thành tựu ấy không là bao và không thể làm cho chúng ta thỏa mãn được tý nào. Nếu ta không kể đến các loại câu lạc bộ công nhân, các phòng đọc sách ở nông thôn, các thư viện, các trung tâm thanh toán nạn mù chữ, là những nơi mà năm nay, có tới 10 triệu rưỡi người tham gia, thì tình hình các cơ quan văn hóa và giáo dục biểu hiện như dưới đây. Các trường giáo dục sơ cấp, năm nay, tính ra có đến 11.638.000 học sinh; các trường trung cấp, 1.945.000 học sinh; các trường kỹ thuật công

nghiệp, vận tải, nông nghiệp và các lớp dạy chuyên nghiệp phổ thông, 333.100 học sinh; các trường kỹ thuật và chuyên nghiệp trung cấp cùng loại tương tự, 238.700 học sinh; các trường cao cấp và các trường kỹ thuật cao cấp, 190.400 học sinh. Tất cả những việc đó khiến cho tỷ số người biết đọc và biết viết ở Liên-xô đã lên tới 62,6% so với 33% trước chiến tranh.

Việc chủ yếu hiện nay là chuyển sang chế độ giáo dục sơ cấp cưỡng bách. Tôi nói «chủ yếu», vì bước chuyển đó có thể đánh dấu một bước quyết định trong cuộc cách mạng văn hóa. Thế mà, đã đến lúc phải thực hiện công cuộc định làm đó, vì hiện nay chúng ta đã có đủ mọi sự cần thiết để tổ chức chế độ giáo dục sơ cấp phổ thông và cưỡng bách trong tất cả các địa phương ở Liên-xô.

Từ trước đến nay chúng ta đã bắt buộc phải «tiết kiệm về mọi thứ, ngay cả về các trường học», để «cứu vãn và khôi phục nền công nghiệp nặng» *(Lê-nin)*. Dù sao, trong thời gian vừa qua, chúng ta cũng đã khôi phục được nền công nghiệp nặng rồi, và đang thúc đẩy nó tiến lên. Vậy đã đến lúc chúng ta phải triệt để thực hiện chế độ giáo dục sơ cấp phổ thông và cưỡng bách.

Tôi nghĩ rằng nếu về vấn đề này mà Đại hội thông qua một quyết nghị chính xác, hoàn toàn kiên quyết, thì như thế là đúng. *(Vỗ tay)*.

. . . .

9. NHỮNG NHIỆM VỤ TRƯỚC MẮT

. . . .

c) **Đối với nông nghiệp**.

1. Nhiệm vụ *chăn nuôi* và *trồng cây công nghiệp*. Hiện nay, chúng ta đã căn bản giải quyết được vấn đề ngũ cốc, chúng ta có thể đề cập đến cách giải quyết

cùng một lúc vấn đề sống còn hiện nay là vấn đề chăn nuôi, và vấn đề trồng cây công nghiệp. Để giải quyết những vấn đề đó, chúng ta cũng phải đi theo con đường mà chúng ta đã đi theo để giải quyết vấn đề ngũ cốc. Nghĩa là khi tổ chức các nông trường quốc doanh và nông trang tập thể, là những chỗ dựa cho chính sách của chúng ta, thì chúng ta phải cải tạo dần dần cơ sở kỹ thuật và kinh tế hiện nay trong việc chăn nuôi của người tiểu nông và cơ sở kỹ thuật và kinh tế hiện nay trong việc trồng cây công nghiệp. *Tơ-rớt chăn nuôi gia súc, Tơ-rớt chăn nuôi cừu, Tơ-rớt chăn nuôi lợn, Tơ-rớt bơ và sữa,* rồi đến nông trường chăn nuôi, nông trường quốc doanh và nông trang tập thể hiện có để trồng cây công nghiệp, đó đều là những khởi điểm cho việc giải quyết các nhiệm vụ đang đặt ra cho chúng ta.

2. Nhiệm vụ *phát triển sau này việc xây dựng nông trường quốc doanh và nông trang tập thể*. Có lẽ không cần phải bàn nhiều đến sự việc là nhiệm vụ đó, đối với chúng ta, là một nhiệm vụ *phải đặt lên hàng đầu* trong toàn bộ công cuộc kiến thiết nông thôn của chúng ta. Hiện nay chỉ có mù lòa mới không nhìn thấy rằng giai cấp nông dân đã thực hiện được một bước chuyển biến phi thường, căn bản, từ trật tự cũ sang trật tự mới, từ chỗ bị bọn cu-lắc nô dịch đến chỗ được hưởng đời sống tự do của nông trang tập thể. Không còn phải sống trở lại thời quá khứ nữa. Giai cấp cu-lắc đã bị lên án và sẽ bị tiêu diệt. Chỉ còn một con đường, con đường nông trang tập thể. Và con đường đó, đối với chúng ta, không phải là một con đường chưa ai biết tới và chưa ai đặt chân tới. Nó đã được bản thân quần chúng nông dân dùng hàng nghìn cách để thăm dò và kiểm nghiệm rồi. Nó đã được thăm dò và đánh giá coi như một trật tự mới, một trật tự làm cho nông dân thoát khỏi sự nô

dịch của bọn cu-lắc, khỏi sự khốn cùng, khỏi sự ngu dốt. Chính đó là cơ sở của những thành tựu của chúng ta.

Phong trào mới ở nông thôn sau này sẽ phát triển như thế nào? Đi đầu sẽ là nông trường quốc doanh, tức là xương sống của việc cải tạo chế độ cũ ở nông thôn. Tiếp sau là nhiều nông trang tập thể được phát triển, làm chỗ dựa cho phong trào mới ở nông thôn. Công việc phối hợp giữa hai hệ thống này tạo nên những điều kiện cần thiết cho việc tập thể hóa hoàn toàn tất cả các địa phương ở Liên-xô.

Một trong những thắng lợi đáng kể nhất của phong trào tập thể hóa là nó đã có thể đề bạt được hàng nghìn cán bộ *tổ chức* và hàng vạn *cán bộ tuyên truyền* cho các nông trang tập thể lấy *ngay trong nông dân* mà ra. Hiện nay không phải chỉ riêng chúng ta, những người bôn-sê-vích lão luyện, mà cả những nông dân nông trang tập thể, tức là hàng vạn nông dân kiêm cán bộ tổ chức và tuyên truyền của các nông trang tập thể, cũng sẽ giơ cao lá cờ tập thể hóa lên. Mà những nông dân làm cán bộ tuyên truyền là những người tuyên truyền xuất sắc của phong trào nông trang tập thể, vì họ sẽ tìm ra được những lý lẽ để bênh vực nông trang tập thể, những lý lẽ mà quần chúng nông dân ngoài nông trang có thể hiểu được và có thể tiếp thu được, những lý lẽ mà chúng ta, những người bôn-sê-vích lão luyện, chúng ta cũng đều không thể nghĩ ra được.

Có những luận điệu đó đây cho rằng cần phải từ bỏ chính sách tập thể hóa hoàn toàn đi. Người ta nói rằng ngay trong Đảng ta cũng có những người ủng hộ «tư tưởng» đó. Nhưng chỉ có những người, tự giác hay không tự giác, chạy theo với kẻ thù của chủ nghĩa cộng sản, thì mới có thể nói như thế thôi. Phương pháp

tập thể hóa hoàn toàn là phương pháp không thể thiếu được, không có nó thì không thể thực hiện được kế hoạch năm năm tập thể hóa tất cả các địa phương ở Liên-xô. Làm thế nào có thể từ bỏ được chính sách đó mà lại không phản bội chủ nghĩa cộng sản, mà lại không phản bội lợi ích của giai cấp công nhân và giai cấp nông dân?

Dĩ nhiên, điều đó không có nghĩa là về mặt phong trào nông trang tập thể, ở nước ta, mọi việc đều sẽ làm được « trôi chảy » « không vấp váp » đâu. Có thể vẫn còn những sự dao động bên trong các nông trang tập thể. Có thể vẫn còn những lúc phong trào lên và xuống nữa. Nhưng điều đó không thể và cũng không được làm nao núng tinh thần những người xây đắp phong trào nông trang tập thể. Hơn nữa, điều đó lại càng không thể là một trở ngại nghiêm trọng đối với sự phát triển mạnh mẽ của phong trào ấy. Một phong trào vững mạnh một cách không thể chối cãi được như phong trào nông trang tập thể, tất sẽ đạt đến những mục đích của nó, bất kể tất cả mọi việc xẩy ra, bất chấp mọi khó khăn và trở ngại.

Nhiệm vụ là phải chuẩn bị lực lượng và tổ chức công tác nhằm để phục vụ cho sự phát triển sau này của phong trào nông trang tập thể.

3. Nhiệm vụ làm thế nào cho *bộ máy lãnh đạo đi sát với các xã và các thôn* nhiều hơn nữa. Chắc chắn rằng chúng ta sẽ không thể thực hiện đầy đủ được công việc rộng lớn là khôi phục nền nông nghiệp và phát triển phong trào nông trang tập thể, nếu trước kia chúng ta không tiến hành việc *phân chia thành các xã*. Việc mở rộng các tổng và biến tổng thành xã, việc xóa bỏ sự phân chia thành các châu* và biến những châu đó thành những

* *Gouvernements. (N.D.)*

đơn vị hẹp hơn (quận), sau hết, việc thành lập các khu coi như những chỗ dựa trực tiếp của Ban Chấp hành trung ương: đó là tình hình khái quát về việc phân chia thành các xã. Việc phân chia này có mục đích làm cho bộ máy hành chính và bộ máy của Đảng cũng như bộ máy kinh tế và hợp tác xã đi sát với xã và thôn, để có thể giải quyết kịp thời những vấn đề cấp bách của nông nghiệp, tức là của sự phát triển và cải tạo nông nghiệp. Với ý nghĩa trên, tôi xin nhắc lại rằng việc phân chia thành xã đã thúc đẩy rất nhiều toàn bộ công cuộc xây dựng của chúng ta.

Song người ta đã làm tất cả mọi điều cần làm để cho bộ máy lãnh đạo thực tế đi sát và thật sự đi sát với các xã và thôn chưa? Chưa, chúng ta chưa làm được hết những điều cần làm. Hiện nay, trọng tâm công tác xây dựng nông trang tập thể đã được chuyển về các tổ chức xã. Chính đó là nơi tập trung những đầu mối của công cuộc xây dựng nông trang tập thể và của mọi công tác kinh tế khác ở nông thôn như: các hợp tác xã, các xô-viết, các cơ quan tín dụng, bộ phận thu mua. Các tổ chức xã đã có đủ số nhân viên cần thiết và không thể thiếu được, nhằm thực hiện đầy đủ toàn bộ công tác phức tạp đó chưa? Không còn nghi ngờ gì nữa rằng các tổ chức xã còn thiếu rất nhiều nhân viên. Vậy giải quyết như thế nào? Phải làm gì để sửa chữa khuyết điểm đó và cung cấp đầy đủ cho các tổ chức xã số nhân viên cần thiết thuộc tất cả các ngành công tác của chúng ta? Muốn thế, ít nhất là phải làm hai việc:

1. bỏ các quận *(Vỗ tay)*, vì nó trở thành bức tường vô dụng ngăn cách giữa tỉnh và xã, và tăng cường các tổ chức xã bằng cách đưa số nhân viên các quận về đó;

2. trực tiếp gắn liền các tổ chức xã với tỉnh (với ban Chấp hành biên khu, với Ban Chấp hành trung ương Cộng hòa dân tộc).

Và chính điều đó sẽ đánh dấu việc hoàn thành sự phân chia thành các xã, việc hoàn thành biện pháp làm cho bộ máy lãnh đạo đi sát các xã và thôn.

Ở đây chúng ta đã hoan nghênh việc sau này sẽ bãi bỏ các quận. Chắc chắn rằng cần phải bãi bỏ các quận. Nhưng cho rằng chúng ta có quyền chê bai các quận, như một số đồng chí nào đó đã viết trên báo *Sự thật*, thì như thế là sai. Cần phải nhớ rằng trong thời tồn tại của nó, các quận đã phải cáng đáng rất nhiều công việc nặng nề và đã giữ một vai trò lịch sử lớn lao. *(Vỗ tay)*.

Tôi cũng nghĩ rằng nếu quá hấp tấp về việc bãi bỏ các quận, thì sẽ phạm sai lầm. Ban Chấp hành trung ương đã quyết định bãi bỏ các quận. Nhưng Ban Chấp hành không hề nghĩ rằng cần phải tiến hành ngay lập tức việc xóa bỏ đó. Dĩ nhiên là cần phải có một công tác chuẩn bị, trước khi xóa bỏ các quận.

Dịch theo bản Pháp văn,
Nhà xuất bản ngoại văn, Mạc-tư-khoa, 1955.

TỔNG KẾT KẾ HOẠCH NĂM NĂM LẦN THỨ NHẤT

(Báo cáo tại Hội nghị toàn thể liên tịch của Ban Chấp hành trung ương và của Ủy ban Kiểm tra trung ương của Đảng Cộng sản (bôn-sê-vích) Liên-xô, ngày 7 tháng Giêng 1933)

(TRÍCH)

. . . .

IV

TỔNG KẾT KẾ HOẠCH NĂM NĂM HOÀN THÀNH TRONG BỐN NĂM TRONG NÔNG NGHIỆP

Chúng ta hãy xét qua phần tổng kết kế hoạch năm năm hoàn thành trong bốn năm trong nông nghiệp.

Kế hoạch năm năm trong nông nghiệp là kế hoạch tập thể hóa. Khi thực hành việc tập thể hóa, Đảng đã xuất phát từ đâu ?

Đảng đã xuất phát từ nguyên tắc là muốn củng cố nền chuyên chính vô sản và xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa, thì ngoài công việc công nghiệp hóa, còn cần phải chuyển từ nền kinh tế nhỏ của nông dân cá thể sang nền nông nghiệp tập thể đại quy mô, được trang bị bằng máy kéo và những máy móc nông nghiệp hiện đại, để làm cơ sở vững chắc duy nhất cho chính quyền xô-viết ở nông thôn.

Đảng đã xuất phát từ nguyên lý này là không tập thể hóa thì không thể đưa nước ta lên con đường lớn xây dựng nền móng kinh tế của chủ nghĩa xã hội, không thể giải phóng cho hàng triệu nông dân cần lao thoát khỏi cảnh khốn cùng và dốt nát được.

Lê-nin từng nói :

« Không thể thoát khỏi cảnh bần cùng bằng nền tiểu sản xuất được. » (Xem t. XXIV, tr. 540.)

Lê-nin từng nói :

« Nếu chúng ta cứ tự giam mình như xưa trong những kinh doanh nhỏ bé, thì dù chúng ta có là những công dân tự do sống trên ruộng đất tự do đi nữa, nhất định chúng ta cũng sẽ không tránh khỏi bị diệt vong. » (Xem t. XX, tr. 417.)

Lê-nin từng nói :

« Chỉ có lao động chung, lao động bằng ác-ten, lao động bằng tập đoàn hợp tác, thì chúng ta mới thoát khỏi con đường bế tắc mà chiến tranh đế quốc đã dồn chúng ta vào. » (Xem t. XXIV, tr. 537.)

Lê-nin từng nói :

« Cần phải chuyển sang lối cày cấy chung trong những nông trường lớn kiểu mẫu, nếu không chúng ta sẽ không thoát khỏi tình trạng suy sụp, tình trạng thật là nguy khốn hiện nay của nước Nga. » (Xem t. XX, tr.418.)

Căn cứ vào điểm đó, Lê-nin đã đi tới kết luận cơ bản sau đây :

« Chỉ có khi nào chúng ta có thể lấy thực tế mà *chứng minh* cho nông dân thấy tính ưu việt của chế độ canh tác chung, tập thể, bằng những tập đoàn hợp tác, bằng ác-ten ; chỉ khi nào chúng ta có thể giúp đỡ được nông dân tổ chức thành tập đoàn hợp tác, thành ác-ten, thì giai cấp công nhân, nắm giữ chính quyền Nhà nước, mới thật chứng thực cho nông dân thấy rằng mình có lý, mới thật thu hút được đông đảo quần chúng nông dân đi theo mình một cách lâu dài và chắc chắn. » (Xem t. XXIV, tr. 579.)

Đảng đã xuất phát từ những luận điểm đó của Lê-nin để thực hiện chương trình tập thể hóa nông nghiệp, chương trình của kế hoạch năm năm trong nông nghiệp.

Bởi vậy nhiệm vụ kế hoạch năm năm trong nông nghiệp là tập hợp những doanh nghiệp nhỏ và phân tán của nông dân cá thể, không có khả năng sử dụng những máy kéo và máy móc nông nghiệp hiện đại, thành những doanh nghiệp tập thể lớn có đủ mọi công cụ hiện đại của một nền nông nghiệp phát triển cao, và lập ra trên những khu đất bỏ không khác, những trang trại kiểu mẫu của Nhà nước, những nông trường quốc doanh.

Nhiệm vụ của kế hoạch năm năm trong nông nghiệp là biến Liên-xô, từ một nước lạc hậu và tiểu nông, thành một nước có một nền nông nghiệp đại quy mô được tổ chức trên cơ sở lao động tập thể, và có sức sản xuất hàng hóa đến mức tối đa.

Đảng đã thu được kết quả gì trong khi thực hiện chương trình của kế hoạch năm năm hoàn thành trong bốn năm trong nông nghiệp ? Đảng đã hoàn thành được chương trình đó hay đã thất bại ?

Đảng đã thu được kết quả là : trong vòng ba năm, Đảng đã tổ chức được hơn 200.000 nông trang tập thể và gần 5.000 nông trường quốc doanh để trồng trọt ngũ cốc và để chăn nuôi ; đồng thời trong bốn năm, Đảng đã mở rộng được diện tích gieo giống lên thêm 21 triệu éc-ta.

Đảng đã thu được kết quả là hiện nay đã tập hợp được hơn 60% nông hộ vào nông trang, bao gồm hơn 70% toàn bộ đất đai của nông dân, nói một cách khác là đã *vượt mức* kế hoạch năm năm gấp *ba lần*.

Đảng đã thu được kết quả là : từ chỗ chỉ thu mua được 500 — 600 triệu pút lúa mì hàng hóa trong thời kỳ

kinh tế nông dân cá thể còn chiếm ưu thế, mà bây giờ hàng năm Đảng đã có thể dự trữ được từ 1.200 đến 1.400 triệu pút lúa mì hàng hóa.

Đảng đã thu được kết quả là : bọn cu-lắc đã bị thủ tiêu về mặt giai cấp, mặc dầu chưa phải là hoàn toàn ; nông dân cần lao đã thoát khỏi tình cảnh bị lệ thuộc bọn cu-lắc và bị chúng bóc lột, và từ nay trở đi chính quyền xô-viết đã có ở nông thôn một cơ sở kinh tế vững chắc, cơ sở kinh tế tập thể.

Đảng đã thu được kết quả là : ngay từ nay, Liên-xô, từ một nước tiểu nông, đã biến thành một nước có một nền nông nghiệp lớn nhất trên thế giới.

Đó là những nét lớn của bản tổng kết kế hoạch năm năm hoàn thành trong bốn năm trong nông nghiệp.

Vậy bây giờ các đồng chí hãy tự mình xét giá trị của những lời nói nhảm của báo chí tư sản về sự « phá sản » của công cuộc tập thể hóa, về sự « thất bại » của kế hoạch năm năm trong nông nghiệp xem như thế nào.

Và ở các nước *tư bản chủ nghĩa* hiện đang trải qua một cuộc khủng hoảng nông nghiệp nghiêm trọng, thì tình hình nông nghiệp lại như thế nào?

Đây là những số liệu chính thức mà mọi người đều biết :

Diện tích gieo giống của những nước chủ yếu sản xuất lúa mì đã giảm đi từ 8-10%. Ở Mỹ, diện tích trồng bông đã giảm đi 15% ; ở Đức và ở Tiệp, diện tích trồng củ cải đường đã giảm đi từ 22 đến 30% ; ở Li-tuy-a-ni và ở Lét-tô-ni, diện tích trồng lanh giảm đi từ 25 đến 30%.

Theo những số liệu của Bộ Nông nghiệp Mỹ thì giá trị tổng sản lượng nông nghiệp ở Mỹ đã từ 11 tỷ đô-la năm 1929 *sụt xuống* còn 5 tỷ đô-la năm 1932. Cũng ở

Mỹ, về ngũ cốc, giá trị tổng sản lượng đã từ 1.288 triệu đô-la năm 1929 *sụt xuống* còn 391 triệu đô-la năm 1932. Cũng ở Mỹ, bông đã từ 1.389 triệu đô-la năm 1929 *sụt xuống* còn 397 triệu đô-la năm 1932.

Tất cả những sự thực đó há chẳng chứng tỏ rằng chế độ nông nghiệp xô-viết hơn hẳn chế độ nông nghiệp tư bản chủ nghĩa, đó sao? Những sự thực đó há chẳng chứng minh rằng nông trang tập thể là hình thức kinh tế có sức sống hơn lối kinh doanh cá thể và tư bản chủ nghĩa, hay sao?

Người ta nói rằng, nông trang tập thể và nông trường quốc doanh không phải hoàn toàn là những doanh nghiệp có thể sinh lợi, nó thu hút mất rất nhiều tài nguyên, nên không có lý do gì để duy trì những doanh nghiệp như thế; rằng hợp lý hơn là giải tán nó đi, mà chỉ giữ lại những doanh nghiệp có sinh lợi nhiều. Nhưng chỉ có những người không hiểu gì về kinh tế quốc dân, về những vấn đề kinh tế, thì mới có thể nói như vậy được. Cách đây vài năm, hơn một nửa số xí nghiệp dệt của chúng ta không sinh lợi gì cả. Lúc đó một số đồng chí chúng ta đã đề nghị chúng ta đóng cửa những xí nghiệp đó đi. Nhưng nếu chúng ta nghe lời các đồng chí ấy thì chúng ta sẽ ra sao? Chúng ta sẽ phạm tội rất lớn đối với đất nước, đối với giai cấp công nhân, vì làm như vậy, thì có lẽ là chúng ta sẽ phá hoại nền công nghiệp của chúng ta đang trên con đường chấn hưng. Lúc đó, chúng ta đã hành động như thế nào? Sau già một năm chờ đợi, chúng ta đã đạt được kết quả là tất cả công nghiệp dệt đã trở thành sinh lợi nhiều. Còn nhà máy xe hơi của chúng ta ở Goóc-ki, thì sao? Vì lúc này, chính nó cũng không sinh lợi. Các đồng chí muốn người ta đóng cửa nó lại chăng? Hay công nghiệp luyện thép cũng vậy, lúc này nó cũng không sinh lợi.

Có lẽ cần phải đóng cửa nó lại phải không, các đồng chí? Nếu chúng ta chỉ nhìn sự sinh lợi trên quan điểm đó, thì chúng ta chỉ nên phát triển thật mạnh một số công nghiệp sinh lợi nhiều nhất, chẳng hạn như công nghiệp mứt, bột, nước hoa, mũ, áo, đồ chơi, v.v... Đương nhiên tôi không phản đối việc phát triển những công nghiệp ấy. Trái lại, những công nghiệp ấy phải được phát triển, vì đối với nhân dân nó cũng cần thiết. Nhưng, trước hết, những công nghiệp ấy không thể phát triển được, nếu không có thiết bị cũng như không có nhiên liệu mà công nghiệp nặng cung cấp cho nó. Hai nữa là, người ta không thể dựa trên những công nghiệp ấy để công nghiệp hóa. Vấn đề là như thế đấy, các đồng chí ạ.

Không thể xét vấn đề sinh lợi bằng con mắt con buôn, chỉ nhìn thấy cái trước mắt thôi. Phải đứng trên toàn bộ nền kinh tế quốc dân, trong một thời gian nhiều năm về sau mà xem xét vấn đề. Chỉ có một quan điểm như thế mới có thể gọi là quan điểm thật sự lê-nin-nít, thật sự mác-xit. Và cần phải đứng trên quan điểm đó không những đối với vấn đề công nghiệp, mà đối với vấn đề nông trang tập thể và nông trường quốc doanh thì lại càng cần hơn. Các đồng chí hãy suy nghĩ một chút xem: trong khoảng ba năm mà chúng ta đã thành lập được hơn 200.000 nông trang tập thể và gần 5.000 nông trường quốc doanh, nghĩa là chúng ta đã thành lập được những doanh nghiệp lớn hoàn toàn mới, mà tầm quan trọng đối với nông nghiệp cũng ngang như tầm quan trọng của nhà máy và công xưởng lớn đối với công nghiệp vậy. Các đồng chí thử kể xem có nước nào mà trong khoảng 3 năm đã thành lập được không phải 205.000 đại doanh nghiệp mới, mà cứ cho là chỉ 25.000 xí nghiệp thôi. Các đồng chí sẽ

không kể ra được, vì rằng một nước như thế không có và chưa bao giờ có. Vậy mà chúng ta đã thành lập được 205.000 doanh nghiệp mới trong nông nghiệp. Thế mà trên thế giới lại có những người đòi hỏi các doanh nghiệp đó lập tức phải sinh lợi nhiều, nếu không thì phải đem phá hủy và giải tán đi. Há chẳng rõ ràng là những sự háo danh của E-rô-stơ-rát* đã phá giấc ngủ của những con người quá kỳ lạ ấy hay sao?

Trong khi nói về sự không sinh lợi của những nông trang tập thể và nông trường quốc doanh, tôi không hề có ý nói rằng tất cả những nông trường đó đều không sinh lợi gì. Không phải như thế. Mọi người đều biết rằng ngay bây giờ đã có một loạt nông trang tập thể và nông trường quốc doanh sinh lợi nhiều. Ngay bây giờ, chúng ta tính ra có đến hàng nghìn nông trang tập thể và hàng chục nông trường quốc doanh sinh lợi rất nhiều. Đảng ta và chính quyền xô-viết lấy làm tự hào về những nông trang, nông trường đó. Cố nhiên, không phải bất cứ ở đâu các nông trường cũng đều giống nhau cả. Có những cái cũ, những cái mới và những cái rất mới. Đó là những cơ cấu kinh tế còn non yếu, chưa hoàn toàn được hình thành. Về mặt tổ chức, thì những cơ cấu đó còn nằm trong thời kỳ mà những nhà máy và công xưởng của chúng ta đã trải qua trong những năm 1920—1921. Người ta nhận thấy rằng phần lớn những nông trường đó chưa thể sinh lợi nhiều. Nhưng chắc chắn rằng sau đây hai, ba năm nữa, nó cũng sẽ sinh lợi như những nhà máy và công xưởng của chúng ta đã sinh lợi từ năm 1921. Từ chối không

---

* E-rô-stơ-rát (Erostrate) là người vì muốn gây ra cuộc phá hoại đặc sắc đáng ghi nhớ nhất để có tên tuổi trong lịch sử nên ông ta liền đốt điện thờ thần Đi-an (Diane) ở È-phe-dơ (Éphèse), là một trong bảy kỳ quan của thế giới. *(B.T.)*

giúp đỡ và ủng hộ nó vì cớ hiện nay tất cả đều chưa sinh lợi, là phạm tội rất lớn đối với giai cấp công nhân và nông dân. Chỉ những kẻ thù của nhân dân và bọn phản cách mạng mới có thể đặt ra vấn đề không cần phải có các nông trang tập thể và nông trường quốc doanh.

Trong khi thực hiện kế hoạch năm năm về nông nghiệp, Đảng ta tiến hành việc tập thể hóa theo những nhịp độ ngày càng nhanh. Đảng đã thực hành chính sách tăng nhanh nhịp độ tập thể hóa, như thế thì có đúng không? Đúng, tuyệt đối đúng, mặc dầu về mặt này người ta vẫn không tránh khỏi những hành động quá trớn. Trong lúc thực hành chính sách thủ tiêu bọn cu-lắc về mặt giai cấp, và trong lúc phá hủy những sào huyệt của bọn đó, Đảng đã không thể nửa đường bỏ dở, mà phải tiến hành công việc đến cùng. Đó là điểm thứ nhất.

Điểm thứ hai là, một mặt nhờ đã có máy kéo và máy móc nông nghiệp, mặt khác nhờ xóa bỏ chế độ tư hữu đất đai (quốc hữu hóa đất đai!), nên Đảng đã có đủ mọi khả năng để thúc đẩy việc tập thể hóa nông nghiệp. Thực tế Đảng đã thu được thắng lợi lớn nhất trong lĩnh vực đó, vì về mặt tập thể hóa, Đảng đã vượt mức kế hoạch năm năm gấp ba lần.

Như thế phải chăng có nghĩa là trong thời kỳ thứ hai của kế hoạch năm năm, chúng ta cũng phải theo một chính sách tăng nhanh nhịp độ tập thể hóa không? Chắc chắn là không. Sự thật là chúng ta *đã hoàn thành* về căn bản việc tập thể hóa những vùng chủ yếu ở Liên-xô rồi. Như vậy là, trong lĩnh vực đó, chúng ta đã thực hiện quá mức mong đợi của mọi người. Và chúng ta không những đã hoàn thành việc tập thể hóa trên những nét căn bản. Chúng ta còn đạt được kết quả là

làm cho tuyệt đại đa số nông dân nhận thức rõ nông trang tập thể là hình thức kinh tế thích đáng nhất. Các đồng chí, đó là một thắng lợi vô cùng to lớn. Đã vậy thì có cần phải thúc đẩy nhịp độ tập thể hóa một cách không đắn đo suy nghĩ gì không? Rõ ràng là không.

Bây giờ vấn đề tăng nhanh nhịp độ trong công cuộc tập thể hóa không còn đặt ra nữa, lại càng không thể đặt ra vấn đề là có nên để cho những nông trang tập thể tồn tại hay không nữa, vấn đề đó đã được hoàn toàn giải quyết rồi. Chế độ nông trang tập thể đã được củng cố vững vàng, và con đường hướng về kinh tế cá thể cũ đã vĩnh viễn bị chặn lại rồi. Bây giờ phải củng cố nông trang tập thể về mặt *tổ chức*, phải đuổi những phần tử phá hoại ra khỏi nông trang tập thể, phải lựa chọn cung cấp cho nông trang tập thể những cán bộ bôn-sê-vích chân chính, đã được thử thách, và làm cho những nông trang đó thật sự trở thành những nông trang bôn-sê-vích.

Hiện nay điểm chủ yếu là ở chỗ đó.

Tình hình kế hoạch năm năm hoàn thành trong bốn năm trong nông nghiệp là như thế đó,

V

TỔNG KẾT KẾ HOẠCH NĂM NĂM HOÀN THÀNH TRONG BỐN NĂM VỀ MẶT CẢI THIỆN ĐỜI SỐNG VẬT CHẤT CỦA CÔNG NHÂN VÀ NÔNG DÂN

Vừa rồi tôi có nói đến những thành tựu đã thu được trong công nghiệp và nông nghiệp, đến tình hình phát triển mạnh của công nghiệp và nông nghiệp ở Liên-xô. Những thành tựu đó đã đem lại những kết quả gì về phương diện cải thiện đời sống vật chất của công nhân và nông dân? Kết quả chủ yếu về phương diện cải

thiện căn bản đời sống vật chất của những người lao động do những thành tựu của chúng ta trong công nghiệp và nông nghiệp đem lại là những gì?

Trước hết là *đã xóa bỏ được nạn thất nghiệp* và đánh tan được trong người công nhân tâm lý không tin ở ngày mai.

Sau nữa là đã làm cho hầu hết nông dân nghèo tham gia nông trang tập thể; trên cơ sở đó, ta đã xóa bỏ được tình trạng phân hóa nông dân thành cu-lắc và nông dân nghèo, và *do đó mà đã xóa bỏ được cảnh khốn cùng ở nông thôn.*

Các đồng chí, đó là một thắng lợi vô cùng to lớn, mà không một nước tư sản nào, dù là nước « dân chủ » nhất, có thể mơ tưởng đạt tới được.

Ở Liên-xô chúng ta, đã từ lâu công nhân không còn biết thế nào là cảnh thất nghiệp. Cách đây độ ba năm, chúng ta có non một triệu rưỡi người không có việc làm. Vậy mà trong hai năm, chúng ta đã xóa bỏ được nạn thất nghiệp. Và công nhân đã có đủ thì giờ để quên cái cảnh thống khổ, những thảm trạng của nạn thất nghiệp đi rồi. Các đồng chí hãy nhìn xem các nước tư bản chủ nghĩa một chút, hãy nhìn xem những cảnh rùng rợn do nạn thất nghiệp gây ra. Trong các nước ấy, ngày nay người ta tính có từ 30 đến 40 triệu người thất nghiệp. Những người đó là ai? Đối với họ, người ta thường gọi là « những người tuyệt vọng ».

Hàng ngày họ đi chạy chọt, họ đi tìm công việc, họ sẵn sàng nhận bất cứ điều kiện nào hay gần gần như thế, nhưng người ta vẫn không hề thuê mướn họ vì họ là những « người thừa ». Và điều đó lại xẩy ra trong lúc mà những khối hàng hóa và sản phẩm khổng lồ bị phung phí theo sở thích của những kẻ tốt số, của con cháu bọn tư bản và bọn đại địa chủ.

Người ta từ chối không nuôi những người thất nghiệp, vì họ không có gì để trả tiền ăn; người ta từ chối không cho họ một chỗ trú, vì họ không có gì để trả tiền thuê nhà. Họ sống ở đâu và như thế nào? Họ sống bằng ít vụn bánh rơi rớt từ bàn ăn của bọn chủ, bằng những thức ăn thừa thối mà họ tìm bới trong những thùng rác; họ sống trong những túp nhà lụp sụp ở các thành phố lớn và nhất là trong những chiếc nhà dột nát mà những người thất nghiệp đã vội vã dựng lên ở phía ngoài thành phố bằng những chiếc thùng cũ và bằng vỏ cây. Nhưng không phải chỉ có thế. Không phải chỉ những người thất nghiệp mới khổ vì cảnh thất nghiệp. Những công nhân có việc làm cũng khổ vì cảnh đó. Họ khổ vì cảnh đó, bởi vì sự tồn tại của một số rất đông người thất nghiệp làm cho hoàn cảnh của họ trong sản xuất không được ổn định, và ngày mai của họ không được chắc chắn. Hôm nay, họ làm việc trong một xí nghiệp, nhưng họ không chắc rằng ngày mai khi tỉnh dậy họ có còn được làm nữa không.

Một trong những thắng lợi chủ yếu của kế hoạch năm năm hoàn thành trong bốn năm là đã xóa bỏ được nạn thất nghiệp và làm cho công nhân Liên-xô thoát khỏi cảnh ghê rợn của nạn thất nghiệp.

Đối với nông dân, cũng cần phải nói như thế. Họ cũng đã quên cái tình trạng phân hóa nông dân thành cu-lắc và nông dân nghèo, quên cái cảnh ngộ nông dân nghèo bị cu-lắc bóc lột, quên cái tình cảnh hàng năm có đến hàng chục vạn, hàng triệu nông dân nghèo vì bị phá sản mà phải đi ăn mày là như thế nào rồi. Cách đây ba bốn năm, ở nước ta nông dân nghèo chiếm ít nhất 30% tổng số nhân khẩu nông dân. Tức là gần 20 triệu người. Ngày xưa, trước Cách mạng tháng Mười, nông dân nghèo chiếm ít nhất 60% tổng số nhân khẩu

nông dân. Hồi đó nông dân nghèo là những người như thế nào? Là những người luôn luôn hoặc không có hạt giống, hoặc không có ngựa, hoặc không có dụng cụ, hoặc không có tất cả những cái đó, để khai thác đất đai của họ. Nông dân nghèo hồi đó là những người không bao giờ được ăn no, và nói chung là bị bọn cu-lắc nô dịch và, dưới chế độ cũ, thì bị cả bọn cu-lắc lẫn bọn đại địa chủ nô dịch. Mới rất gần đây thôi, hàng năm có hơn hai triệu nông dân nghèo phải đi về phía Nam để tìm kế sinh nhai — ở miền Bắc Cô-ca-dơ và ở U-cơ-ren, — để được bọn cu-lắc thuê mướn, và ngày xưa là để được bọn đại địa chủ và bọn cu-lắc thuê mướn. Hàng năm số nông dân nghèo đến gõ cửa các nhà máy còn đông hơn nữa, do đó làm cho số người thất nghiệp càng lớn thêm. Không phải chỉ có nông dân nghèo mới sống trong cảnh huống chẳng ai thích đó. Già nửa số trung nông cũng chịu chung cảnh khốn cùng và thiếu thốn như những nông dân nghèo. Tất cả những điều đó, hiện nay nông dân nghèo cũng đã quên đi rồi.

Kế hoạch năm năm hoàn thành trong bốn năm đã đem lại những gì cho nông dân nghèo và cho trung nông lớp dưới? Nó đã tiêu hao dần và đánh đổ bọn cu-lắc về mặt giai cấp, và nó đã giải phóng nông dân nghèo và già nửa số trung nông khỏi ách nô lệ của bọn cu-lắc. Nó đã lôi cuốn họ vào nông trang tập thể và làm cho họ có một địa vị vững chắc. Chính do đó mà nó đã xóa bỏ được cái khả năng phân hóa nông dân thành hạng bóc lột — cu-lắc — và hạng người bị bóc lột — những nông dân nghèo; mà nó đã xóa bỏ được cảnh khốn cùng ở nông thôn. Trong nông trang tập thể, nó đã đưa nông dân nghèo và những tầng lớp dưới trong trung nông lên hàng những người có đời sống đảm bảo, mà đồng thời xóa bỏ được quá trình phá sản và bần cùng hóa trong nông dân. Trong nước ta, người ta

không còn thấy hàng triệu nông dân cứ hàng năm phải rời bỏ nhà cửa, quê hương của mình để đi kiếm ăn ở những vùng xa xôi nữa. Bây giờ mà muốn đưa một nông dân ra ngoài nông trang tập thể của họ để làm việc, thì phải ký một bản hợp đồng với nông trang và, hơn nữa, phải đảm bảo cho người đó đi xe lửa không mất tiền. Ở nước ta, người ta không còn thấy hàng chục vạn và hàng triệu nông dân phá sản đến đứng chầu chực trước cổng công xưởng và nhà máy nữa. Tình trạng đó trước kia đã diễn ra, nhưng nay thì đã chấm dứt từ lâu rồi. Hiện nay nông dân là một người làm ruộng có đời sống đảm bảo, họ là thành viên của nông trang có máy kéo, máy nông nghiệp, có những kho lúa giống và những kho dự trữ, v.v., v.v.

Đó là những cái mà kế hoạch năm năm đã đem lại cho nông dân nghèo và trung nông lớp dưới.

Về căn bản, đó là những thắng lợi chủ yếu của kế hoạch năm năm về mặt cải thiện đời sống vật chất của công nhân và nông dân.

Trong thời kỳ kế hoạch năm năm đầu tiên, những thắng lợi chủ yếu ấy về mặt cải thiện điều kiện vật chất của công nhân và nông dân đã có kết quả là:

a) Số công nhân và nhân viên trong nền đại công nghiệp tăng *gấp đôi* so với năm 1928, vượt mức kế hoạch năm năm đến 57%;

b) So với năm 1928, thì năm 1932, số thu nhập quốc dân tăng thêm — do đó mà số thu nhập của công nhân và nông dân cũng tăng thêm, — lên đến 45,1 tỷ rúp, tức là tăng 85%;

c) So với năm 1928, thì tiền lương trung bình hàng năm của công nhân và nhân viên trong nền đại công nghiệp tăng thêm 67%, tức là vượt mức kế hoạch năm năm 18%;

d) So với năm 1928, thì quỹ bảo hiểm xã hội tăng thêm 292% (năm 1932 là 4.120 triệu rúp so với năm 1928 là 1.050 triệu rúp), tức là vượt mức kế hoạch năm năm 111%;

e) Sự phát triển nhà ăn công cộng cung ứng cho hơn 70% công nhân của các ngành công nghiệp chủ yếu, đã vượt mức kế hoạch năm năm gấp sáu lần.

Đương nhiên, chúng ta chưa đạt tới chỗ hoàn toàn thỏa mãn được những nhu cầu vật chất của công nhân và nông dân. Và cũng chưa chắc gì trong những năm tới chúng ta có thể đạt tới đó. Nhưng chắc chắn rằng chúng ta đã thu được kết quả là đời sống vật chất của công nhân và nông dân ở nước ta mỗi năm mỗi được cải thiện. Chỉ có kẻ thù không đội trời chung của chính quyền xô-viết, hay có lẽ, chỉ có một số đại diện nào của báo chí tư sản, kể cả một số phóng viên các loại báo chí đó ở Mạc-tư-khoa, là những kẻ không hiểu gì về đời sống kinh tế của nhân dân và về hoàn cảnh của những người lao động, hơn là nhà vua xứ Ê-ti-ô-pi hiểu về toán học cao cấp, chẳng hạn, — thì mới có thể còn nghi ngờ về điểm đó.

Còn đời sống vật chất của công nhân và nông dân trong các nước tư bản chủ nghĩa thì như thế nào?

Sau đây là những số liệu chính thức.

Trong các nước tư bản, số người thất nghiệp đã tăng lên một cách khủng khiếp. Ở Mỹ, theo những số liệu chính thức, thì chỉ riêng trong công nghiệp chế biến, số công nhân có việc làm đã từ 8,5 triệu người năm 1928 giảm xuống còn 5,5 triệu người năm 1932; theo số liệu của Liên đoàn Lao động Mỹ, thì vào cuối năm 1932, trong toàn bộ công nghiệp số người thất nghiệp ở Mỹ lên tới 11 triệu người. Theo con số thống kê chính thức thì ở Anh, số người thất nghiệp đã từ 1.290.000 năm 1928 lên đến 2,8 triệu năm 1932. Ở Đức,

theo số liệu chính thức, thì số người không có việc làm đã từ 1.376.000 năm 1928 lên đến 5,5 triệu năm 1932. Trong tất cả các nước tư bản chủ nghĩa tình hình đều như thế cả; ở đây, cũng phải nói rằng những bảng thống kê chính thức thường giảm bớt con số người thất nghiệp, số người thất nghiệp trong các nước tư bản chủ nghĩa cứ lên xuống trong khoảng từ 35 đến 40 triệu người.

Người ta tiến hành giảm bớt một cách có hệ thống tiền lương của công nhân. Theo số liệu chính thức, ở Mỹ tiền lương trung bình hàng tháng so với năm 1928 đã hạ xuống 35%. Ở Anh, cũng trong thời kỳ đó, đã hạ xuống 15%, và ở Đức, đến những 50%. Theo những con số của Liên đoàn Lao động Mỹ, thì do việc hạ thấp tiền lương trong năm 1930-1931 mà công nhân Mỹ bị thiệt mất hơn 35 tỷ đô-la.

Ở Anh và ở Đức, quỹ bảo hiểm đã hết sức ít ỏi, thế mà lại còn bị giảm đi rất nhiều. Ở Mỹ và ở Pháp, thì hoàn toàn hay gần như hoàn toàn không có một hình thức bảo hiểm thất nghiệp nào cả. Do đó số công nhân không nhà ở và số trẻ em bị bỏ bơ vơ tăng lên ghê gớm, nhất là ở Mỹ.

Tình cảnh của quần chúng nông dân trong các nước tư bản chủ nghĩa cũng chẳng hơn gì: khủng hoảng nông nghiệp phá hoại tận gốc những doanh nghiệp của nông dân và làm cho hàng triệu nông dân và chủ trại bị phá sản phải lâm vào cảnh ăn mày ăn xin.

Về mặt cải thiện đời sống vật chất của những người lao động ở Liên-xô thì kế hoạch năm năm được hoàn thành trong bốn năm tổng kết lại là như thế đấy.

Sta-lin: *Những vấn đề chủ nghĩa Lê-nin*,
Pháp văn, nhà xuất bản ngoại văn,
Mạc-tư-khoa, 1951, tr. 573-585.

DIỄN VĂN ĐỌC TẠI ĐẠI HỘI LẦN THỨ 1 CỦA CÁC LAO ĐỘNG XUNG KÍCH CÁC NÔNG TRANG TẬP THỂ LIÊN-XÔ

(Ngày 19 tháng hai 1933)

Thưa các đồng chí nam nữ hội viên nông trang tập thể, trước đây tôi không có ý định nói chuyện tại đại hội của các đồng chí. Vì rằng những diễn giả trước tôi đã nói tất cả cái gì cần phải nói ; các diễn giả đó đã nói và nói rất hay. Như thế thì có cần phải nói nữa không ? Nhưng vì các đồng chí khẩn khoản và vì sức mạnh là ở trong tay các đồng chí *(vỗ tay hồi lâu)*, nên tôi phải vâng theo. Tôi sẽ nói vắn tắt mấy vấn đề :

I

CON ĐƯỜNG NÔNG TRANG TẬP THỂ LÀ CON ĐƯỜNG DUY NHẤT ĐÚNG

Vấn đề thứ nhất : Con đường mà nông dân nông trang tập thể đã bước vào, tức là con đường nông trang tập thể, con đường đó có đúng không ?

Đó không phải là một câu hỏi vẩn vơ đâu. Các đồng chí, những người lao động xung kích các nông trang tập thể, chắc không còn nghi ngờ gì nữa rằng nông trang tập thể là con đường đúng. Cho nên các đồng chí

có thể coi câu hỏi này là thừa. Nhưng tất cả mọi người nông dân lại không nghĩ như các đồng chí. Trong số những người nông dân và cũng cả trong số những hội viên nông trang tập thể, còn có nhiều người nghi ngờ sự đúng đắn của con đường nông trang tập thể. Cái đó chẳng có gì là đáng ngạc nhiên cả.

Thật vậy, suốt trong nhiều thế kỷ, người ta đã sống theo lề lối cũ, đi trên con đường cũ, cúi đầu trước bọn cu-lắc và bọn đại địa chủ, trước bọn cho vay nặng lãi và bọn đầu cơ. Ta không thể nói rằng con đường cũ đó, con đường tư bản chủ nghĩa, đã được nông dân tán thành. Song con đường đó là con đường vẫn thường đi, đã quen thuộc, và chưa hề có ai đã chứng minh trên thực tế rằng người ta có thể sống theo cách khác tốt hơn được. Nhất là trong tất cả các nước tư sản, người ta lại vẫn tiếp tục sống theo lề lối cũ... Thế mà, bỗng nhiên những người bôn-sê-vích, như một cơn vũ bão, xông vào cuộc sống cũ đã quen thuộc đó, và tuyên bố : đã đến lúc phải từ bỏ con đường cũ ; đã đến lúc phải bắt đầu một đời sống mới, đời sống nông trang tập thể ; đã đến lúc phải bắt đầu sống, không phải như tất cả mọi người đang sống trong những nước tư sản, mà sống theo một kiểu mới, trong các ác-ten. Nhưng đời sống mới đó là gì, nào ai biết ? Và nếu nó lại tồi hơn cuộc sống ngày trước thì sao ? Dù sao, con đường mới không phải là một con đường quen thuộc, con đường vẫn thường đi và hiện nay nó vẫn chưa phải là một con đường mà người ta đã hoàn toàn thông suốt. Cứ đi theo con đường cũ chẳng hơn ư ? Chờ xem sao đã rồi hãy đi vào con đường mới, con đường nông trang tập thể, chẳng hơn ư ? Có đáng bước vào con đường phiêu lưu đó không ?

Đó là những mối hoài nghi hiện đang làm cho một số người trong nông dân lao động băn khoăn.

Chúng ta có cần phải làm tiêu tan những mối hoài nghi đó đi không? Chúng ta có cần phải đưa ra ánh sáng và chứng minh giá trị của những mối hoài nghi đó không? Tất nhiên là có.

Vì thế, câu hỏi mà tôi vừa đặt ra không thể gọi là một câu hỏi vẩn vơ được.

Tóm lại, con đường mà nông dân nông trang tập thể đã đi vào, có phải là con đường đúng không?

Một số đồng chí nghĩ rằng chúng ta đã bắt đầu đi vào con đường mới đó, con đường nông trang tập thể, đã ba năm nay. Nghĩ thế thì chỉ đúng một phần thôi. Thật vậy, ở nước ta, việc xây dựng hàng loạt nông trang tập thể đã bắt đầu được ba năm nay. Người ta biết rằng bước chuyển đó đã được đánh dấu bằng việc đè bẹp bọn cu-lắc và cao trào của hàng triệu nông dân nghèo và trung nông gia nhập nông trang tập thể. Tất cả những cái đó đều đúng. Nhưng để có thể chuyển hàng loạt vào các nông trang tập thể, thì cần phải tập hợp được một số điều kiện tiên quyết nào đó, nếu không thì, nói chung, không thể có một phong trào nông trang tập thể có tính chất quần chúng được.

Trước hết, cần phải có chính quyền xô-viết là chính quyền đã và đang giúp đỡ nông dân đi vào con đường nông trang tập thể.

Hai là cần phải đánh đuổi bọn đại địa chủ và bọn tư bản, tịch thu nhà máy và ruộng đất của chúng và tuyên bố những tài sản đó thuộc quyền sở hữu của nhân dân.

Ba là phải trấn áp bọn cu-lắc và tịch thu những máy móc và máy kéo của chúng.

Bốn là phải tuyên bố rằng chỉ những nông dân nghèo và trung nông tập hợp trong những nông trang tập thể mới có thể được sử dụng những máy móc và máy kéo.

Sau hết phải công nghiệp hóa nước nhà, xây dựng một nền công nghiệp mới về máy kéo, xây dựng những nhà máy mới chế tạo máy móc nông nghiệp, để cung cấp rất nhiều máy kéo và máy móc cho nông dân nông trang tập thể.

Không có những điều kiện tiên quyết đó, thì đừng hòng nghĩ tới việc chuyển hàng loạt ấy vào con đường nông trang tập thể, là việc đã bắt đầu từ ba năm nay.

Bởi vậy, muốn đi vào con đường nông trang tập thể, thì trước hết cần phải làm Cách mạng tháng Mười, lật đổ bọn tư bản và đại địa chủ, tịch thu ruộng đất và nhà máy của chúng và xây dựng một nền công nghiệp mới.

Chính với cuộc Cách mạng tháng Mười, mà đã bắt đầu bước chuyển vào con đường mới, con đường nông trang tập thể. Nếu phong trào đó chỉ có một sức mạnh mới từ ba năm nay, thì chính là vì những kết quả cuộc Cách mạng tháng Mười, về mặt kinh tế, chỉ mới biểu hiện hết sức rõ rệt trong thời kỳ đó mà thôi; chỉ có trong thời kỳ đó, người ta mới thúc đẩy được việc công nghiệp hóa nước nhà tiến lên.

Lịch sử các dân tộc đều trải qua nhiều cuộc cách mạng. Điều khác nhau giữa cuộc Cách mạng tháng Mười với những cuộc cách mạng kia là ở chỗ tất cả những cuộc cách mạng kia đều phiến diện. Một hình thức bóc lột những người lao động này thay thế cho một hình thức bóc lột khác, nhưng bản thân sự bóc lột vẫn còn. Bọn bóc lột và bọn áp bức này thay thế cho bọn bóc lột và bọn áp bức khác, nhưng bọn bóc lột và bọn áp bức vẫn còn. Chỉ có cuộc Cách mạng tháng Mười mới tự định cho mình mục đích xóa bỏ *mọi* sự bóc lột và tiêu diệt *đủ hạng* và *đủ loại* bọn bóc lột và bọn áp bức người.

Cuộc cách mạng của những người nô lệ đã tiêu diệt bọn chủ nô; nó thủ tiêu hình thức bóc lột những người lao động trong chế độ nô lệ. Nhưng nó lại thay thế bằng bọn phong kiến và lấy chế độ nông nô làm hình thức bóc lột những người lao động. Bọn bóc lột này được thay thế bằng bọn bóc lột khác. Trong thời kỳ nô lệ, « luật pháp » cho phép bọn chủ nô giết nô lệ của mình. Dưới chế độ nông nô, « luật pháp » « chỉ » cho phép bọn phong kiến bán nông nô mà thôi.

Cuộc cách mạng của nông nô đã tiêu diệt bọn phong kiến và thủ tiêu hình thức bóc lột theo chế độ nông nô. Nhưng nó lại thay thế bằng bọn tư bản và bọn đại địa chủ, bằng hình thức bóc lột những người lao động bằng tư bản và chế độ sở hữu nhiều ruộng đất. Bọn bóc lột này được thay bằng bọn bóc lột khác. Dưới chế độ nông nô, « luật pháp » cho phép bán nông nô. Dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, « luật pháp » « chỉ » cho phép đưa những người lao động đến chỗ thất nghiệp và bần cùng, đến chỗ phá sản và chết đói.

Chỉ có cuộc cách mạng xô-viết của chúng ta, chỉ có cuộc Cách mạng tháng Mười của chúng ta là đã đặt vấn đề như sau: không thay thế bọn bóc lột này bằng bọn bóc lột khác, không thay thế một hình thức bóc lột này bằng một hình thức bóc lột khác, mà tiêu diệt mọi sự bóc lột, tiêu diệt đủ mọi hạng người bóc lột, giàu có và đi áp bức, cũ và mới. *(Vỗ tay hồi lâu.)*

Cho nên Cách mạng tháng Mười là điều kiện tiên quyết, là tiền đề cần thiết để cho nông dân đi vào con đường mới, vào con đường nông trang tập thể.

Nông dân ủng hộ Cách mạng tháng Mười, như thế là đúng hay sai? Đúng. Họ đã làm đúng vì Cách mạng tháng Mười đã giúp họ tiêu diệt bọn đại địa chủ và bọn tư bản, bọn cho vay nặng lãi và bọn cu-lắc, bọn con buôn và bọn đầu cơ.

Nhưng đó chỉ là một mặt của vấn đề. Đánh đuổi bọn đi áp bức, đánh đuổi bọn đại địa chủ và bọn tư bản, trấn áp bọn cu-lắc và bọn đầu cơ, như thế là rất tốt. Nhưng cái đó chưa đủ. Để giải phóng hoàn toàn khỏi gông xiềng cũ, mà chỉ đập tan bọn bóc lột, thì không đủ. Còn phải xây dựng một đời sống mới, một đời sống cho phép người nông dân lao động cải thiện sinh hoạt vật chất và văn hóa của mình và càng ngày càng nâng cao đời sống đó lên. Muốn thế, thì phải thiết lập một chế độ mới ở nông thôn, tức là chế độ nông trang tập thể. Đó là mặt khác của vấn đề.

Chế độ cũ và chế độ mới, chế độ nông trang tập thể, khác nhau ở chỗ nào?

Dưới chế độ cũ, nông dân làm việc riêng lẻ; họ làm việc theo những phương pháp cũ kỹ theo kiểu ông cha ngày xưa, bằng những công cụ lao động cũ kỹ; họ trần thân ra mà làm việc cho bọn đại địa chủ và bọn tư bản, bọn cu-lắc và bọn đầu cơ; họ làm việc cực nhọc, chịu đói khổ và làm giầu cho kẻ khác. Dưới chế độ mới, dưới chế độ nông trang tập thể, nông dân làm việc chung nhau, thành ác-ten, đồng thời sử dụng những công cụ mới, máy kéo và máy móc nông nghiệp; họ làm việc cho họ và cho nông trang tập thể của họ; họ sống cuộc đời không có bọn tư bản và cũng không có bọn đại địa chủ, không có bọn cu-lắc và cũng không có bọn đầu cơ; họ làm việc để hàng ngày cải thiện sinh hoạt vật chất và văn hóa của họ. Ở kia, dưới chế độ cũ, chính phủ là chính phủ tư sản, nên nó ủng hộ bọn nhà giàu chống lại nông dân lao động. Ở đây, dưới chế độ mới, chế độ nông trang tập thể, chính phủ là chính phủ công nông, nên nó ủng hộ công nông chống lại đủ mọi loại nhà giàu. Chế độ cũ dẫn tới chủ nghĩa tư bản. Chế độ mới dẫn tới chủ nghĩa xã hội.

Đó là hai con đường: con đường tư bản chủ nghĩa và con đường xã hội chủ nghĩa; con đường tiến lên, dẫn tới chủ nghĩa xã hội, và con đường thụt lùi, quay về chủ nghĩa tư bản.

Có những người nghĩ rằng người ta có thể đi vào một con đường thứ ba. Đó là một số các đồng chí do dự, còn chưa tin chắc vào sự đúng đắn của con đường nông trang tập thể; những đồng chí này, với một sự vội vàng đặc biệt, đã nắm lấy con đường thứ ba đó mà chưa một ai biết đến cả. Họ muốn chúng ta trở lại chế độ cũ, muốn chúng ta quay lại nền kinh tế cá thể, nhưng trong đó không có bọn tư bản, cũng không có bọn đại địa chủ. Ngoài ra, họ còn muốn chúng ta «chỉ» thừa nhận bọn cu-lắc và bọn tư bản nhỏ khác, như một thực tế dĩ nhiên trong chế độ kinh tế của chúng ta. Thật ra, đó không phải là một con đường thứ ba, mà là con đường thứ hai, con đường dẫn tới chủ nghĩa tư bản. Thật vậy, quay lại nền kinh tế cá thể và phục hồi giai cấp cu-lắc nghĩa là gì? Chính là phục hồi ách áp bức của cu-lắc, là phục hồi sự bóc lột của bọn cu-lắc đối với nông dân, là giao chính quyền cho bọn cu-lắc này. Nhưng người ta có thể phục hồi giai cấp cu-lắc mà đồng thời vẫn duy trì chính quyền xô-viết được không? Không. Phục hồi giai cấp cu-lắc sẽ dẫn tới việc thành lập một chính quyền cu-lắc và phá hủy chính quyền xô-viết. Như vậy, nó dẫn tới việc thành lập một chính phủ tư sản. Mà việc thành lập một chính phủ tư sản lại dẫn tới chỗ phục hồi bọn đại địa chủ và bọn tư bản, phục hồi chủ nghĩa tư bản. Cái gọi là con đường thứ ba, thực tế chỉ là con đường thứ hai, con đường quay trở lại chủ nghĩa tư bản. Vậy hãy đi hỏi nông dân xem họ có muốn phục hồi ách áp bức của bọn cu-lắc, trở lại chủ nghĩa tư bản, phá hủy

chính quyền xô-viết và phục hồi chính quyền của bọn đại địa chủ và bọn tư bản không. Vậy hãy đi hỏi họ về vấn đề đó, và các đồng chí sẽ biết rằng đâu là con đường mà đa số nông dân lao động coi là con đường duy nhất đúng.

Vậy, chỉ có hai con đường: *hoặc* trèo giốc mà tiến lên phía trước, tới chế độ mới, chế độ nông trang tập thể; *hoặc* tụt giốc mà lùi lại đằng sau, trở về chế độ cũ, chế độ của bọn tư bản và bọn cu-lắc.

Tuyệt nhiên không có con đường thứ ba.

Nông dân lao động đã làm đúng khi họ vứt bỏ con đường tư bản chủ nghĩa và đã đi vào con đường xây dựng nông trang tập thể.

Người ta nói rằng con đường nông trang tập thể là một con đường đúng nhưng khó khăn. Cái đó chỉ đúng một phần. Chắc chắn là trên con đường đó có những khó khăn. Không phải dễ mà xây dựng được một đời sống tốt đẹp. Nhưng sự thật thì những khó khăn chủ yếu đã vượt qua rồi; và những khó khăn mà chúng ta còn phải khắc phục cũng không đáng để cho ta nói đến nhiều lắm. Các đồng chí hội viên nông trang tập thể, dù sao đi nữa, thì so với những khó khăn mà công nhân đã phải vượt qua trước đây mươi mười lăm năm, những khó khăn của các đồng chí hiện nay có vẻ như một trò chơi trẻ con thôi. Ở đây, các diễn giả của các đồng chí trong khi tham luận đã ca tụng công nhân Lê-nin-gờ-rát, Mạc-tư-khoa, Kha-rơ-cốp, lưu vực sông Đô-nét-dơ. Họ nói: công nhân có những thành tựu đáng ghi nhớ, còn như các đồng chí, những hội viên nông trang tập thể, các đồng chí có ít thành tựu hơn nhiều. Tôi thấy hình như các diễn giả của các đồng chí, trong các bài diễn văn của họ, cũng đã tỏ ra ghen tị như thế nào đó giữa đồng chí với nhau; họ có vẻ nói

là : nếu chúng tôi, những nông dân nông trang tập thể, mà có được những thành tựu giống như những thành tựu của công nhân, giống như những thành tựu của công nhân Lê-nin-gờ-rát, Mạc-tư-khoa, lưu vực sông Đô-nét-dơ, Kha-rơ-cốp v.v... thì hay biết bao.

Tất cả cái đó đều tốt. Nhưng các đồng chí có biết rằng có được những thành tựu đó thì công nhân Lê-nin-gờ-rát và Mạc-tư-khoa đã phải hy sinh biết bao nhiêu không, và họ đã chịu đựng thiếu thốn như thế nào để cuối cùng đạt được những thành tựu đó không? Tôi có thể kể lại cho các đồng chí một vài sự thật về đời sống của công nhân, năm 1918 : trong suốt hàng bao nhiêu tuần lễ, người ta không phát cho công nhân lấy một mẩu bánh nhỏ nào, chứ đừng nói ngay đến thịt và những thức ăn khác nữa. Những ngày mà người ta có thể phát cho công nhân Lê-nin-gơ-rát và Mạc-tư-khoa năm mươi gơ-ram bánh mì đen, mà còn trộn đến một nửa khô dầu nữa, thì đã được coi là những ngày tốt đẹp nhất rồi. Và tình trạng đó không phải kéo dài một tháng, cũng không phải sáu tháng, mà là hai năm ròng. Song, công nhân đã chịu đựng mà không nản lòng, họ biết rằng những ngày tốt đẹp hơn sẽ tới và sẽ mang lại cho họ những thắng lợi quyết định. Vậy, các đồng chí thấy rằng công nhân đã không lầm. Hãy so sánh một chút những khó khăn và thiếu thốn của các đồng chí với những khó khăn và thiếu thốn các công nhân đã chịu đựng, thì các đồng chí sẽ thấy rằng những khó khăn của các đồng chí cũng không đáng cho người ta phải nói tới nhiều lắm.

Cần phải làm gì để thúc đẩy phong trào nông trang tập thể tiến lên và để phát triển đến nơi đến chốn việc xây dựng nông trang tập thể?

Muốn thế, trước hết, các nông trang đó cần phải có sẵn ruộng đất có thể canh tác được và hoàn toàn thuộc quyền sử dụng của các nông trang đó. Các đồng chí đã có ruộng đất đó chưa? Có, các đồng chí có ruộng đất đó rồi. Người ta biết rằng những đất tốt nhất đã được trao cho nông trang và vĩnh viễn là đất của nông trang tập thể. Vậy những hội viên nông trang có thể làm và vun bón ruộng đất đó theo ý muốn của mình, không sợ ruộng đất đó lại rơi vào tay kẻ khác nữa.

Muốn thế thì, hai là, những hội viên nông trang tập thể phải có những máy kéo và máy móc. Những máy đó các đồng chí đã có chưa? Có, các đồng chí đã có rồi. Tất cả mọi người đều biết rằng những nhà máy sản xuất máy kéo và những nhà máy sản xuất máy móc nông nghiệp đều làm việc trước hết và nhất là cho các nông trang tập thể, cung cấp cho nông trang tập thể tất cả các công cụ hiện đại.

Muốn thế thì, sau hết là, chính phủ phải hết sức ủng hộ nông dân nông trang tập thể, bằng cách cung cấp cho họ người và phương tiện tài chính, và ngăn chặn những tàn dư của các giai cấp thù địch phá hoại những nông trang tập thể. Chính phủ đó, các đồng chí đã có chưa? Có, các đồng chí đã có rồi. Chính phủ đó gọi là chính phủ xô-viết của công nông. Hãy thử chỉ ra xem có một nước nào chính phủ lại không ủng hộ bọn tư bản và bọn đại địa chủ, không ủng hộ bọn cu-lắc và bọn nhà giàu, mà ủng hộ nông dân lao động. Một nước như thế chưa bao giờ có, và trên thế giới chẳng nơi nào có cả. Chỉ có ở nước ta, trong nước Xô-viết, mới có một Chính phủ đã đứng lên như một bức thành kiên cố để bảo vệ công nhân và nông dân nông trang tập thể, để bảo vệ tất cả những người lao

động ở thành thị và nông thôn, chống lại tất cả bọn nhà giàu và tất cả bọn bóc lột. *(Vỗ tay hồi lâu.)*

Như vậy là các đồng chí có tất cả những điều cần phải có để phát triển việc xây dựng các nông trang tập thể và để hoàn toàn giải phóng mình khỏi những xiềng xích cũ.

Về phần các đồng chí, chỉ cần một điểm là: làm việc trung thực, chia hoa lợi của nông trang tùy theo lao động của mỗi người, giữ gìn của cải của nông trang, giữ gìn máy kéo và máy móc, chăm sóc ngựa cho cẩn thận, làm đầy đủ nghĩa vụ của các đồng chí đối với Nhà nước công nông của các đồng chí, làm cho các nông trang tập thể mạnh thêm, đánh đuổi bọn cu-lắc và bọn tay sai của chúng trà trộn vào nông trang.

Chắc chắn là các đồng chí sẽ đồng ý với tôi mà nói rằng khắc phục những khó khăn ấy, nghĩa là làm việc trung thực và giữ gìn của cải của nông trang, không đến nỗi khó lắm đâu. Nhất là khi các đồng chí không còn lao động cho bọn nhà giàu, cũng không lao động cho bọn bóc lột, mà lao động cho bản thân các đồng chí, cho chính nông trang của các đồng chí.

Các đồng chí thấy rằng con đường nông trang tập thể, con đường chủ nghĩa xã hội, là con đường duy nhất đúng của nông dân lao động.

II

NHIỆM VỤ TRƯỚC MẮT CỦA CHÚNG TA LÀ LÀM CHO TẤT CẢ MỌI HỘI VIÊN NÔNG TRANG TẬP THỂ ĐỀU ĐƯỢC KHÁ GIẢ.

Vấn đề thứ hai: Đi vào con đường mới đó, con đường nông trang tập thể của chúng ta, chúng ta đã đạt

được những gì rồi, và trong hai hoặc ba năm nữa chúng ta sẽ đạt được những gì nữa?

Chủ nghĩa xã hội là một điều tốt. Một đời sống xã hội chủ nghĩa sung sướng là một điều tốt không chối cãi được. Nhưng tất cả cái đó là một vấn đề tương lai. Vấn đề chủ yếu, hiện nay, không phải là cái mà chúng ta sẽ đạt được trong tương lai. Vấn đề chủ yếu hiện nay là cái mà chúng ta đã đạt được ngay bây giờ đây. Nông dân đã bước vào con đường nông trang tập thể. Rất tốt. Nhưng đi vào con đường đó, nông dân đã được những gì? Cụ thể chúng ta đã đạt được gì, khi đi theo con đường nông trang tập thể?

Chúng ta đã có thể giúp đỡ hàng triệu nông dân nghèo vào nông trang tập thể. Chúng ta đã đạt tới chỗ là, một khi đã vào các nông trang tập thể và được hưởng những ruộng đất tốt hơn và những công cụ sản xuất tốt hơn, thì hàng triệu nông dân nghèo đã vươn lên tới mức trung nông. Chúng ta đã đạt tới chỗ là, hàng triệu nông dân nghèo, trước đây không bao giờ được ăn no, thì hiện nay, trong nông trang tập thể, họ đã trở thành trung nông, những người không phải lo đến ngày mai nữa. Chúng ta đã chấm dứt sự phân hóa nông dân thành nông dân nghèo và cu-lắc; chúng ta đã đánh đổ bọn cu-lắc và giúp đỡ nông dân nghèo trong nông trang tập thể, trở thành những người làm chủ sự lao động của mình, trở thành trung nông.

Khoảng bốn năm trước đây, trước khi phát triển việc xây dựng nông trang tập thể thì tình hình như thế nào? Bọn cu-lắc giàu có lên và phát đạt lên, còn nông dân thì nghèo đi và phá sản, trở thành miếng mồi của bọn cu-lắc. Trung nông tìm cách ngoi lên ngang với cu-lắc, nhưng họ lại rơi xuống và làm tăng thêm hàng ngũ của bần nông trước con mắt khoái trá của bọn cu-lắc.

Không khó gì mà không đoán trước được rằng chỉ có bọn cu-lắc, và có lẽ cũng một vài nông dân khá giả nữa, là đã kiếm chác được trong tất cả cái tình trạng hỗn loạn đó. Trong 100 gia đình nông dân, người ta có thể đếm đến 4 hoặc 5 gia đình cu-lắc, 8 hoặc 10 gia đình nông dân khá giả, 45 hoặc 50 gia đình trung nông và độ chừng 35 gia đình nông dân nghèo. Như vậy, những nông dân nghèo phải chịu ách áp bức của bọn cu-lắc đã chiếm đến ít nhất là 35% tổng số các gia đình. Đó là tôi chưa nói đến những trung nông hạng dưới, họ chiếm tới quá nửa con số trung nông, và hoàn cảnh của họ cũng không khác gì hoàn cảnh nông dân nghèo mấy, họ vẫn trực tiếp lệ thuộc vào bọn cu-lắc.

Bằng cách phát triển việc xây dựng nông trang tập thể, chúng ta đã xóa bỏ được tình trạng hỗn loạn và bất công đó; chúng ta đã đập tan ách áp bức của bọn cu-lắc; chúng ta đã thu hút vào nông trang tập thể toàn bộ quần chúng nông dân nghèo đó; vào đấy, chúng ta đã bảo đảm đời sống cho họ và nâng đời sống của họ lên ngang mức của trung nông, được hưởng ruộng đất của nông trang, được hưởng những quyền lợi do nông trang mang lại, được hưởng những máy kéo và máy móc nông nghiệp.

Điều đó có nghĩa là gì? Là nhờ có nông trang tập thể mà ít nhất có tới hai mươi triệu người trong nông dân, ít nhất có tới hai mươi triệu nông dân nghèo đã được cứu thoát khỏi cảnh khốn cùng và phá sản, cứu thoát khỏi ách nô dịch của bọn cu-lắc và đảm bảo được đời sống.

Đó là một thắng lợi vĩ đại, các đồng chí ạ. Một thắng lợi mà thế giới chưa bao giờ thấy, và chưa hề có một Nhà nước nào đạt được cả.

Vậy đó là những kết quả thực tiễn, cụ thể của việc xây dựng nông trang tập thể, những kết quả do ở chỗ nông dân đã bước vào con đường nông trang tập thể.

Nhưng đó mới chỉ là bước *đầu* của chúng ta, mới chỉ là thắng lợi *đầu tiên* của chúng ta trên con đường xây dựng nông trang tập thể.

Cho rằng chúng ta nên dừng lại ở bước thứ nhất đó, ở thắng lợi thứ nhất đó, là sai. Không, các đồng chí ạ, chúng ta không thể dừng lại ở thắng lợi đó được. Muốn tiến lên, và củng cố hẳn những nông trang tập thể, chúng ta phải bước một bước *thứ hai* nữa, chúng ta phải đạt được một thắng lợi *mới*. Bước thứ hai đó là gì? Là nâng cao hơn nữa mức sống của những hội viên nông trang tập thể, cả của những nông dân nghèo cũ, cũng như của những trung nông cũ. Là *làm cho tất cả các hội viên nông trang tập thể đều khá giả lên*. Đúng thế, các đồng chí ạ, làm cho họ khá giả lên. *(Vỗ tay hồi lâu.)*

Nhờ nông trang tập thể, chúng ta đã nâng mức sống của nông dân nghèo lên ngang mức với trung nông. Rất tốt. Nhưng như thế chưa đủ. Bây giờ, chúng ta còn phải tiến lên một bước nữa, giúp đỡ tất cả các hội viên nông trang, nông dân nghèo cũ và trung nông cũ nâng cao mức sống của mình lên ngang mức của nông dân khá giả. Có thể làm được như thế, và dù thế nào đi nữa, chúng ta cũng phải làm được như thế. *(Vỗ tay hồi lâu.)*

Hiện nay, chúng ta có tất cả những điều cần thiết để đạt tới mục đích đó. Hiện nay, máy móc và máy kéo của chúng ta, chúng ta còn sử dụng kém. Ruộng đất của chúng ta, chúng ta cày bừa rất xoàng. Chỉ cần sử dụng tốt hơn những máy móc và máy kéo, chỉ cần cày bừa ruộng đất cho tốt hơn là đủ để chúng ta thu được

gấp hai, gấp ba khối lượng sản phẩm của chúng ta. Và như thế là thừa sức làm cho tất cả các hội viên nông trang tập thể thành những người lao động khá giả của đồng ruộng nông trang tập thể.

Nói về những nông dân khá giả, thì tình hình xưa kia như thế nào? Muốn khá giả, cần phải làm hại những người khác, cần phải bóc lột họ, bán cho họ với giá đắt nhất, mua của họ với giá rẻ nhất, thuê mượn một vài cố nông, bóc lột họ tận xương tủy, cóp nhặt lấy một vốn liếng nhỏ và, một khi ngóc dậy được, liền trở thành cu-lắc. Tóm lại, chính đó là nguyên nhân tại sao những nông dân khá giả xưa kia, dưới chế độ kinh tế cá thể, đã làm cho nông dân nghèo và trung nông không tín nhiệm và căm thù Ngày nay thì lại khác. Ngày nay, ngay hoàn cảnh đã thay đổi khác hẳn. Muốn cho những hội viên nông trang tập thể được khá giả, tuyệt không cần làm hại hoặc bóc lột những người bên cạnh mình. Vả lại, ngày nay không phải dễ dàng bóc lột bất cứ ai, vì rằng ở nước ta không còn chế độ tư hữu và cho lĩnh canh ruộng đất nữa, rằng những máy móc và máy kéo thuộc về Nhà nước; còn như bọn sở hữu tư bản, thì hiện nay họ không còn hợp thời trong các nông trang tập thể nữa. Cái lề lối xưa đó, giờ đây đã vĩnh viễn tiêu tan rồi. Ngày nay, muốn cho những hội viên nông trang tập thể trở nên khá giả, thì chỉ cần có một việc thôi: làm việc trung thực trong các nông trang tập thể, sử dụng những máy kéo và máy móc cho hợp lý, sử dụng những súc vật dùng để lao động cho hợp lý, cày cấy ruộng đất cho hợp lý, gìn giữ tài sản nông trang tập thể.

Đôi khi người ta nói: Đã có chủ nghĩa xã hội rồi, tại sao còn lao động làm gì? Trước kia, chúng ta đã lao

động, bây giờ chúng ta cũng lao động, thế chưa đến lúc thôi lao động được ư? Những lời nói như thế là căn bản sai lầm, các đồng chí ạ. Đó là một thứ triết lý của kẻ lười biếng chứ không phải là của những người lao động trung thực. Chủ nghĩa xã hội tuyệt không phải là không lao động. Ngược lại, chủ nghĩa xã hội xây dựng trên lao động. Chủ nghĩa xã hội và lao động là hai cái không thể tách rời được.

Lê-nin, người thày vĩ đại của chúng ta, đã nói: «Ai không làm thì không ăn». Điều đó nghĩa là gì? Những câu nói đó của Lê-nin nhằm chống lại ai? Chống bọn bóc lột, chống những người không tự mình lao động nhưng lại bắt người khác lao động và làm giàu trên lưng người khác. Còn chống ai nữa? Chống những kẻ lười biếng và muốn lợi dụng lao động của những người khác. Điều mà chủ nghĩa xã hội đòi hỏi, không phải là ăn không ngồi rồi, mà đòi hỏi tất cả mọi người phải lao động một cách trung thực, lao động không phải cho kẻ khác, không phải cho bọn giàu có và bọn bóc lột, mà cho bản thân mình, cho xã hội. Và nếu chúng ta lao động trung thực, nếu chúng ta lao động cho bản thân chúng ta, cho nông trang tập thể của chúng ta, thì trong hai hoặc ba năm nữa chúng ta sẽ đi tới chỗ nâng mức sống của tất cả các hội viên nông trang, nông dân nghèo cũ và trung nông cũ, tới ngang mức sống của nông dân khá giả, tới ngang mức sống của những người được hưởng dồi dào sản phẩm và sống một cuộc đời hoàn toàn văn minh.

Hiện nay, chính đó là nhiệm vụ trước mắt của chúng ta. Chúng ta có thể đạt tới đó, và dù thế nào đi nữa, chúng ta cũng phải đạt tới đó. *(Vỗ tay hồi lâu.)*

III

MẤY ĐIỀU NHẬN XÉT

Và bây giờ tôi xin phép đưa ra một vài nhận xét.

Trước hết là nhận xét về *đảng viên* của ta ở nông thôn. Trong các đồng chí, có nhiều đảng viên, nhưng số người ngoài đảng lại còn nhiều hơn. Trong đại hội này, người ngoài đảng lại nhiều hơn đảng viên cộng sản, đó là điều rất tốt, vì chúng ta, trước hết, cần phải làm cho chính những người ngoài đảng tham gia vào công tác của chúng ta. Có những đảng viên cộng sản cư xử ra người bôn-sê-vích đối với những hội viên nông trang ngoài đảng. Nhưng cũng có những người khác tự cao cho mình là đảng viên cộng sản, và xa rời những người ngoài Đảng. Thế là sai, là có hại. Sức mạnh của những người bôn-sê-vích, sức mạnh của những người cộng sản, chính là ở chỗ họ biết tập hợp được hàng triệu chiến sĩ ngoài Đảng xung quanh Đảng ta. Chúng ta, những người bôn-sê-vích, sẽ không thể giành được những thắng lợi như ngày nay, nếu chúng ta không biết tranh thủ được cho Đảng sự tín nhiệm của hàng triệu công nhân và nông dân ngoài Đảng. Và muốn thế cần phải làm gì? Những người cộng sản cần phải lắng tai nghe những người ngoài Đảng, biết giáo dục những người ngoài Đảng, lại còn chính mình phải học hỏi những người ngoài Đảng, chứ không phải là dựng lên một bức tường giữa họ và những người ngoài Đảng, chứ không phải là bó mình trong cái vỏ đảng viên của mình, chứ không phải là tự cho ta đây là đảng viên để mà kiêu ngạo.

Đừng quên rằng đảng viên không phải là từ trên trời rơi xuống. Cần phải nhớ lại rằng tất cả các đảng

viên trước kia đều là những người ngoài Đảng. Hôm nay là người ngoài Đảng, ngày mai là đảng viên của Đảng. Tóm lại, có gì mà đáng tự cao? Trong số chúng tôi, những người bôn-sê-vích lão thành, có nhiều người đã đứng trong hàng ngũ Đảng, chiến đấu từ hai ba mươi năm nay. Nhưng chúng tôi cũng thế thôi, trước kia chúng tôi cũng là những người ngoài Đảng. Nếu hai ba mươi năm trước đây, trong thời kỳ đó, những đảng viên của Đảng coi chúng tôi chẳng ra gì, và không để cho chúng tôi gần Đảng, thì chúng tôi sẽ ra sao? Có thể là chúng tôi sẽ xa Đảng trong hàng bao nhiêu năm. Thế mà các đồng chí ạ, những người bôn-sê-vích lão thành chúng tôi, đâu phải là những người vô dụng. *(Nhộn nhịp vui vẻ, vỗ tay hồi lâu.)*

Bởi vậy cho nên những người cộng sản chúng ta, những đảng viên mới của Đảng mà đôi khi tỏ ra vẻ ta đây trước những người ngoài Đảng, thì cần phải nhớ lấy tất cả điều đó, nhớ lấy rằng không phải tính tự cao, mà chính sự khiêm tốn mới là tính tốt của người bôn-sê-vích.

Bây giờ xin nói vài lời *về phụ nữ, về nữ hội viên nông trang tập thể*. Vấn đề phụ nữ trong các nông trang tập thể là một vấn đề quan trọng, các đồng chí ạ. Tôi biết rằng nhiều người trong số chúng ta đánh giá thấp vai trò của phụ nữ và cũng còn chế nhạo họ đôi chút nữa là khác. Nhưng các đồng chí đã lầm, lầm to rồi, các đồng chí ạ. Không phải chỉ vì phụ nữ đại diện cho phần nửa dân cư, mà chính chủ yếu là vì phong trào nông trang tập thể đã đưa vào cương vị lãnh đạo nhiều phụ nữ xuất sắc, nhiều phụ nữ có tài. Hãy nhìn xem Đại hội này, nhìn xem thành phần của nó, chúng ta sẽ thấy rằng phụ nữ, trước kia là những người lạc hậu, nhưng từ lâu đã theo kịp đội tiên phong rồi. Phụ

nữ, trong các nông trang tập thể, là một lực lượng quan trọng. Kìm hãm lực lượng đó là phạm tội lớn. Trong các nông trang tập thể, bổn phận của chúng ta là làm cho phụ nữ tiến lên, và thúc đẩy lực lượng đó hoạt động.

Đành rằng chính quyền xô-viết, trong thời gian vừa qua, đã có một sự hiểu lầm nhỏ đối với phụ nữ nông trang tập thể. Đó là về vấn đề bò cái của họ. Nhưng bây giờ vấn đề bò cái đã được giải quyết rồi, và sự hiểu lầm đó đã được đánh tan. *(Vỗ tay hồi lâu.)* Bây giờ chúng ta đã đạt tới chỗ là phần đông các gia đình trong nông trang đều có một con bò cái rồi. Một, hai năm nữa, chúng ta sẽ không còn thấy một hội viên nông trang nào lại không có mỗi người một con bò cái. Hãy tin chắc rằng chúng ta, những người bôn-sê-vích, chúng ta sẽ làm thế nào cho mỗi hội viên nông trang có một con bò cái riêng của mình. *(Vỗ tay hồi lâu.)*

Còn về phía nữ hội viên nông trang tập thể, thì họ không được quên vai trò và ý nghĩa quan trọng của nông trang tập thể đối với phụ nữ. Họ không được quên rằng chỉ trong nông trang tập thể thì họ mới có thể bình đẳng được với nam giới. Ở ngoài nông trang tập thể, là bất bình đẳng, ở trong nông trang tập thể, là có quyền lợi bình đẳng. Vậy các đồng chí nữ hội viên nông trang hãy nhớ lấy như thế và bảo vệ chế độ nông trang tập thể như con ngươi của mắt mình. *(Vỗ tay hồi lâu.)*

Tôi xin nói đôi lời về nam nữ hội viên nông trang là *đoàn viên Thanh niên cộng sản*. Các đồng chí, thanh niên chính là tương lai của chúng ta, hy vọng của chúng ta. Thanh niên phải thay thế chúng ta là những người đã già rồi. Họ cần phải mang lá cờ của

chúng ta cho tới thắng lợi cuối cùng. Trong số nông dân, có nhiều người già, lúng túng vì gánh nặng cũ, lúng túng vì những tập quán và những ký ức của cuộc đời trước kia. Cố nhiên không phải bao giờ họ cũng bước theo kịp Đảng, kịp chính quyền xô-viết. Tình hình thanh niên chúng ta thì lại khác. Họ không bận bịu với gánh nặng cũ, và họ thấm nhuần những bài học của Lê-nin một cách dễ dàng hơn. Và chính vì thanh niên thấm nhuần những bài học của Lê-nin một cách dễ dàng hơn, chính vì lý do đó nên họ có nhiệm vụ lôi kéo những người chậm tiến và do dự. Đành rằng họ còn thiếu kiến thức, nhưng kiến thức là điều có thể học tập mà có được. Ai hôm nay không có kiến thức, mai sẽ có. Cho nên nhiệm vụ là phải học tập và học tập nữa chủ nghĩa Lê-nin. Các đồng chí Thanh niên cộng sản ! Hãy học tập chủ nghĩa bôn-sê-vích và làm cho những người còn do dự tiến lên ! Hãy ít ba hoa đi, mà làm việc cho nhiều, thì chắc chắn là các đồng chí sẽ thành công. *(Vỗ tay.)*

Tôi xin nói vài lời về nông dân cá thể. Ở đây, người ta ít nói tới nông dân cá thể. Nhưng điều đó không có nghĩa là không còn có những người ấy nữa. Chắc chắn không phải là không có. Nông dân cá thể vẫn còn, và người ta không thể không chú ý tới họ, vì chính họ là hội viên tương lai của nông trang chúng ta. Tôi biết rằng một số những nông dân cá thể đã hoàn toàn trở nên hủ bại và đang chạy theo con đường đầu cơ. Chắc chắn đó là nguyên nhân tại sao những hội viên nông trang chúng ta chỉ nhận họ vào nông trang sau khi đã cân nhắc rất kỹ, và đôi khi cũng cự tuyệt không hề nhận họ vào. Dĩ nhiên như thế là đúng, và không thể có gì là đáng phản đối cả. Nhưng có một bộ phận nông dân cá thể khác, đông đảo hơn, tức là bộ

phận không chạy theo con đường đầu cơ, mà sinh sống bằng cách làm ăn trung thực. Có lẽ những nông dân cá thể này mà được gia nhập nông trang tập thể thì cũng chẳng lấy làm khó chịu đâu. Nhưng điều ngăn trở họ, chính là, một mặt họ hoài nghi sự đúng đắn của đường lối nông trang tập thể, và mặt khác, là các hội viên nông trang tập thể hiện nay đang ghét bỏ những nông dân cá thể.

Cố nhiên, cần phải hiểu những hội viên nông trang và tự đặt mình vào địa vị của họ. Suốt trong những năm trước đây, họ đã chịu đựng biết bao lời thóa mạ và nhạo báng của nông dân cá thể. Nhưng ở đây, những lời thóa mạ và nhạo báng đó, ta không nên cho nó một ý nghĩa quyết định. Người nào mà không biết bỏ qua những lời thóa mạ và đặt tình cảm của mình lên trên lợi ích của sự nghiệp nông trang tập thể, thì chính đó là một người lãnh đạo kém. Nếu các đồng chí muốn trở thành những người lãnh đạo, thì các đồng chí phải biết bỏ qua những lời mà một số nông dân cá thể nào đó đã thóa mạ các đồng chí. Trước đây hai năm, tôi có nhận được một bức thư của một quả phụ, nông dân miền Von-ga. Người này phàn nàn là không được vào nông trang tập thể, và yêu cầu tôi giúp đỡ. Tôi đã đề nghị nông trang tập thể cho biết lý do. Người ta đã trả lời tôi rằng người ta không thể nhận bà ta được vì bà này đã làm nhục một buổi họp của các hội viên nông trang.

Duyên do thế nào? Trong một buổi họp của nông dân, các hội viên nông trang kêu gọi nông dân cá thể gia nhập nông trang tập thể, thì bà góa này, để đáp lại lời kêu gọi đó, hình như đã tốc váy lên mà nói: Này, nông trang tập thể của chúng mày à, tao cũng có đây này! *(Nhộn nhịp vui vẻ, cả phòng cười ồ!)* Hiển nhiên

là bà này có cử chỉ xấu, bà này đã làm nhục hội nghị. Nhưng liệu có thể từ chối không cho bà ta gia nhập nông trang tập thể được không, nếu một năm sau bà ta đã thành khẩn ăn năn và đã nhận lỗi của mình? Tôi tưởng rằng không. Chính đó là ý kiến mà tôi đã viết cho nông trang tập thể ấy. Người ta đã nhận bà quả phụ đó. Thế rồi thế nào? Ngày nay, bà ta làm việc trong nông trang tập thể, làm việc không phải trong số những người đứng cuối cùng, mà trong số những người đứng hàng đầu. *(Vỗ tay)*.

Đó lại là một thí dụ nữa chứng tỏ rằng những người lãnh đạo, nếu muốn là những người lãnh đạo chân chính, thì cần phải biết bỏ qua những lời thóa mạ, khi lợi ích của sự nghiệp đòi hỏi phải bỏ qua đi.

Về nông dân cá thể nói chung, thì cũng cần phải nói như thế. Tôi không phản đối việc người ta kết nạp vào nông trang tập thể một cách có cân nhắc. Nhưng tôi phản đối cái lối người ta đóng cửa không cho tất cả mọi người nông dân cá thể gia nhập nông trang mà chẳng phân biệt gì cả. Đó không phải là chính sách của chúng ta, không phải chính sách bôn-sê-vích. Các hội viên nông trang cần phải nhớ rằng bản thân mình, trước đây không lâu, cũng là những nông dân cá thể.

Sau hết, tôi xin nói vài lời về *bức thư của những hội viên nông trang tập thể Bê-den-tờ-súc*. Bức thư đó đã được công bố, và hẳn là các đồng chí đã đọc. Không còn nghi ngờ chút nào nữa, đó là một bức thư hay. Nó xác nhận rằng trong số hội viên nông trang chúng ta, có nhiều người tổ chức và tuyên truyền cho sự nghiệp nông trang tập thể, những người tổ chức và tuyên truyền có kinh nghiệm và có ý thức, họ làm vinh dự cho nước chúng ta. Nhưng bức thư đó có một

đoạn sai, hoàn toàn không thể đồng ý được: các đồng chí ở Bê-den-tờ-súc coi lao động của mình trong nông trang tập thể là một thứ lao động tầm thường và hầu như không có ý nghĩa gì cả và coi lao động của các diễn giả và các lãnh tụ đôi khi đọc những bài diễn văn bất tận, mới là một sự nghiệp quan trọng và sáng tạo: về điểm này, liệu có thể đồng ý được không? Không, các đồng chí ạ, không thể nào đồng ý được. Ở đây, các đồng chí ở Bê-den-tờ-súc đã mắc một sai lầm. Có lẽ họ mắc sai lầm vì đã khiêm tốn. Nhưng không phải vì thế mà sai lầm đó không phải là một sai lầm. Thời đại mà các lãnh tụ được coi là những người duy nhất sáng tạo ra lịch sử, còn công nhân và nông dân không được đếm xỉa đến, thời đại đó không còn nữa. Hiện nay, không phải chỉ những lãnh tụ, mà trước hết và nhất là hàng triệu người lao động mới là những người quyết định vận mệnh của các dân tộc và các quốc gia. Công nhân và nông dân là những người xây dựng lên, một cách âm thầm và lặng lẽ, các nhà máy và công xưởng, hầm mỏ và đường sắt, nông trang tập thể và nông trường quốc doanh, là người sáng tạo ra tất cả của cải của cuộc sống, là người nuôi dưỡng àv may mặc cho toàn thế giới, đó là những người anh hùng và người sáng tạo chân chính của cuộc sống mới. Đó là điều mà các đồng chí ở Bê-den-tờ-súc hình như đã quên. Đánh giá quá cao sức mạnh của mình và bắt đầu lên mặt tự cao tự đại về những thành tích của mình, là sai. Điều đó dẫn tới tính huênh hoang; mà huênh hoang là một tật xấu. Nhưng khi mà người ta bắt đầu đánh giá thấp sức mạnh của mình và không thấy rằng lao động «tầm thường» và «âm thầm» của mình, thật ra là một sự nghiệp sáng tạo lớn lao quyết định vận mệnh của lịch sử, thì như thế lại còn tệ hơn nữa.

Mong rằng các đồng chí ở Bê-den-tờ-súc cũng đồng ý với lời hiệu đính nho nhỏ của tôi vào bức thư của các đồng chí ấy.

Các đồng chí, nếu các đồng chí đồng ý, thì chúng ta sẽ dừng lại ở đây.

(Vỗ tay hồi lâu rồi chuyển thành hoan hô nhiệt liệt. Cử tọa đứng dậy hoan hô đồng chí Sta-lin. Tiếng hoan hô nổi dậy. Phòng họp hô lớn) Đồng chí Sta-lin muôn năm! Lao động xung kích các nông trang tập thể muôn năm! Đồng chí Sta-lin, lãnh tụ của chúng ta muôn năm!)

Báo *Sự thật*, số 53
ngày 23 tháng Hai 1933.

Sta-lin: *Những vấn đề chủ nghĩa Lê-nin*,
Pháp văn, Nhà Xuất bản ngoại văn,
Mạc-tư-khoa, 1951, tr. 615 - 633.

NHỮNG VẤN ĐỀ KINH TẾ CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở LIÊN-XÔ

(TRÍCH)

. . . .

4. VỀ VẤN ĐỀ XÓA BỎ SỰ ĐỐI LẬP GIỮA THÀNH THỊ VÀ NÔNG THÔN, GIỮA LAO ĐỘNG TRÍ ÓC VÀ LAO ĐỘNG CHÂN TAY, VÀ CẢ VỀ VẤN ĐỀ THỦ TIÊU NHỮNG ĐIỂM KHÁC NHAU GIỮA THÀNH THỊ VÀ NÔNG THÔN, GIỮA LAO ĐỘNG TRÍ ÓC VÀ LAO ĐỘNG CHÂN TAY

Mục này liên quan đến nhiều vấn đề căn bản khác nhau; nhưng tôi vẫn tập hợp lại trong một chương, không phải để trộn lẫn những vấn đề ấy mà chỉ có mục đích để trình bày cho ngắn hơn.

Vấn đề xóa bỏ sự đối lập giữa thành thị và nông thôn, giữa công nghiệp và nông nghiệp là một vấn đề ai nấy đều đã biết cả, do Mác và Ăng-ghen đề ra từ lâu. Cơ sở kinh tế của sự đối lập ấy là sự bóc lột của thành thị đối với nông thôn, là sự tước quyền sở hữu của nông dân và sự phá sản của đa số nhân dân ở nông thôn, do sự phát triển của công nghiệp, thương nghiệp và hệ thống tín dụng dưới chế độ tư bản chủ nghĩa gây nên. Cho nên phải hiểu sự đối lập giữa thành thị và

nông thôn dưới chế độ tư bản như là một sự đối lập về quyền lợi. Chính trên cơ sở ấy mà đã phát sinh ra thái độ thù địch của nông thôn đối với thành thị và nói chung là đối với « dân thành thị ».

Chắc chắn rằng cùng với sự thủ tiêu chủ nghĩa tư bản và chế độ bóc lột, với sự tăng cường chế độ xã hội chủ nghĩa trong nước ta, thì sự đối lập quyền lợi giữa thành thị và nông thôn, giữa công nghiệp và nông nghiệp phải bị thủ tiêu, và tình hình chính đã xẩy ra như thế. Thành phố xã hội chủ nghĩa, giai cấp công nhân ở nước ta đã giúp đỡ có hiệu lực cho nông dân tiêu diệt bọn đại địa chủ và cu-lắc, do đấy đã củng cố cơ sở của khối liên minh công nông ; ngoài ra, việc cung cấp một cách có hệ thống những máy kéo và máy móc khác vào loại tốt nhất cho nông dân và cho các nông trang tập thể của họ, đã biến sự liên minh công nông thành những quan hệ bạn bè thân thiết với nhau. Đương nhiên, công nhân và nông dân nông trang tập thể vẫn là hai giai cấp có hoàn cảnh riêng khác nhau. Nhưng sự khác nhau đó không hề làm giảm bớt gì mối tình bạn bè giữa hai bên. Trái lại, lợi ích của họ cùng ở trên một lập trường như nhau, lập trường củng cố chế độ xã hội chủ nghĩa và giành thắng lợi cho chủ nghĩa cộng sản. Cho nên chúng ta không nên lấy làm lạ là hiện nay không còn có chút hoài nghi nào đối với thành thị như trước nữa, lại càng không còn có chút thù ghét nào của nông thôn đối với thành thị nữa.

Tất cả những điều ấy có nghĩa là cơ sở đối lập giữa thành thị và nông thôn, giữa công nghiệp và nông nghiệp hiện nay đã bị chế độ xã hội chủ nghĩa của chúng ta thủ tiêu mất rồi.

Nhưng như thế tuyệt nhiên không có nghĩa là thủ tiêu sự đối lập giữa thành thị và nông thôn nhất định

phải dẫn đến «sự diệt vong các thành phố lớn» (xem «*chống Đu-rinh*» của Ăng-ghen). Các thành phố lớn không những không bị diệt vong mà sẽ có nhiều thành phố lớn khác nữa xuất hiện, và những thành phố này sẽ là những trung tâm văn hóa lớn; đó không những là những trung tâm của nền đại công nghiệp, mà còn là những trung tâm của các ngành chế biến nông sản, của hết thảy các ngành công nghiệp thực phẩm được phát triển mạnh mẽ. Tình hình này sẽ giúp cho nền văn hóa toàn quốc được phồn vinh rực rỡ và làm cho điều kiện sinh hoạt ở nông thôn lên ngang với thành thị.

Về vấn đề xóa bỏ sự đối lập giữa lao động trí óc và lao động chân tay, thì cũng tương tự như thế. Đấy cũng là một vấn đề ai nấy đều biết cả, mà Mác và Ăng-ghen đã đề ra từ lâu. Cơ sở kinh tế của sự đối lập giữa lao động trí óc và lao động chân tay, là sự bóc lột của những kẻ đại diện của lao động trí óc đối với những người lao động chân tay. Ai cũng biết sự chênh lệch giữa những người lao động chân tay và những nhân viên điều khiển trong các xí nghiệp dưới chế độ tư bản chủ nghĩa. Mọi người đều rõ sự chênh lệch đó đã làm cho công nhân có một thái độ thù địch đối với những giám đốc, quản đốc, kỹ sư và các đại diện khác của nhân viên chuyên môn, mà họ xem như kẻ thù của họ. Người ta hiểu rằng, với sự thủ tiêu chủ nghĩa tư bản và chế độ bóc lột thì sự đối lập quyền lợi giữa lao động trí óc và lao động chân tay cũng bị xóa bỏ. Tình trạng đối lập đó thực sự đã không còn nữa dưới chế độ xã hội chủ nghĩa chúng ta. Hiện nay, những người lao động chân tay và nhân viên điều khiển không còn thù địch với nhau nữa mà đã trở thành đồng chí và bạn với nhau, cùng là thành viên trong một tập thể duy nhất của những người sản xuất, hết sức quan tâm đến sự tiến

bộ và đến việc cải tiến sản xuất. Mối thù ghét nhau ngày xưa, hiện nay thật không còn dấu vết gì nữa.

Vấn đề xóa bỏ những sự khác nhau giữa thành thị (công nghiệp) và nông thôn (nông nghiệp), giữa lao động trí óc và lao động chân tay, hiện nay bao hàm một tính chất hoàn toàn khác hẳn. Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác chưa từng đặt ra vấn đề đó. Đây là một vấn đề mới, do thực tiễn của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của chúng ta đề ra.

Phải chăng vấn đề đó hoàn toàn chỉ là bày đặt ra trong tưởng tượng mà thôi ư? Đối với chúng ta, nó có ý nghĩa thực tiễn hay lý luận gì không? Không, không thể nói vấn đề ấy là hoàn toàn được bày đặt ra trong tưởng tượng. Trái lại, đối với chúng ta đây là một vấn đề rất quan trọng.

Ví dụ ở nước ta, sự khác nhau giữa nông nghiệp và công nghiệp không phải chỉ do điều kiện làm việc trong nông nghiệp khác với điều kiện làm việc trong công nghiệp, mà trước hết và chủ yếu là, vì trong nền công nghiệp của chúng ta, tư liệu sản xuất và sản phẩm đều thuộc quyền sở hữu của nhân dân, còn trong nông nghiệp thì quyền sở hữu không thuộc về toàn dân mà là của một nhóm người, của tập thể nông trường. Việc này, như chúng ta đã nói — đem lại kết quả là phải duy trì sự lưu thông hàng hóa, và chỉ khi nào giữa công nghiệp và nông nghiệp không còn có sự khác nhau ấy nữa thì nền sản xuất hàng hóa — với tất cả những hậu quả của nó — mới có thể mất đi. Như vậy, chúng ta không thể phủ nhận rằng sự khác nhau căn bản đó giữa nông nghiệp và công nghiệp, một khi đã mất đi, sẽ có một ý nghĩa quan trọng bậc nhất đối với chúng ta.

Đối với việc thủ tiêu sự khác nhau căn bản giữa lao động trí óc và lao động chân tay thì cũng như vậy.

Vấn đề này đối với chúng ta cũng quan trọng đặc biệt. Trước khi có phong trào quần chúng rộng lớn thi đua xã hội chủ nghĩa, thì nền công nghiệp của chúng ta tiến hành không được ổn thỏa, đến nỗi có nhiều đồng chí còn nêu ra vấn đề giảm bớt nhịp độ phát triển của công nghiệp đi. Đấy trước hết là do trình độ văn hóa và kỹ thuật của công nhân quá thấp, kém xa trình độ của nhân viên chuyên môn. Nhưng tình hình đã căn bản thay đổi sau khi phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa ở nước ta đã có tính chất quần chúng. Từ đó, công nghiệp tiến bộ nhanh chóng. Vì sao phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa có được tính chất quần chúng? Bởi vì trong công nhân đã có những nhóm đồng chí, không những đã nắm được một số kiến thức kỹ thuật tối thiểu, mà hơn nữa, còn tiến kịp trình độ nhân viên kỹ thuật; họ đã bắt đầu sửa chữa khuyết điểm của các nhân viên kỹ thuật và kỹ sư, đảo lộn những định ngạch hiện hành đã trở nên quá thời, và áp dụng những định ngạch mới, hiện đại hơn v.v... Nếu đa số công nhân, chứ không phải từng nhóm công nhân, mà nâng được trình độ văn hóa và kỹ thuật của mình lên bằng các nhà kỹ sư và nhân viên chuyên môn, thì tình hình sẽ xảy ra như thế nào? Công nghiệp nước ta ắt sẽ tiến lên một trình độ cao mà nền công nghiệp các nước khác không tài nào đạt tới được. Vì vậy, không được phủ nhận rằng, thủ tiêu sự khác nhau căn bản giữa lao động trí óc và lao động chân tay, bằng cách nâng trình độ văn hóa và chuyên môn của công nhân lên ngang trình độ của nhân viên chuyên môn, là một việc quan trọng bậc nhất đối với chúng ta.

Một số đồng chí cho rằng, với thời gian, giữa công nghiệp và nông nghiệp, giữa lao động trí óc và lao động chân tay không những sự khác nhau căn bản sẽ

mất đi, mà *tất cả* mọi sự khác nhau cũng sẽ mất hết. Như thế là sai. Việc thủ tiêu sự khác nhau căn bản giữa công nghiệp và nông nghiệp không thể dẫn đến thủ tiêu hết thảy mọi điểm khác nhau giữa hai bên. Một sự phân biệt nào đó — mặc dầu không đáng kể — nhất định vẫn còn tồn tại vì công nghiệp và nông nghiệp có những điều kiện làm việc khác nhau. Ngay cả trong công nghiệp, nếu chúng ta xét đến từng ngành của nó, thì điều kiện làm việc cũng không phải giống nhau khắp mọi nơi : ví dụ, điều kiện làm việc của thợ mỏ khác điều kiện làm việc của công nhân một xưởng đóng giầy đã cơ khí hóa ; điều kiện làm việc của công nhân khai thác quặng khác điều kiện làm việc của công nhân ngành công nghiệp chế tạo máy móc. Nếu đúng như thế, thì vẫn sẽ tồn tại một sự phân biệt nào đó, nhất là giữa công nghiệp và nông nghiệp.

Đối với sự khác nhau giữa lao động trí óc và lao động chân tay thì cũng thế. Sự khác nhau căn bản giữa hai bên, về trình độ văn hóa và chuyên môn, nhất định sẽ mất đi. Nhưng một sự phân biệt nào đó — mặc dầu không đáng kể — vẫn còn, ít nhất cũng là vì điều kiện làm việc của nhân viên điều khiển xí nghiệp không hoàn toàn giống điều kiện làm việc của công nhân.

Những đồng chí nào mà khẳng định trái lại, thì có lẽ đã dựa vào một công thức lấy trong một vài bản tham luận của tôi, trong đó có nói đến việc thủ tiêu sự khác nhau giữa công nghiệp và nông nghiệp, giữa lao động trí óc và lao động chân tay nhưng không nói rõ đấy là thủ tiêu sự khác nhau *căn bản*, chứ không phải hết thảy mọi điểm khác nhau. Chính các đồng chí đó đã hiểu công thức của tôi như thế, nên đã cho nó có nghĩa là thủ tiêu hết thảy mọi điểm khác nhau. Ấy là do công

thức đó không được chính xác, chưa được đầy đủ. Phải vứt bỏ công thức ấy đi mà thay vào bằng một công thức khác, khẳng định việc thủ tiêu những sự khác nhau căn bản, và duy trì những sự khác nhau không căn bản giữa công nghiệp và nông nghiệp, giữa lao động trí óc và lao động chân tay.

28 tháng Chín 1952

J. Sta-lin

Sta-lin: *Những vấn đề kinh tế chủ nghĩa xã hội ở Liên-xô*, Pháp văn, Nhà xuất bản ngoại văn, Mạc-tư-khoa, 1953, tr. 28 - 33.

PHỤ LỤC

CUỘC ĐẤU TRANH CHỐNG NHỮNG HÀNH ĐỘNG SAI LẠC ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG TRONG CUỘC VẬN ĐỘNG TẬP THỂ HÓA

Gửi tất cả các tổ chức Đảng!

Những tin tức gửi đến Ban Chấp hành trung ương Đảng về sự phát triển của cuộc vận động tập thể hóa nông nghiệp cho biết rằng bên cạnh những thành công thực sự và cực kỳ quan trọng của việc tập thể hóa, thì tại vài xã ở Liên-xô, cũng còn có những trường hợp làm sai lạc đường lối của Đảng.

Trước hết là nguyên tắc tự nguyện tham gia thành lập nông trang tập thể bị vi phạm. Tại vài xã, người ta lấy sự *cưỡng bách* thay cho sự tự nguyện tham gia nông trang tập thể, bằng cách đe dọa tước đoạt tài sản, truất quyền bầu cử, v.v... Kết quả là, đôi khi, một bộ phận trung nông, thậm chí cả bần nông nữa, đã bị tước đoạt tài sản. Tại một vài xã, số người bị tước đoạt lên tới 15%, và số người bị truất quyền bầu cử lên tới 15 và 20%. Có những trường hợp một số cán bộ cơ sở nào đó đối xử với quần chúng một cách cực kỳ tàn nhẫn, bỉ

ồi, đầy tội ác, những cán bộ ấy đôi khi đã bị bọn phản cách mạng đội lốt cán bộ khiêu khích (nên có hành động cướp đoạt hoa mầu, phân chia tài sản của bọn cu-lắc, bắt bớ trung nông, thậm chí cả bần nông nữa, v.v...). Tại một số xã, người ta đã *thay thế* công tác chuẩn bị tập thể hóa và công tác kiên trì giải thích cho bần nông và trung nông thông suốt những cơ sở của chính sách của Đảng, bằng phương pháp quan liêu chủ nghĩa là công bố những con số phóng đại và tăng một cách giả tạo tỷ lệ tập thể hóa. (Tại vài xã, trong vòng có vài ngày mà việc tập thể hóa « tăng » từ 10 đến 90%.)

Như vậy là người ta đã làm ngược lại lời căn dặn mà ai nấy đều biết của Lê-nin là các nông trang tập thể chỉ có thể có sức sống và mạnh nếu nó nẩy sinh trên cơ sở tự nguyện tham gia. Nghị quyết của Hội nghị lần thứ XVI của Đảng cấm không được dùng những biện pháp cưỡng bách trong khi thành lập các nông trang tập thể, đã bị vi phạm như vậy đó. Điều lệ của ác-ten nông nghiệp, đã được Hội đồng dân ủy và Ban Chấp hành trung ương Liên-xô công nhận, điều lệ đó có ghi rõ rằng những người lao động nông nghiệp, những bần nông và trung nông làng này hay làng nọ « *tự nguyện* tập hợp thành ác-ten nông nghiệp » — đã bị vi phạm như vậy đó.

Bên cạnh những sai lạc ấy, ở vài nơi còn có những trường hợp không thể chấp nhận được và tai hại cho sự nghiệp, những trường hợp xã hội hóa *cưỡng bách* nhà cửa, gia súc nhỏ, gia cầm, gia súc lấy sữa không phải để bán ra thị trường, và, về mặt đó, còn có những ý muốn nhẩy một cách ngu ngốc từ hình thức ác-ten của nông trang tập thể, tức là một khâu cơ bản trong cuộc vận động tập thể hóa nông nghiệp, đến « công xã ». Người ta quên rằng, ở nước ta, không phải vấn đề « gia

cầm » hay « vấn đề dưa chuột », mà chính vấn đề lúa mì mới là vấn đề chủ yếu trong nông nghiệp. Người ta quên rằng hiện nay, không phải « công xã », mà *ác-ten nông nghiệp* mới là hình thức cơ bản của cuộc vận động tập thể hóa nông nghiệp. Người ta quên rằng chính vì lý do ấy mà Đảng đã thấy cần thiết phải công bố một bản điều lệ không phải cho « công xã » nông nghiệp, mà là cho ác-ten nông nghiệp. Do sự sai lạc ngu ngốc ấy, chúng ta nhận thấy ở một loạt xã, phong trào tập thể hóa bị mất tín nhiệm và nhiều nông dân đã rút khỏi hàng ngũ các « công xã » và ác-ten dựng lên một cách vội vã — và, do đó, rất bấp bênh.

Như vậy là đã làm trái quan điểm của Đảng nhận định rằng hình thức cơ bản trong cuộc vận động tập thể hóa nông nghiệp, hiện nay, không phải là « công xã », mà là ác-ten. Như vậy là đã vi phạm nghị quyết mà ai nấy đều biết của Ban Chấp hành trung ương Đảng cộng sản ngày 6 tháng Giêng 1930, quy định rằng ác-ten là hình thức chính trong cuộc vận động tập thể hóa nông nghiệp và, do đó, nhảy một cách thiếu suy nghĩ từ ác-ten sang « công xã » là không thể được.

Cuối cùng, Ban Chấp hành trung ương nhận thấy cần phải nhấn mạnh vào những hành động sai lạc tuyệt đối không thể chấp nhận được trong đường lối của Đảng về cuộc đấu tranh chống những thiên kiến tôn giáo, cũng như về việc trao đổi hàng hóa giữa thành thị và nông thôn. Chúng ta biết rằng đã có những việc *dùng biện pháp hành chính* đóng cửa nhà thờ mà không có sự thỏa thuận của tuyệt đại đa số dân làng, điều đó nhiều khi lại chỉ làm tăng thêm những thiên kiến tôn giáo, cũng như đã có việc *bãi bỏ* chợ tại vài nơi, điều đó gây khó khăn cho việc tiếp tế các thành thị. Không còn nghi ngờ gì nữa rằng những hành động như thế,

thực hiện dưới chiêu bài những lời nói « tả », thật ra chỉ nối giáo cho bọn phản cách mạng và tuyệt không có gì là phù hợp với chính sách của Đảng ta.

Ban Chấp hành trung ương coi tất cả những sai lạc ấy là kết quả của *sự vi phạm trực tiếp* chính sách của Đảng, kết quả của sự vi phạm trực tiếp nghị quyết của các cơ quan lãnh đạo của Đảng ta, những sự vi phạm này, cuối cùng, chỉ tạo điều kiện cho những phần tử phái hữu trong Đảng mạnh hơn lên mà thôi.

Ban Chấp hành trung ương cho rằng tất cả những hành động sai lạc ấy hiện nay là *trở ngại chính* cho việc phát triển sau này của cuộc vận động tập thể hóa nông nghiệp và là *chỗ dựa trực tiếp* cho kẻ thù giai cấp của chúng ta.

Ban Chấp hành trung ương cho rằng nếu không từ bỏ *ngay tức thì* những hành động sai lạc đó đi, thì cuộc vận động tập thể hóa sau này *không thể phát triển nhanh chóng* được, và *không thể xóa bỏ bọn cu-lắc* về mặt giai cấp được.

Ban Chấp hành trung ương đề ra cho các tổ chức Đảng nhiệm vụ sau đây :

1. Trong việc tập thể hóa phải chấm dứt những phương pháp cưỡng bách đã biểu hiện ở vài nơi và đồng thời phải tiến hành một công tác lâu dài để *thu hút* nông dân vào các nông trang tập thể trên cơ sở tự nguyện và nhằm mục đích *tăng cường* các nông trang tập thể đã thành lập rồi ;

2. Phải làm cho các cán bộ chú ý đến việc cải tiến những nông trang tập thể về mặt kinh tế và đến việc tổ chức công việc đồng áng, phải bảo đảm *việc củng cố* những bước tiến bộ đã đạt được trong việc tập thể hóa, cũng như đảm bảo việc tổ chức kinh tế của

các ác-ten nông nghiệp bằng những biện pháp kinh tế, chính trị thích hợp của Đảng.

3. Không được chấp nhận việc chuyển từ ác-ten nông nghiệp sang « công xã » nếu không có sự thỏa thuận của các tổ chức liên hiệp địa phương của các nông trang tập thể hoặc của Ban Chấp hành địa phương, và đình chỉ việc xã hội hóa *cưỡng bách* nhà cửa, gia súc nhỏ, gia cầm và gia súc lấy sữa mà sản phẩm không phải để bán ra thị trường ;

4. Phải duyệt lại các danh sách những người bị tước đoạt tài sản và danh sách tất cả những người bị truất quyền bầu cử, và phải *lập tức sửa chữa những sai lầm đã mắc trong địa hạt này* mà đã phạm đến trung nông, đến các cựu du kích đỏ cũng như đến thân nhân của các nam nữ giáo viên nông thôn, của hồng quân và thủy thủ trong hải quân đỏ ;

5. Phải chấp hành đúng đắn nguyên tắc chung là không thu nhận vào nông trang tập thể bọn cu-lắc và những kẻ đã bị truất quyền bầu cử, nhưng cũng nên linh động trong nguyên tắc ấy mà thi hành một ngoại lệ đối với thân nhân của những du kích đỏ, những nam nữ giáo viên gắn bó trung thành với chính quyền xô-viết, với điều kiện là những người này bảo đảm cho thân nhân họ ;

6. *Cấm chỉ* việc bãi bỏ chợ, *phục hồi* những chợ đã bị bãi bỏ và *cho phép* nông dân, và cả những nông trang viên, đem ra chợ bán sản phẩm của họ ;

7. Phải cương quyết *chấm dứt* hành động dùng biện pháp hành chính đóng cửa nhà thờ, viện cớ rằng đó là nguyện vọng chung và sự tự nguyện của nhân dân, mà *chỉ được phép* đóng cửa nhà thờ trong trường

hợp tuyệt đại đa số nông dân thực sự muốn như thế và chỉ được làm như thế sau khi Ban Chấp hành địa phương đã thông qua nghị quyết của hội nghị nông dân, phải trừng trị một cách nghiêm khắc nhất những kẻ đã xúc phạm đến tín ngưỡng của nam nữ nông dân;

8. Phải *cách chức* những cán bộ nào không biết và không muốn đấu tranh cương quyết chống những hành động sai lạc đường lối của Đảng và điều động người khác *thay thế* họ.

Ban Chấp hành trung ương
Đảng Cộng sản Liên-xô

Sta-lin: Công cuộc tập thể hóa nông thôn. Pháp văn, Nhà xuất bản Bureau d'Editions, Pa-ri, 1930, tr. 120 - 124.

BẢN ĐIỀU LỆ MẪU CHO CÁC HỢP TÁC XÃ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP (ÁC-TEN)

(Văn bản cuối cùng đã được Ban Kinh tế tập thể trung ương thông qua, và được Bộ Dân ủy Nông nghiệp và Chủ tịch đoàn của Ban Chấp hành trung ương Liên-xô chấp nhận).*

I. MỤC ĐÍCH VÀ NHIỆM VỤ

1. Các công nhân nông nghiệp, bần nông và trung nông tại làng..., huyện..., tỉnh..., tự nguyện tập hợp thành một hợp tác xã sản xuất nông nghiệp nhằm dùng những tư liệu sản xuất chung và lao động tập thể chung mà xây dựng một nền kinh tế tập thể đại quy mô và do đó mà bảo đảm chiến thắng thật sự và hoàn toàn bọn cu-lắc, tất cả bọn bóc lột và kẻ thù của người lao động, để chiến thắng thật sự và hoàn toàn sự bần cùng và sự ngu dốt, và tình trạng lạc hậu của nền tiểu kinh tế cá thể, đồng thời để thực hiện một năng suất lao động cao cũng như một nền sản xuất to lớn về hàng hóa trong nền kinh tế tập thể.

---

* Bản Pháp văn: *Présidium du Comitié exécutif central de l'U.R.S.S. (N.D.)*

II. VỀ RUỘNG ĐẤT

2. Tất cả những mương bờ ngăn cách ruộng đất của các xã viên đều xóa bỏ đi và tất cả những mảnh ruộng đất nhỏ đều tập hợp thành một khối ruộng đất duy nhất, to lớn, do tập thể sản xuất trồng trọt chung.

Trong khi tập thể hóa toàn bộ ruộng đất thì xã viên được sử dụng riêng những khoảnh đất sát bên nhà (vườn rau, vườn cây có quả, v.v...). Khi cần thiết có thể điều chỉnh diện tích các khoảnh vườn tược ấy theo nghị quyết của Ban Giám đốc hợp tác xã và sau khi được đại hội đồng hợp tác xã thông qua.

3. Khối ruộng đất duy nhất, to lớn của hợp tác xã không bao giờ được thu hẹp lại.

Cấm không được lấy ruộng đất của hợp tác xã chia cho những xã viên thoát ly hợp tác xã sản xuất. Chỉ được cấp cho những xã viên thoát ly hợp tác xã những ruộng đất lấy trong số ruộng đất dự trữ của Nhà nước.

III. TƯ LIỆU SẢN XUẤT

4. Phải xã hội hóa: tất cả súc vật kéo xe, tất cả nông cụ, gia súc sản sinh ra hóa phẩm, tất cả những kho thóc lúa và cây cỏ cho gia súc ăn, trong chừng mực mà những thứ đó cần thiết để nuôi gia súc đã xã hội hóa, nhà cửa của doanh nghiệp dùng để điều khiển doanh nghiệp hợp tác xã và tất cả những thiết bị chế biến. Không xã hội hóa nhà ở của xã viên trong hợp tác xã.

Khi xã hội hóa nông cụ, thì những nông cụ nhỏ cần thiết để làm vườn sẽ thuộc quyền sử dụng riêng của các xã viên.

Trong số súc vật để làm việc nếu cần thì Ban Giám đốc hợp tác xã dành một số ngựa tối thiểu cho nhu cầu cá nhân của các xã viên.

Trong những nông hộ chỉ có một con bò cái thì không xã hội hóa con bò ấy; trong những nông hộ có nhiều bò cái, thì để lại một con cho xã viên sử dụng riêng và số còn lại thì xã hội hóa. Bất cứ trong trường hợp nào cũng đều xã hội hóa gia súc chăn nuôi. Một hợp tác xã sẽ thành lập với số bò cái đã xã hội hóa.

Việc xã hội hóa gia súc nhỏ, tức là lợn và cừu, sẽ tiến hành ở những vùng kinh tế mà công nghiệp về gia súc nhỏ phát triển sau khi hợp tác xã đã quy định dành cho xã viên một phần nào đó trong số gia súc nhỏ ấy. Tại những vùng kinh tế không có công nghiệp về gia súc nhỏ, thì không xã hội hóa lợn và cừu. Gia cầm cũng không xã hội hóa.

Trong khi để gia súc nhỏ và gia cầm thuộc quyền sở hữu riêng, thì các doanh nghiệp tập thể sẽ tổ chức ngành chăn nuôi công nghiệp xã hội hóa** gia súc nhỏ và gia cầm.

Để phòng khi mất mùa và thiếu cây cỏ cho súc vật ăn, trong hợp tác xã sẽ có dự trữ thóc lúa và cây cỏ cho súc vật ăn mà không ai được động chạm đến.

---

* Theo Stá-lin, chữ « sử dụng riêng » dùng ở đây không đúng, nên thay bằng chữ : « quyền sở hữu riêng hay là quyền sở hữu cá nhân ». (Xem Sta-lin : « *Những vấn đề kinh tế của chủ nghĩa xã hội ở Liên-xô* », tr. 58, Nhà xuất bản Sự thật, Việt-bắc, 1953, (*N.D.*)

** Elevage industriel socialisé. (*N.D.*)

5. Ban Giám đốc và toàn thể các xã viên cam kết:

a) Mở rộng diện tích trồng trọt bằng cách sử dụng toàn bộ ruộng đất thuộc về hợp tác xã, bằng cách bồi bổ và trồng trọt đất hoang và bằng cách áp dụng phương pháp luân chủng trên ruộng đất của hợp tác xã;

b) Sử dụng toàn bộ súc vật để làm việc trên một cơ sở chung cũng như toàn bộ nông cụ, toàn bộ máy kéo và máy nông nghiệp, toàn bộ số hạt giống cũng như toàn bộ tư liệu sản xuất khác; tự mua lấy và mua chịu máy kéo và các tư liệu sản xuất khác nhằm mục đích chuyển dần sang nền kinh tế cơ giới hóa;

c) Tổ chức việc sử dụng và chăm nom hợp lý nông cụ và súc vật đã xã hội hóa, vì đã thỏa thuận là gia súc và nông cụ của các doanh nghiệp tập thể thì phải được giữ gìn kỹ lưỡng hơn là trong doanh nghiệp cá thể;

d) Chăm bón ruộng đất trồng trọt và đồng cỏ cũng như tiến hành những biện pháp về kỹ thuật canh tác cần thiết để nâng cao hiệu suất;

đ) Tiến hành những biện pháp về thú y và về kỹ thuật chăn nuôi cần thiết nhằm nâng cao và cải tiến nhanh chóng nghề chăn nuôi gia súc và gia cầm để bán;

e) Tùy theo điều kiện riêng biệt từng địa phương mà phát triển tất cả các ngành sản xuất nông nghiệp khác, cũng như tùy theo điều kiện từng huyện mà mở mang các ngành thủ công nghiệp;

g) Tổ chức việc xây dựng nhà cửa cho doanh nghiệp và cho tập thể cũng như việc xây dựng các xí nghiệp phụ có cơ sở hợp tác hóa ;

h) Nâng cao trình độ văn hóa và chính trị của các xã viên ;

i) Cải thiện bằng mọi cách mức sinh hoạt của các xã viên, trước hết là của phụ nữ và trẻ em.

V. VÀO HỢP TÁC XÃ

6. Sự kết nạp xã viên vào hợp tác xã sản xuất do Ban Giám đốc hợp tác xã quyết định và sẽ trình danh sách các xã viên mới được kết nạp cho đại hội đồng họp gần nhất thông qua. Đối với các công nhân bận việc ở ngoài hợp tác xã luôn, thì không nhất thiết phải có mặt.

7. Tất cả những người lao động đã đến 16 tuổi đều có thể là xã viên của hợp tác xã sản xuất.

Bọn cu-lắc cũng như những kẻ đã bị truất quyền bầu cử thì không được vào hợp tác xã sản xuất. Có thể linh động trong nguyên tắc ấy đối với thân nhân các du kích đỏ tận tụy với sự nghiệp của chính quyền xô-viết, của các hồng quân và các thủy thủ đỏ (lính thường cũng như cấp chỉ huy), các nam nữ giáo viên nông thôn, với điều kiện là họ bảo đảm cho thân nhân của họ.

Những nông hộ nào mà trước khi vào nông trang tập thể đã làm thịt hoặc bán gia súc của mình, phân tán nông cụ của mình hoặc dùng mánh khóe mà bán hạt giống của mình đi, thì không được vào hợp tác xã sản xuất.

8. Mọi người vào hợp tác xã sản xuất đều phải đóng một khoản tiền vào hội từ 2 đến 10% giá trị toàn bộ tài sản của mình, kể cả phần đã xã hội hóa cũng như phần không xã hội hóa, chỉ trừ những đồ dùng cá nhân và trong nhà.

Trong trường hợp mà nguồn sống chính của xã viên vào hợp tác xã sản xuất là tiền lương (nhà nông học, giáo viên, nhân viên các cơ quan Nhà nước và các đoàn thể ở trong khu vực của hợp tác xã sản xuất, v.v...), thì tiền vào hội sẽ do Ban Giám đốc ấn định tùy theo từng trường hợp, nhưng không được quá 10% tiền thu nhập hàng năm.

Đối với công nhân nông nghiệp, tiền vào hội không được ấn định quá năm rúp.

Những công nhân thường xuyên bận công việc ở ngoài hợp tác xã sản xuất thì, ngoài khoản tiền đóng góp vào từ 2 đến 10% số thu nhập của mình, còn phải trả thêm 3% số lương hàng năm của mình nữa.

Chú ý: Ngoài tiền vào hội, hợp tác xã sản xuất không thu một khoản tiền nào nữa trong tiền lương của các công nhân xã viên.

Chỉ được hoãn đóng tiền vào hội với sự đồng ý của Ban Giám đốc theo đúng chỉ thị và thể thức do công đoàn các hợp tác xã tập thể đã quy định. Tiền vào hội sẽ bỏ vào vốn không được nhượng bán của hợp tác xã sản suất.

9. Phải bỏ vào vốn không được nhượng bán của hợp tác xã, từ một phần tư đến một nửa giá trị tài sản đã xã hội hóa của các xã viên (gia súc để làm việc và gia súc để lấy sản phẩm, nông cụ, nhà cửa cần dùng

trong nông nghiệp, v. v...), vì đối với những kinh tế to lớn hơn, thì tỷ lệ phần trăm bỏ vào tư bản không nhượng bán sẽ cao hơn. Số tài sản còn lại sẽ thuộc về cổ phần của xã viên.

10. Ban Giám đốc có trách nhiệm thanh toán với các xã viên thoát ly hợp tác xã và hoàn lại cổ phần của họ, với điều kiện là chỉ có thể cấp cho xã viên thoát ly hợp tác xã những ruộng đất nằm ở ngoài khu vực của hợp tác xã. Việc thanh toán, theo nguyên tắc chung, sẽ tiến hành vào cuối năm kinh tế.

11. Trong số thu nhập của hợp tác xã sản xuất tính vào cuối năm kinh tế, phải trừ những khoản chi phí dùng để nuôi dưỡng những người không còn sức lao động; trong số thu nhập ấy, phải trừ những khoản để bỏ vào vốn không được nhượng bán và công cộng (từ 10 đến 30% bỏ vào vốn không được nhượng bán, từ 3 đến 15% vào các vốn công cộng khác) cùng những khoản tiền lương.

VII. TỔ CHỨC LAO ĐỘNG VÀ TRẢ CÔNG LAO ĐỘNG

12. Tất cả công việc trong doanh nghiệp của hợp tác xã sản xuất đều do các xã viên tự lao động đảm nhiệm, đúng theo các quy tắc về phân công nội bộ đã được đại hội đồng xã viên thông qua. Chỉ những người có kiến thức chuyên môn và hiểu biết kỹ thuật (nhà nông học, kỹ sư, kỹ thuật viên, v. v...) mới được nhận công tác nông nghiệp có lương.

Chỉ được phép tuyển dụng nhất thời các công nhân trong những trường hợp rất đặc biệt khi đã sử dụng hoàn toàn sức lao động của tất cả các xã viên mà vẫn

không thể hoàn thành đúng thời hạn một số công việc nào đó, cũng như trong các công tác xây dựng.

13. Sự phân công trong hợp tác xã sẽ do Ban Giám đốc đảm nhiệm dựa theo các quy tắc đã ấn định về phân công nội bộ. Không một xã viên nào được từ chối công tác đã giao cho mình.

14. Để tổ chức hợp lý công tác của các xã viên, phải đặt tiêu chuẩn lao động cho từng loại công tác và ghi lượng và chất của công tác phải làm; có thể áp dụng chế độ tiền lương tính theo sản phẩm cũng như chế độ tiền lương tính theo giờ làm.

15. Tiền lương của các xã viên sẽ tính như sau: Trong năm kinh tế, sẽ trả với tính cách ứng trước cho xã viên chi dùng về thực phẩm và các nhu cầu khác (bằng hiện vật hay bằng tiền) ít nhất là 50% số tiền sẽ trả cho xã viên theo công việc của họ. Cuối năm kinh tế, sẽ thanh toán nốt tiền lương.

Chú ý: Trong những khoản tiền mà các xã viên kiếm được bằng lao động phụ về thủ công, sẽ trích ra nhiều nhất là từ 3 đến 10% để bỏ vào các quỹ công cộng của hợp tác xã, — hợp tác xã hoặc Liên hiệp các kinh tế tập thể ấn định tỷ suất những khoản tiền bỏ vào ấy.

16. Hợp tác xã sẽ giúp đỡ về vật chất cho các xã viên không có khả năng lao động và cho người bệnh. Điều kiện và tỷ suất của những khoản cứu tế ấy sẽ do Ban Giám đốc ấn định tùy theo khả năng kinh tế của hợp tác xã, nhưng không được quá số tiền lương trung bình.

17. Tất cả các xã viên cam kết phục tùng các quy tắc trong những bản điều lệ, phục tùng các nghị quyết của Đại hội và Ban Giám đốc, tôn trọng các quy chế về phân công nội bộ và hoàn thành kỹ lưỡng công việc do Ban Giám đốc giao cho cũng như những nghĩa vụ xã hội.

Hợp tác xã coi sự xao nhãng và sử dụng vô trách nhiệm nông cụ và gia súc như là sự phản bội sự nghiệp tập thể hóa và là thực tế nối giáo cho kẻ địch, bọn cu-lắc.

Sự thiếu trách nhiệm như thế và sự xao nhãng như thế trong cách sử dụng tài sản xã hội hóa ; sự vắng mặt trong công tác mà không có lý do đầy đủ và những hành vi phạm kỷ luật khác sẽ bị Ban Giám đốc trừng trị bằng cách thi hành những hình phạt chiếu theo các quy chế phân công nội bộ. (Ví dụ : khiển trách, cảnh cáo, tạm thời đình chỉ công tác, phạt tiền, v.v...). Trong trường hợp không chịu sửa chữa, Ban Giám đốc sẽ đặt vấn đề trước đại hội đồng để khai trừ ra khỏi hợp tác xã.

IX. VIỆC QUẢN TRỊ HỢP TÁC XÃ

18. Đại hội các xã viên và Ban Giám đốc sẽ quản trị công việc trong hợp tác xã. Nếu việc triệu tập đại hội gặp khó khăn do số xã viên quá đông hoặc vì các khu vực thuộc hợp tác xã quá phân tán, thì sẽ thay thế đại hội bằng một đại hội đại biểu. Đại biểu đi dự hội nghị sẽ do các xã viên tại từng khu vực trong hợp tác xã bầu lên.

19. Đại hội (hoặc đại hội đại biểu) là cơ quan tối cao để quản trị hợp tác xã. Nó quyết định các vấn đề

quan trọng nhất trong hoạt động của hợp tác xã, bầu Ban Giám đốc và Ban kiểm tra, và thông qua các chỉ thị về công tác.

Nghị quyết của đại hội (hoặc đại hội đại biểu) chỉ có giá trị khi có mặt ít nhất là một nửa tổng số xã viên. Đại hội (hoặc đại hội đại biểu) quyết nghị bằng cách bỏ thăm công khai theo đa số tương đối.

20. Ban Giám đốc hợp tác xã được bầu trong thời hạn một năm, nó là cơ quan lãnh đạo của hợp tác xã và điều khiển mọi công việc trong hợp tác xã. Khi phân công quản trị doanh nghiệp và sản xuất trong hợp tác xã cho các ủy viên, Ban Giám đốc phải để cho cán bộ lãnh đạo được hoàn toàn phụ trách về công tác mà họ đảm nhiệm, và phải bảo đảm cho họ những quyền hành cần thiết để làm công tác ấy.

Ban Giám đốc có nhiệm vụ làm kế toán đúng theo quy thức do nông trang tập thể ấn định.

21. Ban kiểm tra sẽ kiểm tra hoạt động của Ban Giám đốc, trước hết là kiểm tra sự tôn trọng điều lệ, sự thực hiện kế hoạch sản xuất, các hợp đồng và các nhiệm vụ đối với Nhà nước, thẩm tra ngân quỹ, các tài liệu và việc quản lý về kinh tế, và sẽ báo cáo trước đại hội (hoặc đại hội đại biểu).

X. QUAN HỆ VỚI BAN KINH TẾ TẬP THỂ TRUNG ƯƠNG

22. Hợp tác xã là hội viên của Liên hiệp kinh tế tập thể tại... và hoạt động dưới sự lãnh đạo trực tiếp của nó.

Trên cơ sở kế hoạch sản xuất của mình, hợp tác xã sẽ ký kết với Liên hiệp kinh tế tập thể ở... một bản

hợp đồng bán sản phẩm quy định nhiệm vụ của hợp tác xã trong việc tổ chức sản xuất nông nghiệp và trong việc bán một cách hợp lý toàn bộ sản phẩm hàng hóa cho Nhà nước và cho các hợp tác xã, cũng như những nhiệm vụ của Liên hiệp kinh tế tập thể và các tổ chức Nhà nước và các tổ chức hợp tác xã đối với việc cung cấp cho hợp tác xã các tư liệu sản xuất và vật phẩm tiêu dùng, cũng như đối với việc tổ chức tín dụng và giúp đỡ về kỹ thuật canh tác cho hợp tác xã.

Sta-lin : *Công cuộc tập thể hóa nông thôn*,
Pháp văn, Nhà xuất bản Bureau d'Editions,
Pa-ri, 1930, tr. 125-134.

MỤC LỤC

VẤN ĐỀ NÔNG DÂN VÀ VẤN ĐỀ TẬP
THỂ HÓA NÔNG NGHIỆP Ở LIÊN-XÔ
IN 5.000 c. TẠI NHÀ MÁY IN TIẾN BỘ
175, NGUYỄN THÁI HỌC — HÀ-NỘI
KHỔ 13×19 — XONG NGÀY 23-10-1958
SỐ XUẤT BẢN: 660 — SỐ IN: 1378
GỬI LƯU CHIỂU THÁNG 10 NĂM 1958